NĂM THỨ TÁM • #92 • DECEMBER 1996

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

NGHĨ VỀ ĐẢNG
HOÀI NAM

SONG SINH
MIÊNG

CON GHẺ
ĐỖ QUYÊN

ĐẠI TỪ ĐIỂN TỰ ANH ⇄ VIỆT

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

Hoàn Mỹ EV-96

Anh-Việt, Việt-Anh

vượt xa các máy hiện nay

gồm **Từ điển thông dụng**

+ Từ điển kỹ thuật tổng hợp

với từ chuyên môn của tất cả các ngành khoa học kỹ thuật:

TOÁN, VẬT LÝ, HÓA HỌC, SINH HỌC, ĐỊA LÝ, ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN, LUYỆN KIM, ĐIỆN, VÔ TUYẾN ĐIỆN, ĐIỆN TỬ, TIN HỌC, KIẾN TRÚC, XÂY DỰNG, GIAO THÔNG, NÔNG NGHIỆP, CƠ KHÍ.....

Gộp chung trong bộ từ điển Anh-Việt để tiện việc tra cứu.
Do Whizmate, phân bộ của Golden Mate thực hiện.

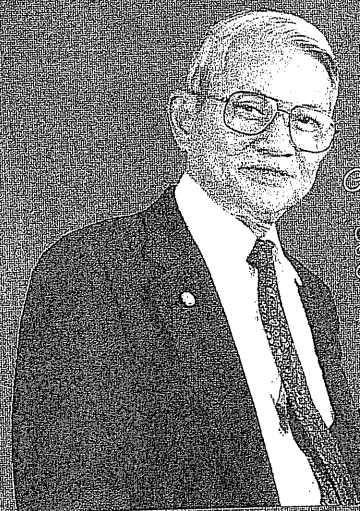

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO
BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN
KỸ THUẬT BERKELEY-USA
ĐÀI LOAN SẢN XUẤT

Giá $259.- Tax

(Cho những người đặt mua trước
cuối tuần trong thời gian khai trương)
Giá chính thức $289+Tax

- Tăng cường trên 4.000 câu đàm thoại
- Tra cứu đối chiếu trực tiếp nhanh chóng và không hạn chế
- Màn ảnh thông minh, hiện lên đủ các chữ kế cận khi bấm vào từng ký tự
- Máy gọn nhẹ, trình bày mỹ thuật
- Phát âm hoàn toàn giọng Mỹ của Đại Học Berkeley

GS. LÊ CHÍNH LONG: Tôi giới thiệu cùng bạn bộ TỪ ĐIỂN này

HỆ THỐNG BẢO HÀNH TỐT NHẤT, UY TÍN NHẤT BẢO VỆ NGƯỜI DÙNG MÁY TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Tel: (818) 279-9898 ● Fax: (818) 279-9899

NÓI TIẾNG VIỆT:
1-800-248-3948
1-818-279-9911

Đã có bán khắp Hoa Kỳ và Canada.
Xin liên lạc đại lý bán máy gần nhất hoặc trực tiếp với các nơi dưới đây:

LITTLE SAIGON
9200 Bolsa Ave., #226
Tel: (714) 897-9808

SOUND CITY
1012 Webster St., Oakland, CA 94607
Tel: (510) 444-7800
(504) 444-0464(F)

PACIFIC GIFTS & SHOES
2557 Senter Rd. Ste. #M, San Jose, CA 95111
Tel: (408) 226-2383

PHƯƠNG MY SOUTHWEST
8282 Bellaire Blvd., #153, Houston, TX 77036
Tel: (713) 772-5088
Fax: (713) 776-3112

PHONG LÊ CO.
105 Westbank Expwy, Gretna, LA 70053
Tel: (504) 366-5758
(504) 366-5176(F)

VIỆT NAM BOOK STORES (CANADA)
415 Spadina Ave, Toronto, ONT M5T 2G6
Tel: (416) 595-5199 Fax: (416) 595-1121

Sau những thành công vang dội của tuyệt phẩm Paris by Night 29 (Las Vegas I),
Thúy Nga hân hạnh được Caesar's Palace Casino
mời tái ngộ cùng quý khán giả bốn phương trong một show ca vũ nhạc tuyệt vời

PARIS BY NIGHT 37 LAS VEGAS II

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Bởi số ghế của Caesar's Palace có giới hạn nên trong 10 khán giả
muốn mua vé tham dự, chỉ có một người mua được chỗ.
Để tạ lỗi và cảm ơn sự ủng hộ nồng nhiệt của quý khách,
Thúy Nga cố gắng mang lại cho quý vị thưởng thức tại gia
VIDEO CA VŨ NHẠC THẬT ĐỘC ĐÁO VÀ XUẤT SẮC
với sự góp mặt của các nghệ sĩ:

- Khánh Hà - Ái Vân - Họa Mi - Hương Lan - Thanh Lan
- Thanh Hà - Bảo Hân - Mỹ Huyền - Hoàng Lan - Châu Ngọc
- Lynda Trang Đài - Don Hồ - Long Hồ - Thái Châu - Thế Sơn
- Nguyễn Hưng - Philip Huy - Tommy Ngô - Joseph Hiếu
- Phương Loan - Chí Tài - Chí Tài Brothers Band

Mới Phát Hành: Băng đọc truyện dài thật hấp dẫn của Nhà Văn **NGUYỄN NGỌC NGẠN**
"Đếm Những Mảnh Tình" **(Audio Book số 31)**

GIÁ $28 1/BỘ

Xin liên lạc: **THÚY NGA**
MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 • Westminster, CA 92683 - USA • Tel.: (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave D'Ivry - 75013 • Paris, France • Tel.: 45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd. • Bankstown - N.S.W. 2200 • Australia - Tel.: (02) 796-722

VAALA
(714) 537-8352

Nghe chương trình phát thanh
VNCR trên lưới:
http://kicon.com/VNCR

THƯ MỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN THẾ KỶ

Số	Tên sách	Tác giả	Giá
9402.	Thơ Bùi Giáng	*(thơ, Bùi Giáng)*	$8.00
9403.	Hà Nội Trong Mắt Tôi	*(ký, Phạm Xuân Đài)*	$10.00
9503.	Câu Chuyện Của Lá Phong	*(truyện, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9504.	Để Em Làm Gió	*(thơ, Trần Mộng Tú)*	$10.00
9506.	Vùng Đá Ngầm	*(truyện, Hà Kỳ Lam)*	$10.00
9507.	Hoa Vàng Cũ	*(kịch thơ Phạm Xuân Tích)*	$10.00
9508.	Những Ngày Xa Xưa Ấy	*(ký, Thu Tâm)*	$10.00
9509.	Đàn Bà	*(truyện, Phạm Văn Hải)*	$10.00
9510.	Thơ Tình	*(thơ, PVHải vàDĐHưng)*	$10.00

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....
Địa chỉ / *Address:*.....
Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*
□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail)	CANADA	□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / *1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
	Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / *1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*
(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*
(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*
(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*
(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL: (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

L. ANDRÉ LÂM

Liên lạc:

DIAMOND BÍCH NGỌC

10221 Slater Avenue, Suite #211
Fountain Valley, CA 92708

(714) 965-9715 (trong giờ làm việc)
1-(800) 695-7144 (ngoài giờ làm việc)
(714) 663-4314 (Beeper)

Chuyên lo bồi thường tai nạn xe cộ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI:

14.99%

THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%

Ngoài ra Văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ:

- **Di Trú (Immigration)**
- **Khánh Tận Tài Sản (Bankruptcy)**
- **Ly Dị Cấp Dưỡng (Family Law)**
- **Luật Thương Mại (Business Litigation)**
- **Hình Luật: Trộm Cắp và Tội Đại Hình**
- **Tai Nạn Nghề Nghiệp (Workers' Comp.)**

ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE! ĐÓN NGHE!

GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP PHỔ THÔNG DO **VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ANDRÉ LÂM** PHỤ TRÁCH VÀ **DIAMOND BÍCH NGỌC** THỰC HIỆN HÀNG TUẦN MỖI CHIỀU THỨ BA TRÊN ĐÀI VNCR — LÀN SÓNG **106.3 FM** — TỪ 2:15 PM ĐẾN 3:15 PM

VÀ

GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP HAI TUẦN MỘT LẦN CHIỀU THỨ BẢY TRÊN ĐÀI **VĂN NGHỆ TRUYỀN THANH** — LÀN SÓNG **96.7 FM** — TỪ 2:00 PM ĐẾN 3:00 PM

TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

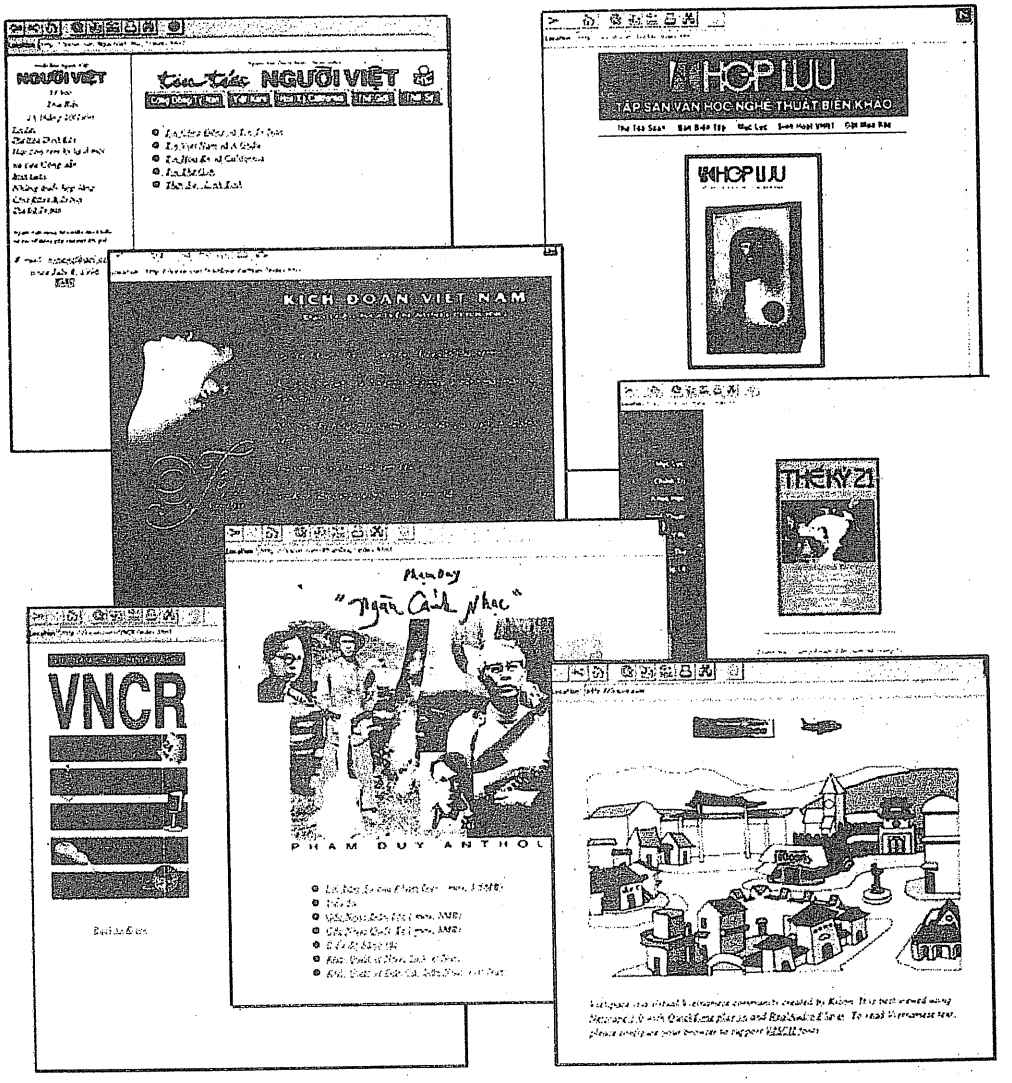

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

◻ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

◻ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

◻ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

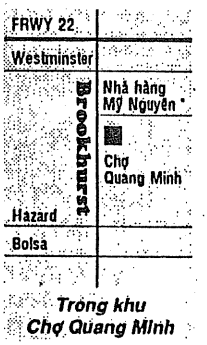

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA,USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991+1992+1993 +1994+1995, CA, USA..
* Aesthetics Congress 1991+1992+1993 +1994+1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beaty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.

Bp: (714) 218-6262

THUH ★ BEAUTY
Orange County, California, USA

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.
Giải phẫu:
Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax
(714) 8-949-949

CHUYÊN MÔN:

* *Facial*
* *Lột da mặt*
* *Dầu thơm Pháp*
* *Dưỡng Da*
* *Xâm Thẩm Mỹ*
* *Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)*
* *Trang điểm cô dâu, dạ hội*
* *Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.*
* *Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ*
* *Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.*

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

Tranh bìa: **Hồ Thành Đức**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Nguyễn Trọng Khôi, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Babui Mamburao**
Ảnh: **Lê Tam Ca, St Tuấn, Lý Kiến Trúc, Trần Đại Lộc**

MỤC LỤC

Số 92 . Tháng Mười Hai 1996

CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ - NHÂN VẬT

13. Nghĩ về Đảng - **Hoài Nam**
19. Phỏng vấn tướng Alexander Lebed - **Nguyễn Hữu Nguyên** dịch
25. Như Phong Lê Văn Tiến - **Ngô Nhân Dụng**
37. Đoạn đường chót đi tới tái thống nhất Văn Bút VNHN - **Trần Thanh Hiệp**
40. Nhân cuộc phỏng vấn Trần Ngọc Tuấn... - **Đỗ Thì Kênh G**
102. The Long Saga of the Hoang Sa - Truong Sa Territorial Disputes among Vietnam, China and Other ASEAN Nations - **Uyen Nicole**

LỊCH SỬ - KHOA HỌC

22. Chiếu hay Dụ Cần Vương - **Trần Viết Ngạc**
74. Tâm não và tâm - **Nguyễn Kết**
77. Địa vị người đàn bà trong kinh Phật - **Nguyễn Phúc Bửu Tập**

VĂN HỌC - ÂM NHẠC

41. Thơ chữ Hán trong tù của Tuệ Sĩ - **Nhất Uyên**
43. Nói về Szymborska - **Czeslaw Milosz, Đặng Hoàng** dịch
45. Một số vấn đề trong tiểu thuyết hiện đại - **Thụy Khuê**
48. Đối thoại hay xuyên tạc, khích động - **Chiêu Thương**
53. Chuyện trò với Nguyễn Thành Vân - **Philip Blackburn**

VĂN

33. Đêm Hà Nội nổ súng - **Vũ Thụy Hoàng**
56. Mưa Sài Gòn - **Trần Công Sung**
57. Con ghẻ - **Đỗ Quyên**
62. Song sinh - **Miêng**
64. Một truyện lẩn thẩn - **Hà Kỳ Lam**
69. Bóng tối lúc hoàng hôn - **Nguyễn Trung Dũng**
98. Fireflies - **Dinh T.D.**

THƠ

59. Tháng Chạp - **Mường Mán. 66.** Chiều qua sông Hồng - **Nguyễn Tường Giang. 68.** Cá vàng - **Nguyễn Thị Hoàng Bắc. 71.** Văn Khoa Đại học đường cảm khái. Phỏng hữu bất ngộ - **Trần Hồng Châu. 72.** Ngày tháng khó quên - **Hà Thượng Nhân. 100.** To friends on their retirement; Nostalgia: Dalat - **Doan Thanh Liem.**

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư trong tháng - **Vương Hữu Bột**
9. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và Bạn đọc
12. Hộp thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
28. Sổ tay
85. Khách đến Thế Kỷ 21 trong tháng - **Lê Đình Điểu**
89. Vòng chân trời VHNT - **Lê Tam Ca**
95. Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài•**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com

WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Nhóm chủ trương:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô
Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Tổng Thư Ký Tòa Soạn:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

Ý THỨC TRÁCH NHIỆM

VƯƠNG HỮU BỘT

Làm báo là nhận một sự ủy nhiệm của độc giả, vì lòng tin mà độc giả có thể đặt nơi người làm báo. Nói đúng hơn, người làm công tác truyền thông nhận được sự ủy nhiệm của cả xã hội trao cho một định chế. Định chế đó là nền báo chí tự do. Quyền tự do nào cũng đòi hỏi trách nhiệm. Trong diễn văn chào mừng quan khách nhân ngày ghi dấu báo *Người Việt* số 4000, ông Hoàng Ngọc Tuệ, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị công ty Người Việt đã nhắc nhở rằng một yếu tố quan trọng giúp cho tờ báo này phát triển trong 18 năm qua là người làm báo và người đọc đã được sống trong một xứ sở với nền báo chí tự do.

Chúng ta biết ơn các tiền nhân đã xây dựng một xã hội loài người có tự do báo chí. Niềm biết ơn đó không phải chỉ gửi đến những người đã tạo dựng nên quốc gia trẻ trung mà người làm báo đang cư ngụ, mà còn hướng về tất cả những bậc minh triết, những chiến sĩ trên thế giới, qua nhiều thế kỷ. Họ đã đề xướng và tranh đấu cho lý tưởng một xã hội dân chủ với nền báo chí tự do.

Loài người đã nhận ra chỉ khi nào có tự do họ mới có khả năng tạo dựng một xã hội dân chủ, công bằng, và sống xứng đáng làm người. Báo chí tự do là một định chế của nhân loại, một định chế trẻ, mới xuất hiện trong lịch sử loài người trong vòng hơn một thế kỷ nay. Cũng giống các định chế trẻ trung khác, như các nghị viện, các hội nghiên cứu khoa học, các hội Hồng Thập Tự, các thể thức bầu cử mà chúng ta đang dùng, tất cả là do công đóng góp chung của nhân loại. Nhờ các định chế đó, loài người sống với nhau một cách văn minh hơn.

Chúng ta thừa hưởng các định chế văn minh này, được sống trong một xã hội có những định chế văn minh, chúng ta biết ơn sâu xa các bậc tiền nhân. Chính vì vậy mà chúng ta có bổn phận giúp củng cố cho các định chế quí báu đó. Khi một tờ báo làm đúng bổn phận, thì cả định chế báo chí tự do được củng cố. Ngược lại, báo chí vô trách nhiệm làm hại xã hội, trong đó có việc hủy hoại ngay cả định chế tự do, vì làm mất niềm tin của mọi người vào định chế đó. Cũng giống như các chế độ dân chủ giả hiệu, hay chế độ xã hội giả hiệu làm mất niềm tin vào các lý tưởng đó.

Như nhà văn Thụy Khuê ghi lại trong báo *Người Việt* số 4000, nhận xét của Vương Trí Nhàn, rằng ở Việt Nam bây giờ chưa có nghề làm báo thật. Các đồng nghiệp của chúng ta ở trong nước hiện vẫn phải đóng vai các cán bộ thông tin, nhận chỉ thị từ trên. Họ chưa có dịp làm báo thật vì họ chưa có tự do. Chúng ta thông cảm với những hạn chế mà các đồng nghiệp đó đang phải chịu. Trong lá thư của Hoàng Minh Chính ngày 19 tháng 8 năm 1996, ông cho chúng ta thấy niềm hy vọng, khi viết rằng "...nhân dân Việt Nam nói chung và nhất là giới trí thức Việt Nam nói riêng ... ý thức được vị thế công dân và quyền con người của mình."

Khi một tờ báo nhận được sự ủy nhiệm của xã hội, thì điều mà xã hội trông đợi là tờ báo thông tin trung thực, phân tích và bình luận khách quan, tôn trọng các giá trị văn hóa, xã hội, đạo lý chung. Người làm báo có thể phạm những sai lầm vì trình độ nghiệp vụ còn thấp hay kỹ thuật yếu kém. Nhưng độc giả và xã hội sẽ không tha thứ nếu tờ báo vi phạm lòng tin và sự ủy nhiệm mà xã hội chung quanh trao cho họ, qua định chế báo chí tự do. Đó là trách nhiệm của chúng ta đối với đời trước và đời sau nữa.•

Kiều, và những bài tiếng Anh

Trong TK 21 số tháng Mười Một vừa qua, tôi đọc được một bài ngắn của giáo sư Nguyễn Quỳnh viết về thi pháp của văn hào Nguyễn Du. Nhờ cách phân giải rành mạch và tường tận của giáo sư Quỳnh về hai câu thơ trích dẫn, tôi mới vỡ lẽ và hiểu đúng được nghĩa của nó. Tuy vậy, tôi cũng còn bán tín bán nghi, và tôi có điện thoại hỏi bà bác tôi, một tay mê Kiều và thuộc lòng cả cuốn Kiều từ hồi 15 tuổi, bác tôi cũng đồng ý, cho sự diễn giải của giáo sư Quỳnh là đúng. Hai câu này cũng đã làm say mê bà bác tôi từ lúc bà còn trẻ.

Tôi thấy giáo sư Quỳnh là một người học rộng, kiến thức uyên bác. Tôi quý hơn nữa vì ông đã chọn phương diện có giá trị nhất của truyện Kiều để mà viết, đó là cái tài tình của văn chương. Nhờ sự phân tích tỉ mỉ của giáo sư Quỳnh mà thi tài của Nguyễn Du được hiểu rõ hơn. Tôi thành thực cám ơn giáo sư Quỳnh và báo Thế Kỷ 21 đã chọn những bài có giá trị như vậy để đưa lên mặt báo.

Đọc kỹ Thế Kỷ 21, đặc biệt các bài tiếng Anh, đôi khi tôi thấy có nhiều lỗi chính tả, những chỗ chấm phẩy sai vị trí làm cho câu văn trở nên vô nghĩa. Đã muốn trách, nhưng nghĩ lại "không nỡ," vì biết rằng muốn có tờ báo hoàn toàn rất là khó, ban biên tập phải hùng hậu, đồng thời phải am tường nhiều lãnh vực. Tôi mong rằng chúng ta hãy lấy tờ TIME của Mỹ làm chuẩn mực để đưa TK 21 đến chỗ hoàn thiện.

Đối với tôi, TK 21 có giá trị về nhiều mặt, và nếu tôi, trong vị trí người đọc, cứ ngồi viết thư chỉ trích suông những khuyết điểm thì có thể làm quý vị xuống tinh thần và bực mình nữa, vì thế nên tôi xin có một ý kiến dựa trên tinh thần xây dựng và lợi ích chung, đó là: Cá nhân tôi có thể tình nguyện đóng góp chút ít thì giờ của mình để đánh máy và nếu cần thì "làm thầy cò" sửa chữa giúp Tòa soạn những bài viết bằng Anh ngữ. Tôi nghĩ số con em Việt Nam đọc tiếng Anh khá nhiều, và biết đâu, những bài viết bằng tiếng Anh lại chẳng là những đề tài học hỏi cho nhiều người ở nơi khác, như Việt Nam chẳng hạn. Cho nên, không thể nào chấp nhận được lỗi Anh văn, dầu chỉ một chấm, phẩy (và dĩ nhiên những bài Việt ngữ cũng cần như thế!)

Nguyễn Hùng Vũ *(Chino Hills, CA)*

Tòa soạn xin đa tạ sự rộng lượng và hoan nghênh tinh thần giúp đỡ của ông. Chúng tôi sẽ xin liên lạc để biến lòng tốt của ông thành những việc cụ thể.

Trần Quý Cáp đã đỗ tú tài ba lần

Trong TK 21 số 91 có đăng bài *Trần Quý Cáp và bản án Mạc Tu Hữu* của ông Trần Gia Phụng với nhiều sử liệu quý giá và luận giải vững chắc. Tuy nhiên trong bài có một chỗ tôi muốn nêu lên để bàn thêm. Đó là đoạn đầu của bài: *"Trần Quý Cáp học giỏi nổi tiếng nhưng thi hỏng kỳ thi hương năm 1903. Ông về Quảng Nam thi trúng thượng hạng kỳ khảo hạch học sinh trong tỉnh nên được giới thiệu đi thi hội năm 1904, đỗ thứ nhì sau cụ Huỳnh Thúc Kháng, vào thi đình cũng đỗ thứ nhì nhưng trước Huỳnh Thúc Kháng."*

Tôi cũng đã đọc cuốn Giai Thoại Làng Nho của Lãng Nhân, và thấy rằng tất cả các dữ kiện ông Phụng đã viết trong đoạn trên rất trùng hợp. Ngoại trừ một điều: Trong cuốn GTLN của Lãng Nhân thì viết là Trần Quý Cáp trước đó đã đi thi hương và đỗ ba lần tú tài (tú mền) nên được xếp vào hàng cử nhân và hợp lệ đi thi hội, chứ không nêu dữ kiện vì thi trúng thượng hạng kỳ khảo hạch trong tỉnh nên được giới thiệu cho đi thi hội. Cuốn GTLN cũng viết rõ thêm là trong kỳ thi hội đó (1904), Huỳnh Thúc Kháng đỗ đầu (hội nguyên), vào thi đình Đặng Văn Thụy đỗ đầu (đình nguyên). Còn Trần Quý Cáp thì thi hội, đè được Đặng Văn Thụy về văn sách, thi đình lại đè được Huỳnh Thúc Kháng cũng về văn sách. Như thế, tuy Trần Quý Cáp không phải là hội nguyên và đình nguyên nhưng đã có chỗ trội hơn cả hội nguyên lẫn đình nguyên. Do đó, đình nguyên Hoàng Giáp Đào Nguyên Phổ đã tặng Trần đôi câu đối:

Tố tiến sĩ khước dị, tố cử nhân khước nan,
ức ức dương dương, vô phi tạo vật
Áp Hoàng Thúc ư đình, áp Đặng Văn ư hội,
vinh vinh quí quí, hà tất khôi nguyên
Tạm dịch:
Đỗ tiến sĩ thì dễ, đỗ cử nhân lại khó,
chìm bổng ở tay tạo vật
Đè Huỳnh Thúc ở đình, đè Đặng Văn ở hội,
hiển vinh lọ phải khôi nguyên

Căn cứ vào vế đối trên, chúng ta có thể suy đoán là Trần Quý Cáp đã đi thi hương nhiều lần đều không đậu được cử nhân, mà chỉ đậu tú tài. Hơn nữa, Trần Quý Cáp sinh năm 1870, nổi tiếng thông minh từ nhỏ, đến năm 1903 đi thi hương trượt, thì ông đã 33 tuổi, thì kỳ thi hương đó chắc chắn không phải kỳ đầu ông dự thí, và nếu tất cả các kỳ thi hương trước ông dự thí mà đều hỏng tuột thì không dễ gì triều đình đặc cách cho thi hội. Dù đây chỉ là một sự khác biệt nhỏ giữa hai tài liệu văn học sử, tôi cũng xin nêu lên để mong tác giả Trần Gia Phụng cho biết tôn ý về vấn đề này.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Tâm sự về cái Đẹp

Bài viết đã khơi lại những ngày tháng cũ ở một nơi xa xôi. Song lời tâm sự về cái Đẹp thực đã nằm ngoài không gian, thời gian, và cả những hệ lụy từ cuộc sống; cái cuộc sống vốn là như vậy.

Cám ơn Phan Thị Đỗ Quyên (TK 21 tháng Mười Một 1996), với một phong thái trong sáng đã đem lại cho những bức tranh sự sống.

Thái Tuấn

Một độc giả, Orléans, Pháp

Ai dám bảo là khô khan

Báo số 90, tất cả truyện ngắn đều hay. Ai dám bảo Thế Kỷ 21 khô khan! Chúc các anh chị làm báo ngày một hay, và "Hộp thư trị sự" ngày một dài.

Nguyễn Viết Ninh *(Montreal, Canada)*

Trả lời của báo Việt Luận

Chúng tôi có đọc được phần trả lời trên trang Bạn Đọc Viết số tháng 10/96 cho thắc mắc của một độc giả Thế Kỷ 21 hiện ngụ tại Girrawheen, Úc. Chúng tôi xin được phép trình bày hai điểm như sau.

Thứ nhất, những bài viết mà Việt Luận đã đăng *"một hay hai tuần trước"* (nguyên văn anh Trần Kim Thập) khi tạp chí Thế Kỷ 21 đến Úc thì không thể là bài viết độc quyền của Thế Kỷ 21 được. Chỉ cần một chút suy luận, người đọc có thể nhận ra ngay điều mâu thuẫn mà độc giả TKT và TK 21 đã không nhận ra.

Việt Luận nhận tạp chí Thế Kỷ 21 cùng một lúc với mọi độc giả của quý tạp chí tại Úc. Do đó Việt Luận chỉ có thể trích đăng bài sau khi đã nhận được tạp chí TK 21 mà thôi.

Việt Luận cũng được sự nâng đỡ, cộng tác và tin cậy của nhiều tác giả uy tín hiện nay trong và ngoài nước như TK 21. Bài xuất hiện trên VL trùng với TK 21 và đến tay độc giả VL tại Úc trước TK 21 vì Việt Luận là báo địa phương, và là bán tuần báo.

Thứ hai, tất cả các số báo VL phát hành đều có gửi đến TK 21 như một hình thức thông tin giữa đồng nghiệp. Mọi bài báo trích của TK 21 đều có hàng chữ nghiêng *(TK 21)* dưới tên tác giả. Chúng tôi nghĩ hình thức trình bày cho độc giả Việt Luận thấy đây là bài trích từ TK 21 như thế không đi ngược lại những yêu cầu chính đáng của TK 21. Bằng ngược lại, chắc chắn chúng tôi đã nhận được sự hướng dẫn của quý báo từ năm năm qua.

Chúng tôi nhận thấy, quả thật, TK 21 chưa hề trích đăng một bài nào của Việt Luận. Nhưng điều này không có nghĩa là các nhật báo và bán nguyệt san khác ở Mỹ đã không có trích đăng bài của Việt Luận. Giữa VL và nhật báo Người Việt và bán nguyệt san Ngày Nay ở Mỹ vẫn thường xuyên trao đổi bài vở với nhau.

Bài đặc sắc của TK 21 mà VL có trích đăng là các bài viết của tác giả Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh thì Việt Luận luôn có chua TK 21 dưới tên tác giả này. Những bài đặc sắc khác của TK 21, VL đều có nhận được hoặc từ chính tác giả (như Anh Nguyễn Hữu Chung, Bùi Tín, Võ Nhân Trí) hoặc từ các nguồn báo chí vẫn trao đổi bài vở với VL. Vì VL là bán tuần báo nên đăng trước TK 21 mà thôi.

Riêng những bài độc quyền của TK 21 thì VL không dám trích đăng bao giờ.

Những lời trần tình trên đây chỉ có mục đích giải thích lại một số hiểu lầm có thể đã xảy ra. Việt Luận không phải tờ báo *"khác thường"* hay *"quên"* không in dòng chữ *"trích từ TK 21"* như quý báo đã trả lời trên trang Bạn Đọc Viết. Do đó chúng tôi xứng đáng được một vài dòng đính chính của TK 21 trên số báo tới.

Sơn Dương *Chủ Bút Việt Luận*

(Bankstown, Australia)

Chúng tôi xin cám ơn bức thư của ông Sơn Dương, Chủ Bút báo Việt Luận, đã giải đáp được những thắc mắc của một độc giả của chúng tôi, và việc làm đúng đắn của báo Việt Luận ghi chú xuất xứ một số *bài trích ra từ Thế Kỷ 21 từ nhiều năm qua.*

Dù báo Thế Kỷ 21 đã nhiều lần lên tiếng xin quý vị tác giả có bài viết nếu "đã gửi bài cho Thế Kỷ 21 thì xin đừng gửi cho báo khác, và ngược lại" nhưng thỉnh thoảng vẫn có sự trùng lặp do tác giả, và trong trường hợp này Thế Kỷ 21 không có gì để than phiền báo bạn. Nhưng dù sao, vì chủ trương của TK đã là như thế, số bài trùng lặp ngày càng ít, nếu có phần nhiều là do các đồng nghiệp lấy đăng lại. Chúng tôi không quan niệm độc quyền về bài vở của TK 21, nhưng khi nhận bài của một tác giả và quyết định đăng, vì đã có lời yêu cầu trước như trên, chúng tôi coi như bài đó dành riêng cho TK 21. Nếu biết một tác giả cùng lúc gửi bài cho chúng tôi mà cũng gửi cho một đồng nghiệp khác thì chúng tôi nhường cho đồng nghiệp ấy đăng. Theo chỗ chúng tôi nghĩ, một tác giả có thể cộng tác với nhiều tờ báo, nhưng hoàn toàn không thể vì thế mà coi tác giả ấy là "của chung," hễ thấy bài của ông ta hay bà ta ở bất cứ đâu là cũng có thể lấy đăng lại mà không cần ghi xuất xứ, vì tác giả ấy có thể viết bài này cho tờ báo A, nhưng viết bài khác cho tờ báo B, chứ tác phẩm của ông ta hay bà ta không đương nhiên gửi một lúc cho tất cả các báo.

Dù một số đồng nghiệp không theo đúng câu "Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn," như đã ghi trên mỗi số báo TK 21, chúng tôi cũng yêu cầu quý vị khi trích đăng xin ghi chú một cách rõ ràng hơn, thay vì quá vắn tắt: (TK 21), (NV)... Độc giả báo quý vị có thể không hiểu đó là ký hiệu gì. Chúng tôi nghĩ ta có thể làm một cách đàng hoàng và lịch sự hơn, chẳng hạn: "Trích từ báo Người Việt (Mỹ), số... ngày..." Chủ nhân những sản phẩm tim óc chắc không mong gì hơn được đối xử với một tấm lòng và sự hiểu biết, hơn là làm một cách qua quít, ghi xuất xứ mà cũng như không ghi gì cả. Cũng nên thêm là hý họa, minh họa của một tờ báo cũng không phải là cái gì "chùa" muốn đem xài bao

nhiêu cũng được mà không cần ghi xuất xứ, vì đó cũng là sản phẩm thuộc tờ báo ấy.

Đã lâu mới có dịp "tâm sự" chút ít cùng nhau, mong quý đồng nghiệp hiểu và thông cảm cho.

Gót lãng du không bao giờ ngừng

Rất tiếc không đến dự buổi ra mắt sách Thái Tuấn ở Paris 16ème ngày 16 tháng Mười Hai được, vì tôi và Bạch Yến đi dự hội nghị cùng trình diễn trước gia đình hoàng tộc Thái Lan, từ 10 tới 19 tháng Mười Hai. Tuy nhiên, tôi và Bạch Yến cũng đã mua một cuốn "Album Thái Tuấn" bày bán ở nhà sách Nam Á, quận 13. Sách rất đẹp và giá trị.

Tôi được chọn đại diện các nhạc sĩ Á châu trong buổi lễ kỷ niệm 80 tuổi của nhạc sĩ vĩ cầm lừng danh Yehudi Menuhin, tổ chức vào ngày thứ Tư mùng 4 tháng Mười Hai 1996.

Sau đó, tôi sẽ đi Roma vài ngày để dạy một lớp về giọng, chuẩn bị cho một nhạc phẩm cận đại do một soạn nhạc gia người Ý viết.

Trần Quang Hải

Département d'ethnomusicologie, Musée de l'Homme, Paris

Bìa báo đẹp

Bìa tờ Thế Kỷ 21 số 91 (November 1996) rất đẹp. Lối trình bày "phá cách" một vật thể không biết là cái gì, nhưng cầm tờ báo thấy một cảm giác sang trọng, và lạ. Vật thể không biết là cái gì ấy ửng hồng trên một cái nền đen nhạt, và đổ bóng một cách quý phái sang bên cạnh. Rất hay, rất thích, nhưng tôi không kềm được thắc mắc: bức tranh đó là cái gì vậy, nó nói lên cái gì vậy?

Huỳnh Lam *(Austin, TX)*

Thấy nó đẹp, thế chưa đủ sao, bạn còn muốn biết nó là cái gì nữa! Nó là một hình thể mang lại cảm giác đẹp. Nó nói lên cái đẹp.

Thiên hữu, thiên hựu

Về vấn đề trường Providence ở Huế được gọi là Thiên Hữu chứ không phải Thiên Hựu (Mục Bạn Đọc Viết, TK 21 số 91) tôi cũng lấy làm nhạc nhiên. Chữ Providence có nghĩa là Thượng Đế, ý trời, sự phù hộ của trời (上帝, 天意, 天助). Còn Thiên Hựu là chữ trong Kinh Dịch, Hào Thượng Cửu quẻ Đại Hữu: Tự thiên hựu chi, cát, vô bất lợi (自天祐之 吉 无不利) có nghĩa là được ân huệ do trời ban, tốt, không có gì bất lợi. Nếu dùng chữ Thiên Hựu để hàm chứa ý nghĩa Providence, hoặc dùng chữ Providence để dịch chữ Thiên Hựu, đều là rất chính xác.

Còn Thiên Hữu, không hiểu là "trời có" 天有 hay là "bạn trời" 天友 ? Chữ hữu và chữ hựu đọc giọng Huế nghe giống nhau, nhưng ý nghĩa khác hẳn. Một bậc đại nho đặt tên trường, không dùng chữ Kinh Dịch mà lại dùng chữ vu vơ thì thật khó hiểu. Tôi có đọc qua Tứ Thư Ngũ Kinh, nhưng không thể nhớ được "Thiên Hữu" ám chỉ một cái gì đặc biệt. Nếu kiến thức của tôi thiếu sót, xin vị nào biết rõ hơn chỉ giáo. Còn bây giờ, theo thiển ý thì tên trường gọi "Thiên Hựu Học Đường" mới là tên hay và có ý nghĩa.

Còn về bài của ông Nguyễn Hùng Vũ phê bình quan điểm của tôi về Stephen Hawking, tôi rất thích thú và hân hạnh được trao đổi ý kiến với một chuyên gia vật lý uyên bác như ông Vũ. Tôi sẽ cố gắng viết thêm một bài để làm sáng tỏ một số vấn đề liên hệ. Tôi rất vui khi thấy Thế Kỷ 21 đã thu hút được sự quan tâm của trí thức Việt Nam hải ngoại trong nhiều lãnh vực khác nhau, đó là một điểm son mà không phải báo nào cũng có.

Phạm Ngọc Khôi *(Montreal, Canada)*

Đính chính

Trong bài *Cơn sốt nhân quyền trong một thế giới bá đạo* của Lâm Lễ Trinh đăng trong TK 21 số 91 có một số chỗ sai, xin quý độc giả vui lòng sửa lại:

- Trang 14, cột hai, dòng 10 từ dưới lên: *Karabakh* thay vì Karabokh; dòng 5 từ dưới lên: *Pays Basque* thay vì Pays Bosque.
- Trang 15, cột 1, dòng 26 từ trên xuống: "Giúp phương tiện để *phổ biến* tin tức" thay vì "để tổ chức tin tức."
- Trang 15, cột 2: xin bỏ trọn dòng 2.
- Trang 15, cột 2, dòng 9: Gs O. Paye, thay vì O. Pave.
- Trang 15, cột 2, dòng đầu đoạn 3: "nghiên cứu *để* giải tỏa" thay vì "nghiên cứu giải tỏa."

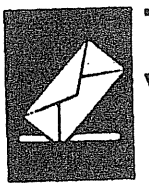

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau: Nhất Uyên, Võ Doãn Nhẫn, Hiếu Đệ, Duflot Thủy Tiên, Thụy Chi, Đặng Trần Huân, Cao Tiêu, Xuân Sương, Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Bá Phúc, Đặng Hiền, Thái Việt, Uyen Nicole, Hoài Văn Tử, Phạm Nguyễn Đoàn, Thái Thụy Vi, Hoài Nam, Bùi Diễm, Đặng Hoàng, Hoàng Liên, Nguyễn Kết, Nguyễn Hùng Vũ, Nguyễn Văn Cường, Trần Quang hải, Đỗ Thị Kênh G.

Trần Doãn Nho *(Worcester, MA)*: Tháng trước nhận được thư anh thì "sự đã rồi," nhưng mọi chuyện như thế hy vọng cũng không đến nỗi nào. Mong nhận tiếp nhiều sáng tác khác của anh. Hình như anh cũng viết bằng computer, vậy nếu gởi bài xin anh kèm theo cho cái đĩa là rất tiện. Chúc anh vui mạnh luôn.

Dr Hoàng *(Berlin, Germany)*: Thưa ông, trong thư ông bảo chúng tôi gửi báo cho ông nhưng ông quên gửi tiền mua báo. Vậy đây là giá tiền báo cho vùng Âu châu: US$76.00 một năm.

Mong sớm nhận được tin ông. Kính.

Nguyễn Kết *(Sabro, Denmark)*: Thật là một đoạn đường dài! Đã nhận được đoạn chót của anh kèm theo bảng đính chính những chỗ in sai. Chúng tôi chờ khi kết thúc loạt bài sẽ đăng phần đính chính luôn thể. Chắc anh thấy vất vả trong đoạn đường vừa qua, chúng tôi cũng thế, và chắc độc giả cũng không khác. Đi đường dài ai cũng mệt nhọc, nhất là đường khó khăn, nhưng đến đích thì lại thấy vui sướng thỏa mãn. Vấn đề là bao giờ thì anh lại khởi sự một hành trình mới?

Nguyễn Viết Ninh *(Montreal, Canada)*: Đã nhận được Thơ Đường, đang xem. Thật ra bài lần trước chúng tôi chỉ hoãn lại để chờ kiểm chứng một ít tài liệu chứ cũng chưa có quyết định hẳn, nhưng rồi thời gian qua, tài liệu chưa có, công việc mới lại tới tấp, thành ra chuyến hoãn lại có vẻ hơi... lâu dài. Đối với một người đang chờ đợi mà gặp sự trễ nãi như thế thì khó mà không bực mình. Chúng tôi xin nhận lỗi, và gắng từ nay sẽ có câu trả lời sớm và dứt khoát hơn. Xin anh thông cảm cho trường hợp hơi đặc biệt vừa qua.

Thụy Chi *(Fountain Valley, CA)*: Chúng tôi rất tôn trọng ý của tác giả về tác phẩm của mình, nên khi thấy cần cô cứ thay đổi, không ngại gì cả. Đó không phải là sự vụng về như cô nói, mà là sự chu đáo đối với những đứa con tinh thần của mình. Đất Nhật Bản biết đâu không đem lại cho cô nhiều cảm hứng để sáng tác dồi dào hơn nữa. Chúc cô may mắn.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Nguyễn Khuê (Tustin CA), Bích Đào (FRANCE), Trịnh Văn Toàn (Portland OR), Hạnh Đoàn (Charlotte NC), Dan Pharmacy (San Diego CA), Nguyễn Thanh Phan (San Diego CA), Trần Thành Phúc (Moorhead MN), Bùi Nhật Minh (Fremont CA), Trương Thanh (Elkgrove CA), Nguyễn Ý Đức (Baton Rouge LA), DWC Library (Epworth IA), Trương Ngọc Tích (Dallas TX), Từ Văn Đạt (New Hope MN), Lê Duy Thống (Pinole CA), Nguyễn Ái Vân (Cupertino CA), Bình Nguyễn Quang (Rosemead CA), Tuấn Huỳnh (Bakersfield CA), Triết Minh Ngô (Long Beach CA), Phan Văn Quang (Fairfax VA), Nguyễn Đức Tâm (Chicago IL), Vũ Thế Dũng (GERMANY), Ngô Việt Dũng (GERMANY), Trần Việt Chương (GERMANY), Đỗ Như Lạc (GERMANY), Em Empire Branch Lib (San Jose CA), Thái Nguyệt Tâm (Moorhead MN), Nguyễn Văn Da (GERMANY), Foothill Foreign Car (Auburn CA), Nguyễn Trung Dũng (San Jose CA), Ewing Diep (Shalimar FL), Nguyễn Văn Niêm (Troy OH), Vương Trọng Tài (CANADA), Bùi Thanh (Gaithersburg MD), Nguyễn Xuân Hiếu (Rch Sta Margarita CA), Nguyễn Văn Đại (Beaverton OR), Trần Trung Hoa (DENMARK), Mai Lien Kohlmann (Newport Beach CA), Trần Thị Hằng (Garden Grove CA), Lê Chất (Westminster CA), Trần Hữu Dũng (St MO), Joseph N Đức Minh (Camarillo CA), Bùi Xuân Phương (Lowell MA), Hiếu Anh (Louisville KY), Hoàng Phương (Royal Oak MI), Nguyễn Thị Lan (Santa Ana CA), Trần Hồng Vân (Dallas TX), Lê Văn Minh (Orlando FL), Vũ Hoàng Tâm (Anaheim CA), Mai Hoàng (Monterey Park CA), Trần Minh Nhật (Houston TX), Huỳnh Thanh (Chino Hill CA).

Nhựt Hoài Tâm *(Stratfort CT)*: Đã gởi báo số 91 đến ông TTP. Toà soạn cảm ơn ông đã giới thiệu thêm độc giả mới cho TK 21. Kính.

Joseph N Đức Minh *(Camarillo CA)*: Đã điều chỉnh số báo gia hạn của ông đến # 106. Kính chúc ông vui, khoẻ.

Trần Thanh *(Boston MA)*: Báo bị trả về. May mà gửi first class, mới được trở về, chứ nếu gửi bulk rate thì "một đi không trở lại" và không biết đâu mà tìm rồi. Chúng tôi đã gửi lại, theo địa chỉ ghi trong ngân phiếu của ông, hy vọng lần này tới nơi. Trường hợp địa chỉ trong ngân phiếu cũng... cũ rồi thì chỉ còn cách ngồi chờ ông... khiếu nại mới có thể gửi tiếp! Chúc vui.

Nguyễn Lan *(Wichita KS)*: Chúng tôi đã chuyển thư và ngân phiếu của cô cho VAALA, và anh Ngô Mạnh Thu đã gửi ngay cho cô tập nhạc 18 bài "Hùng Sử Ca." Cám ơn cô đã có lời khích lệ báo TK 21 và Hội VAALA. Tuy ở cùng một trụ sở nhưng TK 21 và VAALA là hai cơ quan riêng biệt, có trương mục ngân hàng riêng. Ngân phiếu cô gửi chung như thế thì VAALA sẽ bỏ vào trương mục của Hội trước, rồi ký trả cho TK sau. Nếu cô gửi riêng thì tiện hơn. Chúc cô luôn vui. Thân ái.

Lê Đình Vân *(Sugarland TX)*: Cám ơn ông có lời khen. Tôi có hỏi anh LDD về việc ông nhận được cuốn "Tuyển Tập Thái Tuấn" gửi bằng 2-day express, thì được biết, nếu gửi bằng 4th class cuốn ấy cũng mất gần $2.00 cước phí rồi, nên gửi bằng 2-day vừa nhanh vừa bảo đảm tới nơi, và nếu lầm địa chỉ còn được trả về. Nếu gửi 4th class mà lầm địa chỉ cũng được trả về nhưng nơi gửi phải trả thêm một lần cước phí nữa cũng bằng với lần gửi đi, như vậy đúng là "một lần sợ tốn bốn lần không xong." Ông không cần gửi trả thêm $1.50, nhưng nếu ông có lòng muốn giúp Hội thì Hội hoan nghênh mọi tặng dữ!

Lê Thuyên *(Milpitas CA)*: Đã gửi ngay sau khi nhận điện thoại thông báo. Chắc ông nhận được rồi? Kính.

VAALA

(714) 537-8352

NGHĨ VỀ ĐẢNG

HOÀI NAM

Tặng những người còn có chân trong Đảng cộng sản

Vâng! Đúng là tôi đang nghĩ về Đảng, cái Đảng duy nhất tồn tại "hợp pháp" trên đất nước thân yêu! Nhưng, còn đâu nữa cái thời cách đây hơn 50 năm, lúc tôi mới bước chân vào Đảng, nghĩ đến Đảng, tôi thấy xúc động dường như đứng trước một biểu tượng chói lòa hào quang của lý tưởng cao đẹp nhất mà loài người hằng mơ ước, lòng tôi rạo rực một tình yêu nồng thắm của con trẻ đối với mẹ, một niềm tin ngây thơ tưởng như là tinh hoa nhân loại, hồn thiêng đất nước tụ hội trong đó! Bây giờ đây, sau 32 năm ra Đảng, nghĩ đến Đảng, lòng tôi tràn ngập nỗi xót xa, ân hận cho lỗi lầm thời non trẻ đã cống hiến trọn vẹn tuổi thanh xuân, 18 năm đẹp nhất của đời mình, cho một ảo tưởng vô cùng có hại, mà chưa biết bao giờ dân ta mới thoát được! Lòng tôi đau đớn vô hạn nghĩ đến thực trạng bi đát, thảm hại của đất nước "rừng vàng biển bạc" đã trở thành một trong những nước nghèo nhất thế giới với 51% dân số nghèo khổ, trong đó 25% đói ăn (báo cáo của Ngân Hàng Thế Giới về thực trạng Việt Nam năm 1993), nghĩ đến tương lai đen tối của dân tộc dưới chế độ cực quyền (totalitarisme) mà Đảng đã áp đặt cho dân ta!

Nỗi đau đớn xót xa đó trong tôi càng thêm da diết khi nghĩ rằng đã thế mà Đảng vẫn còn tham vọng "đưa đường chỉ lối" cho dân tộc Việt Nam đi vào thiên niên kỷ thứ ba, ít nhất cho đến năm 2020, với nghị quyết của Đại hội Tám quá lỗi thời, mà cái lỗi thời căn bản là lời tuyên bố: *"kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh."*

Đọc nghị quyết Đại hội, chắc ít người tự hỏi: thế thì chủ nghĩa Marx-Lenin là cái gì nhỉ? Tại sao cái chủ nghĩ ấy lại cứ làm *"kim chỉ nam cho hành động"* (từ ngữ của Lenin, được Hồ Chí Minh lặp lại) cho dân tộc mình mãi, trong lúc các dân tộc văn minh, kể cả những dân tộc từng "được" nó "soi đường chỉ lối" (nơi thì trên bốn, nơi trên bảy thập niên), đã vứt bỏ nó vào sọt rác lịch sử? Tại sao những nước nào "được" cái *"chủ nghĩa vạn năng"* (Lenin) ấy "soi đường chỉ lối" thì mỗi ngày cứ lụn bại, suy vi mãi, rồi đi vào ngõ cụt, ngập sâu trong bãi bùn trì trệ, khủng hoảng không lối thoát?

Mặc dù bây giờ phần lớn đảng viên chẳng ai buồn nghĩ đến "chủ nghĩa" và "tư tưởng" nữa, mà chỉ lo kiếm sống hoặc làm giàu thôi, còn người dân chẳng ai thèm bận tâm đến, nhưng tôi cũng xin các bạn bớt chút thì giờ để cùng nhau tìm hiểu sơ qua về cái chủ nghĩa Marx-Lenin cứ được nhai đi nhai lại mãi. Ở đây, tôi không nói theo cách "kinh viện" của bộ *Đại Bách Khoa Toàn Thư Xô-Viết: "ba bộ phận cấu thành"* (Lenin) chủ nghĩa Marx-Lenin là triết học Marx-Lenin, chính trị kinh tế học Marx-Lenin và chủ nghĩa cộng sản "khoa học," vì thực chất của những thứ đó là gì thì những ai đã dày công nghiên cứu lý luận đều đã rõ! Chỉ xin kể lại câu chuyện khôi hài mà một vị giáo sư có tầm cỡ đã kể hồi năm 1965: *"Hỏi:* Chính trị kinh tế học Marx-Lenin là gì? *Đáp:* Là một con mèo đen ở trong phòng tối đen, mà học viên bắt buộc phải tìm cho ra. *Hỏi:* Thế triết học Marx-Lenin là gì? *Đáp:* Cũng là một con mèo đen, có hay không thì chưa rõ, ở trong phòng tối đen, mà học viên bắt buộc phải bắt cho được." Vì thế không nên mất thì giờ vô ích để tìm bắt "mèo đen"! Còn về môn "chủ nghĩa cộng sản khoa học" thực tế chỉ là sự nhặt nhạnh một số điều trong triết học, chính trị kinh tế học mà gộp thành!

Không thể nào hiểu được chủ nghĩa Marx-Lenin theo cách "kinh viện," "hàn lâm," "sách vở." Muốn hiểu thực chất của nó thì một mặt phải suy nghĩ kỹ về những điều cơ bản được coi là bất di bất dịch mà Marx, Lenin và các "nhà kinh điển" khác đã "phát hiện" ra, và mặt khác quan trọng nhất, Bphải kiểm nghiệm những điều đó đã được thực hiện trong thực tiễn như thế nào, nghĩa là xem xét, đối chiếu với những chính sách cụ thể, những việc làm cụ thể của người cộng sản khi đã lên cầm quyền trong nước.

Có thể nêu ra những "luận điểm" chính sau đây của chủ nghĩa Marx-Lenin:

1) Chủ nghĩa tư bản đã cáo chung, đã tạo nên *"kẻ đào huyệt chôn nó là giai cấp vô sản"* (Marx). Do những mâu thuẫn nội tại của nó, chủ nghĩa tư bản nhất định phải sụp đổ, xã hội mới thay thế nó sẽ là *"chủ nghĩa cộng sản"*, một chế độ phát triển cao nhất của loài người, trong đó không còn giai cấp, không còn nhà nước, không còn quốc gia, toàn bộ nền sản xuất đều theo một kế hoạch chung, mọi tài sản đều là của chung, người với người là bạn, ai cũng được tự do, hạnh phúc như nhau, đó là thế giới đại đồng, là mùa xuân nhân loại. Tuyệt vời! *"Chủ nghĩa cộng sản có hai giai đoạn: 1. bậc thấp, do năng suất lao động còn thấp, sự giác ngộ của giai cấp vô sản chưa cao, nên nguyên tắc "làm việc tùy sức, hưởng theo lao động" được áp dụng; 2. bậc cao, nguồn tài sản công cộng tuôn ra dồi dào... nguyên tắc "làm việc tùy sức, hưởng theo nhu cầu" được áp dụng hoàn toàn. Chủ nghĩa cộng*

sản bậc thấp lên bậc cao phải trải qua một thời kỳ quá độ.'' Ở Liên Xô, sau hơn 60 năm ''chủ nghĩa xã hội'' vẫn không chuyển lên được ''chủ nghĩa cộng sản bậc cao,'' các ''lý thuyết gia'' đại tài của Đảng cộng sản Liên Xô, như Suslov, Brejnev... bèn ''sáng tác'' ra cái tên thật lạ tai cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là *''chủ nghĩa xã hội trưởng thành'', ''chủ nghĩa xã hội chín muồi'',* nghe chưa êm tai lắm, họ lại đổi thành *''chủ nghĩa xã hội phát triển'',* vẫn thấy chưa ổn, vì chủ nghĩa xã hội càng ngày càng trì trệ, cuối cùng họ dùng các từ ngữ *''chủ nghĩa xã hội hiện thực''* mà đến nay các lãnh tụ ở Việt Nam vẫn còn lặp lại. Từ ngữ đó nghĩa là gì? Có trời mà biết! Vì cái gì có mặt trên đời này mà không là ''hiện thực''!? Cho đến bây giờ các lãnh tụ cộng sản vẫn chưa hình dung được bộ mặt thật của chủ nghĩa xã hội như thế nào, chứ chưa nói gì đến chủ nghĩa cộng sản!

2) Muốn giành thắng lợi, giai cấp vô sản công nghiệp phải *''tự tổ chức lại thành chính đảng''* (Marx) để làm *''cách mạng vô sản đánh đổ giai cấp tư sản, xóa bỏ chế độ tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản''* (Marx). ''Cách mạng vô sản chỉ có thể thắng lợi khi các cuộc cách mạng đó cùng lúc nổ ra trên nhiều nước công nghiệp phát triển'' (Marx). Sau này Lenin chữa lại Marx, nói rằng *''chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản, là thời kỳ chủ nghĩa tư bản giãy chết, là đêm trước của cách mạng vô sản''* cho nên *''cách mạng vô sản có thể thắng lợi trước tiên trong một vài nước.''* Và ''cách mạng vô sản'' đã nổ ra ở Nga, một nước không phải là công nghiệp phát triển. Lenin còn ''tiên đoán'' (và đã chuẩn bị về mặt thực tiễn hồi những năm 1918, 1919) là *''cuộc cách mạng vô sản thế giới sắp nổ ra.''* Nhưng thực tế thì hơn 70 năm sau, cuộc cách mạng thế giới đó vẫn không nổ ra, còn ''chủ nghĩa tư bản giãy chết'' thì vẫn còn ''giãy sống'' và ''hệ thống xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô'' đã sụp đổ, còn lại bốn nước lạc đàn sống sót, ''giãy giụa'' trong cơn khủng hoảng và đang ra sức cầu cạnh ''chủ nghĩa tư bản giãy chết.''

3) Các ''nhà kinh điển'' cộng sản cho rằng giai cấp vô sản chỉ có thể thắng lợi được bằng bạo lực, vì *''bạo lực là bà đỡ của cách mạng''* (Marx); họ thường nhắc nhở những người cộng sản phải coi *''bạo lực cách mạng là đầu tàu của lịch sử''* (Lenin). Như vậy, họ phủ nhận sự tiến hóa, cải cách (mà họ cho là ''cải lương'') và thường xuyên đẩy lịch sử ''tiến lên'' (xin hiểu: thụt lùi!) dưới ngọn roi quất của bạo lực, của những bạo hành, những cuộc đổ máu không thương tiếc. Vì cái chủ nghĩa cộng sản mù mờ, huyền ảo mà Đảng đã dùng ''bạo lực,'' ''bạo lực cách mạng'' để cưỡng bức người dân thực hiện, nên đã có hàng chục, hàng trăm triệu người phải bỏ mạng cho cuộc thí nghiệm phiêu lưu ''vĩ đại'' có tính chất thế giới.

4) *''Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội''* (Marx), thậm chí tiến hành đấu tranh giai cấp để *''tiêu diệt hoàn toàn một giai cấp khác''* (Lenin), phải *''đấu tranh giai cấp không ngừng, ngay cả khi chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi''* (Stalin). Đó là *''lập trường giai cấp''* không gì lay chuyển của Đảng. Những người cộng sản coi mục tiêu của họ là *''xóa bỏ mọi giai cấp xã hội''* (Lenin). Nhưng... cần nói thêm: ngoại trừ giai cấp quan liêu cầm quyền cộng sản!

5) *''Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền''* (Lenin). *''Chính quyền trong thời kỳ quá độ chỉ có thể là chuyên chính vô sản''* (Lenin). *''Chuyên chính vô sản là nội dung cơ bản của cách mạng vô sản''* (Lenin). *''Chuyên chính vô sản là luật pháp không hạn chế và dựa trên bạo lực của nền thống trị của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản...''* (Lenin). Thực tế thì khi áp dụng, giai cấp vô sản bị gạt ra ngoài, mà chỉ có một nhúm người, một tập đoàn thống trị được quyền ''chuyên chính'' quảng đại dân chúng. Kết quả là giới quan liêu cầm quyền (nomenklatura) trong chế độ ''chuyên chính'' đó thực tế đã trở thành một giai cấp thống trị mới đối với toàn xã hội. Cần nói cho công bằng, Marx, Lenin có hứa hẹn là *''dưới chế độ cộng sản nhà nước sẽ không còn nữa,''* và *''dưới chủ nghĩa xã hội, nhà nước sẽ dần dần tiêu vong,''* nhưng trên 70 năm người dân chẳng thấy nó tiêu vong đâu cả, trái lại, ở khắp mọi nước xã hội chủ nghĩa nó càng ngày càng tăng cường thêm. Nhân đây, xin dẫn một mẫu mực ngụy biện tuyệt đỉnh của tập đoàn thống trị cộng sản Liên Xô: *''Con đường tiến tới sự tiêu vong của nhà nước dưới chủ nghĩa cộng sản không phải là làm yếu dần, mà trái lại, hết sức củng cố nhà nước.''* Câu này trích đúng nguyên văn từng chữ trong bản dịch ra tiếng Việt *Từ điển chính trị* (tr.154) mà một thời gian dài ở miền Bắc dùng như kinh nhật tụng!

6) *''Thủ tiêu sở hữu tư nhân* (tư hữu) *là điều kiện cơ bản để hoàn thành cách mạng vô sản''* (Marx). Trong *''Tuyên ngôn của Đảng cộng sản,''* Marx và Engels viết rất rõ ràng: *''Những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành công thức duy nhất này là:* **xóa bỏ chế độ tư hữu.''** Những người cộng sản coi nông dân có hai mặt *''là người lao động, họ có thể đi với giai cấp vô sản, là người tư hữu, họ có thể trở thành tư sản nông thôn''* (Lenin), vì vậy phải coi việc cải tạo nông dân, đưa nông dân vào kinh tế tập thể hoặc kinh tế ''công hữu'' là nhiệm vụ cấp bách. Hậu quả của việc này như thế nào, thực tiễn ở Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam... đã chứng minh. Những người cộng sản coi *''kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là cơ sở của nền kinh tế quốc dân.''* (Lenin), coi *''thị trường tự do''* là đối tượng *''xóa bỏ''* (Lenin). Nhưng mỗi khi gặp khủng hoảng kinh tế trầm trọng thì lại quay ra ve vãn ''kinh tế tư nhân,'' dựa dẫm vào ''thị trường tự do'' để thoát khỏi cơ nguy biến, còn khi nào kinh tế hơi gượng dậy được thì lại bóp chặt ''kinh tế tư nhân'' và ''thị trường tự do.'' Hiện nay, các ''nhà kinh điển'' Việt Nam phát triển sáng tạo chủ nghĩa Marx-Lenin bằng cách gắn thêm *''định hướng xã hội chủ nghĩa''* vào thị trường tự do, tức là hai khái niệm đối kháng nhau như nước và lửa.

7) Các "nhà kinh điển" cộng sản phủ nhận nhà nước pháp quyền và xã hội công dân, coi đó là *"trò chơi tư sản"* (Lenin), là *"khái niệm tư sản"* Marx. Họ phủ nhận những nguyên tắc căn bản của nhà nước pháp quyền, như tam quyền phân lập, tự do rộng rãi, dân chủ đa nguyên, v.v... để độc quyền nắm cả ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và cả "quyền thứ tư" là báo chí, phương tiện truyền thông. Lenin nói *"nền dân chủ xã hội chủ nghĩa một triệu lần dân chủ hơn nền dân chủ tư sản,"* nhưng trên thực tế người dân "xã hội chủ nghĩa" vô quyền, còn những người cầm quyền cộng sản thì chà đạp lên quyền công dân, quyền con người, quyền các dân tộc. Những dẫn chứng đầy dẫy trong lịch sử, thiết tưởng không cần kể ra.

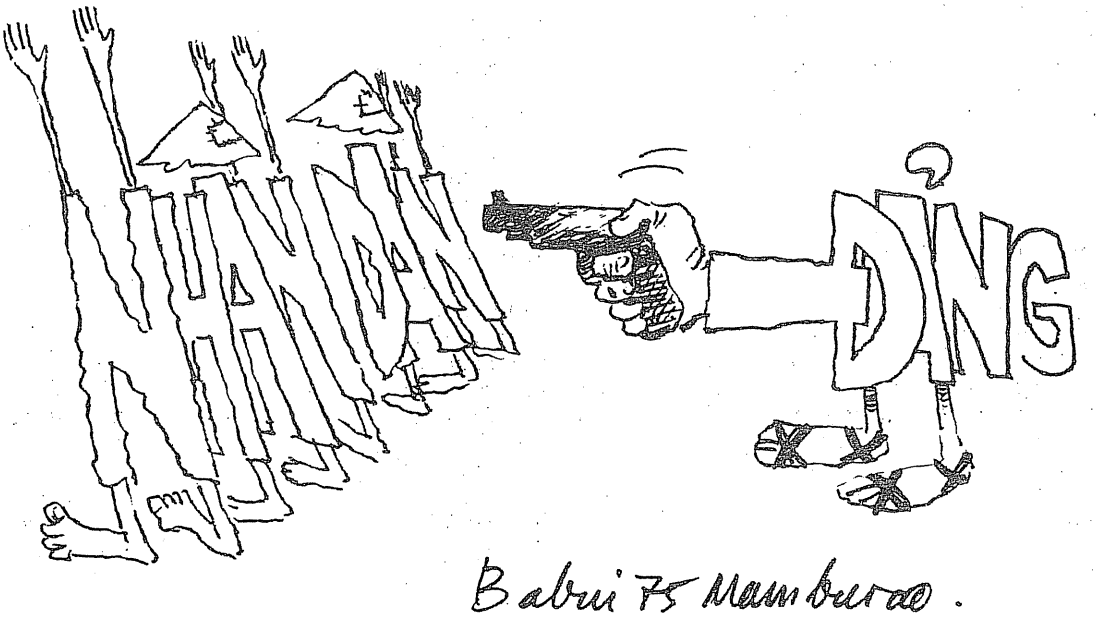

8) Các "nhà kinh điển" cộng sản coi *"tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân"* (Marx) cần phải tiêu diệt bằng *"chủ nghĩa vô thần chiến đấu"* (Lenin) vô cùng tàn bạo. Lịch sử đã ghi nhận bao nhiêu đau thương tang tóc gây nên bởi chính sách triệt hạ các tôn giáo, phá hoại nhà thờ, chùa chiền, tu viện, đàn áp đẫm máu tu sĩ và tín đồ đòi tự do tín ngưỡng đã xảy ra ở các nước "xã hội chủ nghĩa." Oái oăm thay, những người cộng sản cố sức tiêu diệt các tôn giáo truyền thống để... thay thế bằng một "tôn giáo" mới, một thứ "thuốc phiện" mới là... chủ nghĩa Marx-Lenin. Còn Thượng đế thì được thay thế bởi... chính các "nhà kinh điển" ấy! Thực tế đúng là như vậy!

9) Cần phải tiến hành *"cách mạng văn hóa và tư tưởng"* (Lenin), xóa bỏ tàn dư văn hóa cũ, coi trí thức cũ là thuộc *"phạm trù giai cấp tư sản"* (Lenin) vì thế đặt vấn đề cải tạo giới trí thức cấp bách không kém gì việc xóa bỏ giai cấp tư sản. Cuộc "đại cách mạng văn hóa" ở Trung Quốc, cuộc cách mạng văn hóa ở Liên Xô đã diễn ra thế nào chắc mọi người đã biết. Và không chỉ ở hai nước đó! Tình trạng suy đồi khủng khiếp như thế nào về đạo đức, tư tưởng, văn hóa trong các nước "xã hội chủ nghĩa" tưởng không cần phải nói.

10) Những người cộng sản áp đặt ngặt nghèo *"tính đảng"* (Lenin) cho văn hóa, văn học, nghệ thuật để tước đoạt quyền tự do của các nhà văn hóa, văn học, nghệ thuật, lấy đó làm tiêu chuẩn kiểm soát họ và ép buộc họ phục tùng tuyệt đối sự thống trị của Đảng. Bao nhiêu tài ba bị thui chột, bị mai một, bị bỏ xác trong tù vì cái "tính đảng" đó!

11) *"Đảng cộng sản là đội tiên phong của giai cấp vô sản"* (Lenin). *"Nòng cốt của Đảng là những nhà cách mạng chuyên nghiệp"* (Lenin). *"Độc quyền lãnh đạo* (hégémonie) *của Đảng giai cấp vô sản là điều kiện quyết định thắng lợi của cách mạng vô sản và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội"* (Lenin). Tất cả các lãnh tụ cộng sản đều coi vị thế độc tôn của Đảng như là một cái gì thiêng liêng bất khả xâm phạm, thậm chí ở nhiều nước Đảng cầm quyền, người ta ghi thành một điều riêng trong hiến pháp. "Độc quyền lãnh đạo của Đảng" đã là nguy hại rồi, nhưng thực tế đó chỉ là "độc quyền" của một nhúm người, một tập đoàn nhỏ trong Đảng thì lại càng nguy hại biết bao! Hậu quả thế nào đã quá rõ: những kẻ độc tài "khét tiếng", nhưng Lenin, Mao Trạch Đông, Pol Pot, v.v... đã gây ra bao nhiêu tang tóc cho người dân.

12) *"Nguyên tắc tổ chức của Đảng là chế độ tập trung dân chủ"* (Lenin). Chế độ tập trung dân chủ cũng được áp dụng cả cho các tổ chức khác, kể cả chính quyền. Xin lưu ý bạn đọc: từ cuối thập niên 50, trên sách báo Đảng ở Việt Nam đều đổi lại là "**chế độ tập trung** dân chủ", chứ không phải là "dân chủ tập trung." Đây là

một ý thâm. Chính người viết những dòng này đã được nghe Trường Chinh giải thích tại một cuộc hội nghị cán bộ tuyên huấn: "Cái mà chúng ta cần là chế độ tập trung (centralisme) mới có sức mạnh, có điều là tập trung mà dân chủ." Chế độ này tạo cho tập đoàn cầm quyền trong Đảng lợi thế để duy trì lâu dài sự thống trị của họ đối với Đảng. Cứ nhìn kỹ cách thực hành thì rõ: trên nguyên tắc đại hội có quyền tối thượng trong việc quyết định đường lối cũng như nhân sự của Đảng, nhưng thực tế thì khi chuẩn bị Đại hội nhóm cầm quyền đã về các cấp đảng bộ "hướng dẫn" (nói thẳng là chỉ thị) cho các cấp ủy cần cử những ai đến Đại hội. Tình trạng chuyên quyền, độc tài, độc đoán như thế được gọi là chế độ tập trung dân chủ, *"dân chủ có lãnh đạo"!* Các cuộc thanh trừng đẫm máu ghê rợn nhất đã xảy ra chính là trong các đảng cộng sản theo chế độ tập trung dân chủ ấy! Cứ nhìn vào lịch sử các đảng "đàn anh" như Liên Xô, Trung Quốc thì đủ rõ, dù rằng "đàn em" cũng chẳng kém gì!

13) Các lãnh tụ cộng sản dùng khẩu hiệu *"giai cấp vô sản toàn thế giới liên hiệp lại"* (Marx) và chiêu bài *"chủ nghĩa quốc tế vô sản"* (Lenin) để tiến tới thiết lập đế quốc cộng sản toàn thế giới do một tập đoàn thống trị điều khiển, họ coi đó là mục đích của *"cách mạng thế giới"* (Lenin). Để làm "cách mạng thế giới", Lenin lập ra Quốc tế Cộng sản, thực chất chỉ là một tổ chức tay sai của tập đoàn thống trị cộng sản Liên Xô; tập đoàn này đã thông qua tổ chức đó để ra lệnh cho "các đồng chí" ở các nước, cho nên "bàn tay Mạc Tư Khoa" là điều có thật, chứ không phải "huyền thoại" đâu. Nhân dân Nga đến giờ vẫn còn oán trách các lãnh tụ cộng sản Liên Xô đã dùng bao nhiêu tài sản quốc gia, đã bòn rút của nhân dân để nuôi dưỡng những tên tay sai của họ ở các nước, kể cả bọn khủng bố quốc tế, nuôi dưỡng các chế độ thối nát chỉ vì mưu đồ bá chủ thế giới. Mỉa mai thay, chính những kẻ luôn miệng hô hét về *"chủ nghĩa quốc tế vô sản"* thì lại tha hồ tự ý bắt bớ, giam cầm, hành quyết bao nhiêu cán bộ cộng sản các đảng "anh em" trong Quốc tế Cộng sản, đến cả những lãnh tụ vô sản nổi tiếng, như Bela Kun, người sáng lập và lãnh tụ đảng cộng sản Hungarie, người đứng đầu chính phủ Xô-Viết ở Hungarie năm 1919, ủy viên Chủ tịch đoàn Quốc tế Cộng sản cũng bị Stalin giết. Hồ sơ dày cộp về những "cán bộ quốc tế" bị giết oan hiện còn lưu trữ ở Liên bang Nga là một chứng tích có tính chất giáo huấn, cảnh tỉnh những ai hiện còn mê ngủ. Lịch sử đã cho thấy: chính các lãnh tụ của "chủ nghĩa quốc tế vô sản" đã xua quân đội "vô sản" nước mình đánh nhau với quân đội "vô sản" nước "anh em" (Trung Quốc-Việt Nam, Việt Nam-Campuchia, xung đột biên giới Trung-Xô...) xua quân đội "vô sản" nước mình đến đàn áp các cuộc nổi dậy của dân chúng ở nước "anh em" (Liên Xô đối với Đông Đức, Hungarie, riêng với Ba Lan thì có mưu đồ nhưng không thực hiện được), hoặc đến đàn áp nước "anh em", đảng "anh em" chỉ vì họ có chính sách khác mình (Liên xô đối với Tiệp Khắc), v.v...

Đấy, chủ nghĩa Marx-Lenin "bằng xương bằng thịt," **chủ nghĩa Marx-Lenin trong thực tiễn** là như vậy đó! Lịch sử đã vạch trần toàn bộ tính chất phi lý (absurde) về mặt lý luận và tính chất bế tắc về mặt thực hành của chủ nghĩa đó. Những ai từng cảm nhận bằng da bằng thịt, trên sống lưng của mình vì đã sống dưới chế độ của những người cộng sản thì dễ dàng *kiểm nghiệm trong thực tiễn* những điều các "nhà kinh điển" cộng sản viết ra hay nói ra, càng dễ dàng nhận thấy tính chất "huyền thoại" của các "luận điểm" của họ. Xin phép kể một ví dụ "nhỏ" đầy ý nghĩa giáo huấn. Marx đã từng nhấn mạnh rằng khi cách mạng vô sản thành công, tiền lương của những viên chức (theo cách nói hiện nay là cán bộ) cộng sản chỉ được bằng tiền lương trung bình của công nhân. Trong *"Luận cương tháng Tư"*, Lenin một lần nữa lặp lại rất quả quyết: khi chính quyền về tay công nhân rồi thì tiền lương của các cán bộ cộng sản chỉ được bằng tiền lương trung bình của công nhân. Mọi người hồ hởi, hy vọng ở một xã hội công bằng mở đầu cho thế giới đại đồng sắp tới, xô nhau chạy theo Đảng đi cướp chính quyền. Nhưng sáu tháng sau, tháng 10 (theo lịch cũ) năm 1917, khi những người cộng sản cướp được chính quyền rồi, Lenin và đảng cộng sản đã "rút lui có trật tự" và lờ tịt cái "luận cương" nổi tiếng của mình. Và từ đó những đặc quyền đặc lợi dành cho các nhà cầm quyền cộng sản cứ phình to lên mãi để biến họ thành những "lãnh chúa đỏ." Ở các nước cộng sản khác cũng đều thế cả. Đã thế các lãnh tụ lại thường giả nhân giả nghĩa phán: "Cán bộ là đầy tớ của nhân dân." Đầy tớ như thế nào thì mọi người đã biết! Đây là một chuyện tiếu lâm dưới thời Xô-Viết. Một nhà báo Mỹ đến Moskva, thấy dân chúng nhếch nhác đứng xếp hàng dài dằng dặc để chờ mua bánh mì. Lúc đó có một chiếc xe "Zil" đen (loại ô tô đặc biệt dành riêng cho cán bộ cao cấp) bóng lộn phóng qua, phía trước phía sau đều có xe công an "tiền hô hậu ủng." Nhà báo hỏi người dân: "Ai đấy?" Một thanh niên trả lời: "Những người đầy tớ của nhân dân." Nhà báo lại hỏi: "Còn các anh là ai?" Anh ta ngẩng cao đầu đáp: "Chúng tôi là những ông chủ." Đấy, một huyền thoại của các "nhà kinh điển"! Các lãnh tụ Việt Nam cũng đã góp phần cống hiến vĩ đại vào kho tàng chủ nghĩa Marx-Lenin bằng "luận điểm" nổi tiếng: *"Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ."* Thật đáng buồn cho một ông chủ bị hai tròng, một tròng lãnh đạo, một tròng quản lý!

* "Tôi muốn mua vé đi vòng quanh thế giới."

"Chắc ngài chỉ cần vé một lượt đi thôi, phải không ạ?"

* Nàng đã giúp tôi một cách tiết kiệm rất nhiều tiền: nàng đi lấy người khác.

Chúng ta đã nói qua về những điều cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin. Kể cũng đáng rởn gáy thật, khi nghĩ rằng Đảng cộng sản Việt Nam sẽ đưa đất nước đi vào thiên niên kỷ thứ ba, ít nhất cho đến năm 2020, với cái "hành trang" đó!

Còn *"tư tưởng Hồ Chí Minh"* thì sao? Xin miễn bàn! Chỉ xin kể lại rằng, năm 1950, người viết những dòng này lần đầu tiên được đặt chân lên chiến khu Việt Bắc dự hội nghị cán bộ do Trung ương Đảng triệu tập để chuẩn bị cho Đại hội Hai (cái Đại hội trứ danh làm trò phù thủy biến Đảng cộng sản thành Đảng lao động và lấy "tư tưởng Mao Trạch Đông làm kim chỉ nam"), thì đã được chứng kiến sự việc sau đây: Hôm đó, ông Hồ đến hội nghị nói chuyện và "giải đáp thắc mắc." Khi trả lời "thắc mắc" của một số cán bộ: "Sao Bác không viết sách lý luận?", ông đã nói: Lý luận thì đã có đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông viết rồi, Bác không phải viết, mà cũng chẳng có gì mới mà viết, Bác và các chú cứ lo thực hành những điều các đồng chí ấy viết là tốt lắm rồi." Như thế rõ ràng là: Hồ Chí Minh không có lý luận riêng, tư tưởng riêng. Thế thì tại sao tập đoàn cầm quyền hiện nay lại "bịa" ra cái "tư tưởng Hồ Chí Minh" làm gì? Tại sao khi chủ nghĩa Marx-Lenin đã phá sản trong thực tiễn rồi, phe xã hội chủ nghĩa thực tế đã sụp đổ rồi mà họ vẫn nhấn mạnh *"kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh"?* Có phải vì họ vẫn còn ngây thơ tin ở chủ nghĩa cộng sản, tin *"chủ nghĩa Marx-Lenin là vạn năng vì nó đúng"* (Lenin) không?

Bức tranh "chủ nghĩa cộng sản" do các "nhà kinh điển" cộng sản vẽ lên lờ mờ nhưng rất đẹp. Nó đã từ cuốn hút, làm mê muội biết bao tâm hồn ngây thơ, non nớt. Nhưng ngày nay, Lịch sử đã mở mắt cho người đời thấy bức tranh đó chỉ là một ảo tưởng không hơn không kém, mà vì cái ảo tưởng ấy, hàng chục, hàng trăm triệu người bị đẩy vào lò sát sinh cho một cuộc thí nghiệm điên rồ. Lẽ nào tập đoàn cầm quyền cộng sản đến nay vẫn còn ngây thơ, mê muội mãi ư?

Để tìm ra giải đáp, tôi xin nhắc lại một câu nói của "nhà kinh điển" Lenin mà tôi cho là đúng: *"Con người bao giờ cũng đã và bao giờ cũng sẽ là nạn nhân khờ dại của sự lừa bịp và sự tự lừa dối, chừng nào họ chưa biết tìm thấy những lợi lộc của giai cấp này hay giai cấp khác đằng sau bất kỳ những câu nói nào, những lời tuyên bố nào, những điều hứa hẹn nào về mặt đạo đức, tôn giáo, chính trị, xã hội"* (V.I.Lenin, Toàn tập, t.23, tr.47 bản tiếng Nga). Đúng! Phải biết tìm thấy những lợi lộc của giai cấp này hay giai cấp khác đằng sau những câu nói, những lời tuyên bố của tập đoàn cầm quyền! Xét cho kỹ thì những cụm từ *"kiên trì chủ nghĩa Marx-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh," "định hướng xã hội chủ nghĩa," v.v...* chẳng qua chỉ là "ngọn lá nho" giả dối che đậy "bộ phận kín" của họ: **mưu đồ duy trì bằng được quyền lực của họ đối với Đảng, đối với xã hội, đối với đất nước, giữ chặt địa vị thống trị cực quyền của tập đoàn ấy đối với nhân dân.**

Ngày nay, giới quan liêu cộng sản thực sự đã trở thành một giai cấp thống trị nắm chặt những đặc quyền đặc lợi về chính trị, kinh tế và xã hội, sống bám trên lưng người dân, cướp của dân, đè nén quảng đại dân chúng. Bọn "tư bản đỏ," bọn "cường hào mới" hiện đang nắm giữ mọi yết hầu kinh tế quốc gia, đang làm những tên "mại bản" bán đứng đất đai của nước nhà cho tư bản ngoại quốc. Nắm chắc quyền lực trong tay, chúng tha hồ thao túng, vơ vét tài sản quốc gia, tham nhũng, buôn lậu, bòn rút của người dân. Do đó, người dân thường thì nghèo rớt mồng tơi, còn bọn chúng thì giàu nứt đố đổ vách. Theo sự đánh giá của nhiều chuyên gia tài chính, hiện đã có hàng trăm đảng viên cao cấp là những triệu phú đô-la và tài sản của Đảng cộng sản Việt Nam đã lên tới 20 tỷ đô-la (cố nhiên, đại đa số đảng viên không có phần của họ trong số tiền khổng lồ này đâu). Những số liệu vừa nói đúng đến mức nào không rõ, nhưng chắc chắn đây là giai cấp thống trị trong Đảng và trong xã hội Việt Nam hiện nay. Và là giai cấp ngoan cố nhất, bảo thủ nhất, phản động nhất. Từ "phản động" được dùng ở đây theo nghĩa là ngăn cản sự tiến bộ, chứ không phải theo cái thói "chụp mũ," cũng như cái nghĩa bị bóp méo của giới cầm quyền vẫn thường dùng để đàn áp những người trung thực. Phản động vì nó chống lại mọi sự "đổi mới" chân thật và triệt để, chống lại mọi cuộc vận động đưa nước ta tiến lên con đường dân chủ, tự do đích thực. Giai cấp cầm quyền hiện nay một mặt giả dối trương lên những "bánh vẽ" kiểu "nhà nước pháp quyền," "tự do dân chủ," "lấy dân làm gốc," một mặt ra sức đàn áp, khủng bố mọi "tinh thần" và hành động chống đối (bao nhiêu vụ án trắng trợn vừa qua chứng tỏ điều này), đồng thời mưu đồ "quân phiệt hóa" (sau khi đã "tài phiệt hóa" rồi) và rồi đây có thể sẽ còn "mafia hóa" nữa. Như vậy, giai cấp cầm quyền hiện nay đang là trở lực chính, là hòn đá cản đường tiến lên của xã hội, của đất nước. Muốn tiến lên, đất nước ta phải gạt ra một bên cái trở lực đó, hòn đá cản đường đó.

Đó là một thực trạng đau xót làm day dứt tâm trí bao nhiêu người có tâm huyết, có lòng thương nước, thương dân, kể cả nhiều đảng viên cộng sản có lương tâm trong sáng. Làm sao có thể thờ ơ được trước tình cảnh nguy khốn này của dân tộc, của nước nhà!

Nhiều người trong nước cũng như ngoài nước, kể cả những đảng viên cộng sản, đã lên tiếng, đưa ra những kiến nghị, những dự án về từng mặt hoặc toàn diện để cứu nguy dân tộc. Đó là một điều rất đáng mừng, đầy hứa hẹn. Cố nhiên,

> * Học được những điều khôn ngoan mà không áp dụng vào đời sống giống kẻ cày ruộng mà không gieo hạt.
>
> *— Ngạn ngữ Ba Tư*

trong đó còn khối điểm "dị biệt," "bất đồng," cần phải dần dần "giải tỏa" để có thể tiến tới một đồng thuận. Nhưng nhìn chung thì đa số ý kiến đều cho rằng con đường cứu vãn chỉ có một. Đó là: hòa giải hòa hợp chân thành giữa mọi tầng lớp dân chúng, ra sức kiên trì vận động để thức tỉnh và đoàn kết nhân dân, tiến tới dùng ý chí và sức mạnh của quảng đại dân chúng mà hòa bình, bất bạo động chuyển hóa chế độ cực quyền hiện nay thành một chế độ dân chủ đích thực, tôn trọng mọi quyền tự do, mọi quyền công dân, mọi quyền con người, biến nước ta thành một nhà nước pháp quyền thật sự. Đây là con đường cứu nguy, thoát hiểm *duy nhất* của dân tộc, để từ đó toàn dân cùng nhau bắt tay xây dựng Tổ quốc Việt Nam thành một nước giàu có, văn minh!

Khi nói đến chế độ dân chủ đích thực, thì đồng thời đã hàm ý nền dân chủ đa nguyên, vì chế độ dân chủ đích thực bao giờ cũng chống lại độc tài, độc tôn, độc quyền của một nhóm, một tập đoàn, một tầng lớp, một giai cấp, bao giờ cũng tôn trọng sự khác biệt về tư tưởng, về chính kiến, về niềm tin, về quyền lợi của mọi tầng lớp nhân dân, biết nhân nhượng, thỏa hiệp, khôn khéo tìm kiếm sự đồng thuận, biết tôn trọng chẳng những đa số mà cả thiểu số dân chúng, quan tâm đến mọi vùng, mọi miền.

Nghe nói "hòa bình, bất bạo động mà chuyển hóa chế độ cực quyền hiện nay," tập đoàn cầm quyền sẽ la ó lên là "diễn biến hòa bình," làm như tuồng đó là một tội ác trời tru đất diệt. Thực ra, diễn biến hòa bình là một định luật phát triển tự nhiên, thuận chiều, lành mạnh của mọi cơ thể sống. Đối với Việt Nam, diễn biến hòa bình là một cơ may tốt nhất, đáng ước mơ nhất cho dân, cho nước, cho toàn xã hội vì tránh được đổ máu, nồi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn. Sự thật là xã hội Việt Nam hiện nay đang mang một khối u ác tính rất hiểm nghèo. Đằng nào thì cũng phải làm một cuộc phẫu thuật mới có cơ cứu mạng cho bệnh nhân. Nếu cuộc phẫu thuật ấy được làm nhẹ nhàng, êm dịu, không đổ máu, như kiểu "cách mạng nhung" ở Tiệp Khắc thì thật là đại phước cho dân tộc.

Thế nhưng, làm được cuộc "cách mạng nhung" thì phải có những điều kiện nhất định, mà *điều kiện tiên quyết, căn bản nhất* là quảng đại dân chúng, tất cả các tầng lớp, kể cả những người cộng sản, binh lính, công an viên... trung thực, có lương tâm, đều chán ghét cao độ chế độ cực quyền, chán ghét đến mức tất cả đều tán thành làm một cuộc "đổi đời." Đấy, cuộc cách mạng dân chủ ở Liên Xô hồi tháng 8 năm 1991 cho thấy rằng: một khi quảng đại dân chúng đã chán ghét chế độ cực quyền Xô-Viết lên đến tận cổ và đã đứng lên bảo vệ thành tựu dân chủ rồi thì dù Đảng cộng sản Liên Xô lúc đó có 20 triệu đảng viên, nắm trong tay quân đội (kể cả các "bộ đội nội địa" do bộ Nội vụ điều động) bốn triệu rưỡi người với bao nhiêu tướng lĩnh, bao nhiêu vũ khí tối tân, có bộ máy KGB to lớn, độc ác, giàu kinh nghiệm làm tay sai... cũng không thể nào cứu vãn được chế độ cực quyền: sau chưa đầy ba ngày cầm cự, cái chế độ ấy đã sụp đổ như một trái cây chín muồi rụng xuống. Trong ba ngày đó, có ba người hy sinh cho cuộc "đổi đời" vĩ đại của trên hai trăm triệu con người trong toàn cõi Liên Xô cũ!

Hiện nay, ở nước ta thực tế chưa có phong trào dân chủ, những cũng đã bắt đầu có những tiền đề cho một cuộc vận động dân chủ lớn lao. Đó là sự "lên men," sự "tỉnh thức," sự "không biết sợ," sự "trỗi dậy," sự "dấn thân" của những con người trung trực, khí khái, đáng phục, những Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Dương Thu Hương, Nguyễn Kiến Giang, Hà Sỹ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Nguyễn Văn Trấn, La Văn Lâm, Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Đình Huy, Lê Hồng Hà, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự, Lữ Phương, Nguyên Phong Hồ Hiếu, Tạ Bá Tòng, Phan Đình Điệu, Trần Độ, v.v... Trước mắt, khó khăn, gian khổ của cuộc vận động dân chủ nhiều và lớn vô kể. Mà khó khăn lớn nhất là số người mê ngủ, chưa tỉnh thức, bàng quang với số phận dân tộc còn nhiều, rất nhiều. Hy vọng rằng cuộc vận động dân chủ sẽ được tiến hành kiên trì, bền bỉ, bình tĩnh, không bi quan, không lạc quan tếu, không sốt ruột nhưng tích cực để kịp đón thời cơ và không lỡ tàu. Hy vọng rằng những người trong cũng như ngoài nước thiết tha nền dân chủ sẽ biết quý trọng nhau, đặt lợi ích Tổ quốc lên trên hết để đoàn kết, liên hiệp hành động với nhau trong tinh thần đồng thuận dưới một khẩu hiệu chung: **vì một nước Việt Nam dân chủ, tự do, văn minh và giàu mạnh.**

Trong cuộc vận động vĩ đại này, vai trò của mọi tầng lớp đều quan trọng, nhưng thiết thưởng, nên nói đến vai trò đặc biệt của những đảng viên trung thực, có lương tâm, khi họ cùng đứng chung với quảng đại dân chúng dưới ngọn cờ dân chủ. Chắc chắn là họ sẽ được hoan nghênh, nếu họ có thể cứu Đảng của họ ra khỏi con đường nguy hại mà Đảng-của-họ đang bị sa vào bằng những chuyển biến dân chủ ngay trong Đảng-của họ và hướng Đảng-của-họ, hoặc một bộ phận Đảng-của-họ cùng đi tới mục tiêu chung: nước Việt Nam dân chủ, tự do thật sự. Việc tham gia của những người cộng sản trung thực, có lòng thương dân, thương nước sẽ giúp ích nhiều cho một cuộc chuyển biến hòa bình, bất bạo động. Chắc là những người thiết tha với sự nghiệp dân chủ hiểu rõ điều đó để tránh những định kiến tai hại và cùng nhau hợp tác vì lợi ích chung của dân tộc.

Con đường đưa dân tộc đến đích dân chủ còn dài, còn rất nhiều gian nan, trở lực, nhưng nó thuận chiều lịch sử, chắc chắn sẽ đưa dân mình đến đích. Miễn là mỗi người cố gắng góp một viên gạch của mình dù nhỏ để xây nên ngôi nhà Việt Nam dân chủ.•

Tháng 7/96

PHỎNG VẤN TƯỚNG ALEXANDER LEBED

NGUYỄN HỮU NGUYÊN dịch

Trong một cuộc phỏng vấn, độc quyền dành cho nhật báo The Wall Street Journal, *tướng Alexander Lebed tuyên bố, dù ông vừa bị tổng thống Yetsin cất chức Giám Đốc Hội Đồng An Ninh Quốc Gia vào tháng trước, ông hy vọng sẽ được ông Yetsin mời ông trở lại, với chức vụ Phó Thủ Tướng.*

Một cuộc thăm dò ý kiến đăng trên tờ Moskovsky Komsomolets *ở thủ đô Nga gần đây cho thấy ông Lebed hiện được 24% dân chúng ủng hộ, trong khi lãnh tụ đảng Cộng Sản Zyuganov được 14%, còn tổng thống Yetsin chỉ được có 10%. Tướng Lebed đã viếng thăm Mỹ quốc, trong một chiến dịch nhằm tạo thanh thế cho ông, chuẩn bị ra tranh cử tổng thống trong vòng bốn năm nữa. Khi đó đối thủ chính của ông có thể là ông Chubais, chánh văn phòng của Yeltsin, người điều khiển cuộc vận động tranh cử của Yeltsin năm nay, và Zyuganov, lãnh tụ đảng Cộng Sản. Tháng sáu vừa qua, ông ra tranh cử và được đứng hàng thứ ba nhưng ông tin rằng nếu bầu cử bây giờ ông sẽ đắc cử.*

Alexander Lebed

Sau đây là nguyên văn bài phỏng vấn của báo WSJ.

WSJ: **Giờ đây, ông là nhân vật chính trị được lòng dân nhất ở Nga. Ông tính sao để giữ được sự hiện diện chính trị đó trong vòng bốn năm nữa?**

Lebed: Tôi không loại bỏ việc trở lại Hội Đồng An Ninh. Tôi nghĩ rằng tổng thống đã bị lừa, và họ đã lạm dụng sự kiện ông ốm đau. Nhưng giờ đây, ông ta đang hồi phục, và tôi không loại bỏ trường hợp có thể ông sẽ xét lại vấn đề. Có thể đó sẽ là việc tôi trở lại chính phủ với chức vụ Phó Thủ Tướng. Tôi đang xem xét về mọi lựa chọn có thể có được. Dầu sao, họ cũng không làm được gì nếu không có tôi.

WSJ: **Tôi không chắc điều ông định nói là gì?**

Lebed: Tôi nói đùa, vậy mà ông tin là thật.

WSJ: **Ông có nghĩ rằng, những người Dân Chủ sẽ ngả theo phía ông và hỗ trợ ông?**

Lebed: Tôi không mấy tin tưởng rằng chúng tôi đang có những người Dân chủ. Thật là điều không thể có được, khi đi ngủ dưới một chính thể độc tài để rồi thức dậy trong một quốc gia dân chủ. Không thể chỉ nhất đán qua một đêm mà đã làm được điều đó. Nhưng đó lại đúng là lối mô tả trường hợp của chúng tôi. Chế độ độc tài đã cáo chung rồi. Giờ đây chúng tôi đang sống trong một xã hội tự do và dân chủ. Tự do đã được ban phát cho dân chúng, nhưng họ không biết sử dụng ra sao. Họ không được học hỏi và cũng không ai bắt đầu dậy cho họ hay tạo ra những cơ hội để họ được học hỏi. Dân chủ hóa là một sự tái cấu trúc vĩ đại của trạng thái tinh thần.

Sự thật là đã chỉ có lời tuyên bố giản dị: Chúng ta đang có dân chủ. Và khi mà thị trường tới, nó sẽ đặt mọi thứ đâu vào đấy. Quí vị phải đợi thị trường tới, như đợi ông già Giáng Sinh, Santa Claus, ông sẽ tới và tất cả sẽ tốt đẹp.

WSJ: **Ông sẽ làm thế nào để quét sạch tội phạm và tham nhũng?**

Lebed: Đó là một công việc khó khăn nhưng vẫn có thể làm được. Tôi chưa từng đặt ra mục tiêu là hoàn toàn tiêu diệt tội ác. Đó là một nhiệm vụ không thể làm được. Nhưng để giảm thiểu những vấn đề khó khăn lớn lao như buôn lậu ma túy, buôn bán vũ khí, và làm cho các dịch vụ thương mại được trong sạch, đó là những cái có thể làm được và nên làm. Tôi e rằng khó có thể giải thích được điều đó, nhưng chế độ thuế khóa của Nga là làm cho mỗi người, mỗi doanh nhân trở thành một kẻ tội phạm. Cứ mỗi đồng rúp kiếm được thì trong 100 kopecks, nếu ông là người may mắn, ông sẽ phải trả 92 kopecks tiền thuế.

Có tới 43 loại thuế và dù ông là một người thật thà và đứng đắn nhất, ông cũng sẽ bị bối rối. Và nếu ông không được may mắn, hay không có một kế toán gia giỏi, ông sẽ phải trả tới 121 kopecks tiền thuế cho mỗi đồng rúp. Nếu cứ như thế, hoặc ông sẽ đi đến chỗ phá sản hoặc ông sẽ phải ngừng lại việc làm ăn, hay bước qua cái giới hạn (của sự lương thiện) để bắt đầu ăn

gian với nhà nước. Ai nấy đều gãi đầu, nheo trán, tự hỏi phải làm cách nào để gian lận nhà nước. Và họ đã khá thành công.

Cho nên bước đầu tiên là xoay lại mọi chuyện từ đầu đến chân. Sắc thuế trung bình phải là 25%, nhưng cần phải có nhiều loại suất thuế khác nhau. Các cơ sở kỹ nghệ thương mại có thể gây một ảnh hưởng lớn lao tới môi trường sống thì phải trả thuế cao hơn. Một số những người khác phải trả ít hơn.

WSJ: **Khi ông trình bầy vấn đề như vậy cho chính phủ Yetsin, họ trả lời thế nào?**

Lebed: Họ khua tay và nói: "Sao, ông là một ông tướng mà."

WSJ: **Có thật là trên bàn giấy của ông Yetsin đã có sẵn kế hoạch tăng thuế?**

Lebed: Không ở trên bàn ông ta mà là ở trên bàn của ông Chubais.

WSJ: **Có phải ông Chubais chủ trương thị trường tự do?**

Lebed: Ông ta có hình ảnh một người theo thị trường gia tự do, nhưng chính do sáng kiến của ông, Ủy Ban Lâm Thời Đặc Biệt đã được lập ra. Ông còn nhớ (tổ chức công an) Cheka, tiền thân của KGB, (đó là) một tổ chức mà nhiệm vụ là để thâu thuế bằng sức mạnh. Giờ đây, lịch sử lại tự nó tái diễn hai lần, một lần dưới hình thức một tấn bi kịch, lần sau là hình thức một màn hài kịch. Cái Ủy Ban Lâm Thời Hiện Đại đầu tiên được lập ra vào năm 1918, do Felix Dzerzhinsky cầm đầu, mà mục đích là thu hút những thặng dư mùa màng của nông dân; nhưng nông dân thì chẳng có ý niệm nào là họ có thặng dư cả. Kết quả là giết mấy chục triệu người.

WSJ: **Ông có nghĩ rằng, ở Nga, một chương trình cắt giảm thuế do ông đề nghị sẽ được dân sự ủng hộ?**

Lebed: Có, và (sự ủng hộ) rất mạnh. Ở Nga, có nhiều người, những người mà như chúng tôi nói, cảm thấy một sự bất ổn lớn lao trong tâm hồn vì tình trạng hiện hữu. Thí dụ như, tôi là một nhà doanh thương, một người làm ăn. Tôi có tài, có học vấn. Tôi có một tốp cùng làm việc với nhau rất có hiệu quả. Và nếu nhà nước đặt tôi vào một cái khuôn khổ chật hẹp, đến nỗi, trái với ý muốn của tôi, tôi bắt buộc phải trở thành một kẻ gian tham.

WSJ: **Cảm nghĩ ấy có được biểu lộ trong đời sống chính trị của Nga?**

Lebed: Cảm tưởng đó có tính cách xã hội nhiều hơn là chính trị. Có một tổ chức rộng lớn, có tới 20 triệu người: Hội của Những Nhà Đầu Tư Gian Lận. Một số các giấy phép tài chính được những tên gian lận làm ra để làm mồi nhử một số đông những người khác. Những người này đem tiền đầu tư, để rồi những tổ chức họ đã đầu tư vào tan biến ra mây khói, không để lại một dấu vết gì: không văn phòng, không nhân viên, không trương mục nào trong ngân hàng. Còn những người khôn ngoan kia, họ nhún vai nói: Chúng tôi đâu có ép buộc các ông (phải đầu tư). Đây chỉ là một tập luyện thực dụng để học hỏi nền kinh tế thị trường.

Như vậy, trong khuôn khổ đó, bao gồm nhiều giới tiểu thương và trung thương, một cấu trúc gần như được hình thành nhằm bảo vệ xã hội khỏi các hiện tượng tương tự. Các đảng hay phong trào hùa theo nhà nước thấy tốt hơn là cứ giữ im lặng đối với việc thay đổi chính sách thuế khóa và trả lại những khoản đầu tư đã bị chiếm hữu.

WSJ: **Ông có ý thành lập một đảng chính trị từ nhóm đó mà ra không?**

Lebed: Có, nhưng tôi chán ghét làm luộm thuộm, cần phải có một mô hình khoa học. Tôi không muốn có quan hệ với những người đón thời cơ, vì khi có lợi cho họ, họ tự gọi họ là Cộng Sản, rồi sau lại tự gọi mình là dân chủ nếu có lợi. Giờ đây, nếu có dịp thuận lợi họ sẽ bắt đầu tự gọi họ là những người yêu nước.

WSJ: **Ông có thể nói về (Minh Ước Bắc Đại Tây Dương) NATO?**

Lebed: Đó là đề tài mà tôi ưa thích. Có những lý do ai cũng rõ, thể chế Xã Hội chủ nghĩa sụp đổ, Liên Bang Sô Viết biến mất, Minh Ước Quân Sự Warsaw tan rã. Thế giới trở thành đơn cực, nhưng cái cơ quan to lớn và được điều hành chặt chẽ vẫn còn, cái tổ chức quân sự và chính trị đó gọi là NATO.

Dù muốn hay không, chúng ta phải công nhận rằng, tất cả chúng ta đều đã là sản phẩm của cuộc Chiến Tranh Lạnh. Trải qua hàng chục năm rồi, những cuộc tẩy não chính thức hay không đã đặt vào trong tiềm thức của chúng ta hình ảnh một kẻ thù, và họ đã có phần thành công. Hãy hỏi một người thường dân ở Nga, một người ngoài phố, NATO là gì? và họ sẽ trả lời: Một đế quốc với giấc mộng xâm lăng thế giới bằng xe tăng, súng đạn, bom nguyên tử. Nếu ta yếu, chúng sẽ nhảy lên đè chúng ta. Cần gì tới một nắm đấm mạnh như vậy? Không còn cần thiết nữa. Không có kẻ thù, không có mục tiêu.

Tuy nhiên, chính cái tổ chức ấy phải được giữ lại, nhưng phải được định hướng lại: để tranh đấu chống lại khủng bố, chống lại việc buôn lậu ma túy, thi hành các nhiệm vụ gìn giữ hòa bình, phải hướng vào những mục tiêu rõ rệt hơn, để chống lại các hoạt động khủng bố bằng vũ khí nguyên tử hay hóa học, định một sứ mạng nhỏ hẹp hơn. Điều chính yếu là thay đổi lại các nhãn hiệu và bỏ đi cái tấm vải đỏ (dùng để khiêu khích) con bò mộng. Vì nếu khi nói đến NATO, tất cả những kẻ yêu nước giả hiệu kia ở Nga sẽ kêu gào chống đối.

Nếu ông thay đổi lại cái chức năng của nó, nếu ông thay đổi lại cái danh hiệu, tức khắc sẽ có cơ hội để thâu nhận cả Hung Gia Lợi, Lỗ Ma Ni, Nga, các quốc gia vùng Baltic, bất kỳ một

* "Con không đạt được điểm cao nhất ở trường, còn bố, bố cũng đâu có đạt được mức lương cao nhất ở sở, phải không bố?"

* "Tuyên Ngôn Độc Lập được ký ở đâu?"
"Ở chỗ cuối trang ạ."

quốc gia nào khác. Ông sẽ bắt đầu xây dựng một hệ thống an ninh đứng đắn trên một căn bản mới bởi vì có những điều kiện mới trên thế giới. Không phải trên căn bản của một số những hiến chương đã lỗi thời chẳng ràng buộc được ai, mà là ký kết những thỏa ước nghiêm minh, dưới những nguyên tắc có hiệu quả - đồng quyết định, đồng thi hành, đồng trách nhiệm.

WSJ: **Ông có nghĩ rằng chương trình cải tổ thuế khóa giờ đây ra trước quốc hội là quan trọng?**

Lebed: Tôi không đồng ý với điều đó. Tôi có thể vắn tắt để giải thích tại sao, theo một thí dụ tương đồng. Gần đây, một bộ luật hình sự cho nước Nga được đệ trình long trọng trước Quốc hội. Bộ luật này được thông qua, xong rồi. Giờ đây, trong số 350 điều khoản, chỉ có 10 điều trên nguyên tắc là chạy, nhưng thực tế chỉ có bốn điều là có thể áp dụng được mà thôi. Vậy thì sao còn viết ra những điều khoản kia làm gì? Cái ngôn từ có vẻ thuyết giáo quá, khó có thể áp dụng được. Cũng vẫn cái nguyên tắc ấy được dụng vào vấn đề cải tổ thuế khóa. Chỉ với một con mắt trần tục cũng có thể nhận thấy: chính ở chỗ này mà tham nhũng mới lớn mạnh. Ông không thể sống dựa vào (đạo luật) đó được. Tài liệu đó được đặt ra chỉ để phục vụ cho 3% hay 5% dân chúng là cùng. Tất cả số còn lại đều là những kẻ bị thua, nếu luật này được thông qua.

WSJ: **Nhân vật chính trị nào, còn sống hay đã chết, đáng được ông thán phục nhất?**

Lebed: Tôi không nghĩ rằng tôi thờ một nhân vật tuyệt đối anh hùng nào. Về nhiều phương diện, tôi rất thán phục thống chế Zhukov vì ông đã ba lần khiến bánh xe lịch sử quay ngược chiều lại. Một lần, khi ông chiến thắng được Nhật tại Khalkin-Gol và rồi Nhật bỏ quyết định tấn công Liên Bang Sô Viết ở Viễn Đông. Rồi tới lần thứ nhì, ông tổ chức cuộc tổng phản công ở Mạc Tư Khoa. Về tương quan lực lượng, đó là một chọi một, trái ngược lại với quy tắc quân sự. Nhưng ông ta đã phản công và đã thắng. Và một lần thứ ba là vào mùa Hè giá lạnh của năm 1953, ông ta bắt và bắn chết (giám đốc mật vụ) Beria. Thế là nước Nga lại được chuyển mình theo một chiều hướng khác.

WSJ: **Ai là cố vấn kinh tế của ông?**

Lebed: Tôi có cả một toán gồm có những người từ 30 đến 40, những quản trị viên các tổ hợp kỹ nghệ, những người có một tinh thần khác, những người muốn và có thể làm việc theo một lề lối mới. Tôi kính trọng những mái tóc hoa râm, điều này đúng, nhưng chấp nhận vào trong toán của tôi những người mà suốt đời chỉ lo chứng minh tính ưu việt của Xã Hội Chủ Nghĩa, và giờ đây bỗng nhiên họ lại bắt đầu xây dựng một nền kinh tế thị trường hay sao? Để tôi nói với ông, nếu chúng tôi nghĩ trước đây chúng tôi đã quá đủ, thì rất lầm. Hãy để cho họ giữ lại những chỉ thị của họ, giữ lại những huy chương của họ, những bằng cấp của họ, và để cho họ ngồi câu cá hay trồng dâu.•

TẠO VẺ ĐẶC BIỆT CHO GIÁNG SINH VÀ TẾT

BÁN MỘT DIVAN (PHẢN) BẰNG GỖ CẨM LAI

RẤT ĐẸP VÀ RẤT QUÝ

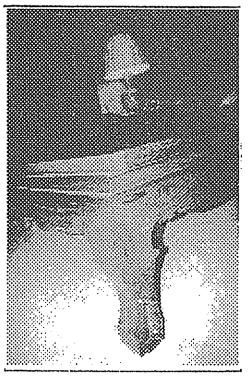

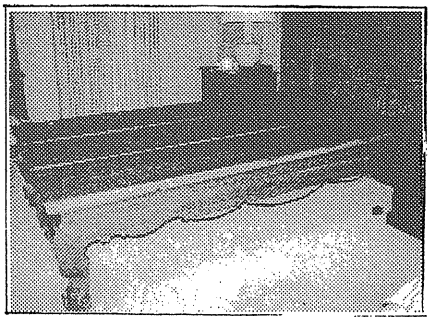

KÍCH THƯỚC DÀI 100" RỘNG 62" CAO 24". MẶT PHẢN GỒM 3 MIẾNG DẦY 2 1/2 INCHES. CHÂN PHẢN KHẮC KIỂU RẤT ĐẸP (Xin xem hình). GIÁ $10,000 BAO CHUYÊN CHỞ. CÓ THỂ THƯƠNG LƯỢNG

XIN GỌI: (901) 885-9231 (BAN NGÀY) HOẶC (901) 885-9490 (TỐI HAY CUỐI TUẦN)
(Nói Tiếng Anh)

CHIẾU HAY DỤ CẦN VƯƠNG?

TRẦN VIẾT NGẠC

Hiệp Hòa, vị vua muốn hòa với Pháp bằng mọi giá và đã thông mưu với khâm sứ Pháp De Champeaux để loại bỏ các vị phụ chính Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết đã bị triều đình phế bỏ.

Kiến Phúc lên ngôi, mở đầu một thời kỳ mới với nhiều chính sách tích cực nhằm chuẩn bị cơ sở vật chất, nhân sự và tinh thần cho một cuộc chống Pháp lâu dài. Có thể nói đây là một bước ngoặt trong đối sách kháng Pháp của triều đình Huế.

Cầm đầu nhóm chủ chiến là: Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thận Duật đã nắm giữ ba bộ then chốt: bộ Lại, bộ Binh và bộ Hộ. Khi vua Kiến Phúc băng hà vì bạo bệnh, cả ba đã trở thành phụ chính cho vị tân vương Hàm Nghi.

Trong thời gian Kiến Phúc và Hàm Nghi trị vì, nhiều chính sách tích cực đã được thi hành:

- Triều đình cho về quê lính già yếu, nâng cao tiêu chuẩn luyện tập bắn súng, cấp tuất cho quan quân thất lạc hoặc tử trận ở Bắc Kỳ và Thuận An trước đây. Cho chế tạo súng máy kiểu Hoa Kỳ và Đức. Nguyễn Hanh và Hồ Văn Hiển được phân công nắm giữ quân đội. Quân phấn nghĩa mới thành lập được giao cho Trần Xuân Soạn chỉ huy.

- Hệ thống sơn phòng được củng cố, mở rộng và xây dựng thêm. Mở thông đường thượng đạo từ kinh đô Huế với các sơn phòng phía Nam và phía Bắc. Xây dựng căn cứ Tân Sở và mở rộng Sơn Phòng Dương Yên (Quảng Nam) để làm hai trung tâm điều hành công cuộc kháng Pháp một khi vua phải rời kinh thành Huế để bắt đầu cuộc kháng chiến. Lương thực, khí giới, tiền và vàng bạc được chuyển từ Huế ra Tân Sở và Dương Yên.

- Triều đình chọn lựa để bổ dụng các chánh sứ sơn phòng, chuẩn bị khung nhân sự cho bộ máy Cần Vương. Ban hành nhiều chính sách khích lệ các dân tộc miền núi. Mộ quân sơn cước để làm lực lượng kháng chiến.

- Đối với sĩ phu, văn thân, triều đình mở các ân khoa hương và hội. Đặc biệt là triều đình đã động viên nhân lực qua việc "triệu dụng các tiến sĩ, phó bảng và ẩn quan tại quán" (Dụ được ban hành đầu năm Giáp Thân - 1884). Chính Phan Đình Phùng, Nguyễn Duy Hiệu... đã được giao nhiệm vụ trong thời gian này.

- Tinh giản bộ máy hành chính trung ương từ 539 quan xuống còn 291 vị để tăng hiệu lực quản lý đồng thời có điều kiện tăng lương bổng.

- Các phần tử thân Pháp bị kết án, bị an trí hoặc bị gián chức như: Tuy Lý, Hồng Hưu, Nguyễn Trọng Hợp, Trần Văn Chuẩn... Nguyễn Hữu Độ bị khiển trách vì lộng quyền ở Bắc Kỳ.

Tất cả công việc đó đều bị các giáo sĩ Tây phương theo dõi, Puginier ở Bắc kỳ và Camelbeck ở Quy Nhơn tường trình rất chi tiết cho Pháp.

Trước tình hình chuẩn bị của nhóm chủ chiến, Pháp quyết tâm loại bỏ nhóm chủ chiến mà Tôn Thất thuyết là linh hồn. Chính sách của họ là gây sức ép và nếu cần tạo điều kiện để nổ ra cuộc xung đột quân sự, không cho nhóm chủ chiến hoàn tất quá trình chuẩn bị. De Courcy đã được gửi đến Huế để thực hiện nhiệm vụ đó.

Những yêu sách "không thể chấp nhận được," thái độ hống hách của De Courcy không phải do tính tình nóng nảy của y như nhiều người biện giải. Đó là một thái độ và hành động có chủ tâm. De Courcy yêu cầu các vị phụ chính phải hội kiến với y ở Tòa Khâm để bàn bạc nghi lễ yết kiến vua Hàm Nghi trong khi y âm mưu bắt Tôn Thất Thuyết. De Courcy đòi tất cả phái đoàn của Pháp (cả những binh nhì) phải được đi vào đại nội bằng cửa chính ở Ngọ Môn, trong khi cửa này chỉ dành riêng cho Đại Nam hoàng đế. Để làm dịu tình hình, triều đình Huế đề nghị De Courcy thảo luận thêm với Viện Cơ Mật, và bà Thái hoàng thái hậu Từ Dũ gửi quà tặng đến De Courcy. De Courcy gạt bỏ cả hai hành động thiện chí. Trước tình thế đó, để tránh xung đột, Tôn Thất Thuyết đã đề nghị một giải pháp khá nhún nhường: viết thư cho De Courcy biết Tôn Thất Thuyết sẽ từ chức thượng thư bộ Binh, triều đình sẽ cử người khác thay thế và vị tân thượng thư sẽ cùng Nguyễn Văn Tường sang Tòa Khâm phó hội (1). Sự kiện rất quan trọng đó đã xảy ra vào chiều ngày 4.7.1885 (22 tháng Năm, Ất Dậu) nhưng không được các tác giả đề cập đến khi viết về biến cố kinh thành Huế thất thủ. Nội dung bức thư được Nguyễn Văn Tường tóm tắt trong bức thư gửi cho Thống đốc Tahiti và cũng được nhắc đến trong hai tư liệu gốc *Đại loạn năm Ất Dậu* và *Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự (2).*

Tôn gửi qua xin lỗi một tờ
Toàn trả lại không thèm ba chữ
(Đại loạn năm Ất Dậu)
Thuyết e sinh sự chẳng hiền
Gửi thư tạ lỗi, toàn quyền không coi!
(Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự)

Trước thái độ bức bách của De Courcy, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thận Duật, Trần Xuân Soạn đã phải chọn giải pháp tấn công quân Pháp để rước vua Hàm Nghi rời kinh thành, ra lệnh cho cuộc Cần Vương bắt đầu. Nguyễn Văn Tường

Tôn Thất Thuyết

ngay sau sự kiện De Courcy trả lại thư của Tôn Thất Thuyết vẫn chủ trương thương thuyết với Pháp và vì vậy đã không được thông báo về kế hoạch tấn công Mang Cá và Tòa Khâm vào lúc nửa đêm.

Kinh thành Huế thất thủ, Nguyễn Văn Tường vào đại nội rước vua và tam cung tạm lánh lên Khiêm Lăng để tiếp tục thương thuyết. Khi Tường được lệnh bà Từ Dũ ở lại, vào nhà thờ Kim Long để qua giám mục Caspar, thương thuyết với De Courcy thì Tôn Thất Thuyết kịp đuổi theo ngự giá và chuyển hướng vòng ra ngã Trường thi (La Chữ) để rồi theo con đường thiên lý, đưa vua ra Tân Sở, thực hiện kế hoạch Cần Vương tuy việc chuẩn bị chưa được hoàn tất.

Ngay từ khi ngự đạo đến Văn Xá, Tôn Thất Thuyết đã gửi phái viên vào các tỉnh phía Nam để thông báo về sự biến 23 tháng Năm Ất Dậu.

Sau đó từ căn cứ Tân Sở, ngày mồng 2 tháng Sáu Ất Dậu (13.7.1885), Dụ Cần Vương được thảo và ban hành cùng lúc với Dụ cho Nguyễn Văn Tường và tiếp theo là Dụ cho hoàng tộc, ngày 7 tháng Sáu.

Dụ Cần Vương được nói đến trong *Đại Nam Thực Lục, đệ ngũ kỷ (1883-1885)* nhưng không ghi lại nội dung vì quyển này được hoàn thành vào năm Thành Thái thứ 14 (1902) trong khi Dụ cho nguyễn Văn Tường và Dụ cho hoàng tộc được ghi lại nội dung đầy đủ.

Nguyên dụ này chỉ do một nguồn tư liệu duy nhất cung cấp, đó là *Trung Pháp chiến tranh tư liệu (tập 7)*, được Chu Thiên dịch và in trong cuốn *Thơ văn yêu nước nửa sau thế kỷ XIX* dưới nhan đề **Hàm Nghi đế chiếu.** Cũng từ nguồn tư liệu trên, Lê Thước đã dịch một bản khác dưới nhan đề **Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi**, in trong phần phụ lục cuốn *Bài ngoại liệt truyện* của Phan Trọng Mưu.

Cả hai bản dịch đều bắt đầu bằng *Dư:* hoặc *Dư rằng:* là hình thức mở đầu một *dụ* chứ không phải một *chiếu.*

Gần đây, Trần Đại Vinh và Lê Văn Sách có phát hiện một bản khác với đầu đề là *"Cần Vương Chiếu"* nhưng không có phần mở đầu của dụ hay chiếu.

Theo hình thức quy định, dụ bao giờ cũng bắt đầu bằng hai chữ: **Dụ viết.** Còn bài chiếu được bắt đầu bằng cụm từ: *Thừa Thiên hưng vân, hoàng đế chiếu viết* hoặc *Phụng thiên thừa vận hoàng đế chiếu viết...* (3) Về tính chất, *Dụ* là một lệnh, sắc lệnh có giá trị như một sắc luật mà sự thi hành, tuân thủ có tính cách bắt buộc. *Chiếu* là một tuyên cáo, một lời kêu gọi, như chiếu dời đô, chiếu lên ngôi, chiếu cầu hiền...

Ngoài *Đại Nam thực lục* ghi là *Dụ thiên hạ Cần Vương, Dụ Cần Vương* (4), ta có thể tìm thấy những chỉ dẫn tương tự trong hai tư liệu gốc *Dậu Tuất niên giang phong hỏa ký sự* và *Đại loạn năm Ất Dậu (5):*

Tôn Thất Thuyết lánh thân thoát khỏi
Tống du *ra giục hối thân hào*
(câu 67-70)

Và sau đó là 22 câu, tóm tắt nội dung dụ Cần Vương:

"Giặc Tây đến cõi nam giao,
Tham tàn, kiêu lộng người nào chẳng hay?
Nó từ hòa ước đến nay,
Cậy tài lấn thế mỗi ngày một hơn.
Quan quân ai chẳng giận hờn,
Ghét loài quỷ trắng bất nhơn vô nghì.
Vua cực chẳng đã phải đi,
Trăm quan sĩ thứ vậy thì tính sao?
Thiếu chi trí cả tài cao,
Thiếu chi vật lực phú hào nước Nam
Rày đã gặp hội phải làm
Những người khí khái chực hầm đã lâu
Đến nay còn ẩn nơi đâu
Sao không dẹp loạn ngõ hầu sửa an?
Bình Tây sát Tả đã toan,
Ấy là hảo hội phục hoàn cố cương
Dẹp trừ xong lũ Tây Dương
Nước ta mới đặng cửu trường an ninh.
Bằng ai đầu ám khí minh,

Trong lòng cầm thú, ngoài mình áo xiêm.
Triều đình đã có phép nghiêm,
Mặc loài phản quốc..., hiểu niềm trung quân."
(câu 71 đến câu 92)
Văn thân thấy dụ *vui mừng*
(câu 93)
Đại loạn năm Ất Dậu cũng ghi:
Dụ Hàm Nghi *mới tống đạt khắp nơi*
Mưu Tôn Thuyết đã vẽ bày đủ lối
(câu 145-146)
Ở một đoạn khác:
Việc gây loạn tại ai đã biết
Tú Địch về là Thuyết sai vô.
Khi đà thất thủ kinh đô,
Mượn danh hồi quán, thăm dò phía trong.
Trải qua Nam Ngãi một vòng
Truyền miệng dụ *mới giục lòng văn thân.*
(câu 254-248)

Như vậy, bản văn mà chúng ta quen gọi là chiếu Cần Vương, Hàm Nghi để chiếu... đúng ra là **Dụ Cần Vương**, một mệnh lệnh của vua Hàm Nghi gửi cho toàn dân để thực hiện nghĩa vụ Cần Vương cứu nước mà cơ sở vật chất, nhân sự và tinh thần đã được chuẩn bị từ cuối năm Quý Mùi (1883).

Chúng tôi cũng rất băn khoăn về cái được gọi là *Chiếu Cần Vương 2* mà theo Gosselin trong *le Laos et le Protectorat francais (Paris, 1900)* được ban hành ngày 11 tháng Tám năm Ất Dậu (19.9.1885). Gosselin gọi bản văn đó là *proclamation*, Vũ Văn Tỉnh dịch là *chiếu* (6).

Về nội dung có nhiều chỗ rất đáng ngờ:

1. Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây *hai*năm sau khi ta nhượng ba tỉnh miền Đông (1862) - Đúng ra là *năm* năm.

2. Hội đồng Cơ Mật đã họp và quyết định thử một trận khởi công ở Huế. Nếu thắng, Nguyễn Văn Tùng sẽ hộ tống nhà vua ra Nghệ An còn Tôn Thất Thuyết ở lại để trừ bọn giáo dân.

Không có cuộc họp Cơ Mật viện và Nguyễn Văn Tường không hay biết gì về cuộc tấn công nửa đêm.

3. Bài chiếu ban hành ngày 19.9.1885, cùng ngày với bài chiếu lên ngôi của Đồng Khánh (11.8 Ất Dậu) mà Gosselin đề cập trong cuốn *l'Empire d'Annam* xuất bản bốn năm sau đó (1904). Trong cuốn sau, Gosselin không hề đề cập đến bài chiếu Cần Vương bày.

4. Nội dung của bài chiếu là mạt sát Nguyễn Văn Tường thậm tệ (*tên yêu quái ất, tên gian giảo, tên Tường hèn mạt giả dối kia, tên Tường gian trá, tên Tường phản phúc*) vào một thời điểm mà Nguyễn Văn Tường đã bị De Courcy đày đi Côn Lôn và sau đó Tahiti. Ngày Tường bị đày là 28 tháng Bảy Ất Dậu tức là ngày 6.9.1885. Trước đó, ngày 6 tháng Tám, Ưng Kỷ đã được đưa vào cung để nối ngôi. Vậy mà bài *chiếu* không hề đề cập gì đến Đồng Khánh cả.

5. Thường thường cuối bài chiếu kết thúc bằng câu: *bá cáo xa gần, đều được nghe thấy*, hoặc *Vậy, đặc biệt bá cáo khắp nơi, khiến cho mọi người đều nghe biết. Khâm thử. (7) Cuối tờ "chiếu" nói trên kết thúc bằng một lời phân trần, rất có hại cho uy tín đế vương: "Trẫm nói toàn sự thực, không giả dối chút nào."*

6. Ngoài nguồn thông tin từ Gosselin trong cuốn sách đã dẫn, hầu như không thể tìm thấy ở một nguồn tư liệu nào khác như *Đại Nam thực lục, Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự, Đại loạn năm Ất Dậu* hay *Vè thất thủ kinh đô* và cả trong cuốn *L'Empire d'Annam*, cùng một tác giả xuất bản bốn năm sau đó. Đó là một điều bất thường dưới khía cạnh khảo chứng tư liệu và sự khả tín của tư liệu vì thế càng rất đáng ngờ.•

KHAI THUẾ VÀ KẾ TOÁN

VĨNH KHẢI

Enrolled Agent

Chuyên gia thuế vụ
Đại diện thân chủ trước các cơ quan thuế
Tốt nghiệp Cao Đẳng Thương Mại (HEC) tại Pháp
BS Computer Science
Nguyên Giám đốc Kế toán (Controller) nhiều xí nghiệp Hoa Kỳ

10872 Westminster Ave. #102, Garden Grove, CA 92843
(Khu Vanco)

Tel: (714) 530-0678

Chú thích:

(1) Nguyễn Văn Mại, *Lô Giang tiểu sử*, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Nguyễn Hy Xước, in ronéo. Tài liệu của gia đình họ Nguyễn.

(2) *Đại loạn năm Ất Dậu* và *Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự* được in trong Lam Giang - Võ Ngọc Nhã, Đặng Đức Tuấn, tinh hoa công giáo ái quốc Việt Nam, tác giả xb, Saigon 1970.

(3) Xem *Tự Đức thánh chế văn tam tập*, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Bùi Tấn Niên và Trần Tuấn Khải. Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa (Saigon) xuất bản năm 1973.

(4) Quốc sử quán (Nguyễn) *Đại Nam thực lục*, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Nguyễn Ngọc Tỉnh, tập 36, nxb KHXH, Hà Nội, 1976, trang 225, 241, 244.

(5) *Dậu Tuất niên gian phong hỏa ký sự* gồm 860 câu, là một bài thơ trường thiên do một trí thức Công giáo soạn vào thập kỷ 80 thế kỷ XIX.

Đại loạn năm Ất Dậu gồm 420 câu.

(6) Vũ Văn Tỉnh - *Chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi* - tạp chí NCLS số 140 (1971) hàng 54-56.

(7) Xem *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 36 trang 22, tập 37 trang 28. •

NHƯ PHONG LÊ VĂN TIẾN: LỜI NÓI PHẢI CỦ CẢI NÓ CŨNG NGHE

NGÔ NHÂN DỤNG

Tháng trước, ngay sau khi có tin Tiêu Dao Bảo Cự bị bắt giam hai ngày ở Đà Lạt, nhà báo Như Phong nghe điện thoại gọi từ cơ quan Asia Watch, một tổ chức tranh đấu cho nhân quyền, trụ sở ở New York. Người gọi muốn biết tin tức: về vụ bắt giam này, về tiểu sử của Bảo Cự, nguyên do tại sao nhà văn này bị bắt, v.v... Như Phong Lê Văn Tiến cung cấp tất cả những tin mà ông biết về vụ bắt Bảo Cự. Ông vẫn nhớ, chính tổ chức Human Rights Watch, phân vụ Á châu, đã tặng ông một giải thưởng về **Tự Do Phát Biểu** (Free Expression Award) năm 1993, khi ông còn ở Việt Nam. Có lẽ một phần nhờ giải thưởng đó mà ông không bị bắt trở lại. Ông coi việc giúp các tổ chức tranh đấu cho quyền làm người, nhất là quyền của con người ở Việt Nam là một bổn phận.

Như Phong Lê Văn Tiến (Ảnh Lý Kiến Trúc)

Trong lúc Như Phong đang nói thì Trần Như Hùng đến. Như Phong giới thiệu: "Tôi sẽ nhờ người bạn tôi nói chuyện với ông. Ông Hùng làm việc cho đài phát thanh ở Úc, chính ông ấy tiếp xúc với nguồn tin. Hùng, đây là ông Shin, Asia Watch."

Sau khi trao điện thoại cho Hùng, Như Phong quay lại kể: "Sáng nay tôi mới gọi cho Hoàng Minh Chính, báo tin Bảo Cự bị bắt. Anh ấy cám ơn quá, vì ở Hà Nội cac anh ấy chưa biết gì về tin đó cả."

Một vụ bắt bớ xẩy ra ở Đà Lạt vào ngày thứ hai, đến ngày thứ tư tin tức từ California mới truyền về đến Hà Nội! Như Phong làm các công việc thông tin đó, tự nhiên như thở khí trời. Mà nếu không được thở như vậy thì chắc ông khó sống. Không tiếp tục tranh đấu cho quyền sống làm người của dân tộc Việt Nam, như ông vẫn làm từ thời Pháp thuộc, thời Nhật, thời Cộng Hòa hay Cộng Sản, thì chắc ông cũng không thấy còn hứng thú trong đời sống.

Sau khi nói chuyện với người tên Shin ở New York xong, Trần Như Hùng tươi cười: "Hóa ra thằng này nó quen em. Nghe tên Shin em đã ngờ ngợ. Hồi em đi Hồng Kông, làm trong trại tị nạn thì nó cũng ở đó. Nó là Mỹ gốc Đại Hàn, rất có lý tưởng. Chưa đến 30 tuổi!"

Như Phong Lê Văn Tiến không phải chỉ cung cấp tin cho các tổ chức tranh đấu cho nhân quyền. Ông cũng là kho tài liệu sống của bao nhiêu người hoạt động trong các lãnh vực báo chí, truyền thông. Khi đài phát thanh BBC, VNCR, Little Saigon, hay báo *The Far Eastern Economic Review* muốn tham khảo về một tin tức mới từ Việt Nam loan đi, họ thường phỏng vấn Như Phong. Sau khi đảng Cộng Sản Việt Nam kết thúc đại hội Tám, nhật báo Người Việt muốn tổ chức một buổi thuyết trình để phân tích nội tình đảng Cộng Sản và tình hình trong nước sau kỳ họp đó, người được mời thuyết trình là nhà báo Như Phong. Khi Lê Đức Anh bị đưa vào nhà thương vì xuất huyết trong não, các nhà báo đến hỏi ông về thủ tục và các thế lực trong đảng khi họ chọn người thay thế, nếu ông Chủ tịch nhà nước này qua đời. Người ta muốn nghe ông nói, không phải vì ông biết nhiều, mà vì ông là người trung thực, khách quan, công bằng đối với bạn cũng như thù. Thật ra những ai gần ông thì biết ông không coi người nào là kẻ thù. Tất cả chỉ là những vai trò, đóng trên sân khấu cuộc đời. Và ở tuổi 73, ông biết nhiều, và còn nhớ rất nhiều! Ông có thể kể các chuyện về Khái Hưng cũng như Trường Chinh, về gia đình Lê Đức Thọ hay nhóm Hàn Thuyên, cho đến nạn đói năm Ất Dậu, ngày Nhật đảo chính Pháp. Ông theo dõi tin tức trong nước, nghe đài, đọc báo, và luôn luôn tiếp xúc với các đồng nghiệp khắp thế giới. Có lẽ tinh thần lạc quan, óc vô tư không cầu danh, không nghĩ đến lợi giúp ông trẻ mãi, và đủ sức khỏe để tuyệt thực nhiều lần trong thời gian ở tù.

Nếu có tên một nhân vật nào đó trong đảng Cộng Sản vừa xuất hiện trong một bản tin Reuter chẳng hạn, người ta có thể gọi tới Như Phong, hỏi thêm. Ông sẽ suy nghĩ giây lát rồi rút

ra trong *bộ nhớ* của ông một *hồ sơ* để tham khảo. "Cái anh này, nó có ở Trung Ương khóa Sáu, Bẩy. Khóa Tám thì nó rớt... Còn anh này, hồi xưa nó đi với cánh Mai Chí Thọ, sau nó về với phe..." Đối với lớp người làm báo tương đối trẻ, Như Phong là một bậc đàn anh, người anh lớn, nhưng một đàn anh rất hoạt động, vui tính, thân mật, coi mọi đồng nghiệp là ngang vai bằng lứa, và đôi khi ông còn rất tếu! Ông hay tếu hơn rất nhiều người trẻ tuổi hơn ông.

"Tôi là người luôn luôn lạc quan!" Như Phong nói, khi được hỏi ông nghĩ thế nào về tình hình tương lai Việt Nam. Có người trẻ tuổi đã phê bình rằng Như Phong lắm lúc lạc quan quá. Ông tin rằng Việt Nam sẽ thoát nạn Cộng Sản, và sớm chứ không muộn. Ông tin ở sự thật và lẽ phải. "Lời nói phải củ cải cũng nghe!" ông nhắc lại câu tục ngữ, và không quên nhấn mạnh "...Nếu mình nói mà không vụ danh, không vụ lợi!"

Không danh lợi, đó cũng là nếp sống tự nhiên của Như Phong Lê Văn Tiến. Không vợ con, giao thiệp với mọi người, mọi lứa tuổi, nhưng không để óc bè phái làm mất tinh thần khách quan. Không vào đảng chính trị nào, dù quen biết các nhân vật của đủ các đảng. Ông chưa giữ một chức vụ nào trong chính quyền, dù có khi ông được mô tả là người đề nghị tên của hàng chục vị tổng trưởng, bộ trưởng trong một chính phủ thời Việt Nam Cộng Hòa. Ông chỉ góp ý kiến cho vị thủ tướng thời đó về một danh sách chính phủ với điều kiện chính ông không tham dự, để bảo đảm việc đề cử của ông vì công ích, không phải vì tình riêng. Nhà báo Phan Lạc Phúc viết về Như Phong: "Ngoài nghề viết báo anh còn là một yếu nhân trong hậu trường chính trị. Anh có dáng vẻ một quân sư cỡ lớn. Nhiều chính khách thời Đệ nhị Cộng Hòa chạy một chân bộ trưởng hoặc Tổng giám đốc thường lui tới căn gác treo đầy phong lan của nhà báo Như Phong... Ông giống như một con rồng lẩn khuất trên mây...không rõ hình dung thật sự thế nào." Hiện nay Như Phong vẫn sống thanh bạch trong một căn nhà thuê tại khu Tiểu Sài Gòn. Đôi khi ông về ở tiểu bang Arizona để có nơi yên tĩnh làm việc. Ông mở cửa tiếp xúc với thế giới bên ngoài qua một máy điện thoại, một máy Fax, và cái computer sách tay. Với mấy phương tiện đó, ông trò chuyện hàng ngày với London, Paris, Hồng Kông, Washington D.C., và đôi khi đột kích gọi về cho Nguyễn Hộ ở Sài Gòn hay Hoàng Minh Chính ở Hà Nội.

Cuộc đời làm báo của Như Phong bắt đầu năm 1945, khi ông 22 tuổi, làm phóng viên cho tờ *Việt Nam Thời Báo. <165> Cũng trong năm đó, ông làm cho báo Ngày Nay,* do Khái Hưng làm chủ nhiệm, một cơ quan ngôn luận của Đại Việt Quốc Dân Đảng. Nhưng Như Phong không tham gia sinh hoạt của đảng này. Năm 1954, ông cùng nhiều nhà văn miền bắc di cư lập ra nhật báo *Tự Do.* Ông làm chủ bút nhật báo này cho đến năm 1963. Cũng trong thời gian đó, ông là một hội viên sáng lập Trung Tâm Pen Club Việt Nam (1957). Sau khi rời nhật báo Tự Do, ông trở thành một ký giả độc lập, cộng tác với các tổ chức bao chí quốc tế như *The Forum World Features* , hay tạp chí *The China Quarterly.* Từ khi tới Hoa Kỳ, năm 1994, ông cộng tác với nhật báo *The Asian Wall Street Journal.* và *Far Eastern Economic Review.* Trong thời gian còn ở tù dưới chế độ cộng sản, Như Phong đã được mời làm hội viên danh dự của nhiều trung tâm PEN Club ở Âu Châu và Bắc Mỹ. Nhưng cuộc đời ông đã biết mùi tù đầy từ năm 20 tuổi.

Năm 1943, Như Phong đã bị Pháp bắt bỏ tù. Sau đó đến lượt Nhật, rồi Việt Minh bắt giam ông. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ông cũng từng bị bắt giam. Nhưng thời gian bị tù lâu nhất của ông là thời Cộng Sản. Ông bị giam hai lần, từ 1976 đến 1988, rồi từ 1990 đến 1992. Khí phách của ông được tất cả các bạn tù kính nể. Những người đã thoát trước ông như Trần Thị Thức, Đinh Quang Anh Thái, Trần Dạ Từ, v.v. đều nói đến tư cách dũng cảm, an nhiên của các tù nhân vì lương tâm, như Như Phong, Doãn Quốc Sĩ, Hà Thượng Nhân, Thanh Tâm Tuyền, v.v. với niềm kính phục. Nhà báo Phan Lạc Phúc viết về Như Phong: "Những huyền thoại trong tù của Như Phong cũng như của Hà Thượng Nhân đã khiến cho nhiều bạn tù cảm kích. Các anh là những tù nhân lương tâm. Là người thất trận sa cơ nhưng các anh là đại diện chân chính cho làng báo miền Nam, không cúi đầu trước uy vũ bao giờ."

KICON

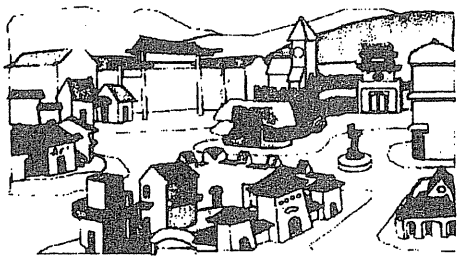

http://kicon.com

12866 Main Street, Suite 101
Garden Grove, CA 92840
Tel: (714) 590-3080
Fax: (714) 590-3084

Sức chịu đựng dẻo dai của ông trong cảnh tù đầy còn làm cho người không ở tù phải kinh ngạc. Ngay sau khi rời Việt Nam ông đã giúp ngay PEN Quốc tế để tranh đấu cho quyền Tự Do Ngôn Luận ở nước nhà. Nhà báo Dinah Lee Kung kể trong bản tin của PEN tháng Mười Một, 1994: "Trong vụ bị bắt giam gần đây nhất ở Sài Gòn, ông bị giam cùng một phòng với 35 nhà trí thức khác, mỗi người được 75 cm không gian. Tù nhân không bao giờ được rời khỏi phòng giam... Mặc dù sau nửa thế kỷ bị tù đầy nhiều lần, lòng thiết tha của ông đối với nghề báo vẫn không giảm đi chút nào..."

Năm 1975, Như Phong đã quyết định ở lại Việt Nam dù nhiều người bạn thúc dục, khuyên ông nên ra đi. Ông viết thư cho một nhà báo ngoại quốc nhờ giúp đỡ một người em ra đi, trước ngày 30 tháng Tư. Một người bạn của ông, giáo sư Patrick J. Honey, viết cho người em ông ở Mỹ, ngày 7 tháng Bảy năm 1975, than thở chuyện Như Phong quyết định không đi, " *I could never get him to leave his beloved Việt Nam - Tôi chẳng thể nào khiến ông ta rời khỏi được nước Việt Nam yêu dấu của ông.*" Hai mươi năm sau, cũng chính giáo sư Honey đã viết trả lời thư Như Phong, viết sau khi sang đến Mỹ: "Tôi đọc, rồi đọc lại thư anh... với sự kinh ngạc lớn lao và niềm cảm phục vô bờ về sức chịu đựng những nỗi cực khổ về vật chất cũng như tinh thần của anh. Tôi biết rằng trong thư anh không viết gì về tất cả những nỗi cực khổ trong đời sống tù đầy đó...Làm cách nào một con người có thể sống sót sau khi tuyệt thực bẩy tuần lễ, nhất là sau khi đã chịu đựng cảnh khốn khổ tù đầy, thật ngoài sức tưởng tượng của tôi! ...Làm cách nào anh còn giữ được sự tỉnh táo, chưa nói đến những quan tâm về trí thức, sau bao nhiêu năm sống trong cảnh đó, thật là đáng kinh ngạc! ... Tôi không thể tưởng tượng có một người thứ hai nào trên trái đất này còn muốn bắt đầu xuất bản một tờ báo vào cái tuổi 71 của anh, mà coi đó chỉ là một bước đầu để xây dựng..." Yêu nghề, say mê việc làm báo, lúc nào cũng quan tâm đến tình hình, đó là nếp sống của Như Phong. Ngay trong cảnh tù đầy, Như Phong vẫn không bỏ thói quen theo dõi tin tức thế giới. Ra khỏi tù, ông đi ra Bắc, vào Nam, gặp gỡ bạn bè, đồng nghiệp. Khi đế quốc Nga Xô sụp đổ, chính các công an cộng sản ở Sài Gòn đã tìm gặp Như Phong để hỏi han, nhờ phân tích tình hình.

Lòng kính trọng của đồng nghiệp, niềm tin tưởng của lớp đàn em đi sau, về khả năng nghề nghiệp cũng như về tư cách, đó là điều mà nhà báo Như Phong có thể hãnh diện. Dù ông là người sống rất đơn sơ, và khiêm tốn một cách chân thành. Những gnười theo đuổi nghề làm báo sau ông có thể thấy nơi ông một tấm gương. Ông tặng cho họ một niềm tin vào nghề nghiệp. Công việc của nhà báo là dùng lời nói của mình, dùng lời nói phải, vì nói sự thật. Như câu tục ngữ mà ông mới nhắc tới, "Lời nói phải củ cải cũng nghe." Ước mong những người làm báo Việt Nam, ở trong cũng như ngoài nước, cùng lấy câu tục ngữ này làm châm ngôn.●

DAN RX PHARMACY

6255 University Ave., Ste. F, San Diego, CA 92115

Tel: (619) 287-2660 * Fax: (619) 287-5968

THUỐC MỚI NHẬP NGÀY ĐÁO HẠN CÒN XA
GIÁ CẢ NHẸ NHÀNG
GẦN PHÒNG MẠCH BÁC SĨ
BÃI ĐẬU XE RỘNG RÃI
GIAO THUỐC TẬN NHÀ, MIỄN PHÍ

CMS

NHẬN: MEDI-CAL, MEDICARE
CIGNA: DMERC
& CÁC LOẠI BẢO HIỂM

MEDIMPACT: CHG, PHP, MEDCARE, COMPCARE, PACIFICARE, PCS, PCN
WELLPOINT PRO-SERV: BLUE CROSS, BLUE SHIELD
AETNA: ALL PLANS, SELECT CHOICE, CHAMPUS METRAHEALTH, MEDIMET, THETRAVELERS, PAID PRESCRIPTIONS, PERSCARE, USC, GEM, GPP, MPS, CPM, FOUNDATION HEALTH PROVANTAGE, COMMUNITY RX, APB AMERICA

WELCOME: COMMUNITY HEALTH GROUP MEMBERS

ĐẶC BIỆT: NHẬN CHƯƠNG TRÌNH CMS

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 6:00 PM
Thứ Bảy: 9:00 AM - 3:00 PM

DƯỢC SĨ NGUYỄN THẾ DANH kính mời

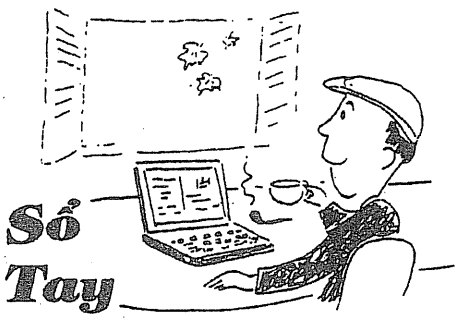

CLINTON TÁI CỬ

Như coi một vở kịch biết trước đoạn kết, cuộc tranh cử năm nay ở Mỹ ai cũng đoán ông Clinton sẽ thắng. Chỉ có chút hồi hộp khi đảng Cộng Hòa vẫn chiếm đa số mạnh ở Hạ Viện, tiếp tục kiểm soát ngành lập pháp. Số cử tri đi bầu năm nay dưới 50% tổng số. Năm 1896 có 80% cử tri Mỹ đi bầu. Ngày nay khi dân chúng California còn tính lái xe đến xếp hàng bỏ phiếu thì họ đã nghe kết quả cuộc thăm dò ngoài phòng phiếu ở New York, Chicago, biết Clinton sẽ thắng rồi.

Năm ngoái Robert H. Wiebe, Đại học Northwestren xuất bản cuốn *Self-Rule: A Cultural History of American Democracy*. Cuốn sách có thể giải thích phần nào kết quả cuộc bầu cử năm nay.

Từ đầu thế kỷ 19, nền chính trị nước Mỹ đã thay đổi. Vai trò lãnh đạo của các nhà cách mạng ưu tú (revolutionary elite) đã bị thay thế bằng giới chính trị địa phương, dựa trên đảng phái (local, party lodge-based politics). Cuộc thay đổi trong xã hội đầu thế kỷ 20 tạo nên một giai cấp chính trị mới xuất thân từ giai cấp trung lưu, mà Wiebe gọi là "giai cấp toàn quốc" (a national class). Đó là những người chuyên nghiệp trong lãnh vực luật pháp, văn hóa, nghệ thuật, những người mà nghề nghiệp khiến họ có thể sinh sống ở bất cứ nơi nào. Chính giai cấp "ưu tú" này đã đưa quyền tự do cá nhân lên thành một giá trị cao nhất. Họ chiếm lĩnh ngành tư pháp và nền hành chánh công quyền.

Trong khi đó vẫn có một giai cấp Trung lưu có bản chất địa phương, không đề cao tự do cá nhân quá, họ đề cao "giá trị của cộng đồng" (community values) mà ngày nay đang trở thành thời thượng. Nền chính trị Mỹ, từ thời New Deal là tác động hỗ tương của ba nhóm: giai cấp ưu tú toàn quốc, trung lưu địa phương, và những người bị trị khác. Những cuộc bầu cử trong mười năm gần đây là đấu trường của hai giai cấp ưu tú trên, tranh thủ lá phiếu của lớp người thứ ba, mà nhiều người không thèm đi bỏ phiếu nữa.

Cách phân tích của Wiebe không hẳn đã giải thích đủ sinh hoạt chính trị nước Mỹ, nhưng có lẽ còn có khả năng giúp ta hiểu dễ hơn những sự phân biệt cũ và quen thuộc như: Cánh tả / Cánh hữu, hay Tư bản / Vô sản.

Năm nay đảng Dân Chủ đáp ứng được nhu cầu của giai cấp ưu tú toàn quốc, trong khi đảng Cộng Hòa lôi kéo được sự ủng hộ của giới trung lưu địa phương. Vì thế Dân Chủ chiếm ngôi vị hành pháp trong khi Cộng Hòa đưa ra các dân biểu và nghị sĩ để giữ thế cân bằng và kiểm soát lẫn nhau. Giải thích như vậy có lẽ nghe sướng hơn là lối nói giản dị rằng dân Mỹ không muốn đảng nào chiếm độc quyền chính trị, hoặc dân Mỹ thấy sự đối lập giữa hai đảng trong hai năm qua coi bộ làm cho công việc khá chạy, nên muốn giữ nguyên trạng. Vì khi nói "Dân Mỹ" người ta tưởng chỉ có một nhân vật tên là "MỸ" chứ không phải là một diễn trình năng động và luôn luôn chuyển hóa.

* Nàng tìm ra được một cách để tiết kiệm tiền của nàng. Nàng tiêu tiền của tôi.

* "Nào, bây giờ cả lớp còn câu hỏi gì nữa không?"

"Thưa có. Sau khi thầy chùi bảng thì những chữ thầy đã viết đi đâu?"

NGƯỜI VIỆT SỐ BÁO 4000

Nhật báo *Người Việt* đã xuất bản số báo thứ 4000. Mười tám năm, bốn ngàn số báo, đó là một quãng đường đáng đánh dấu. Do đó, nhật báo *Người Việt* đã tổ chức một cuộc họp mặt với thân hữu từ khắp nơi trên thế giới cùng về California. Các thân hữu của *Người Việt* cũng là các vị thường cộng tác với *Thế Kỷ 21*. Chính các vị cộng tác với *Người Việt* đã khai sinh và nuôi dưỡng tờ tạp chí hàng tháng mà quí vị đang đọc, từ hơn sáu năm qua.

Như Lê Đình Điểu nhận xét, *Người Việt* là một nhật báo tư nhân sống lâu nhất trong lịch sử báo chí Việt Nam - không kể các tờ báo của các chính phủ hay đảng chính trị cầm quyền.

Trong mười tám năm qua, báo *Người Việt* đã chuyển hóa, từ một tờ báo ra hàng tuần, nửa tuần, cho đến khi thành nhật báo, xuất hiện bảy ngày một tuần lễ. Từ một tờ báo làm theo lối thủ công, đánh máy rồi bỏ dấu, phải lái xe hàng trăm cây số đi đánh máy các tựa đề, bây giờ là một tờ báo dùng máy điện tử để nhận tin, nhận hình, "xếp chữ," trình bầy, v.v. *Người Việt* cũng tiến từ tình trạng "sản xuất gia đình," vợ chồng con cái xúm vào làm việc trong một "garage," giờ trưởng thành như một công ty, với số nhân viên hơn 50 người thường xuyên, số người cộng tác xa gần kể đến hàng ngàn, ở khắp năm châu. Cuộc họp mặt gia đình *Người Việt* vào cuối tháng 11 vừa qua là một sự kiện đáng ghi nhớ cho báo giới.

Trong số những người về, từ nơi xa nhất là Trần Như Hùng, ở Melbourne, Úc Châu. Từ Paris về có Trần Thanh Hiệp, Thụy Khuê, Bạch Yến, Trần Văn Ngô và Lê Tất Luyện. Từ Luân

Đôn có Thành Xuân Hồng. Từ Montreal, Canada có Nguyễn Hữu Chung, và từ thủ đô Mexico có Đỗ Bảo Anh.

Số anh chị em ở Mỹ về đông nhất: Nguyễn Ngọc Linh và anh chị Trương Trọng Trác (Houston); Nguyễn Mạnh Hùng, Lê Thiệp, Ngô Vương Toại, Nguyễn Kỳ Phong (Washington D.C.); Bùi Duy Thuyết, Nguyễn Bá Trạc, Phạm Ngọc Lân và Quản Mỹ Lan (San Jose); Trần Mộng Tú, Phạm Kim (Seattle); Nguyễn Trọng Khôi (Boston); Phan Thanh Tâm (Minneapolis) v.v...

Họp mặt mừng Người Việt số 4000: (từ trái) Nguyễn Xuân Hoàng, Nguyễn Hữu Chung, Hoàng Khởi Phong và Nguyễn Mạnh Hùng. (Ảnh Lý Kiến Trúc)

Trong số báo 4000 tờ *Người Việt* viết "làm báo là nhận trách nhiệm thực hiện một công việc có tính cách công ích. Một tờ báo, hay bất cứ một cơ sở truyền thông nào, cũng đang đón nhận và được thử thách trước niềm tin tưởng của cộng đồng. Nếu người làm báo đáp ứng, xứng đáng với niềm tin đó, thì quí vị sẽ tiếp tục tín nhiệm. Ngược lại, nếu tờ báo phụ bạc, thì độc giả sẽ đòi lại niềm tin của họ."

"Trong một xã hội sống dân chủ, các định chế đều bị thử thách như vậy. Một nước có thể cũng tổ chức bầu cử, có quốc hội, có tòa án, v.v. Nhưng giá trị của một dân tộc hay một quốc gia không phải là do sự có mặt của các hình thức định chế đó. Giá trị nằm ở chỗ các định chế đó có vượt qua thử thách, đạt được lòng tín nhiệm của mọi người hay không. Niềm tín nhiệm càng cao thì tính dân chủ và trình độ văn minh của quốc gia càng cao. Một cơ quan truyền thông cũng là một định chế xã hội, cũng bị thử thách và trở thành dấu chỉ của trình độ một dân tộc, hay một cộng đồng, như vậy. Một nước cần có những tờ báo, đài truyền thanh, truyền hình, cần có nhiều ký giả hay nhà bình luận được mọi người tín nhiệm. Người viết báo có trách nhiệm phải bảo vệ lòng tin của cộng đồng."

BIẾT RỒI KHỔ LẮM NÓI MÃI

Ai cũng biết đó là câu nói của một nhân vật do Vũ Trọng Phụng dựng lên, đã thành một câu bất hủ trong ngôn ngữ Việt Nam. Chúng tôi trích lại câu này vì ông Đỗ Mười, Tổng bí thư của đảng Cộng Sản Việt Nam mới nhắc lại.

Trong một bài phỏng vấn trên báo *Tuổi Trẻ* ở Sài Gòn, ông Đỗ Mười than phiền về tình trạng tham nhũng ở nước ta, mà ông công nhận ai cũng biết là nghiêm trọng. Ông Đỗ Mười nói: "Ai cũng hiểu như vậy, cả quốc hội cũng biết như vậy. Thế thì hãy làm đi! Nói nhiều rồi. Dân nghe Quốc hội bàn, nghe Đảng, nghe Nhà nước bàn, người ta nói '**Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!**' Vậy thì phải bắt tay vào làm thôi, đừng bàn nữa, đừng nói nữa!"

Nhưng ông Đỗ Mười vẫn nói thêm. Ông nói về bộ luật chống tham nhũng mà Quốc Hội đang bàn, "... có phải không chống được tham nhũng là do chúng ta chưa có luật không? Tôi cho rằng không phải như thế. Chúng ta có đầy đủ nghị quyết, chỉ thị, chỉ đạo rồi... không ít nghị định, chỉ thị, thông tư,... chứ có phải thiếu đâu?..."

Vậy muốn chống tham nhũng thật sự thì phải làm gì? Ông Đỗ Mười nói, (lại nói): "Phải qui trách nhiệm cụ thể cho thủ trưởng các bộ, ngành, cơ quan, địa phương... (họ) để tình trạng tham nhũng trầm trọng và không có biện pháp xử lý nghiêm khắc thì người đứng đầu... phải chịu trách nhiệm."

Đọc các lời tuyên bố của ông Đỗ Mười chúng ta chỉ thấy một ý kiến cụ thể, là "người đứng đầu phải chịu trách nhiệm." Ý kiến này có gì mới lạ chăng? Không, hiển nhiên là không. Bất cứ ai, ở bất cứ xứ nào, sống trong bất cứ chế độ nào, đều biết rằng nạn hối lộ, tham nhũng xảy ra tại đâu thì người đứng đầu ở đó tất phải chịu trách nhiệm. Đứa trẻ lên mười cũng biết điều này, không cần phải chờ ông Tổng bí thư chỉ bảo! Nghĩa là nghe xong điều ông Tổng bí thư nói, chúng ta cũng phải than **"Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!"**

Vậy ông Đỗ Mười còn thiếu sót ở điểm nào? Điểm thiếu sót chính của ông là ông chỉ nói đến các thủ trưởng ở những cấp từ bộ, cơ quan, địa phương, v.v. chịu trách nhiệm về đơn vị của họ. Còn trên các cấp đó, ai chịu trách nhiệm? Từ bao nhiêu năm nay, đảng Cộng Sản cứ nói chống tham nhũng, rồi càng ngày đảng càng phải kêu gào chống tham nhũng hơn, trách nhiệm đó là của ai? Các bộ trưởng, chủ tịch, bí thư từ tỉnh đến huyện, xã đều bất lực cả. Vậy ai chịu trách nhiệm về tình trạng bất lực chung đó? Không lẽ các vị thủ trưởng kia tự trên trời rớt

xuống, rồi muốn làm gì thì làm? Phải có người ở trên chịu trách nhiệm về họ chứ?

Ai là người phải chịu trách nhiệm về họ? Ngoảnh đi ngoảnh lại, chỉ còn ông Tổng Bí Thư Đỗ Mười! Ông đã được bầu đi bầu lại ba lần rồi, ông là người lãnh đạo cao nhất đảng, cao nhất nước, không lẽ ông không có trách nhiệm gì cả? Nếu là người tự trọng, thì chính ông phải đập đầu xưng tội rằng chính vì ông bất lực, nếu không phải là đã dung túng, nên tình trạng tham nhũng đó kéo dài đến nay, ít nhất từ khi ông làm thủ tướng.

Nhưng ông Đỗ Mười cũng không phải tự trên trời rớt xuống đóng vai Tổng Bí Thư. Đảng của ông đề cử ông ra. Cuối cùng, tội tham nhũng, mối quốc nạn và quốc nhục này, phải qui trách nhiệm vào đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tại sao đảng Cộng Sản lại tạo ra tình trạng tham nhũng không có thuốc nào chữa nổi như vậy? Lý do chính là vì họ độc tài, đảng trị. Các chế độ độc đảng đều mắc tật dung túng cho tay chân thủ hạ tham nhũng, vì đó là cách duy nhất để củng cố chế độ. Trong các chế độ độc tài người cầm quyền không chịu trách nhiệm với người dân bị trị, không có báo chí tự do để chỉ trích nhà nước. Cho nên họ chỉ lo củng cố bè đảng, các đàn em, mà thôi.

Nhưng chế độ cộng sản còn một đặc điểm khiến cho nạn tham nhũng trở thành bất trị hơn, đó là do thói quen bất chấp luật pháp. Ông Đỗ Mười biểu lộ tinh thần đó trong bài phỏng vấn trên. Ông khoe rằng Bộ Chính Trị đã ra nghị quyết số 14 chống tham nhũng, "đã phổ biến tới từng chi bộ, từng đảng viên." Ông coi đó là liều thuốc tốt nhất rồi, cho quốc hội bàn, soạn thêm luật là chuyện không cần thiết. Đó chính là bản chất của chế độ: Đảng cai trị bằng chỉ thị, nghị quyết, đảng ngồi trên quốc hội, trên pháp luật, không cần dùng đến luật. Khi nào tinh thần bất chấp luật pháp đó còn tồn tại trong đầu óc đảng viên cộng sản thì không thuốc nào chữa nổi bệnh tham nhũng!

Trong câu chót bài phỏng vấn trên, ông Đỗ Mười nói: "Chống tham nhũng, cần lắm, khẩn cấp lắm. Nhưng nói nhiều rồi, hãy làm đi, làm ngay!" Điều cần làm ngay là ông Đỗ Mười hãy thử hứa một câu đi. Hãy hứa rằng trong vòng một năm mà chưa trừ được tham nhũng thì chính ông sẽ chịu trách nhiệm, và sẽ từ chức! Trong vòng hai năm mà tham nhũng vẫn còn thì cả đảng Cộng Sản đều chịu trách nhiệm và cũng từ chức. Đảng hãy hứa trả lại quyền cho người dân Việt Nam được tự do cử ra người cai trị mình, theo một thể chế lấy tinh thần thượng tôn pháp luật làm tiêu chuẩn, và luật phải do đại diện thật của dân soạn ra chứ không phải của một đảng soạn ra. Ông Đỗ Mười có đủ liêm sỉ để chịu trách nhiệm như vậy hay không?

* Không biết ghen cũng như dụng dâu ghen đó đều là những sự lăng nhục. Bất cập hay thái quá đều tai hại cả.

— *Laténa*

CHÍNH DANH

Trên cùng tờ báo *Tuổi Trẻ*, số tiếp theo, có bài tóm tắt những phát biểu của thủ tướng Võ Văn Kiệt trước Quốc Hội. Tuy ông Đỗ Mười đã than " **Biết rồi, khổ lắm, nói mãi,**" nhưng ông Kiệt vẫn nói tiếp chuyện chống tham nhũng. Nghe ông Kiệt nói, người ta hiểu tại sao việc chống tham nhũng không thành công. Một tiểu đề của bài báo là "Thủ Tướng phải có đủ thẩm quyền."

Ông Kiệt năn nỉ với quốc hội: "Thay mặt chính phủ, tôi kiến nghị: Chính phủ và... Thủ tướng chính phủ phải có đủ thẩm quyền xử lý đúng theo kỷ luật hành chánh đối với cán bộ được thủ tướng bổ nhiệm...," trong đó có các biện pháp "khiển trách, cảnh cáo, cách chức, ... và kiến nghị truy tố trước pháp luật..."

Nghe lời năn nỉ này, ta hiểu rằng xưa nay ông Thủ tướng của nhà nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa không có những quyền kể trên. Một ông thủ tướng không có quyền dùng kỷ luật hành chánh để xử lý người mình bổ nhiệm, nghĩa là thế nào? Nghĩa là ông ta không có quyền gì cả!

Ông Thủ tướng cũng phải năn nỉ xin cái quyền **"kiến nghị truy tố trước pháp luật** (chứ không phải truy tố thẳng tay), điều đó nghĩa là gì? Có nghĩa là ông ta chưa hề làm công việc của một thủ tướng. Có kẻ phạm pháp mà thủ tướng không đem truy tố, nghĩa là ông ta chưa làm đủ bổn phận bình thường!

Nghe ông Kiệt năn nỉ trước quốc hội những quyền trên, chúng ta hiểu rằng cả cái Quốc hội cũng không có quyền gì cả. Vì sao? Vì theo bản hiến pháp Việt Nam thì Quốc hội là cơ quan bổ nhiệm Thủ tướng và chính phủ. Ông thủ tướng không có quyền, nguyên nhân vì cả cái quốc hội bổ nhiệm ông cũng chỉ đóng trò thôi! Nhưng vẫn theo bản hiến pháp trên, Quốc hội là đại diện của dân. Suy ra thì thấy là người dân không có quyền gì cả, dù đã mất công đi bỏ phiếu cho các "đảng biểu," theo lối nói của Hoàng Minh Chính.

Lời năn nỉ của ông Võ văn Kiệt có ý nghĩa như thế nào? Ý nghĩa thứ nhất là ông muốn phơi bầy thực quyền của một vị thủ tướng trong chế độ hiện nay. Thiếu thực quyền, nên không đủ thẩm quyền để chống tham nhũng. Vì thế ông ta xin cho thực quyền. Nhưng chính nơi mà ông ta cầu xin, quốc hội, chính họ cũng không có thực quyền. Một người không có thực quyền, kêu khẩn với một cơ quan không có thực quyền, thì lời cầu khẩn của ông Kiệt hướng vào đâu?

Đối tượng cầu khẩn của ông Kiệt, thực ra chính là cầu xin Đảng! Điều ông ta muốn kêu cầu là **Tách Nhà nước ra khỏi Đảng**. Đó là ý nghĩa thật sự của "kiến nghị" mà ông Kiệt kêu gọi ở quốc hội.

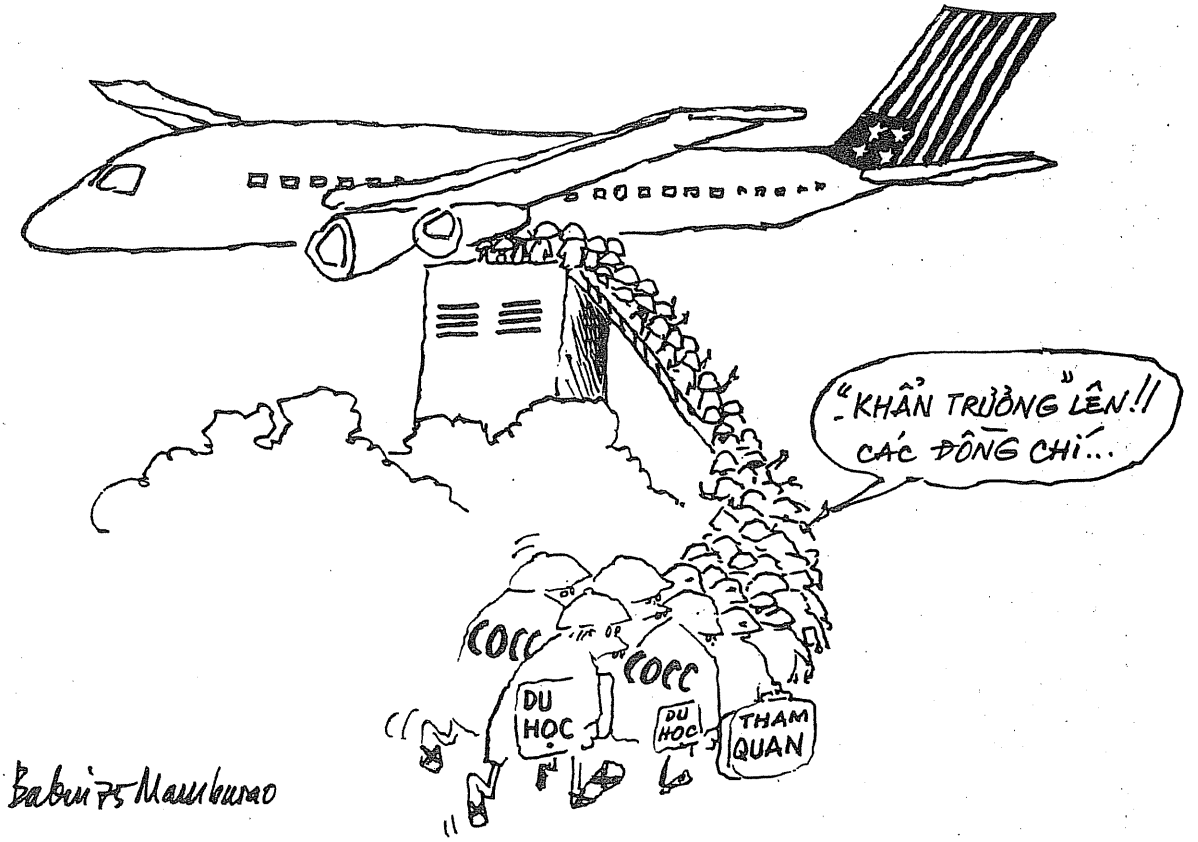

Nhưng ngay khi cầu nguyện như vậy, ông Kiệt vẫn không quên "lập trường vô sản chuyên chính," theo đó Đảng phải đóng vai trò tối cao, không thể tách cái gì ra khỏi đảng được. Cho nên, mới cầu khẩn xong, ông Kiệt phải tự che đỡ ngay. Ông nói: "Tất nhiên, vấn đề này phải theo nguyên tắc chung của Đảng ...là Thủ tướng phải bảo đảm **tính tập thể trong Chính phủ, tính tập thể trong Đảng...bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ."** Đó là câu thiệu cốt bảo vệ lập trường trung với Đảng!

Đọc những lời tuyên bố của một ông Kiệt thì chúng ta thấy rõ đầu mối của tệ trạng tham nhũng, và lý do vì sao không thể chống tham nhũng thật sự được. Vì người nắm quyền hành pháp của một nước không có quyền để thi hành luật pháp, và cơ quan lập pháp của một nước có làm ra luật pháp cũng chỉ để mua vui thôi.

Họ chỉ có danh mà không có thực, nên "Danh không chính thì Ngôn không thuận, Sự việc không thành." Nhưng trong cả hệ thống đó ai mới có thực quyền? Đảng, một danh từ, hay một nhóm người. Nó ngự trị trên cao, không có trách nhiệm nào với ai khác, vì không cần ai suy cử nó ra. Tự nó sinh ra và nuôi sống nó, sử dụng xương máu, mồ hôi nước mắt của dân. Đúng như Lâm Ngữ Đường viết, "Đảng Cộng Sản là một Bí Danh!" Cái tổ chức có quyền hành tuyệt đối, trùm lấn tất cả, nó không có trách nhiệm với dân, không ai có quyền bãi miễn hay phê bình, khiển trách nó. Chính tình trạng đó là đầu mối của tham nhũng và các tệ trạng khác!

THI ĐUA VỀ GIÁO DỤC

Nếu giá một hộp đậu tăng từ 60 xu lên 75 xu thì tỷ lệ tăng giá là bao nhiêu? 10%? 15%? 20%? hay 25%? Nếu quí vị trả lời bằng một trong ba đáp số đầu tiên thì quí vị đã rớt bài trắc nghiệm toán này, giống như 80% các học sinh Lớp Tám ở Mỹ tham dự cuộc thi đua toàn cầu về Toán, với học sinh 44 quốc gia khác trong kỳ khảo hạch thứ ba trên hoàn cầu.

Sáu năm trước đây, cựu Tổng thống Bush đã lên tiếng thử thách khi ông tuyên bố rằng tới năm 2000 học sinh trung học ở Mỹ sẽ đứng hàng đầu thế giới trong các cuộc tranh tài về Toán và Khoa Học. Lời thách thức đó nhắc ta nhớ lại năm 1960, khi cố Tổng thống Kennedy hứa nước Mỹ sẽ đưa một phi hành gia lên mặt trăng trong vòng 10 năm. Hoa Kỳ đã thực hiện lời hứa của ông Kennedy hai năm trước hạn kỳ, khiến cho người dân Mỹ thêm tin tưởng rằng nếu họ tự đặt trước một thử thách thì thế nào họ cũng đạt được.

Cuộc thi đua năm nay về Khoa Học và Toán vừa diễn ra giữa 500 ngàn học sinh 13 tuổi thuộc 45 nước. Thành quả của học sinh Mỹ không cho dấu hiệu nào chứng tỏ mục tiêu ông Bush nêu ra có hy vọng đạt được. Trong cuộc thi về Toán, học sinh Mỹ đứng hàng thứ 28, sáu mức dưới trung bình. Trong giải thi về Khoa Học, học trò

Mỹ xếp hạng trên trung bình, đứng hàng thứ 17. Học sinh Việt Nam không có mặt trong bảng sắp hạng này. Bốn nước dự cuộc khảo hạch không được xếp hạng.

Kết quả cuộc khảo hạch này phản ảnh thành tựu của nền giáo dục về toán và khoa học của các nước, nhiều hơn các cuộc thi đua giải quán quân. Vì đây không phải là cuộc tranh giải giữa các học sinh ưu tú nhất được thi tuyển từ các trường tốt nhất của những nước tham dự, mà là cuộc thi đua giữa các học sinh bình thường, được chọn lựa theo phương pháp ngẫu nhiên, giữa các trường học cũng chọn một cách tình cờ.

Trong cuộc tranh cử tổng thống vừa qua, ông Clinton đi đâu cũng hô khẩu hiệu đề cao giáo dục. Trong cuộc tranh luận về chính sách giáo dục sắp tới, người Mỹ sẽ tự hỏi đâu là nguyên nhân khiến cho trẻ em 13 tuổi ở Mỹ khi thi Toán và Khoa Học lại thua kém trẻ em cùng lứa ở Singapore, Nhật, Nam Hàn, Cộng Hòa Tiệp, Hồng Kông nhiều như vậy?

Theo lối Mỹ, người ta tìm ngay đến các con số. Phải chăng nước Mỹ chi tiêu cho ngân sách giáo dục ít quá? Hay học sinh Mỹ làm bài ở nhà ít quá? Lớp học đông quá vì thiếu thầy giáo? Hoặc trẻ em coi tivi nhiều quá?

Một cuộc phân tích thống kê cho thấy các con số không giải thích được thành quả khác biệt. Trên thế giới, Na Uy đứng đầu về ngân sách giáo dục cho mỗi học sinh, Hoa Kỳ hàng thứ nhì. Nhưng học sinh Na Uy chỉ xếp hạng 26 và 20, về Toán và Khoa Học. Học sinh Mỹ cũng làm bài tập ở nhà nhiều hơn học sinh Nhật, để thời giờ coi tivi chỉ nhiều bằng học sinh Nhật và còn ít hơn học sinh ở Singapore. Lớp học ở Singapore, Nam Hàn và Nhật đông hơn ở Mỹ. Vậy mà học sinh Nhật đứng hạng ba trong cả hai cuộc thi, chỉ thua Singapore và Nam Hàn về Toán, thua Singapore và Tiệp về Khoa Học. Thầy giáo ở Nhật và Nam Hàn không mấy khi cho học trò dùng máy tính, ngược lại thầy giáo ở Tiệp và Hồng Kông lại hay cho trẻ dùng máy tính. Nhưng cả bốn nước kia đều xếp hàng đầu trong các cuộc thi này.

Kết quả cuộc nghiên cứu kèm theo kỳ khảo hạch về Toán và Khoa Học này cho thấy những yếu tố phụ trên không quan trọng bằng chương trình học và cách giảng dạy của thầy, cô giáo ở trường học. Một yếu tố quan trọng khác là đời sống gia đình có hỗ trợ cho việc học của trẻ em hay không. Người ta đã nhận thấy mối quan tâm về giáo dục của cha mẹ, tình trạng học sinh về nhà được tiếp xúc với sách vở nhiều hay ít, đều là các yếu tố quyết định thành quả của học sinh.

Nhưng chúng ta biết rằng các cuộc tranh tài về toán và khoa học cũng chỉ đo lường một phần thành quả của nền giáo dục, dù đó là các thước đo rất quan trọng. Có những yếu tố khó đo lường hơn nhưng có thể có ý nghĩa hơn, hiện nay chưa có cuộc khảo sát nào nghiên cứu.

Thí dụ làm cách nào so sánh tinh thần cộng tác giữa các học sinh, tinh thần kỷ luật, tôn trọng bổn phận công dân và nghĩa vụ đối với đồng loại, v.v. mà nền giáo dục nào cũng phải nhắm đào tạo? Đó là lãnh vực mà chúng ta gọi là Đức Dục. Học sinh Mỹ trong kỳ thi về Khoa Học chứng tỏ họ hiểu biết nhiều hơn các học sinh trung bình ở những nước khác về các vấn đề sinh môi và bổn phận bảo vệ môi trường sống. Ngoài ra, nữ sinh ở Mỹ đã thăng tiến không thua gì nam giới trong thành tích học vấn. Đó cũng là những điểm son của nền giáo dục ở Mỹ.

Trong những năm tới, ước mong các tổ chức nghiên cứu giáo dục quốc tế sẽ mở rộng các cuộc khảo hạch để cho các nền giáo dục quốc gia thi đua trên những căn bản rộng rãi và đầy đủ hơn, thay vì chỉ chú trọng đến Khoa Học và Toán. Một thế giới trong đó các nhà giáo dục thi đua chắc sẽ hữu ích cho loài người hơn khi các nhà sản xuất võ khí thi đua.•

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ **phát hành liên tục từ 1985 đến nay**

☑ ***nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ***

☑ **đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới**

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

ĐÊM HÀ NỘI NỔ SÚNG

Chiến tranh Việt Pháp bùng nổ 50 năm trước

VŨ THỤY HOÀNG

Tiếng súng nổ liên hồi. Tiếng xa, tiếng gần. Đủ loại: súng to, súng nhỏ, súng trường, súng liên thanh, bích kích pháo. Trời tối mịt. Không một ánh đèn. Ánh trăng cũng không có. Tôi run rẩy bước đi trên đường vắng, lòng phập phồng, lo sợ. Đường lát gạch gồ ghề, tôi đã vấp ngã đôi ba lần.

Pắp pắp pắp!...Pắp pắp pắp! Một loạt súng liên thanh nổ ở phía sau lưng làm tôi càng hốt hoảng, bối rối. Tôi bước nhanh hơn. Đôi dép cao su Con Hổ ở chân gần như muốn tụt ra. Vấp phải một viên gạch trồi cao hơn mặt đường, tôi chúi người về phía trước,chiếc túi đeo học trò quàng qua vai chạy lệch sang một bên. Tôi loạng quạng lấy lại được thăng bằng, rồi tiếp tục bước rụt rè, như con chim non rơi khỏi tổ trong một đêm mưa bão.

"Ai? Đứng lại! Giơ tay lên!"

Tiếng hét vang lên bất ngờ trong đêm tối làm tôi giật thót mình. Chưa kịp đáp, tôi đã nghe tiếng cơ bẩm lách cách cho đạn lên nòng súng. Tôi thất đảm, dơ tay khỏi đầu, miệng lắp bắp "Chiến... Thắng. Chiến Thắng." Sợ bị bắn, tôi như không còn hồn vía, cố thu sức, nói to hơn. Thay vì chờ có người hỏi mật hiệu "Chiến" thì đáp "Thắng," tôi nói luôn một hơi "Chiến Thắng! Chiến Thắng!" Tôi nói xong, nước mắt tự động tuôn trào không sao ngăn nổi.

Chiến Thắng là mật hiệu tôi đã nhẩm trong đầu óc từ buổi chiều. Tôi biết hai tiếng đó rất quan trọng trong đêm nay khi một mình dấn thân trong đêm tối giữa lúc thành phố vang rền tiếng súng.

"Đi đâu?" một giọng cộc cằn, rắn rỏi quát to.

"Đi Giáp Tứ...để gặp chú." tôi nghẹn ngào trả lời.

Một bóng đen từ trong tối bước ra, tiến lại gần tôi như để quan sát, rồi nói "Thì đi đi!"

"Ông làm ơn chỉ hộ đường đi Giáp Tứ," tôi cố trấn an nỗi sợ hãi, đánh bạo nói.

"Giáp Tứ đi đường nào?" bóng đen hỏi vọng về phía trong.

Tôi đứng bơ vơ ở giữa đường, nghe mấy người xì xào nói với nhau về Giáp Tứ, bàn nhau lối đi tới đó. Rồi một người nữa bước ra, đến gần tôi, nói: "Qua ngã tư Vọng, sang bên kia đường, đi xuôi về phía Giáp Bát..." Anh ta vừa nói, vừa chỉ tay về hướng trước mặt tôi. Tôi nghe chỉ đường, nỗi băn khoăn, bối rối không thuyên giảm. Vì tôi không thông thạo khu vực lân cận, lời chỉ dẫn của anh không giúp ích được nhiều cho bộ óc vừa non nớt, vừa sợ sệt của tôi.

Đêm đó là 19 tháng 12, 1946. Hà Nội vừa đắm chìm trong tiếng súng, khởi đầu cuộc chiến tranh chống Pháp trên toàn quốc. Năm ấy tôi mới 11 tuổi, học năm chót trường tiểu học Phương Liệt.

Phương Liệt, nơi tôi cư ngụ, là một làng nhỏ nép mình cạnh ngã tư Vọng. Nằm sát riềm ranh giới nội thành về phía nam, Cống Vọng được biết nhiều nhờ cây cột vô tuyến điện cao vút gần đấy. Quốc lộ 1 nối liền Hà Nội-Nam Định chạy ngang trước mặt Phương Liệt. Bệnh viện Bạch Mai nằm bên hông trái. Hông bên kia là cánh đồng tiếp giáp với phi trường quân sự Bạch Mai. Phi trường, do quân đội Pháp đóng giữ, nằm sát phía sau làng. Chính những loạt súng liên thanh nổ ròn rã thật gần là do lính Pháp canh giữ phi trường bắn đi làm tôi sợ nhất trong đêm đó. Phương Liệt chỉ cách trung tâm Hà Nội chừng ba cây số. Tiếng súng giao tranh từ phía thành phố nghe rõ mồn một.

Hồi đó tôi chỉ mới biết sơ sài về Hà Nội. Tôi có biết Giáp Bát và vài địa điểm kế cận. Tôi đã có lần đi theo chú tôi và mấy người bạn của chú sang sân bắn Tương Mai và vài xóm làng gần đó. Nhưng Giáp Tứ đối với tôi rất quan trọng trong đêm nay thì tôi lại không biết rõ nằm ở đâu, đi lối nào tới.

Tìm gặp người chú là điều tôi mong mỏi nhất đêm nay.

Trong cảnh đêm tối, giữa những tiếng súng nổ rền trời, tôi mò mẫm bước đi trên đường làng Lòng tôi đầy ắp nỗi âu lo và bực tức. Lo vì không tìm được chú thì bơ vơ, không biết đi đâu, ở đâu. Lo bị bắn lầm như khi nghe tiếng quát hét của Tự Vệ. Lại còn lo sợ cả ma nữa. Còn nhỏ và nhát ma, có lúc đang bước tôi nghĩ tới những con ma xõa tóc, nanh dài lẩn quất trong bóng tối. Tưởng như chúng đuổi theo phía sau, tôi rảo bước chạy một đoạn cho tới khi mệt mới đi chậm lại. Rồi sợ rắn rết. Sợ chó cắn khi nghe tiếng sủa. Xen vào nỗi sợ là niềm tức tối và hậm hực. Tức sao chú không cho người đến đón như đã nói buổi chiều. Tức vì cảm thấy cô đơn, lạc lõng như bị bỏ rơi. Nước mắt tôi lại trào ra.

"Cứt Tây...hơn cứt Tàu"

Những diễn biến trong đêm chiến tranh bùng nổ đã xảy ra quá mau lẹ đối với tuổi thơ của tôi. Mới buổi chiều vừa tan học ở trường ra, tôi được liên lạc viên của chú đến bảo vào ngay bệnh viện Bạch Mai để gặp chú. Ông nằm tại đó từ

mấy ngày nay để điều trị vết thương trúng đạn ở chân. Thấy tôi vào, chú đang nằm ở giường ngồi nhổm dậy, mắt sáng lên. Chú mặc bộ quần áo màu xanh lơ của nhà thương. Một lớp băng trắng quấn ở chân còn lộ ra dưới ống quần. Chú nói ngay: "Lát nữa sẽ có người đến đón chú đi. Tao chưa biết họ đưa đi đâu. Mày cứ ở nhà. Sẽ có người đến đón sau. Quần áo, đồ dùng, có gì cho sẵn vào túi xách. Khi nghe tiếng súng nổ thì ra hầm trú ẩn nằm. Nhớ cứ ở đó, sẽ có người lại đón. Khi đi dọc đường, nếu nghe có người hô 'Chiến' thì phải đáp lại 'Thắng.' Chiến Thắng là mật khẩu tối nay. Nhớ kỹ, đừng có quên." Tôi lắng nghe lời chú dặn, bụng phân vân lo lắng.

Niềm lo lắng đó cũng thoáng tan mau trong đầu óc bé nhỏ, khi tôi bước trên đường về. Ở tuổi thơ, tôi không ý thức được đúng mức tầm quan trọng và nguy kịch của tình hình, trong lúc bầu không khí xặc mùi thuốc súng khét lẹt đang đè nặng trên thành phố Hà Nội. Từ mấy ngày qua tôi có đọc thoáng trên báo và nghe nói về mấy cuộc chạm súng gần đây giữa quân Pháp và Tự Vệ ở trên phố. Tiếng súng giao tranh vọng về tới Phương Liệt. Từ phía thành phố, cột khói cuồn cuộn bốc lên cao trên nền trời. Dân phố nhốn nháo bàn tán chuyện đánh Tây. Họ nói đánh nhau ở gần trại lính Pháp, ở gần khu hàng Bún. Họ bảo nhau có cả chục người chết, nhiều nhà bị cháy. Tháng trước, cuộc đụng độ ở Hải Phòng còn khốc liệt hơn. Cả 6.000 người thiệt mạng, cả khu phố bị đốt cháy do cuộc tấn công và pháo kích của Pháp ở hải cảng.

Những cuộc đụng độ Việt Pháp trên đây chỉ là tiếp diễn những biến chuyển dồn dập tại Việt Nam trong gần hai năm qua. Guồng máy cai trị của Pháp tại Đông Dương đã tan rã khi Nhật đảo chánh vào tháng 3, 1945. Rồi Nhật đầu hàng Đồng Minh. Để giải giới quân Nhật, quân Trung Hoa được vào miền bắc Việt Nam xuống tới vĩ tuyến 16. Phía nam vĩ tuyến đó, quân Anh đến tước khí giới quân Nhật. Được quân Anh giúp đỡ, quân Pháp đã nương theo đó trở lại đánh chiếm Sài Gòn. Nửa năm sau quân Pháp được trở lại Bắc Việt do thỏa ước Trùng Khánh ký kết giữa Pháp và Trung Hoa vào cuối tháng 2, 1946 và hiệp định sơ bộ Việt Pháp ký kết sáu ngày sau đó. Theo thỏa ước Trùng Khánh, quân Trung Hoa rút về, quân Pháp được ra miền bắc. Để đánh đổi, Pháp trả lại Thượng Hải và các nhượng địa mà Pháp đã chiếm của Trung Hoa từ thế kỷ trước, và để Trung Hoa được sử dụng đường xe lửa Vân Nam - Hải Phòng.

Thỏa ước Trùng Khánh dồn Hà Nội phải đi tới thỏa hiệp với Pháp. Rạng sáng ngày 6 tháng 3, 1946, đoàn tàu chiến Pháp tiến vào Hải Phòng. Quân Trung Hoa ngăn chặn đoàn tàu Pháp, viện cớ chưa nhận được lệnh cấp trên. Pháp liền pháo kích, làm nổ tan kho đạn của Trung Hoa. Hai bên sau đó ngưng bắn. Trong tình thế đó, hiệp định sơ bộ Việt Pháp ra đời, quy định Pháp được đóng 25.000 quân ở miền bắc trong thời hạn năm năm, còn Pháp nhìn nhận Việt Nam là một nước tự do trong khối Liên Hiệp Pháp. Bị chỉ trích về thỏa hiệp với Pháp, Hồ Chí Minh đã nói "thà ngửi cứt Tây trong năm năm, còn hơn ngửi cứt Tàu cả đời."

Hiệp định sơ bộ không làm tan biến tham vọng của Pháp muốn kéo Việt Nam trở về thuộc địa cũ, cũng không làm giảm khát vọng đòi độc lập của người Việt, nên những cuộc đụng độ giữa quân Pháp và Việt đã gia tăng và làm tình hình mỗi ngày một căng thẳng.

Từ nhà thương trở về, tôi vừa bước vào nhà, nỗi âu lo, sợ sệt đột nhiên bừng dậy trong lòng khi thấy quang cảnh hoang tàn khác hẳn ngày thường hiện ra trước mắt. Giấy, rác và vài thứ vặt vạnh bỏ nằm vương vãi trên nền đất. Nhà vắng hoe, trống trải. Những bộ mặt quen thuộc biến mất. Vật dụng của họ cũng biến luôn.

Tôi đi sang phòng bên cạnh. Trong ánh sáng lờ mờ của buổi chiều tàn, hai thùng giấy bồi nằm xô lệch ở giữa phòng Thùng trống rỗng. Một lựu đạn quả na bỏ lại nằm trơ trọi một mình, trông lạnh lùng ghê rợn, bên cạnh vài viên đạn lẻ loi. Phòng này là nơi mấy người bạn chú tôi để súng đạn. Tôi vội bước ra khỏi phòng, như sợ lựu đạn sắp nổ.

Đầu óc phân vân, tôi lo đi thu xếp quần áo, vật dụng. Gia tài của tôi hồi đó vỏn vẹn chỉ có ba bộ quần áo mỏng, mấy tập sách vở học trò, chiếc bàn chải đánh răng cùng vài thứ đồ chơi lặt vặt như con quay, hòn bi. Tất cả được nhét gọn vào trong chiếc túi dết màu cứt ngựa, đặt cạnh đôi dép cao su nhãn hiệu "Con Hổ." Xong việc, tôi lục cơm nguội và thức ăn còn thừa để ăn bữa tối. Ăn rồi, tôi bước đi loanh quanh, lúc trong nhà, lúc ngoài sân, lòng phấp phỏng hồi hộp xen lẫn trống trải, bơ vơ.

"Mày bắn chết ông rồi"

Tôi sang ở Hà Nội với người chú từ mùa hè năm 1946. Chú, tên Vũ Quang Thấu, là anh em chú bác với bố tôi. Ở quê làng, nhà chú ở sát nhà tôi. Bố mẹ tôi mất sớm. Cô tôi phải đảm nhận việc nuôi nấng tôi và em tôi, cùng trông coi nhà cửa, ruộng vườn. Còn trẻ và chưa chồng,

Hoàng Oanh
MUSIC CENTER

Sản xuất và phát hành băng nhạc - compact disc và video
- Băng nhạc quê hương
- Băng ngâm thơ
- Thánh Ca
- Video Ca nhạc

P.O BOX 9541
FOUNTAIN VALLEY, CA 92728
(714) 964-7591

cô đã tham gia hoạt động chính trị ngay từ năm thế chiến thứ hai bùng nổ.

Theo lời cô tôi kể, trong thời gian hoạt động kín đó, cô thường liên lạc với một thanh niên tên Hà, kém cô ba tuổi. Để tiện việc liên lạc và tránh sự dòm ngó của dân làng, cô giới thiệu chú Thấu với Hà. Nhận là bạn học cũ, hai thanh niên có lý do gặp nhau thường xuyên hơn. Chú Thấu vắng nhà nhiều lần thì được giải thích là vì "công việc làm ăn" với nhau. Một trong những cơ sở làm ăn đó đặt tại chùa Trầm ở Hà Đông để in truyền đơn và tài liệu. Khi cơ sở chùa Trầm bị lộ, chú Thấu phải lẩn trốn. Năm 1945 miền bắc bị nạn đói hoành hành. Cả triệu người chết đói, trong lúc Pháp, Nhật tồn trữ thóc gạo ở trong kho. Chú Thấu là một trong những người đứng ra tổ chức và hô hào dân chúng phá kho thóc chùa Dâu tại Bắc Ninh. Sau vụ này chú bị truy lùng. Chú trốn luôn từ đó, đi thẳng lên chiến khu Việt Bắc để theo lớp huấn luyện quân sự. Huấn luyện viên của chú là "đồng chí Văn," sau này được biết đến dưới tên rất nổi tiếng: Võ Nguyên Giáp. Khi Đại Tướng Giáp thôi giữ chức Bộ Trưởng Quốc Phòng, người kế vị Giáp chính là Hà, bí danh hồi trước của Đại Tướng Văn Tiến Dũng. Năm 1975 Dũng chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh tấn chiếm Sài Gòn.

Chú Thấu từ chiến khu về Hà Nội trong cuộc cách mạng tháng tám, 1945. Chú được cử làm Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chánh Nhân Dân quận Hoàn Long sát thành phố. Chú mang tên mới Nguyễn Chí Thành. Khi tôi ở với chú, lúc đó chú đã đổi về "Biệt Bộ Đề Thám, hoạt động chìm," theo lời thím Tuyến, vợ chú kể lại với tôi 48 năm sau.

Chú ở trong một khu nhà khang trang, có sân rộng, có vườn cây ăn quả, có dãy tường gạch cao bên trên cắm những mảnh chai nhọn hoắt. Chiếc cổng sắt thường đóng kín, bên cạnh có nút chuông điện. Căn nhà chúng tôi ở là nhà ngói kiểu "ba gian, hai trái" như nhiều nhà đương thời ở Việt Nam hồi đó, nghĩa là có phòng lớn ba gian ở giữa, với hai phòng riêng biệt ở hai bên. Cạnh ngôi nhà chính có một nhà phụ khác. Một khoảng đất trống có lát gạch ngăn cách khu nhà này với một khu nhà ngói khác nữa. Khu nhà kế cận do người chủ ở. Cả hai nhà cùng ra vào chung một cổng và cùng chung một khu vườn.

Chú Thấu ở chung nhà với bốn người nữa: ba nam, một nữ. Những người này cùng chạc lớp tuổi với chú, xấp xỉ trên dưới 30. Họ thuộc đủ ba miền bắc, trung, nam. Người nào cũng có súng. Họ thường bỏ súng trong cặp xách đi làm. Tối về, họ thường vừa nói chuyện, vừa lau chùi súng, hoặc đưa khoe nhau những kiểu súng mới kiếm được. Trong nhà còn có cả trung liên, đạn dược và mấy thùng lựu đạn. Hồi đó tôi không biết họ làm việc gì, giữ chức vụ nào, chỉ biết mang máng họ là những cán bộ thoát ly gia đình và cùng hoạt động như chú Thấu.

Người đàn ông lớn tuổi nhất tên Phụng, nói giọng miền Trung có lẽ vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi. Ông thích bông đùa, diễu cợt người trong nhà. Người khác tên Sâm, tính tình lầm lì, ít nói. Ông này rất say mê súng đạn, võ khí. Ông có nhiều loại súng khác nhau, vài ba khẩu súng lục, có cả súng trường, súng liên thanh. Ông thích tháo gỡ súng ra lau chùi rồi ráp lại. Thỉnh thoảng ông mang súng ra bờ lạch gần đó để bắn thử. Mấy lần họ rủ nhau sang bãi bắn Tương Mai để thử súng, và tôi đã có dịp đi theo. Người trẻ nhất trong đám tên Phúc, thấp bé, trắng trẻo, tính láu táu, gốc miền bắc.

Người phụ nữ duy nhất và cao tuổi nhất trong nhà tên Thập. Giáng người mảnh khảnh, bà hay mặc quần áo màu đen và hay tập thể dục buổi sáng sớm. Bà người miền nam, nói giọng nhỏ nhẻ. Bà dễ là đối tượng để mấy người bạn chung nhà trêu đùa. Họ thường nhại tiếng nói của bà. Có lần họ chế diễu bà về việc cố đơ cao bảng tên để đòi phát biểu ý kiến tại phiên họp quốc hội. Sau này tôi mới biết đó là Nguyễn Thị Thập, đại biểu Mỹ Tho tại quốc hội 1946. Từ đó tới thập niên 1980, bà là nhân vật nổi tiếng tại quốc hội và đã từng giữ chức Phó Chủ Tịch Ban Thường Vụ Quốc Hội, Chủ Tịch Tổng Hội Phụ Nữ Việt Nam, nhân viên trong Chủ Tịch Đoàn của Mặt Trận Tổ Quốc.

Trong nhà còn một liên lạc viên. Hân khoảng 20 tuổi, mặt rỗ hoa, người rắn rỏi, lanh lợi. Anh đảm nhận công việc chợ búa, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa và "liên lạc" các nơi. Trong số những người ở cùng nhà, tôi gần gũi và thân thiện với Hân hơn cả, vì anh gần tuổi với tôi và chúng tôi có nhiều thì giờ chuyện trò với nhau hơn. Chính Hân đã tới trường buổi chiều bảo tôi vào nhà thương gặp chú Thấu.

Một buổi tối sau bữa ăn, chú Thấu ngồi đọc báo dưới bóng đèn điện từ trần rủ xuống trên chiếc bàn kê ở giữa nhà. Phụng và Sâm ngồi nói chuyện ở chiếc giường kế bên. Vừa bàn chuyện về tình hình căng thẳng Việt Pháp, Sâm vừa chỉ cho bạn biết thêm những đặc tính của súng mà ông mang về nhà. Ngồi ở chiếc giường khác bên kia, Phúc vừa góp chuyện, vừa lau súng. Giữa tiếng chuyện trò và tiếng cười oang oang, "Đoàng!" một tiếng nổ.

TÌM THÂN NHÂN

Tìm anh **Trần Ngọc Hoàng** và người em kết nghĩa là **Nguyễn Đức Huy** (tức Bảo Toàn), trước ở đảo Galang 1 & 2. Anh Hoàng trước là Chi Đoàn Trưởng Chi Đoàn 1, định cư ở Falls Church, Virginia từ 1984. Nay ở đâu xin liên lạc **Trần Thị Tuyết Nga** (714) **636-0193.**

"Ối! Mày bắn chết ông rồi." chú Thấu kêu lớn. "Trúng chân ông này!"

Mọi người xúm lại. Chú dơ chân lên. Chiếc quần màu trắng của chú loang máu đỏ. Chú kéo ống quần lên. Tia máu từ bắp chân chú tuôn vọt ra. Các bạn lo lấy vải quấn vào chân chú, rồi chở chú vào nhà thương Bạch Mai gần đấy.

Súng nổ vì bị "cướp cò," Phúc phân trần.

Chú Thấu nằm bệnh viện trong lúc bang giao Pháp và Việt Minh đang lên cơn sốt nguy kịch.

Mảnh giấy chỉ đường

Ngọn đèn điện chiếu sáng ở giữa nhà đột nhiên phụt tắt. Lúc đó đúng tám giờ tối. Vài giây sau một tiếng nổ lớn vang dội từ phía thành phố. Nhà đèn bị phá hủy. Tiếp theo có nhiều tiếng súng nhỏ. Trong khoảnh khắc tiếng súng vang rền đủ loại. Tiếng súng trường, súng liên thanh nổ liên hồi, sau có xen lẫn tiếng ình ình của súng lớn. Hà Nội bắt đầu chìm đắm trong khói lửa chiến tranh.

Nghe tiếng súng nổ, nhớ lời chú Thấu dặn, tôi vớ lấy chiếc túi dết chạy ra hầm trú ẩn ở giữa vườn. Đến cửa hầm, tôi ngần ngừ không dám đi vào, phần vừa sợ ma, phần vừa sợ rắn rết, sâu bọ. Trời tối và những lùm cây rậm rạp làm tôi chùn bước. Tiếng súng vẫn đua nhau nổ làm tôi thêm lúng túng. Đang phân vân chưa biết nên vào hầm hay ở ngoài, tôi thấy nhẹ hẳn người khi nghe tiếng nói của mấy người đi tới. Họ là gia đình ông chủ nhà ở ngay khu kế cận.

"Cháu còn ở đây à? Vào hầm đi. Nhỡ đạn lạc. Mấy ông bà kia đi hết cả rồi!" ông chủ nhà bảo tôi.

"Vâng, chỉ còn mình cháu," tôi đáp. "Chú cháu bảo sẽ có liên lạc viên đến đón cháu, mà cháu chờ từ chiều tới giờ chưa thấy."

Tôi đã nhiều lần gặp ông chủ nhà, nhưng ít có nói chuyện. Tôi không biết ông làm nghề gì, nhưng thấy ông có tư thái phong lưu, trí thức và lịch thiệp. Ông người cao, gầy, đeo kính trắng, nhiều tuổi hơn chú Thấu và các bạn của chú.

Có đèn pin soi đường, họ chui vào hầm. Họ bảo tôi vào theo. Bước qua mấy bậc đất đào sơ sài, tôi chui vào hầm. Hầm là một đường hào đào sâu dưới mặt đất chừng một thước rưỡi, chiều ngang khoảng một thước. Đường hầm đào theo hình "chữ chi," có lối ăn thông lên mặt đất ở phía kia. Nóc hầm có những thanh gỗ bắc ngang, trên phủ phên rồi đổ đất.

Gia đình ông chủ nhà có mang theo chiếu để trải xuống đất. Họ ngồi trên nền chiếu, dựa lưng vào vách đất, nói chuyện.

"Trời! Súng nổ nhiều quá! Không biết bao giờ xong," một người nói.

"Phen này đánh nhau to," người khác chêm vào.

Mỗi khi nghe tiếng súng lớn, họ lại đoán với nhau xem súng nổ ở khu nào trong thành phố.

Ngồi một lúc mỏi lưng, tôi ngả người xuống sàn chiếu, co chân lại, đầu gối thu lên ngang bụng cho đỡ tốn chỗ. Nằm trong căn hầm chật hẹp, hơi ẩm mốc từ đất xông ra, cộng thêm oi bức vì hơi người, vì không khí tù túng không có gió lùa vào, tôi mệt mỏi rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Tôi tỉnh dậy khi có bàn tay lay mạnh vào người và nghe có tiếng nói: "Dậy đi! Dậy đi! Có người đến đón kìa."

Tôi dụi mắt, ngồi dậy, chui ra khỏi hầm, xách theo chiếc túi dết. Ông chủ nhà đứng trên cửa hầm bảo tôi: "Bây giờ cháu đi sang Giáp Tứ gặp chú ở đó."

"Thưa bác, người đón cháu ở ngoài cổng ạ?" tôi hỏi.

"Không, anh ta đi rồi," ông chủ nói. "Anh ta chỉ lại đây đưa mảnh giấy này rồi đi ngay, nói phải vội đi. Anh ta bảo đập cổng mãi mà không có ai ra mở. Súng nổ, lại ở dưới hầm, đâu có để ý. Khi nghe có tiếng đập cửa, tôi chạy ra. Bây giờ là quá nửa đêm rồi."

"Cháu không biết đường đi Giáp Tứ," tôi thất vọng nói, lòng trũng xuống.

"Cháu ở nhà ra, qua đường số 1, đi xuống lối Giáp Bát, rẽ vào Giáp Lục rồi đi thì tới Giáp Tứ," ông chỉ dẫn cho tôi.

"Cháu chỉ biết Giáp Bát ở phía dưới, nhưng chưa đến đấy lần nào," tôi ấp úng nói, như muốn khẩn khoản năn nỉ.

"Cháu cứ đi tới Giáp Bát, rồi theo đường làng mà đi, thế nào cũng tới Giáp Tứ, không lạc đâu," ông cố trấn an tôi.

Ông chủ nhà ân cần đưa tôi ra tận cổng, dặn dò kỹ thêm về đường đi.

Tôi bước đi, lòng vô cùng hoang mang. Tôi không biết rõ lối đi Giáp Tứ, tuy trước đây có nghe nói sơ qua vùng lân cận. Đó là một khu vực gồm nhiều thôn làng gọi theo thứ tự Giáp Nhất, Giáp Nhì, Giáp Tứ, Giáp Lục, Giáp Bát. Tôi mới biết Giáp Bát vì làng này nằm cạnh quốc lộ 1 và tôi đã có lần đi qua. Giáp Bát chỉ cách Phương Liệt, chỗ tôi ở, chừng hai cây số.

Đêm đã khuya. Súng vẫn nổ vang rền ở mạn thành phố. Tiếng súng ở xa làm tôi ít hoảng sợ. Tôi chỉ giật mình, hốt hoảng mỗi khi nghe những tràng liên thanh "Pắp Pắp Pắp" ở phía sau lưng do lính Pháp canh giữ phi trường Bạch Mai bắn đi. Trong đêm tối đầy sợ sệt tôi nghe tiếng súng ở xa có lẽ cả nửa cây số mà tưởng như chỉ cách mình chừng trăm thước.

Qua trạm gác của Tự Vệ với tiếng quát hỏi ở Ngã Tư Vọng, tôi tiếp tục phiêu lưu bước đi trong đêm tối. Tôi lần mò trên những đoạn đường làng gồ ghề, tối tăm. Tôi đã cố chế ngự những ám ảnh về ma quỷ ẩn nấp trong những rặng tre kẽo kẹt, bên những lùm cây âm u. Tôi đã đè nén những sợ sệt khi nghe tiếng chó sủa vang hoặc gầm gừ gần đường đi.

Vượt hết những cam go, vất vả đó, tôi tràn đầy vui mừng khi bước qua sân chùa Giáp Tứ. Tôi nhìn thấy chú Thấu đang ngồi tựa lưng vào cột chùa dưới bóng đèn sáng có giây chăng ngang ở phía trên. Giữa màn đêm dày đặc bao phủ chung quanh, ánh đèn làm ngôi chùa sáng rực khác thường trước mắt tôi. Lòng tôi cũng sáng rực theo. Lúc đó vào khoảng hơn ba giờ sáng.◉

1996

Phúc trình sơ khởi của Ủy Ban Đặc Cử của PEN Club Quốc Tế về vụ VBVNHN

ĐOẠN ĐƯỜNG CHÓT ĐI TỚI TÁI THỐNG NHẤT VĂN BÚT VNHN

TRẦN THANH HIỆP

Cũng vào tháng Mười Một dương lịch một năm trước đây, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại lâm vào tình trạng chia đôi. Hơn năm tháng sau, Văn Bút Quốc Tế quyết định thành lập một Ủy Ban Đặc Cử để tìm giải pháp chấm dứt cuộc khủng hoảng này. Sau sáu tháng tích cực hoạt động, Ủy Ban Đặc Cử tạo được sự đồng ý trở về nguyên trạng trước khi xảy ra sự phân hóa. Một triển vọng tái thống nhất đã được mở ra cho tương lai VBVNHN. Tất cả các hội viên VBVNHN cũng như dư luận cộng đồng rộng rãi cần hiểu rõ về triển vọng ấy. Trong khi chờ đợi một bản phúc trình tổng kết với đầy đủ chi tiết, bài viết này, bổ túc cho những thông báo đã phổ biến trước đây, có thể coi như là phần sơ khởi của bản phúc trình ấy.

Nhìn lại cuộc khủng hoảng

Có nhiều nguyên nhân đã gây nên cuộc khủng hoảng, trực tiếp và gián tiếp. Điều khó là bên hữu quan nào cũng chỉ tìm hiểu những nguyên nhân này một cách rất chủ quan. Do đó, vào thời điểm tranh chấp nổ ra, dư luận hoang mang, không xác định được trong hai phe — Viên Linh và Sơn Tùng — phe nào phải phe nào trái và liệu cộng sản có thực sự đã nhúng tay vào vụ phân hóa nội bộ này không. Mỗi bên hữu quan đều đưa ra một cách riêng để tường thuật sự việc và giành về phần mình tất cả lẽ phải.

Ủy Ban Đặc Cử đã tiếp nhận những cách tường thuật này với những dè dặt thường lệ và đã chỉ căn cứ vào những cơ sở thẩm lượng của riêng mình như tài liệu viết, tài liệu nói, băng thu thanh, băng video v.v... để tránh không bị lôi cuốn vào cách nhìn chủ quan của các bên. Và Ủy Ban đã rút ra được cho mình những kết luận khách quan theo đó cả hai bên đều có những "hành vi lạm quyền" là những nguyên nhân trực tiếp của cuộc khủng hoảng. Lạm quyền ở phía người Chủ tịch. Ông Viên Linh đã tự cho mình quyền thừa nhận các "trung tâm tân lập" trong khi theo bản Điều Lệ thì chỉ có Đại Hội Đồng mới có quyền này. Lời ông Viên Linh khẳng định rằng Điều Lệ đã được sửa đổi đã bị nhiều luận cứ bác bỏ. Tranh chấp đã xuất phát từ sự bất đồng ý kiến này. Bản Điều Lệ của Hội thiếu thủ tục giải quyết loại tranh chấp này, các hội viên lại không thực hành tinh thần tương nhượng mà Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế đã đề xuất, truyền thống Văn Bút Quốc Tế đã duy trì, nên cuộc tranh chấp đã trở thành ngày càng gay gắt, cuộc khủng hoảng ngày càng kéo dài. Lạm quyền của Chủ tịch đã tạo ra những phản ứng không được Điều Lệ dự liệu trước, bởi vậy từ phía Đại Hội Đồng một số đại biểu cũng lạm quyền tự cho mình quyền quyết định thay cho Chủ tịch, thay cho tất cả các hội viên. Trầm trọng hơn, những người đại biểu này còn đột nhiên chấm dứt sự liên tục của sinh hoạt của Hội để thay thế vào đó một cơ chế lâm thời, không đủ khả năng tái lập trật tự, ổn định tình thế.

Hành vi đoạn tục này đương nhiên đã đặt Hội vào một tình trạng thực tế có hậu quả thay đổi sự quan hệ với Văn Bút Quốc Tế. Kết cục, cuộc khủng hoảng khởi đầu ở trong nội bộ Hội lại tạo thêm ra một cuộc khủng hoảng mới ở ngoài Hội liên quan tới Văn Bút Quốc Tế, ít ra là ở hai mặt: Văn Bút Quốc Tế được cả hai bên hữu quan thỉnh cầu phân xử cuộc tranh chấp và do đó Văn Bút Quốc Tế phải lấy quyết định chọn một trong hai bên tranh chấp để tiếp tục những quan hệ đã bị gián đoạn. Vì không có đủ cơ sở để lựa chọn, Văn Bút Quốc Tế đã kêu gọi sự hỗ trợ của các cựu Chủ tịch VBVNHN và Ủy Ban Đặc Cử Tái Thống Nhất VBVNHN đã ra đời do yêu cầu này.

Trên lý thuyết, Ủy Ban này có hai tính chất vừa quốc tế vừa Việt Nam, có nhiều quyền hạn từ điều tra cho tới trọng tài, khuyến cáo. Nhưng Ủy Ban đã tự ý lựa chọn chỉ xử sự như một cơ cấu đứng ở ngoài Hội và ở trên cuộc tranh chấp. Đồng thời Ủy Ban cũng liên lạc với cả hai bên hữu quan trong tinh thần đoàn kết nội bộ, cảnh giác cao trước mọi âm mưu chia rẽ không kể từ đâu tới.

Ủy Ban đã khởi đi từ nhận định rằng cuộc khủng hoảng trước mắt của VBVNHN bắt nguồn từ cuộc sinh hoạt chưa có khuôn khổ đã kéo dài

từ nhiều năm nay: một bản Điều Lệ thiếu sót vì quá đơn giản, lâu ngày trở thành còm cõi, không theo kịp đà bành trướng của Hội rồi lại không có được một Nội qui để thích ứng việc áp dụng với thực tế; những tâm lý không phù hợp với tinh thần tương nhượng v.v... Đó là những nguyên nhân gián tiếp mà muốn chấm dứt cuộc khủng hoảng không thể không biết đến. Ủy Ban vì vậy đã bắt tay vào việc với ý định rõ rệt là tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên quán triệt được thực chất của cuộc khủng hoảng và tìm giải pháp chấm dứt nó trên cơ sở những nền tảng tinh thần cũng như pháp lý của tổ chức Văn Bút như Hiến chương Văn Bút, hai bản Điều Lệ Văn Bút Quốc Tế và VBVNHN, tinh thần tự do dân chủ pháp trị "due process of law." Mặt khác, cũng phải quan tâm đến những vấn đề thực tế mà cuộc khủng hoảng kéo dài hàng năm nay đã đặt ra như các "trung tâm" mới được thành lập nhưng chưa được thừa nhận. Cuộc vận động tái thống nhất của Ủy Ban vì thế đã không hoàn toàn thuận lợi và nó đã trải qua không ít căng thẳng có cơ làm cho khủng hoảng còn nhiều phần trầm trọng hơn nữa.

Nhưng sau cùng, trước áp lực của thực tế và nhờ thiện chí của Văn Bút Quốc Tế, cả hai bên đều ý thức được rằng không ai có thể giành được chiến thắng tuyệt đối mà phải biết tương nhượng cho nên Ủy Ban đã dọn được đường cho việc tiến tới mục tiêu tối hậu hóa giải tranh chấp hầu tái thống nhất Hội theo tiến trình ưu tiên bình thường hóa quan hệ với Văn Bút Quốc Tế, áp dụng bản Điều Lệ VBVNHN để triệu tập một Đại Hội Đồng mới, bầu lại một Ban Chấp Hành mới, hợp nhất cả hai Ban Chấp Hành hiện hữu thành một cơ cấu duy nhất đại diện cho Hội trong Văn Bút Quốc Tế. Để thúc đẩy hai bên trực tiếp tham gia việc tổ chức bầu lại Ban Chấp Hành, Ủy Ban đã lui về vị trí một quan sát viên kể từ ngày 13 tháng 9 năm 1996 nhưng vẫn theo dõi, nếu cần, hỗ trợ hai bên trong diễn tiến của việc tìm giải pháp.

Đoạn đường đã đi qua

Tuy chưa đạt được những kết quả ngoạn mục nhưng khi thấy cái không khí căng thẳng nay đã giảm nhẹ, người ta đã có lý do để hi vọng và chờ đợi. Quả thật không khí bây giờ đã hòa dịu dù chưa trở lại bình thường. Sự kiện cả hai bên đều hiện diện trước diễn đàn Hội nghị VBQT ở Guadalajara cho thấy là việc trước đây, hai bên họp hai Đại Hội Đồng, bầu ra hai Ban Chấp Hành là một điều sai lầm cần chuộc lại.

* Chỉ có đàn bà mới biết được thế nào là tình yêu.

— Bà De Stael

* Tình yêu của người đàn bà đã chiếm hoàn toàn đời sống của họ.

— Lord Byron

Chính cũng vì vậy mà cả hai bên — Viên Linh và Sơn Tùng — sau thời gian mấy tháng tranh luận để đối chiếu quan điểm với UUy Ban Đặc Cử, đều chấp nhận nguyên tắc quay trở lại nguyên trạng trước ngày 25 tháng 11 năm 1995.

Bằng văn thư ngày 29 tháng 10 năm 1996, ông Alexandre BLOKH, Tổng Thư Ký Văn Bút Quốc Tế, đã chính thức ghi nhận việc này cùng với việc ông Viên Linh bày tỏ ý định không ra tái tranh cử, coi đó là những điều đáng khích lệ. Dịp này ông Tổng Thư Ký BLOKH cũng thúc dục hai bên chấp nhận biện pháp triệu tập một Đại Hội Đồng mới để bầu một Ban Chấp Hành duy nhất như Ủy Ban Đặc Cử đã đề xuất. Trong khi chờ đợi, ông Viên Linh sẽ chỉ xử lý thường vụ công việc Hội.

Trước đó, ông Sơn Tùng chính thức báo cho Ủy Ban Đặc Cử biết rằng ông chấp nhận trở lại nguyên trạng trước ngày 25 tháng 11 năm 1995 nhưng ông chủ trương không họp Đại Hội Đồng, chỉ cần bầu lại Ban Chấp Hành theo lối hàm thụ, tám Trung tâm thành viên mỗi Trung tâm năm đại biểu gửi cho Ủy Ban Đặc Cử qua ngả bưu điện năm phiếu bầu để chọn một trong hai liên danh Viên Linh, Sơn Tùng. Khi đưa ra sáng kiến này, ông Sơn Tùng chưa biết việc ông Viên Linh tỏ ý không ra tái tranh cử.

Ủy Ban không bình luận gì về đề nghị của ông Sơn Tùng chỉ yêu cầu hai bên trực tiếp thương lượng với nhau nhằm tìm được thỏa thuận về phương thức triệu tập Đại Hội Đồng và bầu cử Ban Chấp Hành rồi thông báo cho Ủy Ban biết.

Những lý lẽ của ông Sơn Tùng về thể thức bầu cử Ban Chấp Hành mới có xác đáng hay không, có đi ngược lại quyền lợi của tất cả các hội viên hay không, điều này Ủy Ban muốn để cho các bên hữu quan làm sáng tỏ trong những ngày sắp tới. Điểm cần nhấn mạnh là phải tuyệt đối tránh vi phạm dù với lý do nào những điều khoản của bản Điều Lệ liên quan đến việc bầu cử.

Việc bình thường hóa quan hệ với Văn Bút Quốc Tế vẫn chưa toàn vẹn, Văn Bút Quốc Tế còn đang chờ đợi việc tái thống nhất Hội để mọi giao thiệp với Ban Chấp Hành được chính thức hóa. Nếu việc tái thống nhất này còn bị trì hoãn chính vì hai bên còn tiếp tục tranh chấp thì những thành quả Ủy Ban đã đạt được sẽ mất hết những tác dụng pháp lý nó đã có. Và tình hình sẽ còn xấu thêm hơn nữa. Thời hạn tối đa để cho hai bên cải thiện tình hình này là khoảng thời gian từ nay cho tới mùa thu sang năm Văn Bút Quốc Tế họp Hội nghị tại Tô Cách Lan, điều hai bên không nên coi nhẹ, để đoạn đường đã đi qua có thể giúp đi tới xa hơn.

Đi tới trên đoạn đường chót

Đi tới xa hơn nữa là đi tới đâu ? Và ai sẽ đi với ai, đi như thế nào ? Đó là những điểm đang cuốn hút sự chú tâm của những người còn nặng lòng với Văn Bút mà thời gian dường như chỉ mang tới sự ghẻ lạnh ngày một tăng (nói dường như với hy vọng đã sai lầm).

Hai ông Viên Linh và Sơn Tùng có tiếp tục đi chung một con đường, và là đoạn đường chót, đưa tới một mục tiêu chung không — như mọi người mong đợi — hay lại vẫn thấy diễn ra cảnh "đường ta ta cứ đi" ? Nói cách khác, liệu cuộc tranh chấp có còn tiếp diễn dưới những hình thức khác hay cả hai ông Viên Linh, Sơn Tùng sẽ đón nhận món quà tinh thần thống nhất — văn thư ngày 29 tháng 10 năm 1996 của Tổng Thư Ký A. BLOKH — mà Văn Bút Quốc Tế và Ủy Ban Đặc Cử đã trao tặng ? Nếu tương lai chỉ là kết quả của những gì con người mơ ước, thì không còn điều hồ nghi nào, cả hai bên chắc chắn phải nắm lấy cơ hội mà mở rộng hai cánh cửa thống nhất vừa được hé mở. Nhưng tương lai cũng có lắm bất ngờ. Một vài chỉ dấu thâu lượm chung quanh Hội nghị Văn Bút Quốc Tế Guadalajara đã làm cho người ta vừa mừng vừa lo. Mừng, tại vì cả hai bên Viên Linh và Sơn Tùng đều có mặt tại Guadalajara, đặc biệt phái đoàn Sơn Tùng rất hùng hậu vì được tăng cường bởi sự hiên diện của bà cựu chủ tịch Minh Đức Hoài Trinh. Thêm vào đó, bản dự thảo quyết nghị về văn nghệ sĩ bị cầm tù do ông Sơn Tùng đã đệ nạp từ trước đã được Ủy Ban Văn nghệ sĩ bị cầm tù của VBQT, sau khi nghe bà Minh Đức Hoài Trinh và ông Sơn Tùng trình bày lý do, chấp nhận để đưa ra cho Đại Hội Đồng biểu quyết.

Thêm nữa đã không xảy ra rắc rối giữa hai bên — Viên Linh và Sơn Tùng — khi nhân viên Ban Tổ chức Hội Nghị làm thủ tục ghi danh, ông Trần Ngọc, đại diện cho ông Viên Linh đã không phản đối việc huy hiệu "đại biểu" được trao cho hai thành viên của phái đoàn Sơn Tùng. Sự thực thì trước khi lên đường đi Guadalajara, Tổng Thư Ký VBQT đã hội ý với Ủy Ban Đặc Cử về loại rắc rối này. Và cảnh không đẹp mắt hai bên Việt Nam tranh cãi danh hiệu đã không xảy ra (giả dụ có xảy ra chăng nữa thì cũng đã có cách giải quyết như đã được hội ý giữa Tổng Thư Ký và Ủy Ban Đặc Cử). Nhưng cũng đáng lo vì sau đó, một vài nguồn tin đã được loan đi trong đó vẫn còn độ nồng dư hương của cuộc tranh chấp lẽ ra đã phải trở thành dĩ vãng.

Trong mọi trường hợp, hai bên nay được đặt trước trách nhiệm về sự tồn vong của Hội. Tái thống nhất Hội, như thực tế đã cho thấy, không phải là một thành tích phi thường gì mà chỉ là việc áp dụng mấy điều khoản của bản Điều Lệ Hội. Văn Bút Quốc Tế đã hơn một lần lưu ý cả hai bên về mối quan tâm đặc biệt của họ đối với việc tìm lại sự thống nhất cho VBVNHN. Trong cái rủi có thể tìm thấy cái may. Tại sao không nương vào cuộc khủng hoảng hiện đang diễn ra để sửa đổi sâu rộng bản Điều Lệ, thanh lọc hàng ngũ, tiếp đón những thành viên mới có đủ tiêu chuẩn để được kết nạp, quán triệt tinh thần tương nhượng của Hiến Chương Văn Bút đồng thời củng cố chỗ đứng cho VBVNHN trong VBQT, chuẩn bị đối phó với sự gia nhập của một trung tâm Văn Bút Việt Nam quốc doanh ?

Một điều đã hiển nhiên là không có một áp lực nào từ phía Văn Bút Quốc Tế hay Ủy Ban Đặc Cử nhằm ép uổng hai ông Viên Linh và Sơn Tùng. Cả hai ông hoàn toàn tự do quyết định theo lương tâm mình và theo quyền lợi của tất cả các hội viên. Đi chung một đường hay mỗi người đi một ngả, đó là điều mà cả hai ông Viên Linh và Sơn Tùng phải sớm cho mọi người biết rõ.

Nếu cả hai ông đều cho rằng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại là một gia tài tinh thần chung đã được xây đắp từ gần hai mươi năm qua, có già có trẻ, có cũ có mới, có tài có đức, một tổ chức có vai trò đại diện cho cộng đồng người Việt ở hải ngoại thì đây chính là dịp để cho tất cả những ai còn quan tâm đến nó được quyền đóng góp ý kiến, sáng kiến cải tổ nó cho thật xứng hợp với vai trò đại diện quốc tế nó đang đảm nhiệm. Muốn vậy, nên tránh tác phong co cụm thành từng nhóm nhỏ, tự phong những danh hiệu phù phiếm rồi chấp trụ vào đó mà phân biệt bỉ thử, phân chia ngôi thứ. Và nhất là nên dứt khoát từ bỏ mộng thôn tính lẫn nhau để giành chiến thắng tuyệt đối.

Thiết tưởng nếu có yêu cầu cả hai ông Viên Linh, Sơn Tùng cùng với những người cổ võ mình, thăm dò ý kiến rộng rãi ở trong cũng như ở ngoài Hội, sớm cùng nhau thỏa thuận triệu tập một Đại Hội Đồng mới, bầu ra một Ban Chấp Hành thống nhất trong một bầu không khí trong suốt thì cũng không quá đáng gì. Và như vậy, Ủy Ban Đặc Cử sẽ tích cực hoạt động trở lại để thâu ngắn đoạn đường chót giúp đi mau tới đích, tránh được điều chẳng đặng đừng là sự can thiệp của quốc tế.●

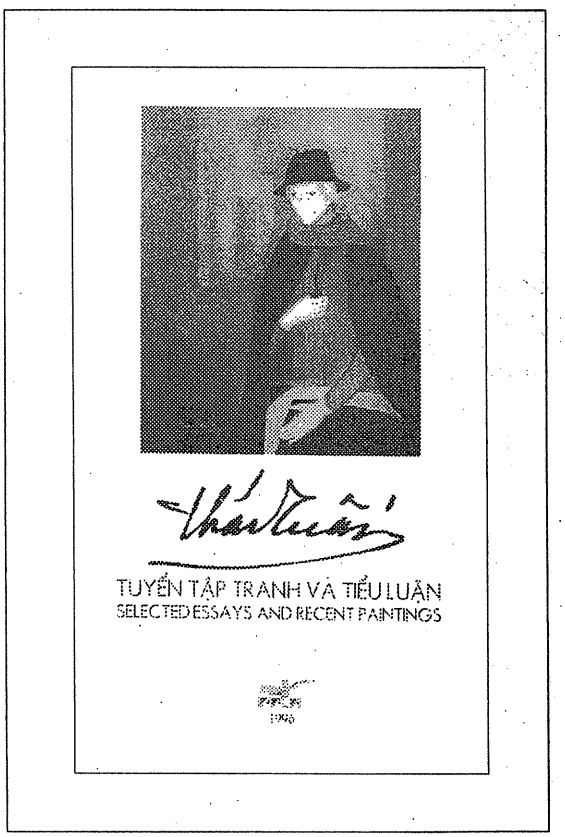

NHÂN CUỘC PHỎNG VẤN TRẦN NGỌC TUẤN TRÊN ĐÀI VNCR

ĐỖ THÌ KÊNH G

Trưa thứ hai 11 tháng Mười Một 1996, Đinh Quang Anh Thái, biên tập viên đài VNCR đã phỏng vấn Trần Ngọc Tuấn, trong nhóm chủ trương báo *Thiện Chí* ở Đức.

Đây là một cuộc đối thoại hữu ích, vì qua các câu hỏi thẳng thắn và sắc mắc của Đinh Quang Anh Thái, Trần Ngọc Tuấn đã rất nhạy bén, sâu sắc, giúp làm sáng tỏ nhiều điều suy nghĩ quan trọng của người Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Người đặt câu hỏi là một cựu viên chức Việt Nam Cộng Hòa, cựu tù nhân chính trị trong chế độ cộng sản, và người trả lời là một cựu đại úy trong Quân đội Cộng sản Bắc Việt, con trai của một tướng lãnh trong Quân Đội Cộng sản. Cả hai đã đồng ý với nhau qua các điểm như sau:

Thứ nhất, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chính lòng yêu nước của người Việt, chứ không phải chủ nghĩa Mác Lê đã đánh bại quân xâm lăng để giành độc lập.

Thứ hai, quân đội và nhân dân hai miền, khi giết nhau trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn, đều tưởng rằng mình đang chiến đấu vì lòng yêu nước, chứ chẳng ai chiến đấu vì một chủ nghĩa hay nột thế lực quốc tế nào cả.

Thứ ba, nhân dân và quân đội miền Bắc chỉ là nạn nhân của Đảng Cộng Sản Việt Nam, họ không bao giờ là đối tượng thù ghét của người miền Nam Việt Nam.

Thứ tư, chủ nghĩa Xã Hội, và chủ nghĩa Cộng Sản hiện nay chỉ là cái bung xung cho "Đảng còn gọi là Cộng Sản" bám vào để nắm quyền, thực chất của đảng này chỉ là một nhóm Mafia Đỏ, Đảng Tư Bản Máu, Độc Tài Rừng Rú.

Thứ năm, vết thương tổ quốc Việt Nam đang mưng mủ, thân thể Dân tộc đang bị "Đảng còn gọi là Cộng Sản" cắt thịt hàng ngày, nhu cầu cứu Dân Tộc, cứu Tổ Quốc là cấp bách, người Việt Nam không thể ngồi chờ thời gian qua giải quyết giùm.

Thứ sáu, những người Việt Nam yêu nước ở cả trong ngoài nước đều ý thức phải chấm dứt sự thống trị của "Đảng gọi là Cộng Sản" càng sớm càng tốt.

Thứ bẩy, "Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau, nhưng hào kiệt đời nào cũng có", hào kiệt hiện nay là những kẻ sĩ, những lương tâm dân tộc, cùng có một mẫu số chung, là giải trừ Đảng Cộng Sản để dân tộc được sống tự do dân chủ.

Thứ tám, với mẫu số chung đó, người Việt cần vượt qua mọi thành kiến, các nghi ngờ, trong ngoài hỗ trợ nhau. Lực lượng tấn công chính là người Việt trong nước, đặc biệt là các đảng viên cộng sản tỉnh thức, kể cả các đảng viên cao cấp. Người Việt ở nước ngoài là lực lượng hỗ trợ, cũng là một yếu tố quyết định. Trong và ngoài cần phải hiệp đồng với nhau mới thành công.

Thứ chín, trong cuộc chiến đấu này, kẻ thù của dân tộc Việt Nam chỉ là một nhóm nhỏ Mafia còn mượn mặt nạ Mác Lê, còn vẽ râu tư tưởng Hồ Chí Minh để cốt bảo vệ quyền hành. Dân tộc Việt Nam, dù ở trong hay ngoài nước, chẳng cần phải hòa giải vì chưa bao giờ coi nhau là kẻ thù.

Trong chín điểm trên, có những điều Trần Ngọc Tuấn nói minh nhiên, nhưng cũng có một số điều là hệ luận mặc nhiên của các lời anh nói. Tuy nhiên Kênh G. mong được thêm một điểm thứ mười. Điểm này nên xếp vào giữa điểm đầu và điểm thứ hai. Theo ý kiến Kênh G., chính ông Hồ Chí Minh, ngay từ đầu, đã phục kích sau lòng yêu nước truyền thống của dân ta, để lấy xương máu dân ta giúp bành trướng khối Cộng Sản quốc tế. Chính ý đồ đó khiến cuộc chiến giành độc lập bị biến tướng, quốc tế hóa, tạo nên cảnh huynh đệ tương tàn mà cái đuôi lê thê còn lại là cái đảng Mafia Đỏ hiện nay.●

DALAT
LANDSCAPING

Design & Maintenance
Lic. # 699783

P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

* Người ngu nói điều mình biết; người khôn biết điều mình nói.

— Ngạn ngữ Đức

* Đàn ông chịu nỗi thống khổ như một hình phạt oan ức. Đàn bà chịu nỗi thống khổ như một di sản tự nhiên.

— Danh ngôn Anh

THƠ CHỮ HÁN LÀM TRONG TÙ CỦA TUỆ SỸ

NHẤT UYÊN

Dưới cái nhìn độc tôn của chủ nghĩa cộng sản, chỉ có Mác-Lê là chân lý còn tất cả các hệ tư tưởng khác của nhân loại đều là sai lầm, đều là sản phẩm của các giai cấp phong kiến, tư bản... phải xóa bỏ, diệt trừ.

Sau năm 1975 hai trung tâm trí thức đầu não của miền Nam được đảng CSVN nhắm đến để triệt hạ là

- Viện Đại Học Vạn Hạnh của Phật Giáo,
- Dòng Tên, Cư Xá Đắc Lộ của Thiên Chúa Giáo.

Với một số bằng cớ ngụy tạo được công an giàn dựng (có súng trong phòng các tăng sĩ, chiến khu vùng Hố Nai, thu băng vài câu chuyện...), mọi chuyện kết thúc bằng những phiên tòa độc diễn.

Tuệ Sĩ, Trí Siêu (Lê Mạnh Thát), Nguyên Giác, Trí Hải, Đức Nhuận, Đoàn Viết Hoạt, Thích Quảng Độ, hầu hết Giáo sư Đại Học Vạn Hạnh ở lại trong nước đều bị án tù từ tử hình đến 15, 20 năm, nhẹ cũng bị tù vài năm dằn mặt (trừ Hòa Thượng Minh Châu). Ở Dòng Tên, Linh mục Nguyễn Văn Hiển bị án tử hình, Lm. Phạm Hữu Lai, Đỗ Quang Chính và năm linh mục khác bị 15, 20 năm tù.

Có thể gọi đây là những tù nhân của "đa nguyên." Vì đảng CSVN không chấp nhận những người trí thức có chân lý khác, ngoài chân lý Mác-Lê. Họ đã tạo ra một cú đánh phủ đầu dằn mặt trí thức Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Những bằng cớ buộc tội của đảng CSVN, chỉ là những ngụy tạo mơ hồ và hoang đường.

Có lẽ đây là lần thứ nhì trong lịch sử Việt Nam, sau vụ kháng thuế Trung Kỳ 1908, trí thức Việt Nam bị xử tội nhiều nhất. Những nạn nhân trong vụ kháng thuế: Phó bảng Phan Châu Trinh, Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng, Tiến sĩ Trần Quý Cáp, Tiến sĩ Đặng Nguyên Cẩn, Tiến sĩ Ngô Đức Kế, Tiến sĩ Lê Huân... Trong các vụ án năm 1983, nạn nhân hầu hết là các giáo sư tu sĩ Phật Giáo, cũng như các linh mục Dòng Tên, đều là những vị có học vị Tiến sĩ từ Mỹ, Pháp về.

Là đệ tử của hòa thượng Trí Thủ, Tuệ Sĩ, và Trí Siêu là hai anh tài trẻ tuổi của Phật Giáo Việt Nam.

Trí Siêu Lê Mạnh Thát, từ thuở bé đã nổi tiếng là thần đồng trong Giáo hội. Tiến sĩ Triết Học Đại Học Wisconsin, giảng dạy Đại Học Vạn Hạnh, có các công trình nghiên cứu Phật học được nhiều học giả Nam, Bắc, trong nước, ngoài nước khâm phục. Giáo sư Hà Văn Tấn (Hà Nội) nhiều lần đánh giá cao công trình của Lê Mạnh Thát.

Tuệ Sĩ Phạm Văn Thương từ lâu đã nổi tiếng với tài làm thơ chữ quốc ngữ, chữ Hán và đã cùng ni sư Tiến sĩ Thích nữ Trí Hải dịch thuật xuất sắc nhiều tác phẩm Phật học cho Đại Học Vạn Hạnh. Ông là giảng viên Đại học Vạn Hạnh và Phật học viện Hải Đức (Nha Trang). Năm 1976, trong dịp tiếp xúc với Tuệ Sĩ tại Nha Trang, học giả Đào Duy Anh đã nói: "Thầy là viên ngọc quý của Phật giáo và của Việt Nam." Thơ của Tuệ Sĩ đăng thường xuyên trên các tạp chí Phật giáo như Hải Triều Âm, Thiện Mỹ, Giữ Thơm Quê Mẹ, và nhiều bài viết trên tạp chí Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh trong khoảng thời gian 1964-1975.

Vào tù từ năm 1983, Tuệ Sĩ viết nhiều bài thơ chữ Hán. Sau đây chúng tôi xin dịch một số bài đã chuyển ra ngoài được.

1. CÚNG DƯỜNG

Phụng thử ngục tù phạn
Cúng dường Tối Thắng Tôn
Thế gian trường huyết hận
Bình bát lệ vô ngôn

Dịch thơ:
CÚNG DƯỜNG
Dâng chén cơm tù phạm
Cúng dường Tối Thắng Tôn
Thế gian đầy máu hận
Nâng bát lệ trào tuôn

2. TỰ VẤN

Vấn dư hà cố tọa lao lung
Dư chỉ khinh yên bán ngục khung
Tâm cảnh tương tri kinh lữ mộng
Cố giao gia tỏa diện hư ngung

Dịch thơ:
TỰ HỎI
Hỏi mình thân phận sao tù ngục
Ta bảo tù giam sương khói thôi
Tâm cảnh quyện nhau cơn mộng dữ
Lời xưa: ngẩng mặt ngửa nhìn trời

3. TRÁCH LUNG

Trách lung do tự tại
Tán bộ nhược nhàn du
Tiểu thoại độc ảnh hưởng
Không tiêu vĩnh nhật tù

Dịch thơ:
LỒNG CHẬT HẸP
Lồng hẹp vẫn tự tại
Đi bách bộ khoan thai
Cười nói mình ta thấy
Cũng qua ngày tù dài.

4. TẢO THƯỢNG TẨY TỊNH

Tảo khởi xuất tẩy tịnh
Thung dung lập phiến thì
Tự hữu thần tiên thái
Hà tu sơn thủy vi

Dịch thơ:
SÁNG SỚM RỬA MẶT
Sáng sớm ra rửa mặt
Ung dung trong khoảnh khắc
Vốn phong thái thần tiên
Cần chi cảnh non nước

5. BIỆT CẤM PHÒNG

Ngã cư không xứ nhất trùng thiên
Ngã giới hư vô chân cá thiền
Vô vật vô nhơn vô thậm sự
Tọa quan thiên nữ tán hoa miên

Dịch thơ:
PHÒNG BIỆT GIAM
Tôi ở trời không Vô Biên xứ
Tôi cảnh hư vô thật cõi thiền
Không vật không người không lắm chuyện
Ngồi xem tiên nữ rải hoa xuân

6. TỰ THUẬT

Tam thập niên tiền học khổ không
Kinh hàm đôi lũy ám tây song
Xuân hoa bất cố xuân quang lão
Thúy trúc tà phi túy mộng hồn
Nhẫm nhiễm trường mi thùy hoại án
Ta đà tố phát bán tàn phong
Nhất triêu cước lạc huyền nhai hạ
Thủy bả Chân Không đối tịch hồng.

Dịch thơ:
TỰ THUẬT
Ba mươi năm trước học Khổ Không
Kinh điển đôi chồng che cửa song
Xuân xanh không đoái, xuân già cỗi
Trúc biếc tà bay, ngát mộng lòng
Thấm thoát mi dài buông án cũ
La đà tóc bạc nửa tàn phong
Một sớm hụt chân rơi vách núi
Mới thấy Chơn Không đối Tịch Hồng

7. DẠ TỌA

Trục nhật lao tù sự cánh mang
Trung tiêu độc tọa đối hàn đăng
Không môn thiên viễn do hoài mộng
Quy lộ vô kỳ nhiệm chuyển bồng

Dịch thơ:
NGỒI TRONG ĐÊM
Ngày trôi tù ngục, việc mênh mang
Phòng đơn, đèn lạnh một mình chong
Hình ảnh cửa Thiền lòng vẫn nhớ
Vô hạn đường về, mệnh rối lòng.

Nhận được thơ Tuệ Sĩ, không ngủ được, nửa khuya thức giấc, ngồi chong đèn dịch. Những bài thơ trong tù vẫn siêu thoát, an nhiên tự tại, lời thơ ung dung phong độ các Thiền sư Lý, Trần, mà ngỡ Thiền sư Tuệ Sĩ đã đạt đạo, đã trở thành bậc Thanh Văn, Bồ Tát ngay trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 chúng ta ngày nay.•

Paris, 16.10.96

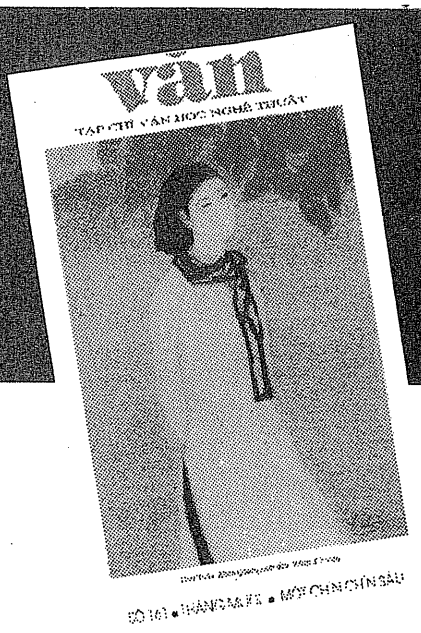

văn
tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

NÓI VỀ SZYMBORSKA

CZESLAW MILOSZ
ĐẶNG HOÀNG dịch

Tôi vẫn thường nói rằng thi ca Ba Lan mạnh và có một số đặc điểm phân biệt nó với bối cảnh thi ca thế giới. Những đặc điểm này có thể tìm thấy trong các tác phẩm của một số ít nhà thơ nổi bật của Ba Lan, kể cả Wislawa Szymborska. Giải Nobel của Bà là thắng lợi cho riêng cá nhân Bà, nhưng đồng thời nó khẳng định địa vị của "thi phái Ba Lan." Có lẽ chẳng cần nhắc lại rằng ngôn ngữ của nền thi ca ấy là ngôn ngữ của một xứ đã phạm tội diệt chủng trên một quy mô rộng lớn. Những mối liên kết của ngôn từ và kinh nghiệm lịch sử có thể có nhiều loại, và không có một liên hệ nhân quả nào giản đơn. Thế nhưng có một sự kiện nào đó không phải là không có ý nghĩa: Szymborska, giống như Tadeusz Rozewicz và Zbigniew Herbert, viết *thay thế cho* thế hệ những nhà thơ xuất hiện lần đầu trong thời chiến đã không còn sống sót.

Wislawa Szymborska

Thơ Szymborska, nổi bật như thế với các đặc điểm như phong thái nhẹ nhàng, mỉm cười hoài nghi, đùa nghịch, thì có quan hệ gì với lịch sử thế kỷ hai mươi, hay với bất cứ thế kỷ nào khác? Hồi đầu, thơ Bà có dính líu nhiều tới lịch sử, nhưng khi trưởng thành nó rời bỏ những hình ảnh của thời gian tuyến tính để lao tới không tưởng hoặc một thảm họa khủng khiếp, như thế kỷ đang sắp chấm dứt đã muốn tin. Quy mô thơ Bà có tính cách cá nhân, của một người ngẫm nghĩ về thân phận con người. Sự suy ngẫm của Bà, đúng thế, đi đôi với một *tính kín đáo* khác thường, tuồng như nhà thơ thấy mình trên một sân khấu với những đồ trang trí cho một vở kịch đã được diễn trước, một vở kịch biến cá nhân thành hư vô, thành một số không vô danh, và trong những hoàn cảnh như thế thì không đòi hỏi phải nói về mình.

Thơ Szymborska khảo sát tỉ mỉ những tình huống riêng tư, nhưng những tình huống này cũng đủ khái quát hóa để Bà có thể tránh phải thú tội. Trong bài thơ nổi tiếng của Bà nói về một con mèo trong căn hộ trống, thay vì than vãn vì sự đã khuất của chồng một người bạn, ta nghe thấy: "Chết đi/ta đâu có làm như thế cho một con mèo." Có thể là sự kín đáo và một khoảng cách mỉa mai đối với chính mình biểu lộ những ưa chuộng đặc biệt của Bà; tuy nhiên — bởi lẽ trong phong cách này Bà giống một số [nhà thơ] Ba Lan cùng thời — ta có thể biện hộ thành công cái luận đề cho rằng họ cùng chia sẻ với nhau một nét đặc trưng, ấy là nỗ lực xua đuổi quá khứ. Để hoàn thành nhiệm vụ này họ rèn luyện cho mình một lối chưng cất đặc biệt, và những nguyên liệu họ sử dụng thường khó nhận ra.

Đối với tôi, Szymborska trước hết là một nhà thơ về ý thức. Nói thế có nghĩa là Bà nói với chúng ta, những kẻ sống cùng thời, như một người trong bọn, giữ lấy cho mình những chuyện riêng tư, vận hành ở một khoảng cách nào đó, nhưng cũng nhắc đến những gì mà mọi người đều biết từ chính đời mình. Bởi ta không nhớ tới sự ta cởi quần áo trước khi khám bệnh, hay sửng sốt trước những trùng hợp, hay đọc thư của những người đã khuất hay sao? Do đó, giống như trong các bức tranh vẽ lại cảnh mô tả những sự việc quen thuộc hàng ngày, ta nhận ra chính ta trong các bài thơ này như người trong họ, với một tính chủ quan khác biệt nơi mỗi người, và sự chủ quan ấy như thể đã được đặt giữa hai ngoặc đơn. Chúng ta cùng họ cũng bởi vì chúng ta là những kẻ cùng thời, do đó cùng quy phục một mạng lưới thông tin. Ngôn từ — những dấu hiệu định hướng — đối với

chúng ta ít nhiều đều mang cùng một ngữ nghĩa: thuyết tiến hóa, tàu vũ trụ, Hiroshima, nhưng còn Homer nữa, và Vermeer, hay nguyên lý bất định [Heisenberg], nghĩa là cả một kho tiết mục về những khái niệm ta thu nhận ở nhà, tại trường, từ những phương tiện truyền thông đại chúng.

Những bài thơ của Szymborska được dựng lên bằng cách tung hứng, như với những quả bóng màu, những bộ phận cấu thành kho kiến thức chung của ta; chúng làm ta ngạc nhiên về những nghịch lý trong kho kiến thức đó và miêu tả thế giới loài người với ánh sáng bi hài. Cái ý thức được biểu lộ trong thơ Bà là một ý thức *theo* — *theo* Darwin, *theo* Einstein, *theo* nhiều ai khác nữa — bởi lẽ, xét cho cùng, nền văn minh mà ta đang ngụp lặn ở trong còn lưu giữ được những dấu vết của nó. Đối diện với những dòng thơ nhảy múa vô tư lự như thế, tuồng như được viết ra mà không cần cố gắng, ta ngập ngừng không muốn nhắc tới những mốc khoa học, thế nhưng vì chúng đã có đấy, cho nên tư tưởng của Szymborska và tư tưởng của ta có tính chất phức tạp và quanh co, dù ta có mong ước hay không. Không nơi nào thấy điều này rõ bằng nơi Bà đặt vấn đề về địa vị của con người trong chuỗi dây tiến hóa. Chẳng hạn, bài thơ "Bốn giờ sáng" đối chọi nỗi lo âu của ta, vì làm ta không ngủ được, với sự bận rộn tự động của loài kiến.

Không một ai thấy dễ chịu lúc bốn giờ sáng.
Nếu loài kiến thấy dễ chịu lúc bốn giờ sáng
—thì hoan hô loài kiến. Và hãy để cho năm giờ sáng tới đi
*nếu ta còn phải tiếp tục sống.**

Một bài thơ khác, "Ngợi ca sự tự chê bai," vạch một đường phân biệt lương tâm trong sáng, là đặc tính của mọi sinh vật thiên nhiên, và những dằn vặt đạo đức, là phần của ta:

Chó ngao tự phê phán không hề có.
Châu chấu, cá sấu, giun xoắn, con mòng
sống theo lối chúng sống và sung sướng vì thế.

Bài thơ "Tự quản" bắt đầu như sau:

Khi gặp nguy loài dưa biển tự chia mình làm hai

và lập luận tiếp theo tái xác nhận đặc quyền của loài người, là sáng tạo nghệ thuật — bất chấp và chống lại sự chết:

Ta biết cách chia ta làm hai, thật vậy, ta cũng vậy.
Nhưng chỉ chia thành một thể xác và một lời thì thầm cắt quãng.
Chia thành thể xác và thi ca.

Szymborska chưa chắc đã là một nhà thơ giữa thời kỳ những hoài nghi trầm trọng giá như Bà đã không cầu khẩn sự cứu rỗi linh hồn qua nghệ thuật. "Sự trả thù của một bàn tay phải chết" xuất hiện trong thơ Bà dưới nhiều hình thức, kể cả trêu chọc chính mình.

Khoảng hai năm trước đây, khi đọc bản dịch Anh ngữ thơ Bà trước đám đông, tôi khám phá thấy rằng khán giả, phần lớn trẻ tuổi, đã lĩnh hội được và vỗ tay hoan nghênh, cái xuất sắc trí thức trong thơ bà che dấu đi cái nội dung nghiêm trang của nó. Tôi phải tiết lộ ra đây những gì họ thích nhất. Thính giả thuộc cả hai phái đã cười rộ nhiều lần (và tôi cũng cười theo họ) khi nghe và thơ "Ngợi ca em gái tôi":

Em gái tôi không làm thơ,
và chắc chả bao giờ em lại thình lình bắt đầu làm thơ.

Tôi nghĩ rằng ít nhất một nửa số người có mặt hôm đó chắc đã phải có ý nghĩ muốn làm thơ, và vì vậy họ đã thấy bài thơ trên tức cười.

* Thơ dịch sang Anh ngữ được trích từ *Tiếng động, cảm xúc, tư tưởng: Bảy mươi bài thơ của Wislawa Szymborska* ["Sounds, Feelings, Thoughts: Seventy Poems by Wislawa Szymborska"] do Magnus J. Krynsky và Robert A. Macguire dịch và giới thiệu (Princeton University Press, 1981).

Czeslaw Milosz, nhà thơ Ba Lan lưu vong, sinh năm 1911 tại Lithuania, giáo sư văn học Slave tại Đại học Berkeley, CA, giải văn học Nobel năm 1980. Tuyển tập thơ gần đây nhất của ông mang tên Đối diện dòng sông *["Facing the River"]. Nguyên ngữ Ba Lan bài này đăng trong* Tygodnik Powszechny, *một tuần báo ở Krakow, ngày 8 tháng Mười 1996, và đã được chính ông và Robert Hass dịch sang Anh ngữ và in trong bán nguyệt san* The New York Review of Books, *số ra ngày 14 tháng Mười Một 1996. Bản Việt ngữ này được dịch từ bản Anh ngữ vừa nói.*•

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129

HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)

Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406

* Tốt nghiệp chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives

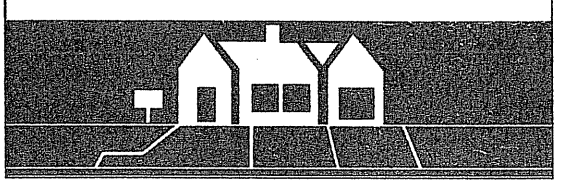

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG TIỂU THUYẾT HIỆN ĐẠI

THỤY KHUÊ

Qua những bài viết trong chiến dịch bài trừ cuốn tiểu thuyết *Man Nương* của Phạm Thị Hoài, đang dấy lên ở trong nước, từ những ngòi bút của các ông Trần Mạnh Hảo, Vũ Hạnh, Trần Bạch Đằng, Diệp Minh Tuyền, v.v... người ta thấy những lo ngại và một sự kết án.

Lo ngại cho cái được gọi là đồi trụy của *Man Nương*, vì tác phẩm này có chỗ mô tả sinh hboạt của thân xác, mô tả những cô gái điếm, những tay ma cô... bằng ngôn ngữ "không được đạo đức," và sự kết án của các ông cũng đại để giống nhau: Đây là quyển dâm thư vô luân, cần phải cấm in, cấm bán. Dĩ nhiên yêu hay ghét một tác phẩm là quyền của người đọc. Nhưng kết án và hô hào cấm in, cấm bán lại là chuyện khác. Những sự việc này cho thấy rằng: Hiện na, moót số người, ít ra là những người đọc kể trên, vẫn còn đọc và lọc tiểu thuyết qua con mắt của nhà luân lý. Họ muốn duy trì một nền kiểm duyệt thời trung cổ, đối với những tác phẩm họ cho là không đạt được tiêu chuẩn đạo đức.

Thạch Lam, Nhất Linh đã từng nói đến vấn đề trình độ người đọc. Không phải nhà văn, mà chính người đọc là người xây dựng nền văn hóa của một nước. Chúng tôi xin bổ sung thêm: Một đất nước không có người đọc thì không có văn học. Nhưng một xứ sở mà người đọc toàn là những nhà luân lý, thì người viết chỉ sản xuất ra được những cuốn luân lý giáo khoa thư, cùng alm là những cuốn thánh kinh. Không thể có tiểu thuyết.

Vậy tiểu thuyết là gì?

Tiểu thuyết là một tác phẩm nghệ thuật, và nghệ thuật là sản phẩm của tưởng tượng — điều này không có gì mới, nhưng đôi khi vẫn nên trở lại vấn đề. Nói nôm na, tiểu thuyết là bịa. Nhưng bịa thế nào để điều mình nói phản ảnh gần sự thật nhất. Chúng tôi xin nhấn mạnh điểm *gần sự thật nhất*, vì sự thật của cuộc đời như thế nào thì chưa ai được biết bao giờ. Người viết tiểu thuyết cũng biết rằng mình đang bịa. Và người đọc tiểu thuyết cũng biết rằng mình đang đọc một truyện bịa — nhưng mình tin là có thật. Do đó mình có cảm tưởng như đang sống trong quang cảnh với các nhân vật mà tác giả bày ra trước mắt, với ngôn ngữ và tâm lý, thủ đoạn của mỗi nhân vật. Người đọc trực tiếp tham dự vào quang cảnh sống giả tưởng của các nhân vật, rung động cùng họ, thù ghét, đớn đau với họ, vì họ... Niềm tin giả tưởng này, Sartre gọi là *ngụy tín* (*mauvaise foi*) [1]. Mình tự lừa mình, về phía cả người viết lẫn người đọc. Không có *ngụy tín* cũng lại không thể có tiểu thuyết.

Ở thời đại nào, người viết cũng muốn tiến đến gần sự thật nhất về cuộc đời, và chưa ai biết sự thật ấy nó như thế nào. Người viết sau chê người viết trước là giả tạo, vì họ muốn đi tìm một cái thật hơn.

Vì không biết cái thật ấy như thế nào, cho nên người ta mới khám phá. Con đường khám pah những ngõ ngách mới ấy, con đường sáng tạo, mở ra những khuynh hướng khác nhau, những trào lưu khác nhau, những quan niệm khác nhau về cách diễn tả, mô tả cuộc đời, và đưa ra những văn phong, tác phong của tiểu thuyết ở mỗi thời đại.

Khi các nhà "luân lý" trong nước lên án tác phẩm *Man Nương* của Phạm Thị Hoài, họ đã bác bỏ vấn đề *ngụy tín*, tức là tưởng tượng trong tiểu thuyết, và họ cho rằng họ biết rõ sự thực về cuộc đời, về cái gọi là tốt đẹp của xã hội Việt Nam hiện thời. Tại sao lại có người dám bôi nhọ cái xã hội đẹp đẽ đó của họ: Và do đó họ đã bước ra ngoài những yếu tố chủ chốt: *tưởng tượng, khám phá* và *sáng tạo* thuộc về bản chất của nghệ thuật.

*

I Thời kỳ trước 45

Nếu chỉ giới hạn vấn đề trong thế kỷ XX, từ *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách năm 1922, đến *Man Nương, Marie Sến* (1996) của Phạm Thị Hoài, thì tiểu thuyết hiện đại đã bước qua nhiều giai đoạn.

Giai đoạn *Tố Tâm* manh nha sự phản kháng của người đàn bà trong chế độ phong kiến, nhưng chưa thật sự đặt vấn đề. Hoàng Ngọc Phách mới chỉ cảm thấy cái bất hạnh của những người như Đạm Thủy-Tố Tâm, yêu nhau trong xã hội phong kiến.

Không chấp nhận tình yêu cá nhân, xã hội phong kiến thừa nhận hôn nhân xếp đặt bởi gia đình. Cá nhân bị đè bẹp trong guồng máy luân lý gia đình trị. Cái chết của Tố Tâm là sự thất bại của cá nhân trước guồng máy tập thể. Tố Tâm không thực sự tranh đấu. Tố Tâm đón nhận cái chết như một tất yếu của định mệnh.

Rồi đây, sau khi hương tàn khói tỏa, có lúc nào anh qua chỗ em an giấc ngàn năm này, nhờ anh đề hộ vào gốc cây, tảng đá hay bức tường mấy chữ rằng:

Đây là mồ một người bạc mệnh
Chết vì hai chữ ái tình

Tố Tâm khơi mào vấn đề tự do luyến ái và đòi hỏi hạnh phúc cá nhân. Tố Tâm báo hiệu cho thời kỳ kế tiếp: Thời kỳ Tự Lực Văn Đoàn, với những cuốn tiểu thuyết thực sự đấu tranh cho cá nhân chủ nghĩa mà mãnh liệt nhất là *Đoạn Tuyệt*.

Thái độ của Loan trước sự gầy dựng, sắp đặt của mẹ nàng về chuyện hôn nhân: *"Việc của con mà thầy mẹ coi như là không có con ở nhà này."*

Ở *Đoạn Tuyệt*, Loan đã ý thức được *cái tôi* của mình một cách rõ ràng và dứt khoát. Loan muốn có quyền làm người, quyền định đoạt những công việc của mình, không cần gia đình làm hộ. Loan muốn thoát khỏi cái tập thể giáo điều đã bóp nát đời sống riêng tư của mình nhân danh đạo lý Khổng Mạnh. Phản ứng mãnh liệt của Loan gây ra đổ vỡ và đưa đến đoạn tuyệt giữa cũ và mới.

Lan và Ngọc trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* của Khái Hưng chấp nhận một giải pháp thanh cao hơn: Bắt đầu bằng tình yêu chiếm đoạt, Ngọc muốn khám phá sự thật về chú tiểu Lan mà Ngọc nghi là gái. Khi biết đích xác Lan là gái và cảm thấy sự sỗ sàng của mình, Ngọc chuyển dần tình yêu chiếm đoạt sang tình yêu lý tưởng.

Ở Loan trong *Đoạn Tuyệt* và Ngọc trong *Hồn Bướm Mơ Tiên* xuất hiện thái độ ý thức về cái tôi trách nhiệm, và đó là sự khác biệt sâu xa giữa mới và cũ. Trước họ, cái tôi cá nhân bị chìm khuất trong đại gia đình phong kiến. Con người không có trách nhiệm thực thụ, không có quyền quyết định và cũng sống ỷ lại vào đại gia đình. Khi ý thức được cái tôi cá nhân, con người tìm thấy tự do và đồng thời cũng ý thức được tinh thần trách nhiệm trước sự tự do đó. Một mặt khác, về phong cách diễn tả, ở những tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, lãnh địa của cảm giác bắt đầu mở rộng: Thấp thoáng ló dạng *thuyết tương ứng* (*théorie de correspondance*) giữa tạo vật và con người của Baudelaire. Tính chất giao ứng này trở thành một trong những yếu tố xương thịt của thơ ca lãng mạn Xuân Diệu - Huy Cận.

Vài năm sau sự xuất hiện các tác phẩm luận đề của Tự Lực Văn Đoàn, một lớp nhà văn mới, với khuynh hướng tả chân xã hội: Ngô Tất Tố viết *Tắt Đèn* (1939), Nguyên Hồng với *Bỉ Vỏ* (1937), Vũ Trọng Phụng với *Số Đỏ*, Tô Hoài với *O Chuột, Quê Người*, Nam Cao với *Chí Phèo*... Lớp nhà văn này đấu tranh trực tiếp cho người nghèo. Họ chống lại sự chênh lệch giầu nghèo và áp bức, bóc lột của guồng máy quan lại, phong kiến. Ở họ, những người dân quê, những kẻ trộm cắp, ma cô, những cô gái điếm, những kẻ tật nguyền thể xác và tinh thần bị từ chối quyền làm người, đứng lên đòi quyền sống, quyền được ăn uống, được yêu thương, được cư xử, đối đãi như những con người. Chí Phèo là một hiện tượng tiêu biểu giới hạn giữa người và vật. Một xã hội mà con người bị từ chối quyền làm người, từ thuở sơ sinh như Chí Phèo, thì việc gì sẽ xảy ra? Nam Cao đẩy đến dứt điểm tính chất bi kịch của con người, của mỗi Chí Phèo trong cuộc sống. Cuộc cách mạng xã hội của khuynh hướng tả chân đi xa hơn cuộc cách mạng xã hội của Tự Lực Văn Đoàn, nó đẩy tới giới hạn tận cùng giữa người và vật.

Cùng thời này, Nhất Linh, Khái Hưng bỏ dần các đề tài tranh đấu xã hội để chuyển sang tiểu thuyết nghệ thuật và tư tưởng mà Khái Hưng đã bắt đầu từ *Hồn Bướm Mơ Tiên* (1933). Ở *Trống Mái*, Khái Hưng phân tích sự say mê thể xác và tình yêu. Hiền, trong *Trống Mái*, có thể chỉ say mê cái đẹp thận hình của Vọi và không yêu Vọi được không? Ở *Bướm Trắng*, Nhất Linh tìm hiểu phản ứng con người trước cái chết. Biết mình chỉ sống được một năm nữa, Trương có phản ứng ra sao với cuộc đời?

Nhất Linh, Khái Hưng có thái độ lạc quan về hạnh phúc và con người, đối lập với khuynh hướng tả chân xã hội: Nam Cao có cái nhìn tuyệt vọng về con người. Với Vũ Trọng Phụng, niềm tuyệt vọng đã biến thành tiếng cười — Xuân Tóc Đỏ — về sự sa đọa của con người. Ở Khái Hưng, Nhất Linh và nhóm Tự Lực Văn Đoàn, sự nhận diện trách nhiệm cá nhân, khám phá những cảm giác, xúc giác, luôn luôn đưa đến tính cách xác định cá nhân như một thực thể tự do, được quyền sống và tận hưởng những lạc thú của hạnh phúc.

Khi Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Hoàng Đạo ... nhìn đến cuộc sống nghèo nàn của người dân quê, họ vẫn chỉ nhìn dưới con mắt của người trí thức, tiểu tư sản thành thị, muốn cải cách xã hội, viết về cái nghèo. Họ chưa phải là những tiểu thuyết gia, sinh ra từ cái nghèo như Nguyên Hồng, Ngô Tất Tố, Tô Hoài, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng.

Đối với lớp nhà văn tả chân xã hội đến sau này: Con người không có lạc thú và hạnh phúc mà chỉ có lầm than, bất hạnh, dốt nát, đói khát và bị từ chối quyền làm người. Tại dứt điểm này, khuynh hướng tả chân xã hội báo hiệu cho sự thành công chính trị của đảng cộng sản trên xã hội thực dân phong kiến. Và những người ở lại miền Bắc như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ, mặc dù nằm trong quỹ đạo tư tưởng trí thức tiểu tư sản, cũng phải nghiêng mình gạt bỏ tính cách cá nhân chủ nghĩa của mình, để quay về với chuyên chính tập thể. Ở đây có sự tiêu tán cá nhân trong tập thể. Đây không còn là tập thể gia đình trị của thời phong kiến, nhưng là tập thể vô sản chuyên chính. Tính cách chuyên chính của hệ thống vô sản này ảnh hưởng trên văn học miền Bắc trong suốt thời kỳ 54-75 và còn kéo dài trên toàn thể đất nước cho đến ngày nay.

* "Nhà ga này có phòng đợi dành cho các bà không?"
"Thưa bà không, nhưng có phòng cho các bà *không thể đợi được.*"

* "Hãy đánh vần chữ Mississippi."
"Sông hay tiểu bang ạ?"

II Những tìm tòi của thời kỳ 54-75

Trái với những nhận định cho rằng cuộc cách mạng tháng tám đã mở ra một chân trời mới cho lịch sử văn học, ngày nay, nhìn lại thời kỳ văn học 45-54 trên toàn thể lãnh thổ, và từ 54 đến 75 ở miền Bắc Việt Nam, thì dường như không có một hiện tượng khai phá văn học nào đáng kể.

Trong bài *Nền văn học mới từ sau Cách Mạng tháng tám*, viết vào tháng Ba năm 1995, Nguyễn Đăng Mạnh nêu lên ba đặc điểm của thời kỳ văn học này:

- Viết để phục vụ chính trị, cổ vũ chiến đấu
- Văn học hướng về đại chúng, trước hết là công nông binh.
- Một giai đoạn văn học chủ yếu sáng tác theo khuynh hướng sử thi và lãng mạn, tạo nên một chủ nghĩa lãng mạn anh hùng.

Nguyễn Đăng Mạnh trích dẫn lời chủ tịch Hồ Chí Minh, được coi như một tuyên ngôn văn học mà mọi người phải theo trong thời kỳ này. Đó là câu: "*Viết cho ai? Viết cho đại đa số công nông binh. Viết để làm gì? Để giáo dục, giải thích, cổ động, phê bình. Để phục vụ quần chúng.*"

Thực hành tuyên ngôn này, Nguyễn Đình Thi viết *Xung Kích, Vỡ Bờ*, Chế Lan Viên viết *Ánh Sáng Và Phù Sa*, Tố Hữu ca tụng *Việt Bắc*, Xuân Diệu cho rằng: Trời mỗi ngày lại sáng, đất nở hoa. Theo Tố Hữu, người ta thi nhau ca tụng "*đẹp vô cùng tổ quốc của ta ơi*". Ở thời điểm này, đường ra mặt trận, đất cũng nở hoa, chim say sưa hót, và đối với quân thù thì "*rắn cuốn bên chân vẫn bắn thù*" như lời thơ Tố Hữu.

Còn đối với Chế Lan Viên, thì đến "*nếp rêu con cũng chói lòa ánh sáng.*" Chỉ một vài người như Dương Tường viết được những câu thơ thấm thía:

Đời rừng núi tháng ngày xanh sốt rét
Ngược nhìn quê mắt vướng đá chập chùng

Tóm lại, thơ văn thời ấy, trừ một số rất ít bài hay của Quang Dũng, Hoàng Cầm, Trần Dần, ... những câu thơ hay của Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi ... bị ngập trong một rừng ngôn ngữ cường điệu và xa sự thực.

Về tiểu thuyết, *Vỡ Bờ, Đống Rác Cũ*..., không mang lại những yếu tố mới cho văn học và cũng không đem lại cho Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Công Hoan... thêm những gì mà người ta đã biết từ trước về những tác giả này.

Những người như Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... hầu như đã đánh mất hẳn tiềm lực sáng tác. Thơ văn tuyên truyền, không hợp với tạng cá nhân chủ nghĩa của họ. Tuy lời thơ có nhiều chữ máu, chữ thù, chữ giết nhưng không huy động được lòng căm phẫn quân thù, không nói lên được tính cách rùng rợn của chiến tranh. Cho nên những *Ngọc quốc kỳ, Hội nghị non sông, Ngôi sao, Dưới sao vàng* của Xuân Diệu, hay những *Ánh sáng và phù sa, Những bài thơ đánh giặc, Hoa ngày thường, Hoa trước lăng người, Hoa trên đá*... của Chế Lan Viên, chỉ là những bóng mờ của một dĩ vãng *Điêu Tàn*, mà *Thơ Thơ* nay đã trót đem *Gửi hương cho gió*.

Sau 54, ở miền Nam, ngoài những giá trị tương đối cổ điển như Nhất Linh, Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Bình Nguyên Lộc, Mặc Thu, Mặc Đỗ, Nhật Tiến,... một lớp người viết mới xuất hiện.

Lớp người này từ bỏ hiện thực lãng mạn của Tự Lực Văn Đoàn, từ bỏ hiện thực phê phán xã hội của Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Nam Cao... mà họ cho rằng đó là những quan niệm tiểu thuyết cổ điển của thế kỷ XIX.

Họ hội nhập quan niệm tiểu thuyết hiện đại của văn học Pháp. Từ Sartre, Camus trong quan niệm hiện sinh, đến Alain Robbe Grillet trong quan niệm tiểu thuyết phản tiểu thuyết.

Họ là những Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu, Duy Thanh, Thao Trường, Mai Thảo, v.v... Đối với họ, tiểu thuyết không còn là một cốt truyện hay một quang cảnh mà người viết bầy ra trước mắt độc giả. Người viết không viết về một chuyện này, chuyện kia, một nhân vật này, một nhân vật nọ như trước nữa. Tóm lại, người viết không còn đứng ngoài nhân vật hoặc ở rất gần hay đứng sát nhân vật, cũng có khi đứng cả ở trong nhân vật để kiểm soát tâm lý nhân vật mà mô tả như trước nữa. Người viết cũng không còn là một nhân chứng biện hộ, hay nhân chứng buộc tội mà trở thành chứng nhân không thể loại trừ. Tiểu thuyết là một *sự nhận thức về bản thân mình* như Roquentin trong *Buồn Nôn* của Sartre, Meursault trong *Người Xa Lạ* của Camus. Ở đây, nhà văn không còn nhiệm vụ viết về người. Nhà văn viết về chính mình, nhà văn tìm hiểu chính mình, nhận thức chính mình. Roquentin là Sartre buồn nôn vì nhận thức được sự có mặt, sờ sờ, và thừa thãi của mình, như một ngẫu nhiên, phi lý. Mình có đấy. Mình hiện hữu. Mình tồn tại. Chỉ có thế thôi. Meursault là Camus, nhận thức về sự xa lạ của mình đối với cuộc đời, về sự phi lý của cuộc đời. Tiểu thuyết, trong quan niệm hiện sinh này, là sự tra vấn của tác giả về những vấn đề đặt ra cho bản thân. Tóm lại, tác giả trình bầy những suy nghĩ của mình về cuộc đời, qua nhân vật chính trong truyện. Sự tra hỏi này đưa ra những nghi vấn tiếp theo. Mà tiểu thuyết gia không có tham vọng giải quyết, ông chỉ gợi ý cho người đọc.

Tiểu thuyết cũng không còn là câu chuyện mạch lạc, xóa bỏ quan niệm cũ về tiểu thuyết mạch lạc và liên tục. Ở tiểu thuyết mới, cuộc đời là những mảng gián đoạn, không có mạch lạc gì với nhau cả. Những việc cứ xảy ra như thế, đi cạnh nhau hoặc chồng chất lên nhau, không có trật tự, không có nghĩa lý gì.

Khi người viết kể một câu chuyện mạch lạc là người viết đã viết dối, nói dối.

Meursault trong Người Xa Lạ của Camus, vừa đi đám ma mẹ về, anh ta làm tình với một người con gái mà hình như anh ta không yêu, rồi anh ta giết người. Các sự việc ấy cứ diễn ra như thế, không liên hệ với nhau, không có lý do gì rõ rệt, cũng không có gì ăn khớp với nhau. Nên khi công tố viện buộc tội, hay luật sư bào chữa, họ đưa ra một bài bản mạch lạc, hợp lý hợp tình để

lên án hay biện bạch cho anh, anh ta thấy tất cả là sai, là lừa bịp, là phi lý.

Mở đầu và tiêu biểu cho lối viết này ở miền Nam, là cuốn Bếp Lửa của Thanh Tâm Tuyền.

Tâm, nhân vật chính trong suốt cuốn *Bếp Lửa, không làm việc gì ra hồn cả*. Anh sống như *có đấy*, như một thừa thãi. Những suy nghĩ của anh, về việc thay đổi thế giới, cũng không đi đến đâu. Việc yêu đương cũng vậy, mặc dù anh yêu quê hương vô cùng, yêu em vô cùng. Nhưng khi người yêu hỏi ý để đi lấy chồng, anh bảo: "*Cái ấy tùy cô.*" Tất cả đều tuần tự lằng nhằng đi qua, không có gì ghê gớm cả. Nói với bạn, Tâm bảo: "*Tôi mong cậu làm được điều gì ở đấy như tôi sẽ làm được điều gì ở đây.*"

Trong *Bếp Lửa* là những sự thể như thế, thường lấp lửng, đứt quãng, lãnh đạm. Tâm không biết rõ lòng mình như thế nào, và đây là một quang cảnh phố trong *Bếp Lửa:*

"Phố chỉ là một con đường chạy qua cửa trường, qua nhà thờ, với trạm canh gác và cái chợ. Chúng tôi sang bến xe vào một cái quán giữa sự nhộn nhịp. Chúng tôi ngồi xuống một cái ghế dài, trước một cái bàn gỗ thấp, có ống đũa, ngọn đèn dầu, bình điếu thuốc lào.

Hai người phu xe, một trẻ một già, bàn cãi về vụ nổ mìn buổi sáng. Tôi nhìn ra ngoài bến. Từ một chuyến xe hàng sắp chạy, một người thanh niên nhẩy xuống đi hấp tấp về phía chúng tôi ngồi."

Giọng văn lãnh đạm, trung tính, chỉ thuần mô tả, không để tình cảm của tác giả chi phối phong cảnh. Tác phong này đối lập với lối viết cổ điển kiểu "*Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.*" Trong văn chương cổ điển, con người làm chủ vũ trụ, đem tình cảm của mình ra mà nhân cách hóa thiên nhiên, phong cảnh. Ở lối viết mới này, vũ trụ và thiên nhiên trung dung và độc lập với con người. Các sự kiện diễn biến rời rạc, không mạch lạc dàn xếp. Và đây là một cảnh núi:

"Chuyến xe đến gặp núi. Núi tím lớn làm nhỏ cả thế giới hiện có của chúng tôi. Những khu đồn chiến tranh với nứa nhọn, giáp thép gai đứng đấy cho chiếc xe đi vào giữa. Đá xanh nhỏ bắn rào rào sang hai bên đường. Trên chòi canh, hai con mắt người lính gác tối đen nhìn sang núi."

Ở đây, nhà văn từ chối vai trò thượng đế vạn năng, đứng ở trên, trong và ngoài để tạo dựng các nhân vật như trong tiểu thuyết cổ điển.

Nhà văn chỉ là những ý thức sáng suốt, tìm hiểu về mình, về con người, về vạn vật; coi thiên nhiên và đồ vật là trung tính, không tìm cách nhân cách hóa thiên nhiên như trong quan niệm cổ điển.

Nhà văn mô tả tính cách dứt đoạn của đời sống. Đời sống là những mẩu *puzzle* rời rạc,

ĐỐI THOẠI HAY XUYÊN TẠC, KÍCH ĐỘNG

CHIÊU THƯƠNG

Lời của Tòa soạn TK 21: *Sau khi đài RFI phát loạt bài về văn học của Thụy Khuê (đăng trên* Thế Kỷ 21 *số này), báo* Văn Nghệ *ở Hà Nội đã có bài góp ý của* ***Chiêu Thương****, nhan đề* ***Đối thoại hay xuyên tạc, kích động****, mà chúng tôi xin đăng lại sau đây.*

Trong chương trình văn nghệ của Đài RFI gần đây khi nói về tiểu thuyết hiện đại Việt Nam do điều kiện quá thiếu thông tin: về tư liệu văn học (sách, báo), về hoạt động thực sự, có bề sâu của văn học trong nước, người giữ mục nghiên cứu phê bình trên sóng ấy đã có những nhận định không chính xác, có thể nói là hồ đồ, cũng có khi đi quá thành ra xấc xược.

Chẳng hạn người viết và nói kia lên giọng giảng dạy một cách hết sức cũ rích rằng: cái cốt lõi của sáng tác là tưởng tượng, hư cấu chứ không phải khư khư đối chiếu với hiện thực xã hội để so xem tác phẩm ấy đã "chép" sai hay đúng. Dĩ nhiên vẫn còn đôi người phê bình trong nước cứng nhắc, nhưng đa phần, cho đến cả những ai mới nhập môn văn học cũng đều nghe từ trên ghế nhà trường bài học hư cấu trong văn học, từ vài mươi năm trước. Không nên từ việc chĩa vào một bài báo, một người viết nào đó mà xả đạn vào toàn bộ hành trình phê bình văn học trong nước đã đổi mới từ lâu rồi. Ấy chỉ vì mang nặng định kiến "phê bình cộng sản" ắt là như thế, đã tiên nghiệm phương pháp phê bình như thế, thì đẻ ra luận điểm như thế. Và lôi ra một thứ "kiến thức" rất học trò để giảng dạy một cách miệt thị vào... không khí.

Dựa trên luận điểm nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp "Viết cho ai, viết để làm gì? Viết cho công nông binh, cho quần chúng rộng rãi nhằm giải thích, giáo dục quần chúng," rồi từ đó suy diễn liệt kê bừa bãi cho rằng hàng loạt nhà văn từ Nguyễn Tuân, Tố Hữu, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài, Chế Lan Viên, Xuân Diệu v.v... đều là những tay đem tài nghệ văn chương đi minh họa cho tuyên truyền chính trị, vậy cho nên tác phẩm của họ chả có chút giá trị nghệ thuật đáng kể nào! Cần phải dẫn ngay ở đây rằng vị phê bình gia kiêm biên tập văn học RFI đã kể nguyên văn rằng: "Xuân Diệu phải viết về *Đất nở hoa*, về *Trời mỗi ngày lại sáng!*" Hỡi trời, *Trời mỗi ngày mỗi sáng* và *Đất nở hoa* là hai tập thơ của Huy Cận chứ sao lại gán cho của Xuân Diệu? Thế đấy, một kiến thức phổ thông như vậy mà còn mắc phải lỗi lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia! Những tác gia nổi tiếng, lừng lững như thế mà còn nói gán, nói bừa như vậy, tức là không đọc, thậm chí không có sách, loáng quáng liếc qua vài bài phê bình, điểm sách nào đấy, thì làm sao đủ sức rút ra, nâng lên thành luận điểm văn học?

không có gì ăn nhập với nhau. Đời sống không phải là một mạch kể liên tục như trong văn cổ điển. Nhà văn mô tả tính cách phi lý của cuộc đời, tính cách xa lạ, lãnh đạm của người với người. Con người là những ốc đảo, không có sự thông thương và thông cảm.

Bếp Lửa xuất hiện năm 57, có lẽ là một trong những tác phẩm đầu tiên thực sự khai phá lãnh vực tiểu thuyết hiện đại. Lối viết này ảnh hưởng sâu rộng trong văn học miền Nam từ 54 đến 75.

*

III Giai đoạn sau 75

Sau biến cố 75, nền văn học chủ yếu phục vụ chính trị, tiếp tục phát triển trên toàn thể lãnh thổ trong khoảng 10 năm. Đến năm 85-86, phong trào đổi mới tư duy văn học bắt đầu hình thành và những cuốn tiểu thuyết hiện thực phê phán xã hội dần dần xuất hiện.

Từ 1985 trở đi, những nhà văn như Nguyễn Minh Châu, Lê Lựu, Dương Thu Hương, Dương Hướng, Nguyễn Khắc Trường, Tạ Duy Anh, Nguyễn Mạnh Tuấn, Lê Minh Khuê, Nhật Tuấn, Võ Thị Hảo,... đã tạo được một phong trào hiện thực xã hội khá chân thực về đời sống Việt Nam dưới chế độ xã hội chủ nghĩa.

Cũng thời điểm này, liên tiếp xuất hiện những cuốn tiểu thuyết giá trị về chiến tranh, như bộ trường thiên *Mùa Biển Động* của Nguyễn Mộng Giác tại hải ngoại, *Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương, *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh.

Nguyễn Mộng Giác viết về cục diện đời sống chiến tranh nhìn từ phía Nam. Dương Thu Hương và Bảo Ninh nhận diện chiến tranh từ phía Bắc. Đây là những cuốn tiểu thuyết mang dấu ấn văn học và lịch sử.

Ở một phương trời khác, Thế Giang với *Thằng Người Có Đuôi* cũng tạo được bối cảnh tàn nhẫn về đời sống xã hội Việt Nam, ở miền Bắc. Dòng văn chương hải ngoại với Nhật Tiến, Nguyễn Xuân Hoàng, Khánh Trường, Kiệt Tấn, Mai Kim Ngọc, Hồ Trường An, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phan Thị Trọng Tuyến, Trần Diệu Hằng,... ghi lại được những đặc trưng của người Việt lưu vong. Tuy vậy, tất cả những nhà văn này, với những tác phẩm giá trị của họ, cũng không mở được những hướng mới cho tiểu thuyết về mặt *cấu trúc và bút pháp*. Tuy lối viết có mới hơn nhưng tác phẩm của họ vẫn mang những nét hiện thực cổ điển hoặc lãng mạn.

1988 xuất hiện hiện tượng độc đáo Nguyễn Huy Thiệp. Đây là một thứ hiện thực mới lạ, pha trộn lối hiện thực tả chân và kỹ thuật tốc ký,

---

Thành kiến, định kiến, tiên nghiệm như vậy, thì sẽ sai lệch là chắc chắn. Sai lệch cứ trượt dài trong những lời miệt thị xấc xược, xúc phạm đến những tài năng văn học lớn nước nhà, những phần đóng góp rất chân tình, rất thiêng liêng và đầy nghệ thuật của họ cho văn học dân tộc thời kỳ hiện đại.

Cho đến hôm nay mọi thứ lý luận văn học đang được hoàn thiện dần. Chứ không cứng nhắc, giáo điều là đối chiếu tác phẩm văn học trong nước với các dòng hiện đại của phương Tây (mà hiện nay đã thuộc về quá khứ vĩnh viễn, như trào lưu tượng trưng, siêu thực, hiện sinh). Việc lấy tiểu thuyết *Bếp lửa* của Thanh Tâm Tuyền ra coi như một sáng tác hiện đại tiên phong trong văn xuôi Việt Nam đã được thực thi ở phía Nam thời kỳ 1956-1960, cũng là một định kiến, một thiên kiến, nghĩa là thổi phồng, không chính xác. Chúng tôi đã có dịp nói: Thanh Tâm Tuyền thuộc một vài cây bút có tài ở phía Nam thời kỳ 1954 - đến trước 30-4-1975. Nhưng nhược điểm lớn nhất của tác giả này là có ý thức một cách quá cứng nhắc làm giống mấy nhà văn nhà thơ siêu thực và hiện sinh Pháp hồi nửa đầu thế kỷ XX. Những động tác, ngôn ngữ, ứng xử của nhân vật Tâm trong *Bếp lửa*, lối chán chường, nhạt nhẽo, ơ thờ với mọi sự của Tâm, giọng văn nhát gừng, làm dáng trí thức có nhiều mô phỏng cả Ca-muy lẫn Sác-tơ-rơ lắm (Cũng giống như "nhịp điệu của hình ảnh" trong tập *Tôi không còn cô độc* là có công phu nghiên cứu, rút tỉa từ thơ Ê-luy-a thời kỳ siêu thực đấy. Nên tạt ngang thêm trường hợp vở kịch *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan cho là rất tiêu biểu kịch miền Nam thời kỳ ấy, thì cách sáng tạo thêm những nhân vật như "Sơn ca," "ông già" với ngôn ngữ đều gần như sao chép văn chương triết học hiện sinh. Vở kịch "Ga xép" của Vũ Khắc Khoan thì được viết do quá mê "Trong khi chờ đợi Gô-đô" của Bếch-két). Có không ít tác phẩm phía Nam trước 30-4-1975 đều bị một cái trần ngáng là lấy mẫu ở phương Tây hiện đại đã quá thời.

Không được bỏ một nguyên tắc cơ bản trong phê bình văn học là xuất phát từ thân xác tác phẩm được mổ xẻ kỹ càng, tỉ mỉ, khách quan. Nếu không đọc, đọc lỗ mỗ hoặc đầy thiên kiến thì chỉ làm được mỗi một việc là tuyên truyền một cách vô lối, chỉ nhằm bịp những ai không biết, không đọc. Cũng nên chỉ đích danh sự sơ lược, sơ sài trong những diễn dịch về văn học miền Nam giai đoạn đất nước còn chia đôi, hoặc một vài diễn dịch khác về một số biến thái của sự vận động văn học trong nước gần đây.

Người nghe rõ ràng "ngửi" thấy những thúc đẩy, những mục đích đằng sau cái gọi là "học thuật," là suy tôn tài năng nghệ thuật của chương trình văn học vẫn thường được nhắc trên RFI những chủ nhật hàng tuần. Vì lộ rõ sự móc máy, sự kích động. Lộ rất rõ sự săn tìm những tư liệu "chống đối" bị người bình luận bóp méo. Một ngôn ngữ thiếu khách quan, thiếu thiện chí trong đối thoại. Một sự tự cho phép mình đứng trên rất lố bịch.•

khác với lối viết của những người đi trước. Ngôn ngữ gọn, sắc, hà tiện chữ, và chữ đắc địa. Tránh bỏ tình cảm của người viết vào câu văn, không dùng các phép tu từ. Đây là một sự mô tả trắng trợn, gai góc, ráo hoảnh và tàn nhẫn. Vắt không ra một chút mơ mộng, một chút "tiểu thuyết". Tác giả để cho chính lời phát biểu của nhân vật và cái quang cảnh mà tác giả bầy ra nói lên sự thật. Tác giả không chen vào để phê phán, bình phẩm, hay phân tích tâm lý nhân vật, cũng không tìm cách nhân cách hóa quang cảnh, cho chúng về hùa với lòng người như ở trong tiểu thuyết cổ điển nữa. Bút pháp phầm phập, chỉ có dữ kiện và hình thức, không mô tả nội tâm, không có nhời bàn. Nhưng chính hình thức nói lên nội tâm của dữ kiện:

"Hôm đưa lão Kiền về, lão Kiền đầu quấn băng, hỏi gì cũng không nói, mắt lờ đờ. Vào trong nhà. Sinh tháo gỡ băng ra. Đầu lão Kiền trọc lốc, nổi lên một khối u to như quả trứng gà. Nửa tháng sau, khối u này to bằng nửa quả bưởi, lấy ngón tay ấn vào thấy như có chứa bã đậu ở trong, ấn mạnh thì lõm sâu, ấn nhẹ thì lõm ít.

Bác sĩ bảo: Để thì chết, mổ may ra cứu được. Cấn về họp gia đình. Cấn bảo: Làm thế nào? Từ khi bị ốm, nhà tiêu nhiều tiền lắm. Cấn giở quyển sổ kế toán ra đọc: "Chú Khiêm đưa một lần một nghìn, một lần tám nghìn, một lần năm nghìn.

Thụy Khuê, 15, place Souham, 75013 Paris, France

Paris ngày 30 tháng 10 năm 1996
Kính gửi anh Hữu Thỉnh
Tổng biên tập báo Văn Nghệ
17, Trần Quốc Toản, Hà Nội, Việt Nam

Thưa anh,

Trong báo *Văn Nghệ* ra ngày mùng 5 tháng 10 năm 1996, có bài viết của ông Chiêu Thương tựa đề: *"Đối thoại hay xuyên tạc, kích động,"* bàn đến chương trình Văn Học Nghệ Thuật hàng tuần của đài RFI do tôi phụ trách. Lá thư này, không có mục đích đề cập đến nội dung bài viết của ông Chiêu Thương, mà chỉ muốn đính chính một số sai lầm trong bài viết này, đặc biệt trong đoạn dưới đây (xin trích nguyên văn):

"Cần phải dẫn ngay ở đây rằng vị phê bình gia kiêm biên tập văn học RFI đã kể nguyên văn rằng: 'Xuân Diệu phải viết về *Đất nở hoa* về *Trời mỗi ngày lại sáng!*' Hỡi trời, *Trời mỗi ngày mỗi sáng* và *Đất nở hoa* là hai tập thơ Huy Cận chứ sao lại gán cho Xuân Diệu?"

Xin nhắc lại nguyên văn câu nói của tôi — Thụy Khuê — trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật ngày 22 tháng 9 năm 1996, trên đài RFI là:

"... Nguyễn Đình Thi viết *Xung Kích, Vỡ Bờ*, Chế Lan Viên viết *Ánh sáng và phù sa*, Tố Hữu ca tụng *Việt Bắc*, Xuân Diệu cho rằng trời mỗi ngày lại sáng, đất nở hoa. Theo Tố Hữu, người ta thi nhau ca tụng *Đẹp vô cùng tổ quốc của ta ơi.*" Ở thời điểm này, đường ra mặt trận đất cũng nở hoa, chim say sưa hót, ..."

Về các tác phẩm của Xuân Diệu và Chế Lan Viên, tôi có lược kê rõ ràng ở một đoạn sau:

"... Cho nên, những *Ngọn quốc kỳ, Hội nghị non sông, Ngôi sao, Dưới sao vàng...* của Xuân Diệu hay những *Ánh sáng và phù sa, Những bài thơ đánh giặc, Hoa ngày thường, Hoa trước lăng người, Hoa trên đá...* của Chế Lan Viên chỉ là bóng mờ của một dĩ vãng *Điêu tàn* mà *Thơ thơ* nay đã trót đem *Gửi hương cho gió.*"

Rất tiếc là ông Chiêu Thương đã tự ý viết hoa những chữ *đất nở hoa* và *trời mỗi ngày lại sáng* và sửa *cho rằng* thành *phải viết về*, cũng như ông đã tự ý đem tên Nguyễn Tuân, Tô Hoài vào bảng liệt kê - được ông gọi là - *"những tay đem tài nghệ văn chương đi minh họa và tuyên truyền chính trị,"* điều này không có trong chương trình Văn Học ngày 22 tháng 9 vừa qua.

Với một người có kiến thức uyên bác về văn học nước nhà như ông Chiêu Thương, chắc chẳng nói ông cũng biết rằng "đất nở hoa" rút từ câu thơ Xuân Diệu:

Đất mới mừng xem nứt trổ hoa
(Hội nghị non sông, 1946)

và "trời mỗi ngày lại sáng" là tâm thức chung của những người làm thơ lạc quan thời ấy. Chữ *Sáng* được Xuân Diệu dùng làm tựa để cho một tập thơ xuất bản năm 1953, và nhất là hình ảnh độc đáo "nhân dân đẻ ra mặt trời" của Xuân Diệu trong bài *Cách mạng tháng mười Nga:*

Bởi quần chúng nhân dân đang thai nghén cuộc đời
Đẻ trở lại mặt trời - bằng Cách Mạng!

Và cũng dễ hiểu khi Huy Cận lấy những hình ảnh lạc quan ấy, làm tựa cho hai tập thơ *Trời mỗi ngày lại sáng* (1959) (xin nhắc lại là *Trời mỗi ngày lại sáng* chứ không phải là *Trời mỗi ngày mỗi sáng* như ông Chiêu Thương viết) và *Đất nở hoa* (1960).

Để quyền đính chính được tôn trọng, tôi rất mong anh Tổng biên tập cho đăng lá thư này trên báo Văn Nghệ trong số tới.

Thành thật cám ơn anh và chúc quý báo trường thọ.

Kính thư
Thụy Khuê

Chú Đoài đưa một lần một trăm, một lần sáu chục....''

Lối viết của Nguyễn Huy Thiệp là lối chắt nước cốt, trái ngược với lối viết câu giờ của những bài báo, bài diễn văn tràng giang đại hải, của những bài trường thi, nhiều chữ nhưng ít hình, ít ý.

Nguyễn Huy Thiệp dùng ngôn ngữ để chống lại ngôn ngữ, và có lẽ đó là sự phản kháng sâu xa nhất của một nhà văn. Nguyễn Huy Thiệp đã đi đến cõi rễ của nỗi đau trong xã hội hiện thời: một xã hội nhiều lời mà ít ý.

Hiện tượng thứ nhì là Phạm Thị Hoài.

Trong một bài điểm sách của Phạm Thị Hoài, chúng tôi đã có lần nói: Ở Phạm Thị Hoài, người đọc tìm thấy một cấu trúc tiểu thuyết rất mới. Riêng *Man Nương* được viết với bút pháp âm nhạc. Chúng ta thử đọc một đoạn trong *Man Nương*:

"Man Nương, tôi gọi em như vậy những buổi chiều bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám màu xanh lơ trong căn phòng trống rỗng tầng ba có hai nhành xanh một thứ cây nào đó tôi không bao giờ biết tên.

Man Nương em không rón rén nhưng cũng không thật đàng hoàng băng qua một hành lang dài bếp dầu hôi, chậu và guốc dép vãi như kẹo trước mỗi cửa phòng, phòng nào cũng bốn mét nhân bốn mét rưỡi nhân hai mét tám, màu xanh lơ.''

Điểm khác biệt đầu tiên đối với lối viết cũ là trong tiểu thuyết cổ điển, nhân vật làm chủ, đồ vật chỉ làm cảnh, thì ở đây, những căn hộ với bếp, dầu hôi, chậu, guốc, dép, biến thành những vị trí chủ chốt: Căn hộ được hình dung mô tả, đo đạc kỹ càng, trong khi Man Nương chỉ là cái bóng lướt qua.

Sự bình đẳng và độc lập giữa người và vật là một quan niệm mới về tiểu thuyết mà từ trước tới nay, chưa mấy ai đem vào văn học Việt.

Nếu thử đọc to lại câu trên một lần nữa, chúng ta mới thấy văn trong *Man Nương* không thể đọc vì sự phát ngôn không bắt kịp nhịp chữ và lượng chữ dài hơn lượng thở. Ngôn ngữ ở đây là những "tiếng thầm" biến tấu trong đầu, khi thì dồn dập, khi xô lệch, khi cao, khi thấp, khi buông, khi thả, tùy theo động tác thể xác hay suy tưởng tâm linh. Do đó mà có thể nói đến bút pháp âm nhạc.

"Đã bao lần em gắng thu xếp một tư thế lý tưởng nào đó, lúc thì giấu diếm ngực, lúc xua đuổi hai cái xương chân và chủ yếu là thủ tiêu những đường cong ngược ôi Man Nương.''

Với Phạm Thị Hoài, tiểu thuyết Việt đã hội nhập với những trào lưu mới của văn học thế giới.

Cùng thời điểm này ở hải ngoại xuất hiện hai hướng tìm tòi khác: Trần Vũ là hợp kim của một thế giới giả tưởng. Anh tạo ra kỹ thuật hỗn hợp của riêng anh với sách hình, phim chưởng, khoa học giả tưởng, hoạt họa và máy vi điện toán... Tất cả những sản phẩm để sáng chế ra cái gọi là *tout est possible* (gì cũng làm được) kể cả việc "chết sau quá khứ."

Đây là chân dung của Nguyễn Huệ:

"Huệ chỉ nghĩ tới việc giết người để lấy phần của người chết [...] Vai to bè hơn vai tê giác, mặt vuông ván gỗ. Huệ cất tiếng nói giọng ồ ề vỡ ra như tiếng thác đổ giữa khuya. Khạc nhổ, lầm bầm, chửi rủa, đóng mạnh rương, rồi trở ra bàn gục mặt vào thau rượu. Huệ uống tới lúc ngủ quên trong thau.''

Cảnh Trần Thủ Độ phi ngựa:

"Chiều đó, bầu trời bẩn lắm. Độ thúc ngựa như điên như dại. Nắng ruổi theo sau, hớt hải. Lúc vó ngựa của Độ rầm rập dẫm vào trong sân thì mặt trời đã trở nên cực hung hãn, mặt trời như có đúc vàng, đặc cứng, chật căng trên da mặt Độ phừng phừng lửa giận.''

Những trích đoạn trên đây lạ lùng và không phản ảnh hiện thực. Có thể nói đây là một hiện tượng không hội nhập, hiện tượng từ chối xã hội ngụ cư. Từ chối ngôn ngữ ngụ cư để thiết lập một hệ thống ngôn ngữ khác, một xã hội khác, xã hội giả tưởng.

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

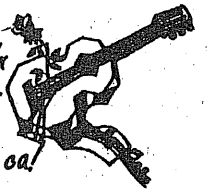

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

Cũng có thể nói đây là một trường hợp từ chối khía cạnh tốt đẹp, tích cực của con người. Sau những tàn ác của chiến tranh mà thế hệ cha anh để lại, Trần Vũ tiếp nhận những chiến thắng như những thực thể hung hãn, bạo ngược.

Ở Trần Vũ là sự từ chối con người, là sự đoạn tuyệt với niềm tin vào sự thực, và cần phải cấu tạo một thế giới giả tưởng.

Đối với Đỗ Kh. viết là một rong chơi, khám phá. Dường như chưa có một tác giả Việt Nam nào thể hiện phong cách tự do rõ ràng như thế. Trong Không khí thời chưa chiến, Đỗ Kh. viết về mình, một kẻ nhàn du (*globe trotteur*) trên địa cầu. Những nhân vật của anh, dù dưới tên gọi là hắn, là Quân là Nhẫn, hay là gì gì đi nữa, thì cũng là Đỗ Kh. chính hiệu: Tự do, phóng đãng, khám phá chính mình và thế giới chung quanh.

Cuộc thám hiểm này đưa đến vùng đất đại đồng, không biên giới, đâu cũng là nhà, đâu cũng là nước, Tây, Tầu, Liban, thằng ỉỏi mười lăm, ông già năm chục, cái mông cô bồ, cây viết Bic, bút máy Parker, cái xe Jaguar, con trai, con gái,... đồng hạng cả.

Đỗ Kh. có thể dành 20 trang để tả chân dung các thứ bút, từ bút Bic đến bút Dupont. Chân dung nào cũng hào hứng chẳng kém gì những cảnh làm tình hồn nhiên và xác thực của anh, đầy dẫy trong truyện.

Có thể nói Đỗ Kh. là niềm vui hội nhập thế giới đồ vật với thế giới đời sống con người. Tình yêu không còn là cái gì đóng ngoặc, mở ngoặc. Tình yêu hay cây viết thì cũng thế thôi. Thích thì mua. Thích thì tìm đến. Đây là chân dung một cây viết máy:

Hắn ngây người ra. Viết máy.

Để làm gì, thuở bé hắn đã không cần biết.

Để dắt ngực, để bầy bàn, để chơi, được không.

Chơi viết máy như người ta chơi dàn nhạc, như người ta chơi quần áo, như người ta chơi xe hơi, như người ta chơi súng, chơi dao, chơi đồng hồ, chơi máy ảnh và chơi đào[...]

Nhưng tại sao lại là cây viết. Thì là cái gì chẳng được. Mỗi người một cái thú, tại sao có kẻ thích ra quán với đàn bà người mẫu, hắn thích có cây bút dắt tai.

Cái lối lý luận cù nhầy, phi lý luận, viết văn phi văn chương của Đỗ Kh., coi vậy mà rất gần với đời sống. Cuộc đời có gì đáng nói, đáng kể, đáng tranh luận, đáng làm văn đầu. *Tất cả cũng vậy thôi.*

Đời phi lý hay đời có lý. Cũng vậy thôi.

Ai phải, ai trái. Cũng vậy thôi.

Đánh nhau, chết chóc, thắng trận, thua trận. Cũng vậy thôi.

Đó là giới hạn của các thứ lý luận, các thứ thua đủ, mà thế giới đồ vật thông minh, chúng chẳng thèm đếm xỉa đến.

Thế giới đồ vật là thế giới phụ tùng mà xưa nay con người vẫn coi khinh. Thật ra chúng vẫn sống, vẫn tồn tại một cách tự nhiên, không lý luận, không nhiều khê, nhiều lời.

Chúng thông minh hơn con người.

Có thể nói Đỗ Kh. là người đi rất xa trong tiểu thuyết hiện đại. Phong cách hội nhập con người với đồ vật là một cách hòa nhập tự do vào đời sống và là một tác phong mới của tiểu thuyết hôm nay.•

California 18/11/1996

Chú thích:

Đây là những bài viết ngắn trong chương trình Văn học nghệ thuật của đài RFI (Pháp), phát thanh những ngày 15, 22 và 29 tháng Chín 1996. Loạt bài này đã gây phản ứng trong nước. Vì thế chúng tôi đăng lại nguyên văn, không sửa chữa. Nếu có dịp in thành sách, chúng tôi sẽ sửa chữa và bổ sung.

[1] Chữ do Nguyễn Văn Trung dịch, xem *Xây Dựng Tác Phẩm Tiểu Thuyết*, NXB Tự Do, 1962, Huế. Xuân Thu in lại 1990.

* Trong cuộc đấu khẩu, bà vợ đanh đá:

"Anh thử nghĩ coi có phải gia đình của tôi hơn gia đình anh hay không, có phải những người của tôi tốt hơn người của anh hay không?"

Ông chồng gật gù:

"Bà nói đúng. Bố mẹ chồng của bà tốt hơn bố mẹ vợ của tôi nhiều!"

CHÚC MỪNG

Được tin vui của

PHẠM KIM DUNG

và

NGUYỄN THẠC HÒA

làm lễ thành hôn
vào ngày 15 tháng Mười Hai 1996,
tại Garden Grove, California,
sau hơn 20 năm chờ đợi
Xin thân ái chúc mừng hai bạn
hạnh phúc bên nhau mãi mãi.

ĐỊNH QUANG ANH THÁI
ĐỖ QUÝ TOẠN và QUYÊN
ĐỖ NGỌC YẾN và LOAN
HÀ TƯỜNG CÁT và DUNG
LÊ ĐÌNH ĐIỂU và DUNG
NGÔ MẠNH THU và MAI
PHẠM PHÚ MINH và YẾN
TỐNG HOÀNG và NHUẬN
TRẦN ĐẠI LỘC và CHU

TRÒ CHUYỆN VỚI NGUYỄN THÀNH VÂN

PHILIP BLACKBURN

(NTV chuyển Việt ngữ)

Không chỉ là một trong những ca sĩ trẻ tài năng và đang phát triển, Nguyễn Thành Vân còn chứng tỏ hơn ai hết tình yêu và sự trân trọng của anh đối với nghệ thuật ca hát. Anh vừa mới "ăn sinh nhật" để đánh dấu ngày bước vào cái "tuổi biết yêu quý cuộc sống," và cũng vừa cho ra mắt dĩa nhạc CD mà anh ưng ý nhất: "Dạ Khúc" (Serenade). Rất nhiều thay đổi ở người ca sĩ này, kể từ lần đầu tiên tôi gặp trong kỳ trình diễn chung ở thành phố St. Paul vào năm 1992, nhằm gây quỹ cho Ủy Ban Bảo Trợ Tị Nạn Việt Nam ở tiểu bang Minnesota, do nhạc sĩ Cung Tiến tổ chức. Giờ đây, tôi có cơ hội phỏng vấn Nguyễn Thành Vân về những sinh hoạt âm nhạc của anh.

Philip Blackburn: Anh bắt đầu hát trước công chúng khi nào?

Nguyễn Thành Vân: Lúc tôi học lớp ba tại trường tiểu học Tân Định ở Sài Gòn. Thầy hiệu trưởng năm nào cũng "bắt" tôi hát trong những buổi lễ Cây Mùa Xuân và Phát Phần Thưởng. Thầy biết mẹ tôi là Linh Sơn, và rất ái mộ mẹ tôi trong những năm bà còn đi hát.

PB: Anh hát những nhạc gì?

NTV: Đa số là nhạc tình; và một số nhạc hùng, kể cả quốc ca của Việt Nam Cộng Hòa.

PB: Anh có được sự khuyến khích của gia đình không?

NTV: Không. Ngay cả mẹ tôi. Dù là một ca sĩ nổi tiếng vào những năm 1950-1960, mẹ tôi đã bỏ nghề ca hát lúc chỉ mới 26 tuổi, vì nghĩ rằng khó mà lường được khi nào "ánh đèn sân khấu" sáng tỏ hoặc lu mờ.

PB: Anh có kỷ niệm nào "đáng sợ" nhất trong các buổi trình diễn?

NTV: Buổi trình diễn với Ban hợp xướng Ngàn Khơi tại rạp hát của trường Foothill College ở Los Altos Hills vào tháng Tư năm 1993. Tôi bị mắc bịnh cúm chỉ một ngày trước buổi diễn. Đến đoạn cuối bài dơn ca "Hương Xưa" của nhạc sĩ Cung Tiến, tôi bắt đầu đuối giọng và không tài nào tập trung tinh thần được. Quên lời, thế là tôi bắt đầu hát "a...a..." hết cả một câu. Cái cảm giác ớn lạnh bắt đầu chạy trong cột sống, cùng lúc trong đầu tôi nghĩ là không biết nên đứng đó hát cho xong bài hay nên đi vào ngay. Cũng may là tôi đã đứng lại và hát đến hết.

Nguyễn Thành Vân

PB: Anh có thể nói về quá trình học tập âm nhạc và hát của anh?

NTV: Tôi bắt đầu theo học thanh nhạc tại trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn vào năm 1974. Đến năm 1977 thì ban giám hiệu đề nghị tôi chuyển sang học chỉ huy hợp xướng, trong khi vẫn lấy lớp thanh nhạc. Đến lúc sang được tới Mỹ và định cư tại San Francisco vào năm 1981, tôi lại tiếp tục học hát. Tôi cũng rất mê đàn piano. Vẫn tập đàn theo kiểu tài tử từ năm 1972 tới giờ.

PB: Anh thường hát những tác phẩm cổ điển Tây phương lẫn tác phẩm Việt Nam trong cùng một chương trình. Các ca sĩ Việt Nam khác có làm như thế không? Phản ứng của khán giả ra sao?

NTV: Thưa có. Tuy nhiên, các ca sĩ thường chọn những tác phẩm mà khán giả Việt Nam quen thuộc như "Dạ Khúc" và "Ave Maria" của Schubert, "Ave Maria" của Bach và Gounod, "Trở Về Surriento" của DeCurtis. Tôi hát những bài này, nhưng thỉnh thoảng cũng chen vào những tác phẩm"mới." Khán giả rất yêu thích

"Đàn Bà Hay Thay Đổi" (aria trong vở opera "Rigoletto") của Verdi và "Tôi Mới Mua Một Chú Mèo" của Copland, và không tán thưởng "Bài Hát Buồn" của Duparc cũng như "Cây Tidơn" của Schubert cho lắm.

PB: Anh đã thực hiện được năm đĩa CD cả thảy. Lối hát của anh đã thay đổi như thế nào trong những năm qua?

NTV: Tôi khởi đầu làm quen với những bài hát nghệ thuật Đức (lieder) và Ý, rồi nhạc kịch Broadway và ca khúc pop của Mỹ, và sau đó mới là dân ca và ca khúc Việt Nam. Sau những đợt trình diễn và phát hành CD, khán thính giả và các nhà phê bình âm nhạc có cho tôi ý kiến là tôi hát nhạc cổ điển, Broadway, và ca khúc nghệ thuật Việt Nam rất tốt, nhất là dân ca Việt Nam. Nhiều người khuyên tôi là nên "đổi kiểu" hát nhạc tình Việt Nam, và đừng hát nhạc pop của Mỹ nữa vì tôi hát "ẹ" quá!

PB: Vậy dự định sắp tới của anh là gì?

NTV: Tôi sẽ dành nhiều thì giờ tập hát dân ca Việt Nam, nhất là dân ca Quan Họ. Tôi cũng phải hoàn thành hai liên ca khúc "Người Đẹp Ở Nhà Máy Xay Gió" của Schubert và "Tình Yêu Của Thi Nhân" của Schumann mà tôi tập hát cả hai, ba năm nay rồi vẫn chưa xong. Tôi cũng phải suy nghĩ về những lời khuyên và phương cách "đổi kiểu" hát nhạc tình Việt Nam của tôi.

PB: Anh có thể cho biết tên những ca sĩ mà anh yêu thích nhất?

NTV: Nhiều lắm, nhưng chỉ xin kể một số tên: Ella Fitzgerald, Barbra Streisand, Jessye Norman của Mỹ; Jaques Brel của Pháp; Fritz Wunderlich của Đức; Elly Ameling của Hòa Lan; Dmitry Hvorostovsky của Nga; Jussi Bjorling của Thụy Điển; Angus Tung của Đài Loan; Thái Thanh, Quý Dương, Thanh Hiếu của Việt Nam. Tôi nghe và thích lung tung từ ca sĩ hát opera tới dân ca, jazz, pop... đủ cả.

PB: Phần âm nhạc trong đĩa CD mới "Dạ Khúc" của anh nghe thật xuất sắc. Anh đã làm việc với các nhạc sĩ nào?

NTV: Cảm ơn anh. Tôi rất mừng là nhiều khán thính giả và nhà phê bình âm nhạc cũng đã có lời khen như anh. Theo tôi, những lời khen tặng này nên dành cho hai nhạc sĩ Mark Knox và Lê Ngọc Chân, là những người đã giúp tôi trong phần hòa âm và phối khí. Cũng xin được lưu ý với anh là trong số lượng băng đĩa "khổng lồ" của làng nhạc Việt Nam, có rất ít chương trình độc tấu piano hoặc chương trình hát với phần đệm piano, đấy là chưa nói đến ngón đàn

MỜI ĐỌC

THƠ, V.V... và V.V...

Nguyễn Hưng Quốc

"Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có một tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". (Mai Thảo)

"Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhạy bén nhận ra đâu là thơ, đâu không là thơ. Sau đó, bằng một kiến thức quảng bác, Nguyễn Hưng Quốc tìm hiểu, giải thích đến ngọn ngành 'cái cảm được' của mình. Vẫn bằng một giọng rất đỗi thơ". (Nguyễn Mộng Giác)

"Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". (Võ Phiến)

"[Với Nguyễn Hưng Quốc - qua loạt bài chung quanh 'Thơ Con Cóc' in trong tập *Thơ, v.v... và v.v...* này] có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một lý thuyết mới về thơ mang tính sáng tạo, chứ không chỉ là việc lập lại ý kiến của người trước". (*Hợp Lưu*)

Sách dày 294 trang.
Giá bán 14 MK, ngoài nước Mỹ 16 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
EDWARD REID

CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

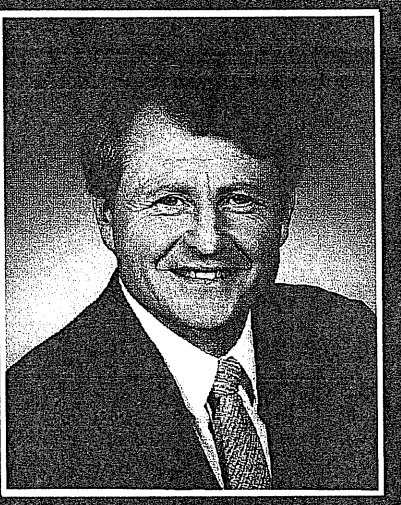

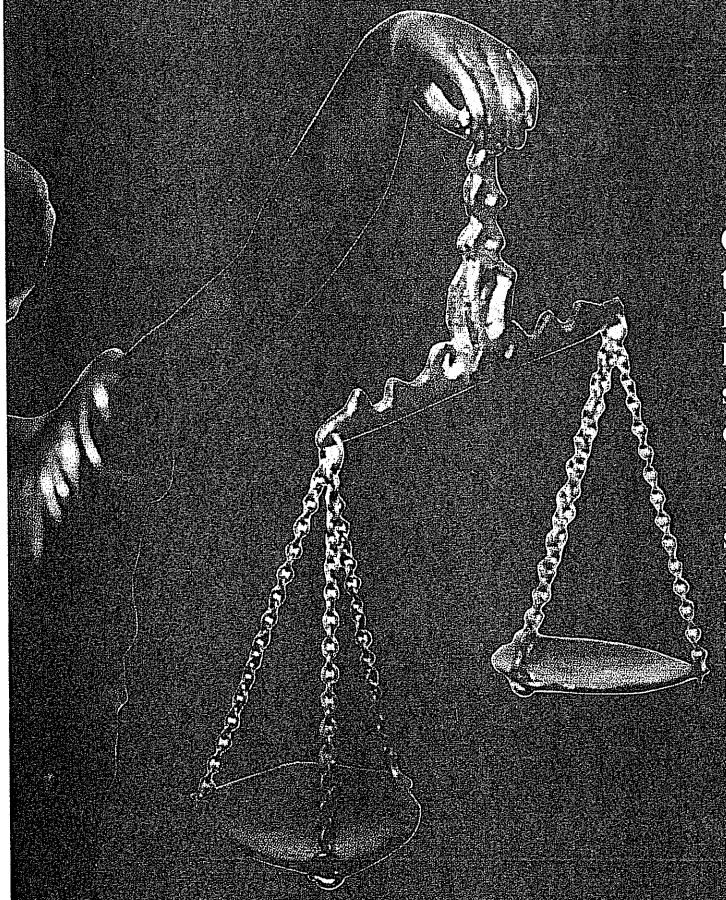

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

ORANGE COUNTY **(714) 379-8333**

LOS ANGELES COUNTY **(310) 434-4421**

"Rừng Thu"
Tác phẩm nhiếp ảnh của Nguyễn Học Hải

"Không biết thế hệ trẻ hơn của chúng ta sẽ tổ chức về ngành in/graphics trong những năm 2000 sau này như thế nào, phẩm chất ra sao, chứ công bằng mà so sánh những nhà in 4 màu mà chúng ta đang có hiện nay, thì Precision quả là vượt trội lên trên hết. Vượt trội không phải chỉ vì phẩm chất trong món hàng in, mà còn là vì tính chất rất tư chuyên nghiệp trong toàn bộ cơ cấu tổ chức, hình thức phục vụ"

Vũ Duy Tự

PRECISION COLOR

15703 Valley Boulevard INDUSTRY, CA 91744
Phone (818) 937-6886 Fax (818) 937-6880

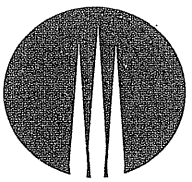

VNCR
VIETNAM CALIFORNIA RADIO
106.3 FM

PHÁT THANH 7 NGÀY MỘT TUẦN:

□ **THỨ HAI, BA, TƯ, NĂM ,SÁU:**
từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều

□ **THỨ BẢY: từ 6 giờ chiều đến 7 giờ tối**

□ **CHỦ NHẬT: từ 1 giờ trưa đến 3 giờ chiều**

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

tuyệt vời như của Lê Ngọc Chân.

PB: Nhạc sĩ Mỹ Mark Knox đã làm việc với anh trong những chương trình trước. Anh ta biên soạn những bài dân ca Việt Nam như thế nào?

NTV: Tôi quen Mark Knox vào năm 1992, và được nghe một vài dĩa CD thâu thanh ban nhạc jazz của anh ta chơi một số sáng tác nhạc do chính anh ta viết. Trong số những bài đó, tôi lưu ý nhất là những tiết tấu sinh động, tạo nên một màu sắc rất đặc biệt và rất Á Đông. Thế là khi tôi thực hiện dĩa nhạc CD "Bèo Giạt Mây Trôi," tôi để anh ta nghe những bài dân ca (mà tôi dự định hát) đã được các ca sĩ khác thâu thanh trong cả phong cách cổ truyền lẫn cải biên, rồi sau đó cho Mark biết là tôi sẽ hát như thế nào và một vài đề nghị về phần nhạc đệm. Khoảng một tuần trước khi bay sang Philadelphia (là nơi Mark đang sống và mở studio) để thâu thanh, chúng tôi bàn cãi rất dữ qua điện thoại để thống nhất lối hát của tôi cũng như cách soạn bài của anh ta.

PB: Tiếng đàn piano của nhạc sĩ Lê Ngọc Chân trong dĩa CD "Dạ Khúc" có lúc thật vũ bão, có lúc rất nhạy cảm, lắng đọng. Anh ta hiện nay đang làm gì?

NTV: Lê Ngọc Chân đang viết một luận án về văn hóa Quan Họ để bảo vệ văn bằng tiến sĩ về dân nhạc học tại trường University of California ở Berkeley. Năm ngoái, Chân khởi xướng Ban nhạc Phù Sa, "chuyên trị" dân ca, dân nhạc và nhạc hiện đại để phục vụ khán thính giả ở vùng Vịnh San Francisco. Ngoài việc tiếp tục trình diễn những chương trình độc tấu piano, Chân cũng hay tổ chức các buổi họp mặt thân hữu tại nhà riêng để trao đổi những câu chuyện âm nhạc, đàn hát, và để... ăn! Tài nấu ăn của Ngô Minh, "bà xã" của Chân, phải nói là rất tuyệt vời.

PB: Có đủ các loại nhạc trong "Dạ Khúc" từ dân ca và ca khúc Việt Nam cho tới ca nhạc cổ điển Tây phương. Có mối liên hệ nào giữa các bài hát này không?

NTV: Lý do đầu là vì khán thính giả Việt Nam lúc này thích những album có ba bốn ca sĩ và mỗi người hát hai ba bài; còn nếu chỉ có một ca sĩ thì bài hát cần có nhiều thể loại. Lý do thứ hai là vì chủ đề của dĩa nhạc: bài hát nào cũng nói về buổi chiều, buổi tối. Và một lý do nữa là bài nào cũng ở điệu thứ!

PB: Làm sao anh có thể đổi từ lối hát này sang lối hát khác dễ dàng quá vậy?

NTV: Không dễ dàng như anh nghĩ đâu. Hát theo trường phái cổ điển (người Việt chúng tôi hay nói là "hát opera") đòi hỏi kỹ thuật vận dụng hơi thở để tạo âm khỏe, vang xa. Hát dân ca thì không được ngân rung, phụ âm và âm bí phải vang, những nốt luyến láy tô điểm phải rõ và có chừng mực. Coi thế chứ mà hát nhạc tình đối với tôi lại là khó nhất. Nhiều người khuyên tôi là phải tập hát nhẹ đi và có nhiều "chất nhựa" trong giọng. Vì học và hát theo trường phái cổ điển quá lâu, nên tôi có thói quen hát theo bài, đúng cao độ, đúng nhịp như tác giả đã viết; trong khi đa số ca sĩ pop thường hát lơi nhịp và cao độ tự do hơn.

PB: Anh có thực hiện video ca nhạc không?

NTV: Tôi làm được tám bài video ca nhạc cả thảy trong ba năm qua. Lúc đầu tôi dự định sẽ phát hành một băng video gồm cả tám bài. Nhưng sau tính lại thì thấy rất tốn kém, mà khán giả thì lại thích xem những chương trình video ca nhạc tổng hợp 15, 20 ca sĩ hơn là một người. Thế là tôi phải đưa bài cho một số trung tâm để họ phát hành. Cho tới hôm nay thì đã có hai bài được trung tâm Diễm Xưa phát hành, và bốn bài nữa sẽ được ra trong vài tháng tới.

PB: Những chương trình và dự định trong tương lai của anh là gì?

NTV: Tôi đang tập hát cho hai chương trình hòa nhạc do Ban hợp xướng Ngàn Khơi tổ chức vào ngày 17 tháng Mười Một, 1996 tại Garden Grove và ngày 26 tháng Giêng, 1997 tại Houston. Các nghệ sĩ bạn và thân hữu cũng khuyến khích và giúp đỡ tôi trong việc khởi xướng một ban hợp ca. Chúng tôi sẽ hát đủ thứ nhạc, tập dượt thường xuyên, và trình diễn phục vụ khán thính giả yêu thích nhạc hợp ca. Ban hợp ca sẽ ra mắt trong buổi trình diễn ca nhạc vào ngày 11 tháng Năm, 1996 tại San Jose, mà nhạc sĩ Lê Ngọc Chân và tôi sẽ trách nhiệm thực hiện để gây quỹ cho Hội Cứu Trợ Trẻ Em tị Nạn Không Cha Mẹ của miền Bắc Cali.•

Tháng Mười, 1996

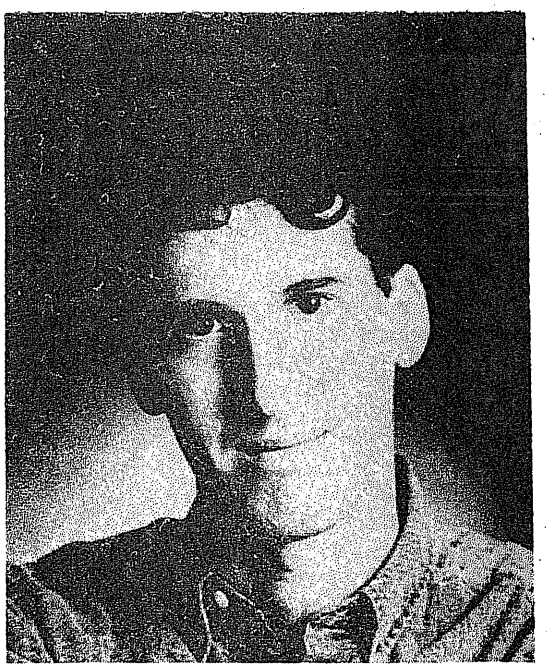

Chi chú: Nhạc sĩ Philip Blackburn là giám đốc chương trình của tổ chức Diễn Đàn Của Các Nhà Sáng Tác Mỹ (American Composers Forum). Anh đã thực hiện một dĩa CD giới thiệu âm nhạc Việt Nam lấy tên là "Người Ngồi Ru Thời Gian" (Stilling Time), do trung tâm Innova ở Minneapolis phát hành (số hiệu Innova 112).•

MƯA SÀI GÒN

TRẦN CÔNG SUNG

Người đàn bà ngồi dậy, chải mái tóc đen mượt chảy dài trên bờ vai trần, trắng mịn như sữa, vai một bức tượng Hy Lạp.

Gã đàn ông nằm trong chăn, thò đầu ra, hỏi: "Mưa?" Nàng gật đầu, nói: "Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách; sắc bất ba đào dị nịch nhân" (1). Em nhớ thầy T. ngày xưa ở Văn Khoa. Một chiều mưa gió như thế này, cả lớp phải ở lại chờ mưa ngớt; thầy T. ngâm câu đó. Tiếng thầy sang sảng. Em tự nhiên thấy thầy đẹp lão la."

Gã đàn ông cắm một điếu thuốc lên môi: "Nghe nói cụ vẫn ở Saigon, hì hục viết sách. Sách vở thời buổi này. Anh nhớ cái hồi vào vấn đáp Triết Đông, cụ truy anh về Lão Giáo. Anh trả lời ngon lành. Ông cụ vừa nghe vừa gật đầu. Anh được đà, tán rộng. Cụ tiếp tục nghe, chăm chú, gật gù. Khi anh dứt lời, cụ nhìn anh một lúc rồi hỏi: Mặt mũi anh cũng sáng sủa, sao anh dốt thế?"

Người đàn bà cười. Khi cười hai mắt nàng nheo lại, mặt nàng rạng rỡ. Anh trả bất cứ giá nào cho em cười. Cám ơn cụ T., cám ơn Lão Tử, cám ơn Triết Đông.

Nàng đưa tay xem giờ: anh đưa em ra Orly? Gã đàn ông: "Mưa Paris không giữ được em ở lại?"

Nàng nói, vừa đủ cho nàng nghe: nhan sắc em cũng không bó nổi chân anh.

Họ xuống đường. Gã đàn ông hom hem cầu Trời cho nàng đổi ý trước khi tới chỗ đậu xe. Đàn bà cứ bốn phút rưỡi họ đổi ý một lần. Có bà lẹ hơn; nhưng trung bình là bốn phút rưỡi.

Tới xe, nàng nói: "Anh tránh Place Étoile, kẹt xe chết. Em dám trễ máy bay lắm."

Mặt y xìu như một trái banh Adidas xì hơi. Y dụ, như dụ con nít: hay em ở lại ít bữa?

"Đâu được," nàng nói. "Còn chồng. Còn con. Bổn phận..."

Cái mệt ở đâu kéo đến, đè lên vai y, nặng. Tại sao đời tôi toàn những con đò, những bến xe, những sân ga và những phi trường?

Nàng vuốt đôi má Adidas xì hơi, an ủi: "Tháng tám, em sang."

Tháng tám, gã đàn ông nghĩ, anh sẽ không còn ở Paris nữa. Anh sẽ không còn ở bất cứ một nơi nào.

Bên ngoài, mưa như mưa Sài Gòn, rả rích. Thiếu những cô nữ sinh đạp xe song song, cười rúc rích trong nón, nước mưa dán quần trắng mỏng vào mông, vào đùi, hồng hào thịt da con gái.

Y đổi ý: không có mưa nào như mưa Sài Gòn. Không có mưa nào ngon như mưa Sài Gòn.●

Paris Juillet 96

(1) Mưa bão không có then khóa mà giữ được khách. Nhan sắc không có sóng gió mà chìm đắm lòng người.

CON GHẺ

ĐỖ QUYÊN

Lời dẫn:

Đây là một truyện phim, nhân vật chính là một cô gái từng du học ngành luật ở Tiệp Khắc rồi sang Đức xin tị nạn.

Truyện phim gồm 17 chương. Dưới đây là trích đoạn từ các chương 1, 3, 4, 15.

Tác giả tưởng tặng truyện phim này tới anh **Hoàng Sơn Hà**, 25 tuổi — một người xin tị nạn tại Đức đã tự thiêu ngày 27.01.94 ở Muenchen trước nguy cơ bị trục xuất. Chúng tôi muốn giới thiệu đến độc giả tác phẩm "Con Ghẻ" khi mà, một năm nay, tình hình của người Việt đang xin tị nạn ở Đức ngày càng nan giải.

1

Thu 1993. "Ansbach là đây?" Nhoài người ra cửa toa tàu Thúy nhếch miệng, cười bật thành lời. Cái nhà ga cô quạnh, vắng. Mải nghĩ ngợi cô để vuột qua khỏi mặt mình người bạn đến đón.

"Vẫn là anh, người chính xác về giờ giấc nhất Đại học Tổng hợp Praha," Thúy nói và đưa tay ra đón tay Phan, người ra đón.

"Nhất là khi đã phải ở với các 'đồng chí Hitler'..."

"'Bé' đâu?" Thúy hỏi nhỏ Phan, và dõi mắt tìm trong số những người trên sân ga rồi dừng cái nhìn lại ở một cô gái nhỏ thó, mắt tròn xoe, hai tay ôm chiếc cặp với những quai đeo lủng lẳng. Cô gái đứng thu lu bên thùng thư cao gần bằng mình. Thúy và Phan đi lại phía cô bé... Thúy chào, tươi tắn và thiện cảm:

"Chị là Thúy! Gặp tiếng em qua *phone* mãi, nay mới gặp mặt. Đi sớm thế này em có lạnh không?"

"Thường thôi chị ạ! Đàng nào em cũng đi học cơ mà." Giọng cô bé trong trẻo, vút lên. "Em vẫn được nghe anh Phan nói về chị... 'Thái Thúy — nguồn cảm hứng của tờ báo Gió Đông-Praha.' Ban nãy, lúc chờ chị, anh ấy còn nói định viết một bài báo có tên như vậy!"

"Xạo xịa đấy! Tin các ông ấy để chết à!"

Phan khẽ cười, nheo cặp mắt thông minh, khôn khéo ẩn sau chiếc kính trắng. Anh ôm choàng lấy cô bé, dụi cô vào lòng mình. Cô bé khúc khích cười. Thúy chớp mắt, nhìn ra xa, rùng mình...

"Thúy lạnh à?" Phan hỏi.

"Không! Có lẽ vì lạ đất!" Thúy toan nói nữa, thì cô dừng lời một hồi. "Hai bạn đi với mình lâu không?"

"À, toà án ngay kia thôi. Cạnh đó cũng là bến *Bus* đến hãng anh làm, còn *Bus* đến trường của 'Bé' thì xa hơn một chút..." Phan buông cô bé ra, khoát tay chỉ, vẻ tự tin, "À, vậy là chiều nay, ở Tòa về, 'cương quyết' không chịu ghé vào thăm nhà hai đứa này à? Biết Thúy sẽ đến đây, đêm qua Hồng nó vừa *phone* qua và hẹn sẽ nói chuyện dài với Thúy đấy. Mừng cho tụi nó: trong nhóm báo chúng mình vừa mới thêm Hồng và Quốc được chấp nhận tị nạn ở bên đó."

"Nhà của anh chứ đâu phải của em, mà anh bảo 'nhà hai đứa này'?" Cô gái dẩu miệng, cướp lời Phan.

"Ừ, vậy đó! Cứng cứ phải làm vậy cho anh ấy sợ dần đi!" Thúy ra chiều khích lệ, còn sự chú ý cô dành cho Phan "Trời đất quỷ thần ơi, mới sáng ra mà anh ca lại cái bài 'Hồng nó vừa...'! Nè, con gái miền Nam nói thiệt nha: Hồng và Thúy trước sau chỉ là bạn. Phan chớ có khờ sắm vai ông mai mà... 'cán bộ mất uy tín' đó! Bữa nay Thúy mà xui, bị 'ông' Tòa đuổi cho chạy re về Việt Nam thì anh phải đền cái chi đây?"

"Chết! Chị đừng nói dại như vậy. Mẹ em bảo trước khi khởi sự việc lớn là phải giữ lời." Cô bé hoảng sợ ra mặt, nhìn Phan và Thúy...

Thu trễ... Lá còn ươm vàng trên cây, trên cành mà trời lạnh như giữa đông. Nhìn cảnh quan buổi sáng ở trung tâm cố đô này, Thúy dễ chịu trở lại. Cô cười thú vị trước chú ngựa đồng khổng lồ được dựng xế cửa Tòa án. Cô không dám ngoái lại nhìn cặp uyên ương vừa ríu rít bên cô nay bỏ cô lại với cái cổng gỗ im lìm. Họ đứng lại như để nhìn nhau một hồi trước khi ai đi đường nấy. Bên kia đường, lâu đài cổ còn cô độc hơn Thúy, không một dáng người qua lại.

...Những đối thoại trong phiên tòa làm Thúy ngỡ ngàng. Người nói cứ nói, người không nghe cứ không nghe. Người vất vả nhất chắc chắn chỉ là chị phiên dịch. Sau hơn mười lăm phút, Thúy lộ ý hoàn toàn chán nản...

"Tôi nhận thấy thân chủ của Ngài không muốn biết đến các lập luận phủ quyết của Tòa." Vị chánh án hướng về phía luật sư của Thúy, nói...

"Ngài chánh án nhận xét đúng," Thúy trả lời, vẫn thờ ơ... "Các ngài đã có một định kiến về người tị nạn Việt Nam và công việc xét xử như thế này chỉ còn là để úp lên từng nguyên đơn định kiến đó mà thôi!"

"Bổn phận của bà lúc này là đưa ra trước Tòa những bằng chứng và lý lẽ xác nhận sự truy nã chính trị đối với mình, chứ không phải là đánh giá cách làm việc của Tòa án!" Một vị trong đoàn bồi thẩm gay gắt ngắt lời Thúy. "Tôi xin phép được hỏi nguyên đơn Lê Thái Thúy: khi ở Việt Nam bà có bị hoặc lo sợ bị truy bức về tự do và về thân thể không?"

"Không, thưa Ngài." Thúy đáp, không do dự.

"Và khi ở Tiệp Khắc bà có bị hoặc lo sợ bị truy bức về tự do và thân thể không?"

"Có, thưa ngài."

"Những lời khai của bài tại Sở Công Nhận tị Nạn Liên Bang chưa thể chứng tỏ điều đó!" Vị chánh án lại cao giọng. "Bà có đưa ra một số tờ báo, bài báo... để minh chứng rằng bà đã tham gia trong một nhóm làm báo chỉ trích chế độ. Nhưng, tôi đồng ý với Sở Công Nhận tị Nạn Liên Bang ở chỗ: các bằng chứng đó của bà chưa chứng minh được rằng bà đã thực sự bị Đại Sứ Quán Việt Nam tại Tiệp Khắc truy nã về chính trị do các hành vi chỉ trích của bà. Thứ nữa, và đây là điều quan trọng, các tên được dùng trong các bài báo đó đều là bút danh chứ không phải là tên thật của bà và do đó hoạt động của bà về cơ bản chưa được coi là hoạt động công khai chống chế độ. Vậy, lúc này bà có mang đến trình Tòa các bằng chứng mới về sự truy bức của Đại sứ quán Việt Nam đối với bà không?"

"Thưa các ngài," Thúy đổi tư thế và đứng giữa hai hàng ghế, thốn thức và nói chậm, nghẹn ngào mà cứng cỏi, "Việc quản lý, kiểm chế của chính quyền cộng sản Việt Nam về tự do và về thân thể ở mỗi công dân Việt Nam là những gì không thể nào nhìn thấy, nghe thấy. Tự do tư tưởng và quyền làm người của chúng tôi đã bị xâm phạm trong những hoàn cảnh mà không một hệ thống máy móc nào, dù là tinh vi và tối tân nhất, có thể ghi nhận lại được ngoài chính tinh thần và thể xác của chúng tôi. Sau nữa, tôi rất muốn được bày tỏ nỗi ngạc nhiên trước lý luận về 'tên thật - bút danh' mà ngài Chánh án vừa nói. Ai cũng biết rằng việc sử dụng bút danh là điều bình thường của sinh hoạt báo chí và chính trị, dù các sinh hoạt đó có hợp pháp hay không. Sống giữa một cơ chế quản lý con người như tôi vừa nói và với điều kiện của cá nhân tôi, tôi cho rằng: chỉ khi tôi là một kẻ không phân biệt nổi giữa sự sống và cái chết, giữa điều lợi và sự hại thì tôi mới khơi khơi đăng tên thật của mình ra trước mắt mạng lưới công an. Trong sự hiểu biết ít ỏi của tôi, Điều 16 Hiến pháp Cộng Hòa Liên Bang Đức đã được ra đời theo sự chấp bút của những nhà hoạt động xã hội dân chủ Đức — những người đã từng phải đi ra nước ngoài tị nạn tránh sự khủng bố của chế độ phát xít Đức. Những vị đó, trong các hoạt động lưu vong của họ, phần lớn đã dùng tên thật hay bí danh, thưa các ngài? Một ví dụ thôi: Willy Brandt (1), đó có phải là một tên thật không, thưa các ngài? Vâng, thưa ngài Chánh án, cho phép tôi được nói ra một sự thật mà nó có thể bị coi là xúc phạm đến nền pháp luật Cộng Hòa Liên Bang Đức..."

"Bà có thể nói được, dù sao thì bà cũng đã là một đồng nghiệp với chúng tôi."

"Việc các cơ quan công quyền Đức đòi hỏi bằng chứng về sự truy bức chính trị của chế độ cộng sản, đó là một điều khôi hài đối với người Việt Nam chúng tôi! Nhà nước Đức là nhà nước pháp quyền - pháp trị, nhưng chỉ tiếc là đã áp dụng quá máy móc điều kiện pháp lý đó đối với các công dân đến xin tị nạn từ các nước trên thực tế là phi pháp lý, pháp luật. Tôi muốn so sánh rằng các Ngài và chúng tôi đã sống ở trên hai hệ quy chiếu khác nhau về mặt luật pháp. Tôi rất cám ơn các Ngài đã cho phép nói và đã chú ý nghe tôi nói. Cuối cùng, tôi xin nói bằng cả sự thẳng thắn: nếu cứ máy móc như thế thì các Ngài sẽ có thể chỉ nhận về những bằng chứng giả, kể cả ở những người bị truy nã thật!"

Đoàn bồi thẩm nhìn nhau, người tỏ ra giận dữ, người nhún vai, có người cười nhếch mép. Luật

* Tình yêu sợ sự nghi ngờ. Tuy vậy, tình yêu lớn lên nhờ sự nghi ngờ, và thường chết đi vì sự tin chắc.

— Gustave Le Bon

sư của Thúy thì ngơ ngác. Vị Chánh án xóa đi không khí bất lợi:

"Cám ơn bà về sự thẳng thắn. Nhưng, bà sẽ thấy, ở một nhà nước pháp trị, ở một chế độ pháp quyền chỉ có sự thẳng thắn thôi thì sẽ không thể đủ."

Quay về phía các đồng sự và luật sư của Thúy, chánh án hỏi nhanh:

"Chắc các ngài không có câu hỏi hoặc điều gì cần nói? Và bà Lê nữa, nếu bà không cần gì để nói thì mời bà ra phòng chờ. Phiên tòa xét đơn kiện của bà Lê Thái Thúy đối với sở Công Nhận tị Nạn Liên Bang tạm chấm dứt, án quyết sẽ được công bố vào cuối buổi sáng hôm nay."

(...)

3

Hơn một chục người Việt mệt mỏi ngồi chờ án quyết...

"Nguyên đơn Lê Thái Thúy không hội đủ điều kiện để được công nhận tị nạn tại Cộng Hòa Liên Bang Đức, bởi vì bà ta ra nước ngoài không phải vì bị truy nã chính trị và cũng không chứng minh được những lý do sau khi chạy trốn. Việc được hưởng quyền bảo vệ không bị trục xuất theo điều 51.1 của Luật Ngoại Kiều cũng chưa được tính đến, vì khả năng nguyên đơn bị trừng phạt theo điều 89 của Bộ Luật Hình sự Việt Nam là không đáng kể. Theo phán quyết ngày 3.11.1992 của Tòa thượng thẩm Berlin thì, căn cứ vào Hiệp Định Tái Hội Nhập được ký ngày 9.6.1992 giữa hai chính phủ Đức - Việt Nam, có thể kết luận rằng những ai có khả năng tìm được sự bảo vệ ngay tại quê hương mình sẽ không cần đến sự bảo vệ tại ngoại quốc..."

Tiếng thầm thầm, lãnh đạm của vị chánh án và tiếng lảnh lót đến chói tai của người phiên dịch đè trộn lên nhau. Người phụ nữ này không dấu được rằng chị đã thuộc lòng loại án quyết mà vị chánh án đang phát ra.

Từ phía hàng ghế ngồi, Thúy bật lên một tiếng nấc, rồi là tiếng khóc to, thành tiếng. Không nhìn một ai trong phòng, Thúy lao ra cửa kéo theo những chuỗi tiếng thở, tiếng khóc nặng nhọc...

...Một con người khác đã về trong Thúy khi cô ngồi ở phòng chờ ga Ansbach. Buồn dìu dịu, mộng mị và yếu đuối. Từ đâu chiếc lá phong vàng bỗng dưng hạ xuống nền nhà, nó làm cô rùng mình. Con chó xồm, lông trắng tuyền, xục cái mõm hôn chân Thúy, cô nhảy cả người lên ghế khiến ông già với cái bụng lặc lè — chủ của con chó — xin lỗi cô hối hả.

Thúy ngồi như đang bị thôi miên. Qua những tán lá phong vàng ươm, ngoài vườn từng hình ảnh tái hiện trong đầu Thúy... Cảnh ở tầng hầm ký túc xá sinh viên đại học Tổng hợp Praha những năm 90-92, Thúy đang cùng bạn bè trong nhóm làm báo "Gió Đông" quay máy in *Ronéo,* mặt mũi lấm lem, tay cầm các trang báo mới in và đọc, tay cầm bánh mì gặm ngon lành... Cảnh ở Đại sứ quán Việt Nam tại Praha... Cán bộ an ninh văn hóa đang nói với Thúy, vừa nạt đe vừa vỗ về: "Gia đình cháu có cả một truyền thống cách mạng trung kiên. Nay cháu lỡ làm việc vậy rồi... Không sao, tuổi trẻ thì đi liền với dại dột mà! Chú biết chứ. Bây giờ thế này: cháu cứ tiếp tục làm báo đi, thỉnh thoảng lên Sứ thăm các chú và chúng mình... trao đổi, chuyện trò với nhau! Dân chủ mà." ... Cảnh Thúy đọc thư của ba cô trong khuôn viên đại học, giữa cảnh quang hừng hực tươi mát của Praha cố kính mắt Thúy nhòa đi, nhòa đi theo từng hàng chữ: "...Ba tin rằng

MƯỜNG MÁN

THÁNG CHẠP

Tháng Chạp thánh thót hòa âm mưa
Mưa đàn trên hàng phím lá me
Gió đàn bằng cách ngâm khe khẻ
Những sợi tơ lòng em trong mơ

Tháng Chạp đi rong qua phố sương
Trái tim trong túi thơ trong hồn
Hai bàn tay ấm đan trong gió
Và chút hương nồng trên môi thơm...

Tháng Chạp viết thư tình bâng quơ
Mỗi tờ lá rụng một tờ thư
Gửi theo cánh bướm mùa bay lạc
Đáp xuống vai em trước ngõ chờ...

Tháng Chạp gọi chim về bên sông
Mai sắp vàng, nụ đào chớm hồng
Qua cầu nhớ buộc lòng cho chặt
kẻo tình tan biến giữa mênh mông...

Tháng Chạp chụm đầu trong quán hẹn
Mỉm cười nghe tim hát huyên thuyên
Gộp bao ngôn ngữ trong thiên hạ
Chẳng vang bằng hai tiếng Yêu Em!

Tháng Chạp nhảy Valse trên tháp chuông
Buông từng chuỗi nhạc xuống đêm Đông
Nghìn nến thắp chong mừng Chúa ngự
Thắp riêng hai đứa chiếc hôn nồng...

con hành động một việc hệ trọng như thế chỉ sau khi đã suy nghĩ thiệt kỹ. Ba hiểu con, dù ba chưa có điều kiện hiểu những gì con và bạn bè đang làm, mà tranh luận chuyện thời cuộc ở thư này thì đâu thể đủ! Vụ của con làm ba trăn trở, về nhận thức và về số phận của ba, của thế hệ ba. Ba không sợ thiệt tổn đến cá nhân mình, một khi biết đó là việc làm đúng, vì đời ba là đời tranh đấu. Ba chỉ thương con, con gái bé bỏng và cô đơn đầy tội nghiệp của ba. Chi bộ, vừa kín vừa hở, đã nhiều lần kiểm điểm ba và dì. Nhất là họ đã thúc ép ba và dì ngăn cản việc con đang làm. Ba thấy tội dì, thấy giận dì. Ở nhà dì la ba tối ngày. Dì vẫn cưng con đó, nhưng vẫn muốn làm theo ý cấp trên cốt để nhà được yên ổn. Con hãy hiểu dì, thấy tội dì dù trước và nay dì có nặng lời với con. Đời dì quá khổ đau và mất mát... Nói vậy để con biết vậy chớ ba không có được lời khuyên gì trong vụ việc con và bạn bè đang làm. Vì con đã lớn và ba tin ở con..." Từng cảnh lộn đi lộn lại trong Thúy, rồi cả ba bối cảnh đó thu nhỏ dần lại trong màu vàng đến nức nở của các tán lá phong.

4

Đấy là Oleg, một người đàn ông châu Âu, chừng gần 30 tuổi, dáng thấp đậm, gương mặt điển trai được bao trong hàng râu quai nón. Oleg khẽ lại gần Thúy, tay anh cầm nâng niu bó hồng thắm. Dường như anh nhận ra sự có mặt của mình, dù theo hẹn, không ăn nhập với những nghĩ suy của cô gái mà anh đang phải lòng này. Thúy vẫn chìm trong căn phòng chờ nhà ga. Cô nhìn đồng hồ, chợt ngửng lên đúng lúc Oleg đến trước mặt. Hai người khẽ chào nhau, rồi tay trong tay. Oleg hôn nhẹ Thúy và giơ bó hoa vẻ hân hoan. Thúy nhận bó hoa với nụ cười tươi hơi ngượng nghịu và dấu cả niềm vui mới vào những bông hoa khi cô đưa chúng lên ngửi. Bằng tiếng Tiệp họ hỏi han nhau rất nhanh và khẽ vì họ biết là cả phòng chờ này đang để ý và nhìn họ.

...Hai người chậm bước trong vườn thượng uyển của cố đô Ansbach. Như hai chiếc lá lớn, họ chầm chậm đi trong khu vườn vắng người, đông cây cối và tràn sự tĩnh tại. Gió se lạnh. Thúy như cố ý giữ chân mình để có một khoảng cách với Oleg. Những tiếng cười đùa đôi khi cũng làm họ xích bên nhau và vòng tay chàng trai ôm gọn cả thân hình thanh thoát của cô gái. Cái thanh thoát tỏa từ mái tóc, chạy dọc bờ eo, tỏa xuống hết cặp đùi dài thẳng. Nhưng, khoảng thời gian ấy thật hiếm. Không cần quan sát kỹ cũng thấy đôi bạn trẻ đó đang nói những chuyện buồn nhiều hơn là chuyện vui.

..."Đó là vào những năm Bảy mươi, ba và má em quen nhau từ phong trào sinh viên ở Huế," lời Thúy kể cho Oleg. "Huế là cố đô cuối cùng của Việt Nam đấy! Huế đẹp, đẹp u lặng, mơ mộng và kỳ dị. Người Việt mà chưa ở Huế cũng không hiểu nổi Huế chứ nói gì đến người châu Âu như anh." Oleg cười ra ý chấp nhận, đưa tay chỉ vào chiếc ghế gỗ bên đường mời Thúy ngồi. "Ba em học Văn khoa, còn má học Luật, và vì thế mà má có ước muốn rằng em cũng học ngành này. Má em là hoa khôi của sinh viên Huế dạo đó. Em chưa được bằng một ngón tay út của má." "Vậy à?" Oleg ra vẻ ngạc nhiên và choàng Thúy vào lòng mình, toan hôn lên môi cô gái, "Thế mà má giờ từ cố đô Huế đó đâu biết được rằng đang có một chàng trai tóc vàng ở góc trời Đức này đã nghiêng ngả vì 'một ngón út của má' suốt nửa năm rồi!" "Đừng vậy lúc này," Thúy nhẹ nhàng tách khỏi Oleg, đứng dậy kéo Oleg cùng đi, "Hãy để em kể chuyện nhà em, chuyện nước em. Một gia đình bất hạnh, một đất nước bất hạnh! Em phải kể cho anh để xem anh có thể hiểu nổi những điều bất hạnh đó hay không." "Có lẽ là anh không hiểu nổi. Vì, Thúy ạ, anh hiểu được rằng mỗi gia đình, mỗi đất nước đều có những bất hạnh khác nhau." "Ba em được Mặt Trận Giải Phóng cảm hóa, thành đảng viên cộng sản và là một người lãnh đạo phong trào sinh viên. Còn má em thì lại ghét thù cộng sản, là vì ông ngoại em hồi 1945 bị Việt Minh thủ tiêu đến nay cũng không biết xác bị vùi dập ở chốn nào. Nhưng thôi, không nói đến ông bà, chỉ nội chuyện ba má cũng đủ đau đớn rồi... Ba má em yêu nhau như không thể tách ra được. Rồi má bị bà ngoại xem tướng số sao đó mà ép làm vợ bé cho một ông quan chức ở miền Trung. Nhưng ba má vẫn 'đi lại' vụng trộm với nhau và... sinh ra em! Cho đến ngày 30 tháng Tư 1975. Ừ, mà trước những ngày đó, phải chi má đừng thù người Cộng sản nữa và theo lời ba cùng 'vào bưng' thì đời má, đời ba và cả đời em đâu như thế này."

Những giọt nước mắt thoải mái lăn trên mặt Thúy. Cô cũng để mặc cho Oleg rê lưỡi, chậm chạp nhấp từng giọt, từng giọt... Cuối cùng chàng trai nồng nhiệt đặt những chiếc lên lên suốt cặp mắt đen với cái đuôi mắt kéo dài mãi đó.

"Ngày 30 tháng Tư hàng năm, cái ngày không quên được đó của cả nước Việt Nam dù với người phía bên nào, dù ở Bắc hay Nam. Còn với em, nó là một Ngày Đen thực sự! Ngày giỗ má của em mà... Ba em tìm gặp được hai má con em trong cảnh quang hỗn loạn của cuộc chiến đang tàn. Hình như là đáng lẽ ba má em đã có thể mang em xuống tàu ra biển từ một tuần trước đó khi mà má đã bỏ trốn gia đình người chồng. Song, lúc đó thì chính ba lại chưa dám bỏ một chế độ mà ba từng tranh đấu cho nó. Ba cũng không dám bỏ quê hương, họ hàng để ra đi như người ta vẫn nói là 'theo tiếng gọi của trái tim.' Vì thế mà đến 30 tháng Tư, ngày đó... Phải đến tận ngày chót trong lúc quan lính rồi dân tranh

* "Đêm qua mưa dữ quá! Chắc anh chưa từng thấy một cơn bão nào như thế."

"Sao không đánh thức anh dậy? Bộ em không biết rằng anh không thể nào ngủ được khi ngoài trời bão bùng sao?"

cướp nhau xuống tàu, má đã bị xe nhà binh cán phải. Không thể chạy chữa lúc đó, má bị mất máu và dần dần tắt thở. Em khi ấy mới gần bốn tuổi. Sau này, ba hay kể lại cho em vậy... Ngay sau 30 tháng Tư, ba đưa em vào Sài Gòn... Rồi ba lấy vợ. Dì em là cán bộ từ 'bưng' về. Với ba dì yêu thương hết chỗ, mà với tất cả mọi người dì cũng rất tốt. Còn với em thì dì ghét thê ghét thảm. Nhiều người nói em là con nhỏ ngoan, không làm điều chi khiến dì trái ý, mà dì vẫn ghét. Chỉ vì dì ghen với má em, ghen với một người đã chết. Có lẽ cũng tại bởi em giống má quá anh à! Ba và dì Hòa sinh được nhỏ Bảo Phước. Nó kém em vài tuổi những tính tình rất kỳ cục. Cả nhà cưng nó và cũng cực vì nó. Vì vậy dì càng oán em. Dì hay rủa rằng do có em mà gia đình dì tan nát. Bảo Phước bỏ đi đâu mất tích từ 1987. Trước đó nó hay cãi lộn, bỏ học, rồi bỏ nhà đến tụ tập trong một nhóm sùng đạo phái gì đó có giáo chủ là người Việt định cư bên Hoa Kỳ. Ba dì của em dò ra được vị giáo chủ hay cho tín đồ về Việt Nam dụ đám con gái mới lớn vô giáo phái và lo thủ tục, hoặc thuê tàu vượt biên, qua Hoa Kỳ."

Thúy xoay người trên hai gót chân, nhẹ hơn cả các tán lá rụng. Cô đặt hai tay lên hai vai Oleg, mắt còn vương lệ nhìn thẳng vào anh, hỏi:

"Oleg, ngày còn ở Tiệp anh chơi với nhiều người Việt, thế thì nay hiện anh có hiểu hết những éo le trong các gia đình Việt Nam sau những cuộc chiến tàn bạo không? Nhà em, bản thân em đã lãnh đủ những éo le như thế..." "Anh đã hiểu được một phần. Quả là đời người Việt bất hạnh hơn người ta vẫn tưởng. Nhưng yêu em... Vì anh yêu em... Anh sẽ hiểu dần nỗi khổ đau trong em." "Thật vậy không anh? Yêu em thiệt không, Oleg?"

Tiếng Thúy đuối dần. Cô ngột ngạt trong vòng tay như đai sắt, trong những cái hôn da diết... Cặp trai gái ấy như một bức tượng biết chuyển động giữa khu vườn. Lá thu vẫn tuân theo luật tự nhiên mà đong vàng mặt đất. Vườn tắt nắng. Chỉ còn gió lẫn những tiếng thở thẳng thốt của hai người. Cuối cùng chỉ còn gió...

(...)

15

Mặt đồng hồ trước cửa ra vào của trạm xăng hiện các con số: "22.10 *** 23.01". Vài bông tuyết vừa đậu xuống mặt kính đã tan biến, để lại trong ánh đèn các ánh lóng lánh. Vẫn trong chiếc áo dạ choàng trùm đến đầu gối, vẫn rất thanh thoát Thúy đang đi như đếm từng nhịp đập của trái tim. Phố xá thị trấn Landstadt này đang lịm lặng trong thứ ánh sáng như từ đâu phản lại, và sẽ còn lịm lặng nếu không có một chiếc xe con phóng như điên rồ trên phố chính được ghép bằng ngàn vạn viên đá vuông nhỏ từ vài trăm năm rồi... Dừng lại đôi chút, Thúy quả quyết giật cửa trạm điện thoại công cộng và bước vào. Cô búng tí tách lên từng cánh tuyết bám trên vạt áo, trên ống tay... Nhìn từ xa, trông vào trạm điện thoại, cô như một người nhàn rỗi nhất thế gian, hoặc như một người đang tìm gì vừa rơi rớt, hoặc giản dị hơn như một người vào chỗ kín đó để tránh tuyết lạnh. Khi cho *karte* vào máy điện thoại và bắt đầu ấn số thì Thúy trở nên thực sự run rẩy. Cô ấn lộn số mấy lần, vội vã dập máy khi đầu dây bị gọi lộn chưa kịp hồi âm. Cũng đến lúc Thúy đặt được ngón tay mảnh mai của mình lên số máy cần gọi. Cô nhắm mắt, ngả tựa hẳn vào một góc... Trong lối đi hẹp của một gian nhà tranh tối tranh sáng, ổ điện thoại phía bên kia đổ chuông như một tiếng kêu lạc lõng. Vợ Kim Thương choàng tỉnh dậy, ngơ ngác tung tấm mền, nhìn quanh một hồi rồi mới định hướng nghe về ổ điện thoại. Chị hấp tấp ôm cả mớ gối mềm lại bên máy, chờ đợi... chuông lại nhẫn nại réo. Chị nghiêng người đẩy cửa một gian phòng nhỏ trong đó Kim Thương (2) đang ngồi như muốn chết lặng trước cây *Piano,* bản nhạc trước mặt anh bị sửa chi chít. Bên ngoài, Sài Gòn chạng vạng sáng. Máy đổ một đỗ nữa. Vợ Kim Thương khép cửa lại, nhấc máy và khẽ nói: "A-lô..." Ở bên này, Thúy khụy hẳn hai chân xuống, gục đầu trên ổ điện thoại. Ống máy bị hất rơi thõng xuống, chao qua chao lại bất tận.

...Thúy đi nép bên đường. Trong đêm, và trong tuyết phất phơ. Rồi tuyết thưa rơi. Mặt đường óng ống lớp băng mỏng mảnh. Thúy rẽ vào một trạm điện thoại khác. Lưng cô quay ra đường. Vài phút sau, cô vội vã xô cửa, chạy ra giữa đường. Lại đi tiếp, đi như chạy... Nhìn xa bóng dáng ấy như một cây đuốc đen.

...Thúy đã tới chỗ dòng sông nhỏ chia nhánh. Lùm cây to ở ngã ba sông vẫn còn các tán lá ngả màu. Không ra vàng, không ra bạc. Tuyết, sương trĩu các cành lá. Cả một cánh đồng rộng tới mức trong ánh đêm không còn thấy nóc nhà thờ 5ỏ trung tâm thị trấn. Thúy bước nhanh lại chiếc ghế gỗ ở ngoài lùm cây như thể đến bên người bạn thân vừa cách xa lâu. Cô phủi tuyết ở góc ghế, đặt lên đó một túi nhỏ và một bình xăng, rồi rút trong túi áo choàng ra chai rượu xinh xắn. Cô ngửa mặt và tu. Tu như hít thở khí trời. Thúy chao nhẹ người và ngồi tựa lên ghế, hướng về chiếc túi nhỏ mà nhìn rất lâu. Cô cài lại chiếc máy nghe nhạc trên tai rồi đội mũ len trùm lên tất cả. Đầu, tóc, mặt, cổ... Thúy vơ lấy bình xăng bước nhanh vào sâu trong lùm cây. Vạt áo trùm xô dạt như một bóng ma hiệp sĩ thời Trung Cổ. Bóng tối theo bước chân cô càng tối.

...Một đốm lửa lóe lên. Những tia lửa, những cánh lửa mọc lên trong khoảng tối um um đó. Một bó sáng lách lên trong cỏ cây, trong tĩnh lặng, trong mờ đêm. Để nhận ra thứ ánh sáng mới ấy chỉ có thể là ai đó đang đi dọc bờ sông Aisch ở khúc sông đổi nhánh. Hoặc ai đó đang ở trên trời nhìn xuống, nhưng người đó không thể ở quá cao như Thượng Đế. Đêm mù ảo đã che đi tất cả, dù có thêm một cây đuốc sống.•

Hoechstadt, 12-1994

Courtenay, 9-1996

(1) (1913-1992), cựu Thủ tướng Cộng Hòa Liên Bang Đức, cựu Chủ tịch đảng Xã hội Dân chủ Đức.•

(2) Người yêu đầu tiên của Thúy.

SONG SINH

MIÊNG

Như thường lệ, tôi đứng dang chân dang tay trên tấm ván, miệng cười thật tươi như đón tiếp người yêu.

Nhưng đêm nay có điều gì làm tôi xốn xang bứt rứt vô cùng. Trong một tích tắc, tôi ao ước phải chi mình có thể nhắm mắt nghỉ ngơi chốc lát. Thói quen phải sắp nụ cười thật duyên dáng luôn luôn bắt tôi chôn mọi ưu tư khác xuống tận đáy lòng. Tất cả những gì bên trong lớp da bụng như trùng xuống, tan ra, còn lại trong tôi một nỗi trống trải bàng hoàng, lo âu vô cớ. Miệng tôi vẫn cười, hai tay và chân vẫn dang rộng trên tấm ván, mắt vẫn mở to nhìn xuống đám thực khách Paris dư dả đến đây ăn uống xài tiền, mà lòng thì không cảm thấy gì ngoài nỗi hoảng loạn không tên.

Tiếng vỗ tay rầm rộ khi ông chủ vừa bước ra, tiếng cười nói và tiếng muỗng nĩa như xé nát lòng tôi. Ông chủ cúi chào khán giả với cái chào nghề nghiệp và bỗng dưng, tôi lạnh cả người khi tưởng tượng rằng nếu một trong những con dao mà ông sẽ ném chung quanh thân tôi như mọi lần, có một con vô tình hay cố ý đi lạc ?

Ông chủ nhận con dao thứ nhất từ tay anh phụ việc, với vẻ ung dung hình như hơn thường lệ. Và ông nhìn tôi. Tôi cũng nhìn ông ta. Thời gian như đọng lại và giữa hai cái nhìn, không gian như vừa gần gũi vừa bao la kỳ dị. Ông lui một bước. Bằng động tác nhanh nhẹn, ngoạn mục và dẻo dai, con dao thứ nhất bay đi cắm bên cánh tay phải tôi giữa tiếng vỗ tay tán thưởng. Có tất cả mười lăm con dao và lần nào, tôi cũng tự nhủ con này đây sẽ cắm vào bàn tay mình như Chúa bị đóng đinh, con này đây sẽ cắm vào trán mình, con này đây sẽ cắm vào tim mình...

Cho đến con cuối cùng, sẽ bay tới cắm vào kẽ hở giữa hai đùi, cái nhìn rất lạnh của ông chủ khi thấy tôi cười vui vẻ với anh nhạc công cách đây hai hôm, bỗng như sắc nét hơn trong trí nhớ. Tôi biết ông ta không hài lòng mảy may. Ông không muốn tôi vui cười với ai cả, trừ với ông ta thôi, nhất là những khi không có bà chủ bên cạnh. Và tôi mặc nhiên chấp nhận điều này, cố quên là bên trong lồng ngực mình còn có con tim vẫn đập, bởi vì thân thể tôi cũng cần ngày ăn hai bữa như mọi người, cũng cần một ít áo quần đẹp đẽ để lên sân khấu, và cần nhiều hơn để trả tiền cho trung tâm nuôi người khuyết tật tâm thần ở miền Nam nước Pháp.

Tôi chờ đợi con dao cuối cùng ném tới. Tự nhủ thầm là không được run, bởi vì một cử động dù nhỏ của tôi vào giờ phút này cũng có thể gây ra tai nạn. Hai chân tôi có vẻ không vững lắm. Tôi có cảm tưởng mình sắp khuỵu xuống, chới với, lung lay. Tôi muốn rút hai tay ra khỏi vòng dao, ôm ngang trước ngực mình và ghì chặt lại. Tôi muốn gục đầu xuống, nhìn thấu vào lòng để tìm xem điều gì đã làm mình bải hoải lo âu đến

thế. Tôi muốn khóc một chút. Tôi muốn nói cái gì đó. Tôi muốn... Nhưng tôi vẫn bất động và miệng vẫn giữ nụ cười mà không biết có méo mó lệch lạc hay không. Giây phút cuối này kéo dài như vô cùng. Bất giác tôi cầu nguyện, hy vọng con dao không có tim, không có tình người, nhưng ông chủ thì có. Và ông ta còn sự nghiệp phải bảo vệ. Nếu ông cố ý ném vào một phần thân thể tôi gây thương tích để trừng phạt rằng ngoài ông ra, tôi không được phép làm quen với ai khác nữa, thì cuối cùng rồi ông có được gì hơn? Mắt tôi tìm mắt ông ta với cái nhìn có phần nào cầu khẩn, nhún nhường và cố tạo niềm âu yếm ngọt ngào. Nhưng không thấy, ông ta mải làm một vài cử chỉ cho thêm phần hấp dẫn, cho khán giả hồi hộp hơn trước khi kết thúc. Tôi bỗng sợ hãi lạ lùng.

Vài tiếng huýt sáo nổi lên làm tôi tê liệt, nghĩ đến những trò chơi vô đạo thời La Mã. Người ta vừa huýt sáo với ngón tay cái chĩa xuống đất, bảo hạ nó đi, hạ nó đi phải không ? Mặt mày đám thực khách trông dữ dằn đanh đá. Rồi nhiều tiếng huýt sáo, nhiều tiếng la man rợ của dân tiền sử, vang vang khắp phòng. Anh đèn chớp nháy khi mờ khi tỏ như ánh mắt tử thần cố tình trêu ngươi đồng loã với cảnh trạng vô tâm bạc bẽo đó. Một nỗi chua xót cày xới lòng tôi. Một nỗi bức xúc mãnh liệt quằn quại châm cay điếng đôi mắt. Đầu óc tôi cuồng loạn. Tim tôi dại đi. Và kìa, con dao cuối cùng. Sao trông nó có vẻ sáng quắc đến lạ lùng vậy, mũi dao nhọn hoắc đe doạ sống sượng. Và ông chủ, nụ cười trông sao mà đểu, đôi mắt rực lên ánh lửa quái gở khát máu, bàn tay vẫn mềm mại bỗng như nổi đầy gân đồ tể. Lăm le con dao cuối cùng trong tay, ông ta quay lại, và bằng một nụ cười khó lòng định nghĩa, ông nhìn tôi rất nhanh và dang tay ném... Đúng vào lúc con dao được tung ra và trong cái ồn ào hỉ hả của thực khách, bụng tôi đau nhói lên. Vô thức, tôi kêu lên một tiếng thất thanh, nhắm nghiền mắt lại và đổ xuống như một thân cây bị chặt...

*

Giọng bà giám đốc trung tâm đều đều với những âm tiết đặc biệt miền Nam nước Pháp làm tôi buồn ngủ. Tôi thèm được ngủ một lát. Những gì dù giản dị nhất, đối với tôi sao vẫn cứ là niềm ao ước. Tôi mệt mỏi quá, cả tinh thần lẫn thể xác.

Tôi nhìn mông lung ra cửa sổ, hình dung lại thân hình tiều tụy xanh xao của chị mình vẫn thường ngồi trên bãi cỏ với cái nhìn vô cảm, xa vắng. Lần cuối tôi xuống thăm cách đây bảy tháng, vào một ngày mùa thu có gió hiu hiu thổi tóc chị vướng víu lên nét mặt cẩm thạch nhợt nhạt. Mặt trời buổi chiều còn rực đỏ cũng không đem lại cho chị chút sinh khí nào. Chị tôi ngồi đó, giữa những chiếc lá úa nhặt hoài không biết mỏi tay.

Trên bãi cỏ cắt xén với hai bìa đầy các loại hoa, chị tôi như một thứ đồ chơi nhân tạo vụng về, vô hồn chỉ làm rối mắt. Tôi đến bên cạnh gọi chị, cố nhắc nhở chị về sự hiện diện của mình, cô em song sinh của chị. Nhưng chị không nhìn. Tôi như một chiếc lá chị vừa nhặt, để bên cạnh, không hề quan tâm tới nữa. Mắt chị ngó đâu đâu, nhìn mà không thấy. Môi chị nhấp nháy, nói mà không lời.

Suốt buổi chiều ngồi nhìn chị mình với những trò chơi vô nghĩa, với một cái đầu không còn gì lại bên trong, tôi hiểu là phải tự sắp đặt tình cảm mình một cách khác xưa. Chị có thế giới của chị mà tôi không có chìa khoá để vào. Và tôi không còn gì trong chị. Như vậy tốt hơn.

"Chỉ là một cơn sốt xoàng. Tối qua chị cô không chịu ăn gì, chỉ uống một cốc nước. Khoảng mười giờ, nghe tiếng lục đục trong phòng, một cô y tá tới xem..."

Mười giờ? Giờ đó tôi đang đau nhói lên vì lo sợ con dao cuối cùng. Sáng nay khi thức dậy, tôi sờ mó khắp thân thể mình và ngạc nhiên thú vị không tìm ra một vết thương nào, trừ cái cảm giác rần rật khắp người như bị kiến bò. Người ta nói là bác sĩ bảo tôi có trái tim mệt mỏi của một người đứng tuổi. Bà chủ ái ngại báo tin là trung tâm dành cho người khuyết tật tâm thần nhắn tôi xuống gấp. Và tôi đi. Một mình.

" ... thấy chị cô đang xếp các hình puzzle."

Rồi bà mỉm nụ cười trang trọng :

"Cũng lạ, bao nhiêu năm nay rồi cô ấy không hề đụng tới nó, và đó là cái duy nhất cô ấy không vứt đi."

A, chơi puzzle. Món quà Mẹ mua cho hai đứa trong ngày sinh nhựt mười tuổi. Hình puzzle với cái hoa hướng dương vàng tươi có hai cái nhụy. Hôm đó Mẹ hỏi có một cái nhụy có con sâu và một cái thì không, thích mua cái nào. Chị tôi thích nhụy có sâu, tôi thì không. Mẹ bảo :

"Ai cũng nói chị em sinh đôi giống nhau từng chút mà hai đứa bây lại khác nhau từng chút."

Mẹ bảo sinh tôi ra sau chị khoảng mười phút. Và khi bắt đầu biết nhìn, mắt tôi láo liên tìm kiếm trong khi chị dửng dưng không thèm nhìn tôi mãi gần cả năm trời. Không bao giờ chúng tôi đòi bú hay la khóc cùng một lúc. Và từ năm ba tuổi, trong mọi cử chỉ tôi nghiễm nhiên luôn luôn là người bảo vệ chị mình. Có cái duy nhất chúng tôi cùng thích như nhau là hoa hướng dương, thì đấy, lại có cái nhụy phải khác đi. Vì vậy Mẹ mua cho cả hai cái. Mỗi lần tôi sắp gần xong thì chừa miếng cuối cùng cho chị lắp vào cái nhụy có con sâu. Nếu chị sắp thì chừa chỗ cho tôi lắp cái nhụy không sâu...

"Rồi một lát sau chị cô ra đi nhẹ nhàng như mơ."

Bà nhìn tôi, nói nhẹ như một lời tạ tội :

"Chúng tôi vẫn giữ nguyên cái hình puzzle mà chị cô đã sắp đêm qua."

Ngày hôm sau chị tôi vĩnh viễn nằm trong chiếc giường đất êm ái bao dung. Trước khi đặt vào quan tài món quà sinh nhựt năm hai đứa lên mười, tôi run rẩy lắp vào miếng cuối cùng mà chị tôi luôn luôn dành lại cho tôi. Lần này, tất cả mọi miếng rời rạc đều được dán chặt với nhau bằng nước mắt.•

Paris, 10 Sept., 1996.

MỘT TRUYỆN LẨN THẨN

HÀ KỲ LAM

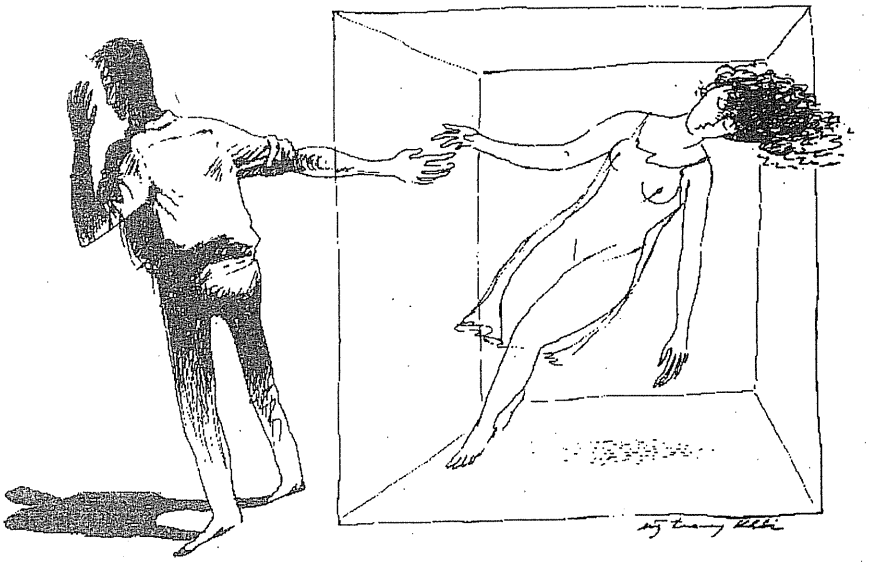

Long hân hoan bước đi thoăn thoắt trên vỉa hè đường Ngô Quyền, thị xã Mỹ Tho. Lâu lắm, ngót ba mươi năm rồi, chàng mới trở về thành phố này, thành phố đã chứng kiến những bước chập chững vào đời của chàng — nơi chốn đã chứng kiến niềm xúc cảm của chàng trai lãnh những đồng lương đầu tiên trong đời mình, những đồng tiền đầu tiên do công lao học hành, do "cơm cha áo mẹ chữ thầy" mang lại! Cái thành phố đầu tiên đón nhận người giáo sư trẻ mới ra trường ấy lại là nơi chứng kiến mối tình đầu đời của chàng: Điệp.

Và Long đang bước những bước bồi hồi, rộn rã trên lối đi quen thuộc ngày xưa để thăm lại Điệp. Mấy mươi năm qua mà tâm hồn lẫn thể xác chàng vẫn còn những háo hức, những sung mãn, những bén nhạy của thuở mới lớn. Đây rồi, khoảng sân trước của nhà Điệp. Nhưng sao nhiều cây thế, toàn loại cây lá nhỏ như cây chùm ruột, và trồng không hàng lối, thậm chí trồng ngay trên lối vào nhà. Long đã phải luồn lách qua các thân cây mới đến được cửa nhà. Hình như chàng có lẩm bẩm vài tiếng than phiền về lối trồng cây tắc trách này, vì chàng vừa nghe ông bố Điệp lên tiếng, "cứ lên Đoàn mà khiếu nại." À, ông bố Điệp mới lạ lùng: ông đứng rình rập ở đâu đó để nói cái "ý kiến" khiếu nại, xong lại biến mất, và lúc Long bước vào nhà mới lại thấy ông ta. Chàng cung kính chào ông, rồi tiến sâu vào trong chàng gặp mẹ của Điệp. Bà cụ vẫn khả ái, hiền từ như xưa, còn ông cụ vẫn khó ưa như cũ! Rồi Long hỏi thăm về Điệp. Bà cụ thản nhiên nói, "cháu nó đi về rồi." Long chẳng hiểu lắm câu nói của bà ta nhưng vẫn thản nhiên bước vào căn buồng của Điệp. Chàng nhìn thấy Quyên, cô bạn hàng xóm của Điệp, nằm trên giường, mắt nhắm nghiền như đang ngủ nhưng môi bỗng mấp máy, "Em vừa mới chết." Điều lạ lùng là Long thấy người con gái nằm đó là Điệp, mặc dù khuôn mặt là Quyên! Long nghẹn ở cổ, không thốt được một lời, nhìn chỗ khác. Bỗng chàng nhận ra một thanh niên nãy giờ vẫn ngồi ở đầu giường của Điệp, mà lúc mới vào không kịp quan sát bao quát nên đã không thấy. Thanh niên kia khẽ gật đầu chào Long. Rồi Long thấy khó chịu nhận ra hắn ta là tình địch cũ của mình. Quái, chỉ khoảnh khắc sau gương mặt của anh chàng lại hiện nguyên hình cậu bạn trai của Lan, con gái út của Long bây giờ. Chàng hơi ngỡ ngàng: tận bên Mỹ, thằng này dẫn xác về đây làm cái giống gì thế nầy? Rồi Long nói lí nhí vài tiếng với hắn, và buồn cười là chàng không biết mình đang nói gì, chỉ biết chàng không thấy thoải mái chút nào với sự hiện diện của thằng nhóc này ở đây.

Ông Long chợt thức giấc. Như mọi khi thì ông chưa vội mở mắt. Ông ta có thói quen mỗi khi thức giấc vào buổi sáng vẫn nhắm nghiền mắt lắng nghe các âm thanh chung quanh mình, từ tiếng chim hót trên cành cây cao bên ngoài cửa

sổ phòng ngủ đến tiếng động quen thuộc trong bếp mà ông hình dung bà Long đang chuẩn bị bữa điểm tâm — một thói quen "mới tập thành" từ hai năm nay, tức từ khi ông nghỉ hưu. Và không cần xem đồng hồ, ông vẫn biết mỗi khi ông thức dậy là đã bảy giờ hơn. Con người ông là một loại đồng hồ báo thức. Nhưng hôm nay thì khác. Vừa thức giấc, ông mở lớn đôi mắt còn ngái ngủ, nhìn lên trần nhà, rồi nhìn bâng quơ ra phía cửa sổ, nơi có mấy cành lá lao xao trong gió nhẹ, vì trong lòng đang có một cái gì khiến ông nghĩ ngợi. Chiếc đồng hồ trên bàn con cạnh đầu giường chỉ tám giờ hơn.

Sáng nay ông Long dậy muộn hơn thường lệ. Ông nhớ lại giấc mơ đêm qua. Quái, ba mươi năm rồi, từ ngày xa Điệp, người con gái ông yêu đầu tiên, không bao giờ ông nằm mơ thấy nàng. Thảng hoặc, do tình cờ của liên tưởng, ông có nhớ đến Điệp trong chốc lát, như một cơn gió nhẹ thoáng qua rồi thôi, không gian vẫn biền biệt xa. Thấy mình trở về thăm Điệp trong giấc mơ đêm qua, một giấc mơ đầu Ngô mình Sở như bao giấc mơ, khiến ông Long rất ngạc nhiên. Ông chẳng hề có một mảy may bận tâm về tung tích người con gái xa xưa ấy, từ khi không lấy nhau được vì trở lực của gia đình. Vậy mà đêm qua ông đã trở về thăm nàng trong mơ — mà lại là một chuyến trở về viếng linh cữu cố nhân! Ông bận tâm vì giấc mơ báo một tin chẳng lành về nàng. Mấy mươi năm nay Điệp trôi nổi ở chân trời góc bể nào? Ông chợt ngậm ngùi. Từ bấy đến nay bao nhiêu nước đã chảy qua cầu, gió mưa nào, bão tố nào, cơn nắng hạ nào đã làm tàn phai, héo hắt đời nhau! Có thể nàng vừa mới từ giã cõi đời lắm phiền muộn, lắm phong ba bão táp này và về báo mộng cho ông chăng? Trước kia ông Long vẫn thường nhạo báng những ai tin vào những điều mộng mị. Hôm nay ông bỗng nghĩ ngợi về giấc mơ của chính mình. Đầu óc ông cứ xoay quanh câu hỏi, "Điệp vừa chết thật sao?", "Có phải nàng về báo mộng cho ông hay chăng?" Ô hay, nàng chết, hay ông chết, hay một người nào đó chết, là chuyện thường, có can dự gì vào đời nhau đâu mà bận tâm. Điều đó đúng, nếu tin do một người nào đó báo. Nhưng đằng này tin được nhắn đến ông trong một giấc mơ thì thật khác thường. Ông Long quan tâm đến cái chết của người con gái tên Điệp thì ít, nhưng quan tâm đến giấc mơ thì nhiều. Ông muốn biết thực hư của sự việc. Nhưng bằng cách nào?

Mỗi khi ông Long có một niềm vui, hay điều gì bực mình hoặc lo âu, ông thường đến tâm sự với một người bạn già mà ông hay đi lại quen thân từ nhiều năm nay. Đó là vợ chồng bác sĩ Trang ở cùng thị trấn với ông. Bác sĩ Trang cũng xuýt xoát tuổi ông Long, nhưng vẫn còn hành nghề. Ngoài tính tình hợp nhau, ông Long còn mến phục bác sĩ Trang vì sự uyên bác của ông này. Quái, cái ông lang tây này sao cái gì cũng biết, cả những lãnh vực ngoài tầm chuyên môn của ông ta rất xa. Mình sẽ hỏi hắn ta nghĩ gì về hiện tượng thần giao cách cảm: có hay không có chuyện đó. Ông Long nghĩ vậy, và muốn đến gặp ông Trang ngay.

Ông Long mở đầu câu chuyện:

"Cậu có bao giờ tìm tòi nghiên cứu về những giấc mơ không?"

Ông Trang hơi nhướng mắt nhìn bạn đoạn trả lời:

"Tớ có đọc một số tài liệu nghiên cứu về hiện tượng mộng mị, nhất là công trình của Sigmund Freud, hồi trước ở bên nhà. Nhưng tại sao hôm nay ông bạn lại hỏi tôi bất ngờ thế?"

"Chẳng giấu gì cậu, đêm qua tớ mơ một giấc mơ lạ lùng, khiến tớ nghĩ ngợi hoài..."

Ông Long thuật lại giấc mơ của mình, rồi hỏi ông Trang:

"Cậu có tin là giấc mơ này có tính cách báo mộng? Điệp, người yêu cũ của tớ có lẽ vừa chết và về báo tin cho tớ. Từ xưa đến giờ tớ không hề tin những chuyện báo mộng mà mọi người chung quanh hay kể, nhưng giấc mơ này làm tớ khó nghĩ, tớ tin có một cái gì linh ứng trong mơ. Có hai điều làm căn bản cho cảm giác đó. Thứ nhất, mấy mươi năm nay không bao giờ tớ mơ thấy người xưa cả; ngay cả thời kỳ còn yêu nhau, nghĩ đến nhau từng giờ, từng phút, mà chả đêm nào tớ mơ thấy nàng cả. Thứ hai, tại sao lại mơ thấy nàng báo tin chết rõ ràng như thế?"

Ông Trang pha trò:

"Tớ nghĩ cậu nên gọi qua Cali hỏi ông Huyện Đề cho chắc ăn."

"Cậu vừa nói cái gì? Ông Huyện Đề là ai?"

"Bộ hồi trước năm 75 ở bên nhà cậu chưa xem trên đài truyền hình Sài Gòn vở kịch 'Ông Huyện Đề' à?"

"Chưa."

"Nhà mô phạm có khác, ít chịu xem ba cái trò diễu cợt 'mất nết.' Tớ nhớ Văn Chung thủ vai Huyện Đề thật tuyệt. Tớ kể sơ lược cậu nghe. Ông Huyện Đề là thầy chuyên đoán điềm giải mộng cho khách hàng đánh số đề. Một bà thân chủ đêm trước nằm mơ thấy con chuột. Bà thắc mắc không biết đó là điềm lành hay dữ, hoặc giả thần linh mách như vậy thì đánh số đề gì. Ông Huyện Đề hỏi thân chủ rằng con chuột bà thấy trong mơ lớn hay nhỏ. Bà ta cho biết nó không lớn lắm, cũng không nhỏ lắm. Ông Huyện Đề phán rằng hễ chuột lớn là con voi, mà chuột nhỏ là con heo, và ông bảo thân chủ hãy đánh số 36 tức là con voi, rồi đánh ngược lại 63, tức con heo, cho chắc ăn!"

Ông Long cười bò:

"Tính cậu ưa khôi hài nên dễ thuộc ba cái màn diễu đó, chứ ai mà nhớ lâu vậy. Nhưng mà giấc mơ của tớ cũng 'nghiêm chỉnh' không thua gì giấc mơ của cái bà đánh đề kia, có điều là tớ không vụ lợi. Ý cậu bảo tớ gọi qua Cali là vì nghệ sĩ Văn Chung hiện định cư bên đó, phải không?"

"Đùa cho vui. Bây giờ tớ nói đứng đắn nhé. Nghề của tớ là chữa trị bệnh tật thể xác, nên tớ không tìm tòi sâu vào địa hạt phân tâm học của Freud, với lại thuyết của Freud vẫn còn gây bàn cãi. Nhưng tớ thấy là công trình nghiên cứu của ông ta quả đã soi rọi vào thế giới kỳ bí của tâm linh, của tiềm thức để con người không còn nhìn

những giấc mộng như một cái gì thuộc thần linh hay viễn vông nữa.

Theo Freud, ngoại trừ một số ít giấc mơ bệnh hoạn liên quan đến sự trục trặc một bộ phận nào đó của cơ thể mà còn quá sớm ý thức chưa ghi nhận nhưng tiềm thức đã cảm được; những giấc mơ đó có tính cách 'tiên tri' — một điềm báo trước người mơ sẽ mắc một chứng bệnh nào đó — và ngoại trừ một số giấc mơ do kích động của ngoại giới trong lúc ngủ, còn lại mọi giấc mơ 'lành mạnh' đều là một hình thức nào đó của một ước vọng được toại nguyện."

"Nhưng giấc mơ của tớ có phản ánh một ước vọng nào đâu. Một đàng nó là đầu Ngô mình Sở, một đằng nó mang đến một biến cố tớ chẳng hề mong: cố nhân đã qua đời!"

"Cái vẻ đầu Ngô mình Sở của những giấc mơ là do hiện tượng biến dạng, hiện tượng ngụy trang, theo Freud, nhưng nó dài dòng văn tự lắm, ở đây tớ chỉ chú ý đến cái chết của người yêu cũ của bạn. Có hai giả thuyết. Một là nó bắt nguồn từ một ước mơ 'lâu đời' của bạn, có thể trước khi nàng trở thành người yêu của bạn. Hai là một sự biến dạng của giấc mơ, một sự biến dạng đi đến nghịch đảo của dạng nguyên thủy, nghĩa là thấy chết tức là sống. Trong trường hợp này, ước vọng thực sự của bạn là muốn người yêu cũ vẫn sống! Ước vọng đó ngấm ngầm, tiềm tàng, vô thức, bỗng trỗi dậy, và được thực hiện trong mơ."

"Thôi đi cha Huyện Đề! Tớ chẳng hiểu mô tê gì cả. Tớ chẳng bao giờ có một ước vọng như cậu suy đoán. Nhưng tớ hỏi cậu, tại sao mấy chục năm nay không nằm mơ, đùng một cái người xưa hiện về báo mộng?"

Ông Trang nhìn bạn mấy giây, rồi hỏi:

"Cậu cố nhớ lại trong ngày hôm qua hoặc buổi tối trước khi cậu đi ngủ cậu có nghĩ đến hoặc nhìn thấy một hình tượng nào trong số những sự vật cậu thấy trong giấc mơ không?"

"Cậu hỏi mông lung quá làm sao tớ kiểm chứng hết được."

"Có gì đâu, này nhé, đêm qua cậu mơ thấy những gì? Nào là thấy căn nhà cha mẹ cô gái, thằng bạn trai của con gái cậu, và gì nữa?"

"Mấy cây chùm ruột trước nhà nữa. À, tớ nhớ ra rồi! Trưa hôm qua lái xe từ New York về, tớ chợt thấy bên đường một cây giống như cây chùm ruột mọc chơ vơ trên một mõm đất trống. Hình ảnh đó gợi nhớ một trại hè năm nào lâu rồi, lúc tớ dạy tại một trường trung học ở miền Trung. Lúc bấy giờ cuộc tình của hai đứa vừa đỗ vỡ, và cây chùm ruột mọc hoang trên một gò đất nơi trường tớ dựng trại hè đã làm lòng tớ buốt nhói khôn cùng. Tớ nhớ đến cây chùm ruột trước nhà Điệp, rồi tớ nhớ Điệp, nhớ quay quắt và đau khổ... Sau này, thỉnh thoảng tớ có thấy lại loại cây đó, nhưng với thời gian, mọi sự nguôi ngoai dần, cây xưa chỉ gieo vào lòng một hoài niệm dửng dưng."

Ông Trang vừa gật gật cái đầu tóc muối tiêu vừa nói:

"Tớ có câu giải đáp cho cậu rồi: cái cây giống cây chùm ruột mà cậu thấy hôm qua là đầu dây mối rợ của giấc mơ đấy. Nếu cậu chỉ thấy cây ấy và thôi không nhớ gì đến chuyện xưa, hoặc liên tưởng đến một chuyện nào khác, thì có thể cậu đã không nằm mơ gì ráo, hoặc mơ một giấc mơ hoàn toàn không giống giấc mơ

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

CHIỀU QUA SÔNG HỒNG

tặng Đinh Cường, par mémoire, để vẽ

Chiều tất bật qua đầu ngọn sóng
Mưa mịt mùng mờ xóa trường giang
Cồn xa lau lách sầu xơ xác
Thuyền lạc giòng đời, xoáy lũng sâu

Tôi theo em lạc về bến đó
Giơ bàn tay bụi xóa thời gian
Đất cổ xưa mịn phù sa đỏ
Đá trầm mình nước róc rách khe

Đời phiêu bạt mong gì một hướng
Cuối giòng sông nước rẽ trăm đường
Ai đó cột đời sầu dĩ vãng
Tôi trở về nước ngược đầu sông

Tôi qua bến đó sầu đơn lẻ
Một bờ đê nhớ một bờ đê
Giải mây trắng vắt ngang núi cũ
Hồn phất phơ gió thổi ngược về

Cánh đồng xa chập chùng bụi nước
Chim lạc đàn soải cánh kêu thương
Bên sông ai gọi đò hiu hắt
Hồn tôi về phẳng phất khói nhang

Hồn ơi thắp một nén hương
Hóa vàng cho kẻ mười phương trở về

đêm qua. Chính hoài niệm đi kèm theo cây chùm ruột đã làm chạy cuốn phim dĩ vãng của cậu. Nguyên nhân của giấc mơ thường thường là những ấn tượng in trong trí mình ngày hôm trước. Tớ nói nguyên nhân chứ không nói 'chất liệu' làm nên giấc mơ, và đó là một chuyện khác nữa. Giấc mơ tuyển chọn 'tài liệu' từ mớ 'hồ sơ' tồn trữ trong ký ức để dựng cuốn phim cho ta xem trong giấc ngủ; giấc mơ không sáng tạo ra dữ kiện. Nó có thể lựa chọn 'vật liệu' từ bất cứ đoạn đời nào của ta, miễn là luồng tư tưởng liên kết được sự việc trong ngày đó với một quá khứ đã ngủ yên. Và lối chọn lựa của nó lạ lùng ở chỗ là những gì ít quan trọng nhất, ít được ta ý thức nhất lại có cơ may nhiều nhất được xuất hiện trong mơ! Vì thế cậu đừng lấy làm lạ rằng trong thời kỳ cậu và Điệp say đắm với nhau nhất cậu lại không hề nằm mơ thấy nàng — và chắc chắn nàng cũng chẳng hề mơ thấy cậu trong thời kỳ đó."

Ông Long bị thu hút bởi bài giảng về "đoán điềm giải mộng" của ông Trang:

"Bây giờ tớ mới hiểu. Những điều cậu vừa nói, tớ nghiệm thấy đúng. Về chi tiết cây chùm ruột thì tớ hiểu, nhưng cái vụ cây trồng lộn xộn, và vụ khiếu nại Đoàn, tớ không hiểu. Đoàn là cái quái gì?"

Ông Trang suy nghĩ ít giây rồi nói:

"Chữ 'Đoàn' làm tớ liên tưởng đến đoàn 776 là đơn vị phụ trách hệ thống trại tù giam giữ anh em mình ở ngoài Bắc trước năm 1979, còn vụ trồng cây tớ cũng lại liên kết với thời gian ở tù ngoài Bắc, tức là năm nào vào ngày lao động đầu năm âm lịch bọn tù mình cũng phải đi 'trồng cây nhớ ơn Bác'! Cậu cũng như tớ, trong ký ức vẫn còn tồn trữ mớ hình ảnh đó, mà giấc mơ đã lôi ra cắt xén, ghép thành 'phim.' Và như tớ vừa nói khi nãy, giấc mơ thường chọn những mẩu ký ức vô nghĩa nhất để làm vật liệu. Những chi tiết như đoàn 776 hay một đoàn nào khác trông coi tù, và việc tù đi trồng cây đầu năm thật ra đều vô nghĩa với chúng ta; điều quan tâm của chúng ta là mình bị tù, điều quan tâm của chúng ta là đến khi nào mình mới được thả về! Phải thế không cậu?"

"Có lý. Nhưng lạ lùng thật, trong mơ thì râu ông nọ đem cắm cằm bà kia! Khó hiểu."

"Đó là hiện tượng biến dạng, hiện tượng ngụy trang, vốn là ngón nghề của mọi cơn mộng."

Thấy ông Long vẫn còn vẻ "mán rừng" về những điều kỳ quặc của thế giới mộng mị, ông Trang tiếp:

"Nhưng hơi đâu mà bận tâm. Không ai hiểu hết cũng như không ai chấp nhận hết những thuyết về hiện tượng mộng, vốn là một thế giới bí ẩn."

Ông Long biểu đồng tình:

"Thế giới tâm linh không sờ mó được, không đo lường được, làm sao kiểm chứng được."

Rồi như sực nhớ điều gì, ông Long nói tiếp:

"À, tớ nhớ một điều lạ. Có một lần tớ nằm mơ thấy mình đối chất với một người Mỹ. Trong giấc mơ tớ đã sử dụng một nhóm chữ mà lúc thức dậy tớ rất ngạc nhiên, vì nó không giống như lối nói thông thường của tớ, và tớ không nghĩ nó đúng văn phạm, hay đúng lối dùng của người Mỹ. Ít lâu sau đó, tình cờ đọc trên báo Mỹ, tớ thấy lại rõ ràng nhóm chữ tớ đã dùng trong giấc mơ trước đó."

Ông Trang nói:

"Không ít người nằm mơ như thế, tuy chi tiết khác nhau. Freud giải thích hiện tượng đó như thế này.

Mọi sự vật đã lọt vào tri giác ta thì chúng ở lại, nằm trong ký ức, chứ không mất đi đâu cả. Lắm lúc một sự việc bị chôn vùi trong tiềm thức lâu, và 'sâu thẳm' đến nỗi nếu có được gợi lại ta vẫn phủ nhận là đã từng nghe, thấy, biết tới v.v. Rồi do khả năng kỳ lạ của ký ức trong lúc ngủ, nó được lôi ra cung cấp cho giấc mơ 'vật liệu' để làm việc. Có thì giờ, cậu chiêm nghiệm, đối chiếu những gì trong mơ với kinh nghiệm đã qua có thể cậu sẽ tìm ra manh mối của tất cả. Tớ lặp lại cái ví dụ rất điển hình mà Freud đã kể trong một cuốn sách của ông. Triết gia Delboeuf (đồng thời với Freud) trong một giấc mơ thấy một loại thảo mộc mà ông ta biết cả tên khoa học là asplenium. Lúc thức dậy ông rất ngạc nhiên vì ông không hề biết loại cây đó, và càng không biết cái tên bằng tiếng La Tinh kia. Mãi mười sáu năm sau, tại nhà một người bạn, tình cờ ông trông thấy một cuốn album chứa những loại hoa ép khô. Ông lần giở từng trang và bỗng bắt gặp đúng nhánh lá của loại cây ông đã thấy trong giấc mộng và bên dưới có ghi chữ 'Asplenium' bằng bút tích của chính ông! Thì ra đây là tập hoa ép mà ông đã thực hiện với sự trợ giúp của một nhà thực vật học để làm quà cưới cho em gái ông ta cách đó mười tám năm."

Ông Long gục gặc cái đầu tỏ vẻ thích thú:

"Cái ví dụ thật tuyệt vời. Vậy mới thấy ký ức của con người thật không lường nổi. Hôm nay tớ phải nhận cậu là sư phụ. Sư phụ đã gỡ rối tơ lòng cho đệ tử về chuyện mộng mị."

Hai người cười ầm lên sau câu nói của ông Long. Bỗng sực nhớ nãy giờ chưa mời nước bạn, ông Trang nói: "Ý quên, khách uống cái gì đi chứ?"

"Cho tớ xin một ly nước lạnh thôi."

Ông Trang mở tủ lạnh, lấy bình nước ra rót đầy hai ly. Hớp một ngụm nước, ông Long trở lại đề tài về giấc mơ:

"Hồi nãy cậu nói về sự biến dạng trong giấc mơ, nhưng tớ không có ý niệm về vấn đề đó."

Ông Trang mỉm cười, có vẻ hài lòng thấy người bạn già của mình càng lúc càng bị lôi cuốn vào đề tài bất chợt này:

"Chỉ có giấc mơ ở trẻ con là không bị biến dạng, dễ giải đoán. Chúng ước muốn những gì, chúng nằm mơ gần như thế. Giấc mơ ở người lớn phần nhiều bị biến dạng. Con người là một sinh vật phức tạp, cả trong đời thường lẫn trong mơ. Xã hội, đạo lý, lòng tự ái, v.v. khiến cho những hành xử của nó không đơn giản chút nào! Lúc nào ta cũng sống trong một tình thế phải chống đỡ, phải phòng thủ; ta chống đỡ với xã hội, với chính nội tâm của ta nữa. Những cư xử của con

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

CÁ VÀNG

và một ngày như thế
đang bắt đầu
hoa trong bình hé nở
chiếc lá vàng khô
nỗi nhớ
khe khẽ
bên ngoài
chiều lại trở về

nhè nhẹ
những ngày như thế
như giấy lịch lật từng tờ
se sẽ

sột soạt
có nỗi gì lớn hơn
chiếc kim đồng hồ bằng bạc
lấp lánh quay không hề ngoái lại đầu
biết thế nào
là trước và sau
vẫn một điều thẳm sâu
réo gọi

những buổi sáng lên
một mặt trời đều đặn
cho bướm trắng ong vàng làm bổn phận
đêm lại về
nhón chân khe khẽ

những ngày như thế
bóng ai in trên đường xa cát ướt
những dấu chân kéo dài
lướt thướt
lần này
vâng lại nhất định lần này
không thể vòng quanh
ngập ngừng
lạc bước

ôi mỗi chấm dứt lại hé mở một bắt đầu
khép một vòng tròn là mở một vòng sau

những ngày như thế
có thể nào lập lại
trùng nhau
đàn kiến quẩn quanh bát nước
thẩn thờ
chúng tôi đổi nhau
những số phận
đèn đỏ đứng
đèn vàng chờ
đèn xanh nôn nao

vì sao

đêm ngày đêm
tôi lại cố chạy
vẫn xanh xao
tròng kính chiếu hậu
vẫn lòng vòng
ve vẩy
đuôi cá vàng
trong chậu

người với nhau trong cuộc sống hằng ngày đều biến dạng mà ta không ý thức. Một người bạn đưa cho cậu xem một bài văn hắn ta vừa hoàn tất, và bài ấy 'ngửi không vô' nhưng cậu phải khen hay, sâu sắc, v.v. Ý thích của tôi một đàng, lắm khi tôi phải nói một nẻo khác, và vân vân. Và chúng ta mang tất cả những trói buộc, những hệ lụy của đời sống lúc thức vào giấc ngủ, vào tiềm thức. Sinh hoạt trong mơ cũng thế. Những sự việc trong mơ bị biến dạng, bị ngụy trang, để mình không nhận ra cái nghĩa đích thực của chúng. Freud chỉ lấy một hiện tượng xã hội để người đọc dễ hình dung ý niệm biến dạng trong mơ: nếu một người muốn bài công kích chính quyền của mình thoát khỏi kiểm duyệt, để đến tay người đọc, thì người ấy phải viết thế nào để có thể che mắt chính quyền. Đại khái, giấc ngủ là một sự tiếp tục của ý thức dưới một trạng thái khác, trạng thái mà ta gọi trạng thái ngủ, chứ không phải 'ngưng sống'..."

Ông Long thấy vấn đề muốn đi vào sương mù, nên đổi hướng câu chuyện:

"Tớ thấy trong mơ con người vẫn không hoàn toàn tự do, vẫn còn bị trói buộc đủ mọi bề! Không biết loài vật thì sao nhỉ? Tớ thấy con chó của tớ thỉnh thoảng cũng nằm mơ, cậu ạ. Nó sủa ú ớ, và chân đạp lia lịa. Tớ phải đánh thức nó. Và tớ nghĩ chắc giấc mơ của loài vật không bị biến dạng như cậu nói đâu; chúng mơ ước gì, chúng đâu có sợ ai biết, nên chắc chúng mơ thoải mái, không cần che đậy! Tớ lại nghĩ, trong muôn loài, con người là sinh vật ít tự do nhất, cậu nghĩ sao?"

Ông Trang cười lớn:

"Một phát giác mới lạ! Đầu óc tớ là đầu óc chuyên viên, tớ chỉ *deal* với sự kiện và mối tương quan giữa chúng, còn cậu có đầu óc triết lý, ưa đi tìm bản chất mọi chuyện."

"Câu chuyện của tụi mình đúng là chuyện trò lẩn thẩn của người già, phải không cậu?"

Ông Trang nheo mắt, buông một câu nói mà chính ông cũng không rõ nó là bông đùa hay nghiêm trang:

"Cậu nói riết rồi cũng đúng đấy!"•

30-8-1996

BÓNG TỐI LÚC HOÀNG HÔN

NGUYỄN TRUNG DŨNG

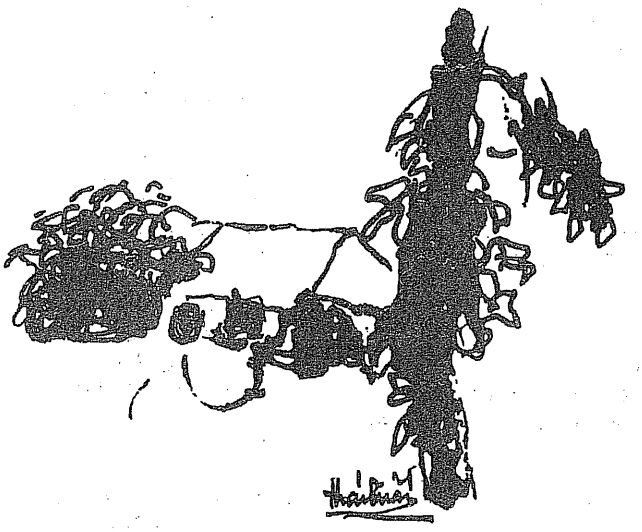

1

Sau bữa ăn, mọi người ra phòng khách. Trong những cái tách men trắng, trà đã được rót. Khói bốc tỏa ra mùi trà thơm. Vợ chồng ông Thạch Hãn ngồi cạnh cửa sổ, trên hai chiếc ghế bọc đệm. Hai người em trai và vợ của họ ngồi ở ghế khác. Ông Thạch Hãn lặng lẽ nhồi chặt cối thuốc. Ông đốt lửa rồi hút. Khói thuốc được ông phà ra, bay tản mạn và loãng vào không khí. Tay nâng trà, Bà Thạch Hãn lưỡng lự một lúc rồi sau đó bà nói:

"Vấn đề Bố đã lâu rồi tôi muốn bàn với các em. Và, hôm nay tôi muốn nói thẳng."

Hai cặp vợ chồng em Bà ghé tai nhau thầm thì: *Lại sắp có chuyện rồi.* Nói xong, họ ngồi bình tĩnh và thản nhiên vì biết trước những điều Bà chị sắp nói:

"Cụ sống cũng chẳng được bao lâu nữa," Bà Thạch Hãn tiếp. "Và trong quãng đời còn lại, con cái hãy tỏ chữ Hiếu như thế nào, để Cụ được vui lòng trước khi nhắm mắt. Suốt trong thời gian sáu bảy năm nay, Anh Chị đã lo cho Cụ. Đối với Chị là con gái, đi lấy chồng là dâu con bên nhà chồng, việc lo cho Bố cũng có giới hạn. Còn Anh, Anh chỉ là con rể, bổn phận nuôi cho Bố vợ, thực ra tới đâu hay cho tới đó. Nếu giả dụ Bố có khó chịu và phiền trách Anh ấy điều gì, thì đó là cái nên tránh. Anh ấy nhẫn nhục và chịu đựng bấy lâu nay, chẳng qua là thương Chị, vì tình nghĩa vợ chồng mà cư xử như thế. Dầu sao, Khôi là con trai trưởng," Bà Thạch Hãn hướng về người em trai, "Chị nghĩ Khôi không nên vô tình mà quên bổn phận và trách nhiệm của mình."

Bà đặt tách trà xuống bàn:

"Dù muốn hay không, theo Chị nghĩ, vợ chồng Khôi nên nhận lãnh công việc nuôi Bố là điều hợp lý nhất. Cũng như Khôi thấy, Cụ đã lo cho Ông Nội tới lúc mãn phần. Bây giờ, Khôi phải như Cụ đã lo cho Ông."

Bà trầm giọng xuống, và với một biểu lộ nỗi căng thẳng mệt mỏi quá độ, câu nói trở nên nghẹn ứ.

"Khôi, cậu phải thương Bố chứ. Dù gì, Bố cũng chẳng đáng bị hắt hủi và bỏ rơi như thế. Cậu cứ nghĩ coi, Bố đã cả đời hy sinh nuôi cậu ăn học thành người, bây giờ cậu đã thành đạt nhờ công ơn đó, nhẽ nào cậu quên Bố được. Cậu thử nghĩ coi, không có Bố lo cho như thế, làm sao cậu được như ngày nay."

Càng nói, giọng Bà càng trở nên cứng dắn. Có lẽ thấy tình hình bắt đầu căng thẳng, Ông Thạch Hãn vội dứt ống vố ra khỏi miệng, can:

"Nào em, thế đủ rồi."

"Anh để em nói." Bà Thạch Hãn ý chừng muốn câu chuyện phải nói cho dứt khoát. Bấy lâu nay, nó đã âm ỉ làm nung nấu cõi lòng Bà. Rồi cuối cùng, cái gánh nặng đó vẫn đè trên vai Bà như đeo đá tảng.

"Chuyện đó đã cũ rồi," Ông Thạch Hãn thản nhiên nói. "Vấn đề chẳng có gì mới mẻ cả. Em nói mãi hóa nhàm. Thực ra cậu Khôi có thiện chí giải quyết hay không. Nếu không, dẹp."

Ông nói mạnh mẽ ở từ cuối. Cái mạnh mẽ nhấn giọng của âm thanh phát ra, nó vừa có vẻ

cáu giận vừa có vẻ coi thường vấn đề đáng được coi quan trọng nhưng chẳng còn gì để quan trọng cả.

"Thế nào Khôi. Cậu nói đi chứ."

Bà Thạch Hãn đưa mắt nhìn cậu em.

"Quái lạ." Khôi lúng túng lên tiếng. "Trước đây, những gì em đã nói anh chị đã quên sao?" Khôi chỉ nói thế rồi lại rụt đầu trong hai cái vai nung núc thịt.

"Ý nhà em muốn nói rằng," vợ Khôi nói đỡ, "việc nuôi Bố, bấy lâu nay Anh Chị đã cáng đáng được, nay Cụ già yếu, việc chăm sóc quen người quen việc, có lẽ cũng không nên thay đổi làm gì. Thực ra, tụi em không có ý trốn tránh bổn phận dâu con với Bố, ngặt nỗi Cụ không chịu..."

"Không chịu ra làm sao?"

"Không ở dưới chúng em. Cụ bảo: nào là nhà chúng mày chật chội, nào là tối ngày cửa đóng tù túng, nào là phòng đó tối om, và đủ thứ nào... nào... Rồi thì cụ đòi về nằng nặc. Anh chị tính như thế đó."

"Thôi... đủ rồi." Bà Thạch Hãn mỉm cười. Cái cười chứa đựng một ý nghĩa nào đó. "Tôi đã hiểu. Tất nhiên không phải tại nghe Cụ bảo, tôi không bênh Cụ nhưng có người đã nói với tôi rằng, vợ chồng Khôi ăn ở ác lắm. Chịu không nổi, vì thế Cụ đòi về."

Mặt vợ Khôi xám ngoét vì tức giận:

"Lạ thật. Ai lại nói với Chị như vậy. Nếu không phải Cụ nói xấu con cái, thì ngoài Cụ ra, thiên hạ ai người ta biết được. Nhưng, lẽ nào lại đi dựng đứng một câu chuyện không đúng sự thật."

Ngồi bẹp dí trong lòng chiếc ghế, Khôi vẫn nín lặng. Đó là thái độ khôn ngoan nhất khi biết cái khuyết điểm ăn nói vụng về của mình. Vì thế, ngồi nghe vợ đối đáp khéo léo để áp đảo bà chị, thì anh ta cứ tỉnh bơ ngắm nghía mấy nhánh hoa giả cắm trong chiếc lọ sứ bày bàn.

Cảm thấy tình thế không cho phép mình ngồi yên, một lần nữa Ông Thạch Hãn phải dứt cái ống điếu ra khỏi mồm, nhảy vô can thiệp:

"Như thế này là cái quái gì. Cuối cùng, tôi hết chịu nổi. Và, tôi có cảm tưởng đây là một việc buôn bán mặc cả, một cuộc đổi chác vừa có tính cách ép buộc, vừa có tính cách thương lượng về cái việc phụng dưỡng bố già. Giả sử nếu Cụ có một tài sản trị giá kếch sù, thì việc này không đến nỗi phức tạp. Ngặt một nỗi, đến bây giờ, Cụ chẳng còn một xu dính túi. Thậm chí, khi Cụ chết, việc tang ma, chôn cất còn làm hao tốn tiền bạc của họ. Và sự hao tổn chi phí đó khiến họ cảm thấy đã mất mát quá nặng nề hơn cả sự mất mát một người thân. Điều đó có đúng thế không các người."

Câu nói sóc óc đầy chất châm biếm và khiêu khích nặng nề đó, khiến con rùa rụt cổ đang thản nhiên chiêm ngưỡng mấy bông hoa giả, phải sửng sốt trố mắt ra nhìn ông anh rể. Ngay cả cặp vợ chồng cô em út nghe người anh nói cũng thất sắc. Từ lúc khởi đầu cuộc bàn cãi xảy ra, họ vẫn giữ thái độ im lặng gần như mặc xác mọi người. Cả hai ngồi sát bên nhau trong một cái ghế bọc quá hẹp so với vóc dáng quá cồng kềnh to béo của họ. Và họ chăm chú coi những cuốn an-bum gia đình, như chẳng đếm xỉa tới câu chuyện mà người anh rể sổ ra câu nói đó, cả hai tự động buông cuốn an-bum ra, vừa ngạc nhiên vừa khó chịu người anh rể:

"Ủa, có thể có chuyện đó sao?" cô em vợ nói.

"Có chứ;" vợ của Khôi chụp lấy ngay cơ hội để đánh thẳng một đòn về ông Thạch Hãn. "Đối với óc tưởng tượng của anh Hãn, thì có chuyện gì mà không có thể xảy ra được. Và, cô ta cảm thấy chưa đủ thỏa mãn với những gì mình nói ra, bèn thêm. "Và một người đang giận dữ thì thường không kiểm soát cũng như kiềm chế được những lời nói ra..."

Không để cho chồng kịp nói, Bà Thạch Hãn cắt ngang lời cô em dâu:

"Thôi. Thế đủ quá rồi. Các người đừng làm câu chuyện thối um lên nữa." Cái vấn đề bàn việc nuôi bố chưa xong, bà lại quay qua cô em dâu. "Đã vậy sao cô còn bơi chuyện rắc rối khác làm gì. Giả dụ Anh ấy có nói thế mặc Anh ấy nói, chấp nê làm chi."

Bà nói để làm mát lòng ông chồng. Nhưng ngay lúc đó, lấy cớ là bị xúc phạm danh dự, Ông Thạch Hãn lập tức đứng dậy, lấy cái ống điếu cầm ở lòng bàn tay, chọc chọc vào không khí:

"Xin lỗi. Vụ này tôi vô can."

Ông nói mấy câu ngắn ngủi gọn ghẽ rồi bằng những bước chân nặng nề, ông lệt sệt lê dép vào phòng. Với cái nhìn thiếu thiện cảm, Bà Thạch Hãn nửa mắt dõi theo, lòng đầy bực dọc. Nỗi bực dọc đó, nhỏ mắt nhìn quanh như một nhà quần vợt định hướng cho trái banh đang tới, Bà Thạch Hãn phóng thẳng quả sút mạnh tới cô em dâu:

* Có hai cái cực đoan mà người muốn sống được một đời sống giải thoát cần phải tránh xa. Cực đoan thứ nhất là lấy lạc thú xác thịt làm mục đích của đời người. Đó là một nếp sống thô bỉ và ngu xuẩn! Nhưng cái cực đoan thứ hai là sống một đời khổ hạnh và ép xác, cũng chỉ gây tạo cho con người thêm đau khổ vất vả vô ích.

— Kinh Phật

* Sông có thể thành biển, nhưng nó không thể làm cho biển biến thành một phần của nó. Cũng như thế, hồn của ta chỉ có thể trở thành Brahman như sông có thể thành biển.

— Tagore

"Cô sẵn sàng rồi đấy. Cái tự ái hão làm cô mất khôn. Dù anh ấy có nói quá đáng, cô cũng đừng chấp mới phải. Cô nóng quá."

Khôi bèn lên tiếng bênh vợ:

"Chị trách thế không đúng. Chính anh ấy muốn cho to chuyện. Gia tài, dù Cụ có gia tài, chuyện đó chẳng ăn chung gì tới việc này."

"Thôi, kệ anh ấy không nói nữa. Nhưng vấn đề Ông Cụ, cần giải quyết như thế nào đây. Khôi! Vì sự hiếu để, cậu nên nhận lãnh trách nhiệm này. Đây là lần chót chị nói cậu."

"Em nói thật, em không thể được," Khôi duỗi ra.

"Vậy ai trong cái gia đình này. Khôi là con trai trưởng, lẽ nào Khôi có thể nói như vậy được. Nếu Khôi nói được như vậy, thì cái việc Anh Hãn có đối xửa tệ bạc với Cụ, cũng chẳng ai có thể trách được. Còn Khôi không thể làm thế được. Khôi là con và lại là trai trưởng. Bổn phận rõ ràng như thế, Khôi không có quyền phủi tay."

Một lần nữa, Khôi lại lên tiếng xác định:

"Em đã nói là em không thể..."

Có lẽ ở trong phòng vẫn nghe lọt câu chuyện ở bên ngoài, phần thấy chướng tai, phần còn hận về câu nói của em dâu bên vợ, Ông Thạch Hãn bước ra ngoài, sổ toẹt:

"Được. Cậu nói đúng lắm. Không thể nuôi Bố để mình. Lời khẳng định của cậu làm tôi đổi ý. Ông quay lại nói với vợ, "Bây giờ, mọi việc xong cả rồi, anh tiếp tục để Cụ ở lại. Cụ sẽ không đi đâu cả."

Câu nói đó lập tức gây thương tổn sự tự ái của cô em út vợ. Và cô vùng vẫy trong cái ghế:

"Không." Cô nói như gào trong họng. "Không cần sự giúp đỡ như thế. Nó chỉ là một điều thi ơn mà đằng sau là mặt trái của sự khinh bỉ và miệt thị."

Mặt cô trắng bệch vì giận. Sau câu nói, cô thở hổn hển. Rõ ràng cô ta quá xúc động. Cô đưa mắt nhìn hết lượt mọi người, rồi cuối cùng, cô hướng về người chị cả, cô nói:

"Việc nuôi Cụ, nếu anh Khôi từ chối, Chị hãy để em lo."

"Cô lo?" Bà Thạch Hãn thở phào một cái, con mắt Bà cùng lúc nhìn sang người em rể. "Cô lo thì tất nhiên được rồi. Nhưng còn chú ấy."

Ngọc, chồng của cô út em Bà, đáp:

"Em sao cũng được. Chuyện đó tùy nhà em quyết định."

Câu nói đó lộ thái độ gượng gạo trong việc làm mà mình phải chấp nhận. Điều đó hiển nhiên không mấy vui vẻ gì cho Ngọc. Mặt Ngọc sạm lại. Trong thoáng chốc, anh ta tự nghĩ về câu nói sơ sảy của vợ. Nó chỉ vì tính tự ái hão, thiếu suy nghĩ và hơi nông nổi vội vàng. Câu nói đó, thực ra là nói cho sướng miệng hả lòng. Sau đó, nó sẽ kéo theo một chuỗi sự phiền toái rắc rối xảy ra. Xưa nay, anh ta sống với cách sống của một người mang tính ích kỷ. Cái tính đó, đối với nhiều người là điều đáng ghê tởm, nhưng ở Ngọc, bản tính vẫn sẵn thế, anh ta không hề quan tâm để nhìn thấy cái xấu xa ở mình.

Lúc ra tới cửa, trên đường về nhà, anh ta đã nhận ra mọi việc sáng như ban ngày. Tự nhiên, anh đâm cáu gắt với vợ:

"Này, em có điên không đấy?"

"Không," vợ anh ta bình tĩnh đáp. "Em rất tỉnh táo." Rồi cô vợ cười nhạt "Anh đừng lo.

TRẦN HỒNG CHÂU

VĂN KHOA ĐẠI HỌC ĐƯỜNG CẢM KHÁI

Kinh sử trùng trùng ánh thiên tinh
Anh hoa điệp điệp mãn môn đình
Kim nhật tịch tịch tiêu điều xứ
Cựu khách thê thê bi hận tình

Nghĩa:

Sử kinh trùng trùng ánh sao trăng
Tài hoa điệp điệp khắp môn đình
Cảnh cũ tiêu điều sao vắng lặng
Bạn xưa rười rượi nhớ thương dài

PHỎNG HỮU BẤT NGỘ

Thu phong lạc nhạn vô âm tín
Triêu dương yểm ảnh há tiền đình
Vương tôn du tử hà xứ khứ
Phương thảo thanh thanh hồng điệp tình

Nghĩa:

TỚI THĂM BẠN KHÔNG GẶP
Gió thu nhạn lẻ mỏi mòn tin
Ánh dương lồng bóng ngập tiền đình
Vương tôn du tử ngoài tám hướng
Có xanh, xanh mướt vẫn bướm hồng

Ghi chú:
Hai bài thơ này được sáng tác vào cuối năm 1976 khi tâm hồn tác giả lại phải trở về với Hoành sơn nhất đới *trong Đường thi và Cổ văn Trung Hoa.*

HÀ THƯỢNG NHÂN

NGÀY THÁNG KHÓ QUÊN

Nghe trong gió mơ hồ tiếng khóc,
Mây mùa thu trải tóc mong manh.
Đầu hè yếm lụa phong phanh,
Ô! Hương bồ kết hiền lành thoảng bay.
Em! Cô gái của ngày trẻ dại,
Ba mươi năm trở lại quê nhà.
Cỏ cây cũng lạ lùng ta,
Nửa khuya vắng mấy tiếng gà lẻ loi.
Trăng lơ đãng dọc soi cửa sổ,
Ta ngâm bài thơ cổ Trung Hoa.
Ngang trời đàn quạ bay qua,
Thoắt thôi chăn chiếu chan hòa trăng non.
Em: hơi thở thơm ngon mùi nếp,
Mỏng như tơ khói bếp Hàn giang.
Lá ngô chưa rụng giếng vàng
Heo may thoắt đã mang mang thổi về.
Ông trước chén bộn bề tâm sự,
Tôi nhìn trăng cứ ngỡ trăng nào!
Miên man lá cỏ rì rào,
Đất trời này lúc đi vào cơn say.

Mọi chuyện xong cả rồi."

"Tất nhiên. Bây giờ thì xong cả."

"Khoan đã. Anh đừng cắt ngang lời em. Phải để em trình bày..."

Cô ta ngừng lại như cố ý kéo dài thời gian, tạo câu chuyện cô sắp nói có vẻ quan trọng:

"Đơn giản thôi," cô cười. "Cứ đưa cụ lên chùa ở. Như thế chẳng ai rắc rối gì."

2

Và ngay hôm sau, họ đến đón Ông Cụ. Cô con dục Bố:

"Bố mặc quần áo; xe tới, con đưa Bố đi."

"Thì hẵng từ từ," ông cụ gắt. "Cây gậy của tao đâu. Ô cây gậy. Có gậy tao mới đi được."

Bà Thạch Hãn đứng đó hỏi: "Bố muốn lấy gì?"

"Quần áo. Quần áo của tao."

"Bố cứ ngồi đấy. Sẽ có quần áo cho Bố."

Bà lấy quần áo đưa cho ông Cụ. Trong lúc đó, người em út của bà sắp xếp các thứ lặt vặt của Cụ vào một chiếc rương nhỏ. Rương đóng bằng ván gỗ, tồi tàn, cũ kỹ. Ông Cụ chẳng bao giờ rời chiếc rương xấu xí đó, không phải không thể mua được chiếc rương khác tốt hơn, nhưng ông cụ quí nó. Hẳn quí vì trước đây, người với vật có một kỷ niệm sâu sắc gì đó.

"Nào xong rồi Bố đi nhé."

"Bố lại về trên nhà mày?"

"Thì Bố cứ đi." Cô con gái hơi nhăn mặt. "Bố khỏi lo. Chuyện đó của con."

"Nhưng ít nhất, cô phải cho Cụ biết chứ?" Bà Thạch Hãn đỡ lời cho Bố.

"Lại chị nữa." Cô em khó chịu. "Bây giờ, Chị hết trách nhiệm với Cụ rồi. Chuyện sắp xếp lo liệu là quyền của em."

Và cô suy nghĩ một chút rồi nói thẳng:

"Em sẽ đưa cụ dưỡng lão trên ngồi chùa ở Hóc Môn. Chùa sạch sẽ quang đãng. Cụ ở trên đó có người trông nom. Có phòng riêng và thuận lợi việc nghe kinh kệ. Tuổi già sống như thế này, hết ăn rồi nằm, Cụ lại sinh bệnh. Vâng," cô em hạ giọng như để kết luận; "em đã quyết định dứt khoát, là gửi Cụ vô chùa. Như thế sẽ chẳng còn đụng chạm tới ai cả."

Bà Thạch Hãn không bằng lòng. Bà sửng sốt không tin ở đôi tai mình:

"Đưa Cụ vô chùa? Chết. Không được đâu."

"Được. Em nói là được. Các cụ già khác, họ cũng ở nơi tịnh xá đó; họ cũng thoải mái đầy đủ có sao đâu."

"Nhưng Cụ đi lại yếu đuối. Bệnh động kinh bất thường. Lỡ lúc đêm hôm xảy ra, có ai lo cho Cụ được."

"Chị chỉ hay rắc rối. Em đã bảo với chị rồi. Nếu để em lo thì Chị đừng nhúng tay vào."

Câu nói ngáng họng của cô làm Bà Thạch Hãn hết ý kiến. Nhưng nhìn Bố, Bà bỗng nghẹn ngào, nước mắt tự nhiên ứa ra.

"Nào, ta đi. Bố."

Từ nãy đến giờ Ông Cụ vẫn không nói một lời. Cụ lẳng lặng ngồi gõ gõ đầu cây gậy xuống mặt sàn. Nhịp gõ đó thay cho lời mà Cụ muốn nói. Mỗi âm, nó lại rớt ra một từ như một đồng kẽm rơi xuống sàn và phát ra tiếng mình chọn. Cụ đã tìm được cái lối chơi đó do những lúc ngồi suốt ngày một mình ở hiên nhà, vừa suy nghĩ điều này điều nọ, vừa nền nện đầu gậy trên nền xi măng. Vì bị nện nhiều quá, đầu gậy trần không bọc, phần cuối đã bẹt. Nhưng bẹt mà không bể toách, vì nó là một thứ mây già, xẫm như mai cua luộc.

Ngồi trên xe chạy vòng vèo nhiều dãy phố, Cụ vẫn cầm cây gậy đó, nhưng không nện. Dưới sàn xe, có đủ tiếng đập khua động của ván gỗ, tôn sắt. Khói, hơi dầu cặn và tiếng nổ lẹp bẹp phát ra từ cái ống giảm âm thanh đủ làm khó chịu tai và nhức cái óc. Vì thế, cụ chẳng cần nhịp nhịp cái gậy của cụ cho mệt sức.

Qua hết những dãy phố đông đúc người và xe cộ, họ đang trên xa lộ. Đường nhựa phẳng phiu. Ruộng đồng khô ran. Vài làng xóm nhỏ, heo hút, thưa thớt. Cảnh vật buồn tẻ và im ắng. Những cây cối xơ xác, dựng chết như trong một bức tranh.

Xe cứ mải miết chạy và trải ra phía sau như một cái máy nhả liên tục trang giấy dài và rộng. Thỉnh thoảng, từ cái ống giảm âm thanh, lại phụt ra một làn khói đen, lập tức gió làm tan loãng rồi biến mất ở hai bên đường.

Gần tới một ngã ba, phía đằng trước hiện ra những dãy nhà, bao bởi một bức tường cao. Bà Thạch Hãn hỏi xem đây là đâu? Đáp lời Bà, bác tài nói đây là Thành Ông Năm. Rồi vui miệng vừa nhanh nhẩu, bác giải thích thêm: *Thành này trước là doanh trại quân đội cũ.* Ông Cụ vẫn ngồi im lặng, lắng tai nghe hai người nói chuyện. Đường xấu. Xe nhồi xóc. Hố, ổ gà tùm lum. Chiếc xe cũ, nhíp tồi, chạy yếu, khổ sở như một người già. Nhưng cuối cùng, nó cũng tới được cổng chùa. Nơi thiền viện của những kẻ tu hành, ngoài tiếng chim hót, tiếng lá lào xào trong gió, tiếng mõ và chuông thỉnh, tuyệt im ả. Cổng lớn và những ngôi mộ cổ trong một khuôn viên, những tháp cao, ngôi nhà lớn và căn phụ, tất cả thảy đều cũ kỹ. Rêu xanh và lá mục phủ mái. Tường xám màu thời gian đã nhuộm từ nhiều năm nay, thiếu sơn quét, tu bổ. Những cây cổ thụ già nua. Nhìn thân thể sần sù vảy mốc của nó, tuổi dễ trên cả trăm năm. Nhưng nó vẫn vững vàng trụ chắc trên đất. Những rễ của nó, có rễ mọc thẳng xuống lòng đất, có rễ bò ngang trên mặt, lượn uốn như những con trăn già, da đã mốc. Cành của những cây cổ thụ đó dang rộng trên cao tạo thành những cái tán lá, nom như những cái quạt khổng lồ hay những cái lọng nếu đứng nhìn chúng từ xa.

Ngồi nghỉ sức trên tấm phản gỗ lim dầy, Ông Cụ chờ người con út đi gặp nhà sư già và Bà Thạch Hãn lên chính điện lễ Phật, Cụ nhìn vườn tược cây cối chung quanh, nhìn chùa và những ngôi cổ mộ, bỗng chốc, Cụ thấy lòng tê tái, chua sót.

Cái vắng vẻ, im lặng và lạnh lẽo ở nơi tịnh xá khiến Cụ cảm thấy ghê sợ. Và rồi, óc liên tưởng của Cụ kéo Cụ đi xa hơn, tới những nơi bệnh viện có hồi Cụ nằm, hay ở khu nhà xác vào dịp Cụ dự một đám tang. Thực ra, chốn thiền môn không đến nỗi tồi tệ như thế, nhưng nó na ná, mà ở tâm trạng Cụ vào lúc này, Cụ mặc tình gán ghép chúng theo ý mình. Buồn bã và tủi thân, Cụ nghĩ tới căn nhà, nhớ lũ cháu, nhớ phố xá ồn ào náo nhiệt ở trước lộ. Cụ muốn về, về ngay tức khắc. Cụ về và chẳng ai có quyền bắt Cụ phải ở lại đây. Mỗi khi có điều gì giận dữ, Cụ có thói quen nện mạnh đầu cây gậy xuống sàn nhiều lần. Nện được thì Cụ thấy thoải mái hơn. Cái giận dữ hay điều bất bình dường như biến thành thể lỏng, theo chiều dài của cây gậy tan vào đất. Nó cũng như một ống thu lôi mà sét đánh xuống, luồng điện trời bị vô hiệu hóa.

Có lẽ vì tiếng nện của Cụ làm giật mình chú chó lông xù nằm lim dim ngủ ở hàng hiên thức giấc. Nó bước chậm chạp về phía cụ già, nhe những chiếc răng nanh trắng nhởn, vừa gầm gừ. Ngay lúc đó, một nhà sư già xuất hiện cùng cô con gái của Cụ theo sau. Nhà sư nạt chó. Đoạn quay sang cung kính chào Ông Cụ.

"A-Di-Đà-Phật."

"Bố đừng ngại gì cả," cô con bảo. "Chùa đây khang trang thoáng đãng, Bố sống thảnh thơi tĩnh dưỡng được thuận lợi. Con đã thưa với Sư cụ cho phép Bố ở. Bố cứ yên tâm nhé."

"Nam-mô A-Di-Đà-Phật," nhà sư nhân từ nói. "Chốn cửa chùa, sống đơn sơ đạm bạc, rất thích hợp với tuổi già. Cụ tới đây quả là quí hóa. Xin cứ tự nhiên như nơi tư gia."

Cô con nói vài lời cám ơn nhà chùa. Ông Cụ được một chú tiểu dẫn xuống nơi nghỉ ngơi mà chùa dành cho những người muốn tìm chỗ an dưỡng.

Khi mọi người đã ra về, Cụ còn lại một mình trong căn phòng hẹp. Căn phòng đó kê một cái giường thấp. Mặt giường lót ván. Ở bốn góc, người ta cắm sẵn bốn cây cọc. Cọc dùng để mắc mùng ngăn muỗi về đêm. Cái bàn gỗ đóng sơ sài, mộc mạc. Phần trên mặt để ly tách và chai đựng nước uống. Phần dưới dùng thay tủ để áo quần và đồ lặt vặt.

Ngoài cửa chính hai cánh, đằng sau là cửa sổ xây bằng gạch lỗ, loại gạch tránh không cho mưa hắt vô phòng. Nhìn qua cửa sổ, Cụ thấy một vườn cây. Những cây mít thân và cành của chúng nặng chĩu quả. Lá cây um tùm che ánh nắng, dưới gốc mát, đất ẩm ướt, tạo điều kiện những cây nhỏ tươi tốt. Chim rừng năng bay tới, đáp xuống lùm cây, có con lẻ, có khi cả đàn.

Giờ đây, Ông Cụ chỉ là một con chim lẻ. Lủi thủi và cô đơn, con chim khốn khổ cất lên những tiếng kêu buồn bã. Con chim trong bầu trời rộng.●

1991

PHÂN ƯU

Được tin buồn bào huynh của
giáo sư Tôn Thất Thiện là

Ông TÔN THẤT KHỞI

đã tạ thế tại Huế
ngày 24 tháng Mười Một năm 1996

Tang lễ sẽ cử hành
ngày 27 tháng Mười Một, 1996

Xin thành thật chia buồn cùng
gia đình giáo sư Tôn Thất Thiện và
tang quyến, nguyện cầu linh hồn
người quá cố
sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Tạp Chí THẾ KỶ 21

TÂM NÃO và TÂM

Chuyện bên lề tâm học thế kỷ 21

NGUYỄN KẾT

(tiếp theo)

8. Khoa học *versus* Khoa học

Một trong những điểm không được nói đến trong các công trình khoa học, về việc áp dụng Tâm học phật giáo, là tiền đề "Tâm như một thực tại phi vật" (trên bình diện chân lý công ước, tương đối). Tuy nhiên, khoa học tự nhiên hiện đại, trong nỗ lực giải quyết các vấn đề lý thuyết của nó, đã suy biện đến độ sắc thái suy biện trong các tiền đề, định đề căn bản của khoa học Phật giáo thành không còn "đáng sợ" mấy. (39) Như phác họa dưới đây cho thấy, khái niệm "Tâm-phi-vật" thì vững chắc hơn niềm tin "Tâm-do-vật," và tâm học phật giáo không vì nó mà trở nên suy biện hơn, mà trái lại có phần khoa học hơn.

Theo định nghĩa quen thuộc của Phật giáo, dù "bị nhiễm ố bởi khách trần [:các điều tiện ngoại tại] nhưng trong dạng tự nhiên thì luôn luôn thanh tịnh, sáng tỏ (*prabhasvara: thanh quang, clearlight.*) Định nghĩa này vừa nói rằng tâm là một thực tại phi vật, vừa đồng thời cho biết rằng càng đi sâu vào thế giới của tâm thì càng đến gần Giác ngộ, như ta sẽ thấy. Do đó, Tâm-phi-vật và Giác ngộ, như người phật giáo quan niệm, là hai tiền đề/định đề có quan hệ hỗ tương mật thiết; nếu chứng minh được cái này không có thì cái kia cũng xụp đổ.

Về tâm như một thực tại phi vật thì, như Dalai Lama phát biểu trong một hội nghị tông giáo học: "Tâm thức [hay phạm trù 'cái biết của tâm'] phải phát sinh từ tâm thức; không có sự liên tục bất đoạn nơi tâm thức thì tâm thức không thể nào có. Tâm cũng luôn luôn thay đổi chuyển biến; do đó nó phải lệ thuộc vào các điều kiện [duyên]. Có hai loại điều kiện chính: điều kiện nguyên khởi hay nhân duyên, có vai trò như khoảnh khắc vừa đi qua trước kết quả của nó; và các điều kiện phụ trợ hay trợ duyên, tức các yếu tố phụ, góp phần vào sự dẫn đến một kết quả. Nhân duyên của một tâm thức phải là một dạng có trước đó của tâm thức. Đây là lí do căn bản cho sự tái sinh." (40)

Điều cần lưu ý trước tiên trong phát biểu trân là ý niệm về **sự chuyển biến không ngừng của tâm thức** *và* **tính liên tục (đẳng vô gián) của nó.** Liên tục nhưng phải luôn chuyển biến theo điều kiện thì tâm mới là tâm trong quan niệm phật giáo, không thì đây là một dạng "tự ngã". Ngược lại nếu chỉ có sự hằng chuyển mà không có tính liên tục thì tâm chỉ là một phụ tượng của vật chất.

Quả thật, sự liên tục của tâm chính là điều các khoa học gia không muốn chấp nhận. Thứ nhất vì nó có vẻ như trái ngược với các dữ kiện khoa học. Về điều này mô hình phật giáo, như đã nói, cũng đồng ý ở một mức độ - ở lớp ý thức hoặc các trạng thái ý thức bị khuôn nắn bởi các điều kiện vật lí của não bộ. Thứ hai là, nếu tâm hay tâm thức là một thực tại bất đoạn, không phát sinh do sự gặp gỡ, tương tác xác định giữa các diều kiện năng/chất, thì luôn luôn có, ngay khi các điều kiện này không có. Đây là thế giới vô sắc, và cũng chính là một trong các điểm mà Phật dậy rằng dẫu ngài có trả lời ra sao đi nữa thì người khác cũng không có điều kiện để xác minh thích hợp. Ở thế giới của chúng ta thì đúng là người phật giáo có nói, và nói rất chi tiết, về các dạng tâm/ý thức vi tế. Theo đó trong chúng ta lúc nào cũng có một hình thức của ý thức, cả trong giấc mơ, khi ngủ, khi "mất ý thức", hay khi chết! (41)

Tuy trái lẽ thường, nhưng đây là chuyện đang làm khung khái niệm của khoa học tây phương trở nên thiếu nhất quán, vì cuối cùng nó phải chấp nhận một số khái niệm xa lạ và không (chưa) có chỗ đứng lí thuyết vững chãi; chẳng hạn các "biến thái ý thức" (*altered states of consciousness*), "tiến trình chết", v.v. Có những hành giả, và ngay cả một số "người thế tục", đã cho thấy là họ có ý thức trong lúc mơ hoặc ngủ. Và dù máy đo cho biết là họ có những biểu hiện sinh lí của lúc ngủ hoặc mơ, nhưng nhà khoa học vẫn phải thừa nhận rằng họ ngủ/mơ và đang biết rằng mình ngủ/mơ, vì họ rõ ràng đang làm các cử động được giao hẹn trước! Do một tình cờ, các nhà tâm lí cũng khám phá (vào thập niên 1970) một thủ thuật khiến người bị thôi miên thay vì "mất ý thức" như thông thường thì lại có thể tỉnh táo, và rất là bàng hoàng, hoảng sợ khi chứng kiến sự kiện, là tâm ý hay tay chân mình bị điều động do một ý chí mà họ không biết (tức là mệnh lệnh của người thôi miên.) Một vài người bị giải phẫu cũng được biết (hơi muộn!) là đã trải qua một phen khủng khiếp: chứng kiến cảnh y sĩ đang banh da xẻ thịt mình mà mình không có cách nào kêu la, vùng vẫy, dưới tác dụng của thuốc mê.

Trong quan niệm phật giáo, các trạng thái ý thức vi tế như thế rất thích hợp cho sự phát triển tâm linh, một khi người ta thể nhập chúng. Vì khi đó, ảnh hưởng của các điều kiện vật lí, sinh

lí thông thường không còn quan trọng, như lúc ở trạng thái ý thức bình thường. Do đó, việc phát triển tâm linh mà chỉ dùng ý thức thô phù sẽ trở thành chuyện may rủi, giống như một học sinh học và làm bài khi tâm trí đầy những dự tưởng về các chuyện vui chơi. Một kinh nghiệm như "mơ và biết mình mơ" có thể xẩy ra thường xuyên cho mọi hành giả có trình độ thiền tập. Vì các phương pháp này trước hết nhằm thiết lập một trạng thái trong đó người ta đủ định lực và sự tỉnh táo để nhìn ngắm các hiện tượng nội tâm mình trong vai trò của một người chứng. Và khi có thể làm dấu cho người khác biết là mình đang ngủ, thì một hành giả hiển nhiên có thể phân tích giấc mơ của mình với sự bình thản khách quan - vì đã được chuẩn bị kỹ lưỡng để biết một cách sâu thẳm rằng hiện tượng đó đang xẩy ra, như cho một người khác. Và khi cần, có thể kiểm soát không để cho "người trong mơ" bị lôi kéo vào những cảnh huống bất thiện. Nói cách khác, họ đạt được tự do trong tâm linh, có khả năng làm chủ mình ngay trong giấc mơ, ít nhất là ở mức độ mà nhà khoa học có thể nhìn thấy được với các dữ kiện thực nghiệm. (42)

Điều chắc chắn là các "nạn nhân" (bị thôi miên hay đi mổ) nêu trên sẽ không đến nỗi khổ sở nếu có học hiểu và tu tập giáo lí Vô Ngã, đủ trình độ để nhận ra rằng thân xác đang nằm kia, hay, trong trường hợp thôi miên, đang có những cử động kì lạ kia, lúc bấy giờ không hẳn là "của tôi", và "cái tôi" đang quan sát cảnh tượng lạ lùng kia cũng không phải là cái tôi cũ.

Dạng ý thức được tin là có trong thời gian tiến trình chết xẩy ra cũng được xem như giống dạng ý thức trong lúc mơ. Và do đó người phật giáo Tây Tạng nói đến những phương cách mô phỏng, làm quen dần với cái chết, để khi sự kiện này xẩy ra (có thể ngày mai) thì họ đủ tỉnh thức mà vận dụng khối năng lượng vĩ đại phát sinh trong một tích tắc của sự phân rã giữa tâm và vật để, thay vì bị cuốn trôi ngụp lặn theo dòng chẩy của nghiệp báo như người thường, có thể lèo lái mình đi qua những ghềnh thác hiểm nghèo (hoặc nhiều chỗ hấp dẫn) trong tiến trình chết, để đi đến một bến bờ theo ý mình, tốt nhất cho sự nghiệp cứu độ trong kiếp sống tiếp theo. Mô tả của Phật giáo Tây Tạng về các *ảo cảnh* phát sinh trong tiến trình chết, trong căn bản, giống với các tường thuật về kinh nghiệm chết đi sống lại (near death experiences). Một sự kiện khác là Dalai Lama đang cho phép các khoa học gia xúc tiến việc nghiên cứu kĩ lưỡng hiện tượng các thầy Tây Tạng chết đi (theo định nghĩa của y học Tây phương) nhưng thân xác vẫn là thân xác của một người sống, trong nhiều tuần lễ, dù khí hậu ở Ấn Độ sẽ làm một tử thi bị hủy hoại rất nhanh.

Sang vấn đề tái sanh, đó là một hệ luận hợp lí của khái niệm phật giáo về một tâm thức phi vật, như ta đã thấy. Tái sanh cũng là một khái niệm nghiệm giả ở điểm nếu không có thì một nửa Phật giáo trở nên vô nghĩa, như có một hành giả thông thái đã nói. Điều này không phải vì "thiền chết" như đã nhắc ở trên, và một bộ phận lớn của Mật tông sẽ mất đi mục đích của chúng, (43) ý niệm tái sinh chủ động, mà còn vì nhiều giáo lí phật giáo nói chung có quan hệ mật thiết với tín niệm này. Hiện nay có những công trình nghiên cứu về tái sinh có giá trị khoa học rất cao, và dù bản chất của vấn đề hầu như không cho phép sự kiểm nghiệm trực tiếp và hoàn toàn chắc chắn, nhưng trong rất nhiều chứng liệu được nghiên cứu (gồm hai loại, kí ức tiền kiếp và các kinh nghiệm thôi miên), có một số trường hợp hoàn toàn không thể giải thích theo cách khác. Tái sinh cũng là một giả thuyết khả dụng để chữa một số hình thức tâm bệnh, để giải thích hiện tượng thần đồng, kể cả các thần đồng tông giáo trong Phật giáo Tây Tạng. Thế nên sự thay đổi lập trường của nhà nghiên cứu, từ khinh thường đến hoàn toàn tin tưởng, đôi khi đã xẩy ra theo một cách thế rất bất ngờ.(44) Ngoài ra, nếu không tin tái sinh thì người ta khó mà nói về luân lí, đạo đức trên căn ản của lí trí, như tiêu chuẩn vững chắc duy nhất của đời sống.

Thật ra thì tiền đề Tâm-phi-vật và hệ luận của nó, niềm tin vào tái sinh, sẽ trở nên quen thuộc hơn nếu chúng ta gọi nó là "nguyên lí bảo toàn tâm thức". Giống nguyên lí "bảo toàn năng/chất của khoa học tây phương, điều mà Phật giáo muốn nói với tiền đề này cũng chỉ là, **tâm thức không sinh ra và mất đi mà chỉ biến đổi từ dạng này sang dạng khác**. Khi nói như thế thì cũng nên lưu ý rằng đạo Phật nói đến hai sự bảo toàn, cả bảo toàn tâm thức lẫn bảo toàn (cái mà khoa học gọi là) năng/chất. Vì theo luận lí hễ tâm không là vật thì vật cũng không thể là tâm. Như Dalai Lama cũng nói trong các dịp khác bàn về vấn đề tâm và vật, "Ở bình diện chân lí tương đối thì tâm là tâm, vật là vật. Hai đường thẳng song song, thay đổi chuyển biến liên tục, nhưng tâm không do vật mà có mà vật cũng không do tâm mà có." Ngoài ra cũng cần nêu ra sự kiện là nguyên lí bảo toàn năng/chất rất đắc dụng của khoa học tây phương cũng chỉ được xác minh bằng quan sát và ứng dụng thực tiễn, chứ không thể chứng minh được!(45)

Tóm lại, có nhiều lí do để nói rằng tâm-phi-vật như người phật giáo quan niệm là một tiền đề khả tín. Có sức nặng thực nghiệm nhất là sự kiện có những kẻ có thể thâm nhập vào và làm việc một cách có hệ thống và hiệu quả với các dạng ý thức vi tế, kiểm soát được phần nào các tiến trình tâm, sinh, và vật lí đúng ra không thể kiểm soát được (sửa đổi giấc mơ của mình và ngăn chậm tiến trình phân rã của cơ thể, v.v.).

* "Mỗi ngày tôi lại ăn ở một tiệm ăn khác."

"Tôi cũng không cho tiền típ như anh."

* "Thức ăn ở đây tệ quá. Tôi muốn gặp người quản lý."

"Rất tiếc, thưa ông. Người quản lý đi ra ngoài ăn trưa rồi ạ."

Đó là bằng chứng quyết định cho ảnh hưởng có thật của tâm trên thân.

Khi khung mô tả khoa học duy vật không có, chưa có, một giải thích thỏa đáng nào để có thể qui ảnh hưởng này vào phạm trù "hoàn cảnh" như nó đã làm với các kinh nghiệm thuộc lãnh vực đời sống hàng ngày, và nhất là khi chưa có dữ kiện nói ngược lại, chúng ta có thể khẳng định rằng các dạng tâm/ý thức vi tế không thể là phụ tượng của não bộ.

(loạt bài này còn tiếp tuy mỗi bài cũng đủ ý nghĩa)

Chú Thích

(39)- Trong vật lí, chưa kể lý thuyết super-string vốn chỉ là một giả thuyết chưa định hình và trên nguyên tắc không thể chứng minh, thì một trong các thí dụ điển hình là lí thuyết của Stephen Hawking với tiền đề "điều kiện biên (giới hạn) của vũ trụ là không có điều kiện biên." Dù hình thành trên các cân nhắc hợp lí và đưa đến việc "tái khám phá" những tiến trình xảy ra ngay sau Big Bang, nhưng loại tiền đề như thế hiển nhiên không có cách nào để kiểm nghiệm. Người Phật giáo cũng có niềm tin thoạt nhìn thì giống nhưng thật ra khác khác hẳn, chính yếu vì vũ trụ mà Hawking nói đến là một vũ trụ hoàn toàn biệt lập với nhận thức.

(40) His Holiness Tenzin Gyatso, The Dalai Lama XIV, "The Practices of Bodhisatvas", trong Donald S. Lopez, Jr & Steven C. Rockefeller (ed.), *The Christ and the Bodhisatva*, State Univ. of New York Press, Albany 1987, trang 222. Để thấy sự minh bạch, cụ thể trong khái niệm tâm của Phật giáo, có thể xem giảng giải của Dalai Lama trong *MindScience* tr. 13-8 và 21-3.

(41) Nói rõ hơn một chút thì tâm thức được tin là có ba lớp chính. Lớp thô phù là bình diện của 5 thức cảm giác và phần lớn các trạng thái ý thức trong lúc tỉnh và khi chúng ta suy nghĩ "xuất thần" - một hình thức không có tránh niệm. Lớp vi tế gồm trạng thái ý thức chánh niệm, "làm và biết mình làm", các trạng thái ý thức trong mơ, ngủ, và trạng thái ngay trong cái chết. Tầng cực vi tế là thần thức hay dạng tự nhiên của ý thức, chủ thể của sự tái sinh. Các lớp tâm thức này luôn luôn có quan hệ mật thiết với thân xác, chẳng hạn lớp ý thúc vi tế với thân vi tế, v.v.

(42) Dừng chân tại một khách sạn lớn ở Mĩ trong một chuyến hoằng pháp qua nhiều tiểu bang, Dalai Lama được hỏi có bao giờ bị mê hoặc, cám dỗ, chẳng hạn "để đám đàn bà con gái bận bikini hở hang đi vào lúc thiền tập của ngài, như hình ảnh ngài phải thấy ở hồ tắm ngoài kia chăng?" Dalai Lama trả lời rằng, là một tu sĩ ngài phải tránh, ngăn chặn các kinh nghiệm như thế, với sự sự tu tập hàng ngày. Dalai Lama giảng rằng việc giữ chánh niệm suốt ngày đêm, và lối thiền quán phân tích đều rất hữu hiệu để nhìn ra thực chất của các đòi hỏi phái tính, nhờ đó hóa giải được chúng. Nhưng Dalai Lama cũng thừa nhận rằng đôi khi trong giấc mơ của mình cũng có đàn bà, hay có chuyện tranh giành, cãi cọ với người khác. "Khi các giấc mơ như thế xảy ra, tôi lập tức nhắc nhở mình, 'mình là một tu sĩ'" (Xem Inside Out: The Dalai Lama interviewed by Spalding Gray", *Tricycle,* vol.I, no. 1, Fall 1991, trang 34-42.) Chánh niệm, sự nhớ/nghĩ chân chánh, là một "cái biết sâu thẳm" của toàn thể thân tâm chứ không phải chỉ ở trên mặt ý thức thô phù. Trong một mức độ, trạng thái chánh niệm cũng được tạo ra qua một số kĩ thuật tâm lí hiện đại. Ở trình độ của những người thành tựu ít nhiều về chứng nghiệm Tánh Không thì nó giống như cái biết "hễ có khói tất phải có lửa", và các hành vi phát sinh từ đó tương tự như phản ứng lập tức của chúng ta khi thấy khói.

(43) Xem Glenn H. Mullin, *Death and Dying: The Tibetan Tradition,* Routledge & Kegan Pual, London, 1986 để hiểu thêm. về "cái học về sự tử vong" của Phật giáo Đại Thừa Tây Tạng.

(44) Trong *Reinkarnation og Sjanh emlevandring* (Tái sinh và Chuyển sinh), Johannes Aagaard ed., ANIS, Aarhus 1993, một tuyển tập mà theo lời tựa, nhằm bảo vệ niềm tin chính thống trước sự bành trướng của sự tin tưởng vào ý niệm tái sinh ở Tây phương. Bài cuối cùng của Lars B. Bojesen, giáo sư Thần học và tâm lí học, sau khi phân tích theo tinh thần phê phán các chứng liệu về thôi miên gợi ý cho ý niệm tái sinh, đã nghiễm nhiên coi nó như có thật và thẳng thắn đặt vấn đề thay đổi khái niệm về linh hồn, cùng tín lí Tin lành để thích hợp với "hiểu biết mới" này. Xem "Selvets Opstandelse - Reinkarnationforestillinger som Religionspsykologisk og Teologisk Problem" (Sự Phục sinh và Bản Ngã: Ý niệm Tái sinh như một vấn đề Tông giáo-Tâm lí học và Thần học) sđd. tr. 157 - 82.

(45) Vấn đề đại khái có liên hệ đến bản chất của năng lượng mà các nhà vật lí không hiểu là gì. Có nhiều giả thuyết về điểm này nhưng tất cả cùng đi đến một tiên đoán thực nghiệm, và do đó không thể biết giả thuyết nào đúng hơn. Trong tương quan này, cũng nên nói rằng có một trùng hợp lí thú giữa những gì khoa học tự nhiên nói về năng/chất trong sự hình thành vũ trụ vật lí (qua hệ thức bất định Heisenberg về lượng năng vĩ đại phát sinh ra trong khoảng thời gian cực ngắn của Big Bang) và những gì người phậtt giáo Tây Tạng nói về năng lượng tâm thức và vật chất trong tiến trình chết, hay diễn trình hình thành một kiếp sống mới. Nếu những gì chúng ta biết về diễn trình hình thành vũ trụ quả thật lệ thuộc vào khung khái niệm được sử dụng, như đạo Phật và một số các nhà vật lí lừng danh khẳng định (dựa vào các *delayed choice experiments*) thì sự hình thành một kiếp sống mới có thể cũng là sự hình thành một vũ trụ theo-nhận-thức (suy đoán sẽ chỉ hết huyền bí khi nói đến các ý niệm cộng nghiệp và biệt nghiệp trong đạo Phật.) ∘

CHÚC MỪNG

Được anh chị Ngọc Hoài Phương
báo tin vui của bào đệ là

NGUYỄN VĂN KHÔI

đẹp duyên cùng

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO

vào ngày 21 tháng Mười Hai 1996
tại Anaheim, California
Xin thân ái chúc mừng
cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc

Nhóm bạn ở Người Việt và Thế Kỷ 21

ĐỊA VỊ NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG KINH PHẬT

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

Trong khoảng bốn mươi năm gần đây, phong trào nữ quyền (Feminism) không ngớt làm sôi động dư luận. Chỉ riêng với tổ chức Liên hiệp quốc, năm 1952 bổn *Tuyên ngôn về Quyền chính trị của Nữ giới* được long trọng tuyên khải. Năm 1975 được gọi là năm quốc tế Nữ quyền, và Liên Hiệp Quốc triệu tập *Hội nghị Thế giới về Nữ quyền* tại Mexico. Hội nghị đầu tiên về *Quyền Sinh sản Làm mẹ* và quyền tự do lựa chọn ngừa thai, giữ thai hay phá thai họp tại Nairobi, Phi Châu năm 1985. Mười năm sau, năm 1995, Liên hiệp quốc tổ chức *Đại hội Nữ quyền Thế giới* tại Bắc Kinh, thủ đô của nước Trung Hoa. Hội nghị kết hợp 185 quốc gia, gồm 4000 đại biểu chính phủ, thảo luận trong mười ngày nhằm thay đổi đường lối, chính sách của các quốc gia để cải thiện phương tiện y tế, giáo dục, kinh tế và chính trị trong đời sống người đàn bà.

Trong lãnh vực tôn giáo cũng vậy, Phong trào Nữ quyền hợp lực với các phong trào Canh tân Tôn giáo, đang làm rung chuyển tận gốc rễ giáo lý của tôn giáo giàu mạnh nhất là đạo Gia-tô, nhằm khai phóng người phụ nữ khỏi bị ràng buộc vì các điều ngăn cấm của nhà thờ trong đời sống gia đình như ly dị, ngừa thai, phá thai..., và cho người phụ nữ đi tu được thực thi mọi nhiệm vụ linh thiêng và hưởng trọn vẹn quyền lợi của người nam tu sĩ. Ở vào một vị trí địa dư khác, tại các quốc gia Hồi giáo, Giáo hội Hồi giáo muốn đề phòng các khuynh hướng thay đổi địa vị người nữ, ở trong gia đình và thánh đường, ở ngoài cộng đồng xã hội, lại muốn nhấn mạnh các nguyên tắc độc tôn của giáo lý Hồi giáo (Fundamentalist Islam) đã và đang chi phối quyền hạn của người đàn bà.

Câu hỏi chúng ta đặt ra bây giờ là phản ứng của nhà Phật trước các diễn biến nói trên như thế nào. Từ lâu, đạo Phật bị người ngoài nhìn vào như là yếm thế, bảo thủ — và còn nặng hơn nữa, là trì độn (apathetic) — đối với những vấn đề then chốt của đời sống hằng ngày. Sự thật có phải vậy chăng? Ta tự hỏi ngày xưa đức Phật nhìn vị trí của nữ giới trong xã hội và trong tôn giáo như thế nào? Nhận chân được cái nhìn đó, ta có thể dự phóng được lập trường của đạo Phật trong phong trào nữ lưu canh tân ngày hôm nay.

Trong bài sưu khảo nhỏ này, trước hết ta tìm hiểu địa vị người đàn bà trong lịch sử từ Đông sang Tây. Từ đó sẽ khảo sát quan niệm cổ truyền về nữa lưu gán cho đạo Phật. Kế đến ta sẽ phân tích qua kinh điển xem lời dạy của đức Phật thực sự là hạn hẹp, chống cởi mở đối với nữ giới, hay chỉ là một điều ngộ nhận của người đến sau. Ở mục cuối, ta sẽ tìm hiểu đạo Phật trì hãm hay hỗ trợ phong trào nữ quyền. Để hướng việc tìm học đạo Phật vào hệ thống, sau đây ngữ vựng sẽ dựa vào cuốn *Phật học Từ điển* của Thầy Minh Châu (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991). Các danh tự chung hay riêng sẽ được cố gắng giữ hình thức chữ *Sanskrit* (S.) hay *Pali* (P.), dịch một lần qua chữ Nho hay tiếng Việt, đặt trong vòng đơn, trừ trường hợp các danh từ quá thông dụng. Như vậy, hầu giúp được người đọc dễ theo dõi hoặc tra cứu các tài liệu Phật giáo bằng tiếng Anh, Pháp, Đức... hiện hữu rất nhiều, lại chính xác, dễ đọc, dễ hiểu, so sánh với tài liệu bằng chữ Nho không còn ở trong tầm tay của người học Phật, nhất là bạn trẻ.

Địa vị của người đàn bà trong lịch sử loài người

Nói chung theo truyền thống ở mọi nơi và vào mọi thời đại, người đàn bà cũng như người đàn ông đã chấp nhận dữ kiện là nam giới được hưởng mọi quyền và nữ giới sinh ra để chịu đựng. Qua thời gian, nữ tính được đương nhiên hiểu và chấp nhận là yếu (phái yếu), đa cảm đa sầu ít thiên về lý trí, học hỏi chậm, và từ đó phải lệ thuộc vào phái nam. Các định chế xã hội, các cơ cấu tôn giáo từ nguyên thủy đã được tạo dựng trên mẫu mực thua kém của người nữ.

Ở phương Tây, địa vị người đàn bà được nhào nặn trong tư tưởng Hy Lạp và La Mã, và trong truyền thống đạo Do Thái và đạo Cơ Đốc. Hai triết gia Hy Lạp dựng nên tư tưởng phương Tây là Plato và Aristotle. Plato, đương thời với đức Phật có tư tưởng tiến bộ chủ trương là người đàn bà giới thượng lưu (và chỉ trong giới thượng lưu mà thôi) phải được giáo dục và huấn luyện để lãnh đạo. Nhưng trên thực tế, tư tưởng của Aristotle thịnh hành hơn, lại chủ trương là người phụ nữ phải "thụ động, phục tùng và ít lời." Xã hội La Mã vào thời hưng thịnh, cho người đàn bà thượng lưu được tham gia bàn cãi chính trị và quản lý tài sản riêng của mình. Tuy vậy, nói chung, đại đa số nữ giới La Mã vẫn bị chèn ép và bóc lột không khác gì ở phương Đông.

Trên bình diện tôn giáo, người đàn bà của mẫu mực Do Thái bị hạn chế trong vai trò người vợ và bà mẹ. Giáo lý Do Thái khoan hồng với

chế độ đa thê, người đàn ông có quyền bỏ vợ. Trong gia đình mẹ phải dạy và kiểm soát con về giáo lý; nhưng vào nhà thờ, phụ nữ không được dâng lễ. Người phụ nữ Do Thái, khi có kinh nguyệt, không được bước chân vào thánh đường.

Đạo của chúa Ki-tô chinh phục Tây phương từ hai nghìn năm trước. Đối với nữ lưu, giáo lý Cơ đốc vẫn giữ một điều mâu thuẫn lớn: nhà thờ đề cao và ca tụng người đàn bà làm vợ và làm mẹ, nhưng đồng thời vẫn quy tội cho người đàn bà đã "rủ rê, rủ rê hai đứa vào rừng hoang" làm cho ông Adam phạm tội tổ tông. Thánh Paul, lý thuyết gia đầu tiên của đạo Cơ đốc, chấp nhận cho người đàn bà phụ trách các nhiệm vụ lãnh đạo tinh thần, nhưng răn dạy là trong nhà, người đàn bà phải phụ thuộc chồng, và tại thánh đường không được làm lễ, không được giảng kinh.

Đông phương có hai nền văn minh căn bản là Trung Hoa và Ấn Độ. Địa vị người đàn bà ở phương Đông, từ xưa cho đến lúc tiếp xúc với Tây phương hoàn toàn lệ thuộc vào người đàn ông, và muôn đời không ai phản kháng. Đạo Khổng, căn bản của tổ chức xã hội Trung Hoa, khép kín người đàn bà sau cánh cửa gia đình với các nguyên tắc tam tòng tứ đức, phu xướng phụ tùy.

Ta đang khảo sát liên hệ giữa đạo Phật và nữ quyền, và vì đạo Phật phát sinh từ Ấn Độ, ta sẽ tìm hiểu kỹ hơn lịch sử nữ quyền tại Ấn Độ. Nơi đây, nền văn minh xưa nhất là văn minh *Dravidian* của giống người sinh sống trước tiên, da đen, như người gốc Châu Phi. Hai nghìn năm trước Tây nguyên, bộ lạc Aryan tràn từ các cánh đồng Urals, miền ranh giới hai châu Âu Á ngày nay, xuống Ấn Độ, trước tàn sát một phần, sau đồng hóa người Dravidian lập lên nền văn minh Vệ Đà. Hai điểm quan trọng nền văn minh Vệ Đà để lại trên đất Ấn Độ cho đến ngày nay là ngôn ngữ và chế độ giai cấp gọi là *caste*. Hiện đại, ngôn ngữ Dravidian chỉ còn sót lại trong một vài bộ lạc nhỏ ở rừng núi miền Nam; khắp nơi khác trên lãnh thổ đều dùng ngôn ngữ Aryan (với cả nghìn thổ ngữ địa phương) gốc từ tiếng Phạn Sanskrit. Chế độ giai cấp caste dựa trên đức tin thần linh, và lấy ranh giới phân chia là màu sắc chủng tộc. Trong mỗi giai cấp caste, lại phân biệt *người đàn ông là chúa, người đàn bà là tôi*. Chỉ cần đơn cử ví dụ làm dễ hiểu là tục lệ hồi môn, gia đình nào sanh con gái phải làm việc đầu tắt mặt tối hoặc vay mượn cho được một số vốn làm của hồi môn để cho đứa con gái lúc 12, 13 tuổi có được tấm chồng. Về nhà chồng, nếu chồng chết trước, lại có tục lệ *sati*, buộc người góa phụ phải nhảy vào ngọn lửa khi hỏa thiêu để chết cháy theo chồng. Đó là môi trường sinh thái của nước Ấn Độ lúc đức Thích Ca dựng lên tôn giáo của Ngài.

Quan điểm về nữ giới thường được gán cho đạo Phật

Truyền thống dẫn ở trên buộc chúng ta nghĩ là đạo Phật tiêu cực đối với nữ quyền, và quan điểm này thường được dẫn chứng bằng hai mục: lời nói của đức Phật về người đàn bà, và hành động của Ngài khi tổ chức và điều hành.

Kinh *Mahaparinirvana Sutra* (Đại niết bàn) thuật lại lúc đức Phật gần nhập diệt trong làng Kusinara, ông Anandà là người đệ tử tín cẩn gần gũi Phật hỏi ngài người tu hành phải đối xử với người đàn bà như thế nào, đức Phật dạy "Phải luôn luôn đề cao cảnh giác." Kinh *Sattabhariya*, trong Tăng chi bộ kinh tóm lược những lời dạy của đức Phật về người đàn bà. Kinh chép đức Phật chia nữ giới làm bảy loại: ba loại dữ dằn, ba loại hiền lương, và loại cuối cùng đức Phật ưa chuộng là loại người nữ an phận trong nhà.

Kinh *Saddharmapundarika Sutra* (Diệu Pháp Liên Hoa) thuật chuyện ông Sariputta (Xá Lợi Phất), vị đệ tử có trí tuệ cao nhất của đức Phật, nhắc lại lời đức Phật dạy là người đàn bà bị ràng buộc trong hai loại giới hạn: *tam tòng* và *ngũ chướng*. Tam tòng ta thường hiểu là "tại gia tòng phụ; xuất giá tòng phu; phu tử tòng tử" (tại nhà, tuân theo cha mẹ; lấy chồng, theo chồng; chồng mất, theo con). Các điểm này ghi rõ trong sách *Lễ Ký và Khổng Tử gia ngữ* của người Trung hoa. Nơi đây văn minh Trung Hoa gặp truyền thống Ấn Độ, cũng nói đến tam tòng. Kinh Phật *Avatamsaka Sutra* (Hoa nghiêm kinh) và *Phật thuyết Ngọc gia nữ kinh* (Hán tạng, dịch từ Sanskrit), cũng ghi lại ba điều ràng buộc này của phái nữ trong đời sống của người Ấn (Yuichi, sách dẫn sau). Tổ chức xã hội Ấn Độ từ xưa do bổn luật Manu *(Manuvadharma Sastra)* điều ngự được xem là bổn luật xưa và khe khắc nhất trong lịch sử loài người, và cũng ghi rõ ba điều ràng buộc này của người đàn bà.

Ngũ chướng (chướng có nghĩa là cấm đoán, trở ngại) nói rõ là người phái nữ không thể nào trở thành năm bậc xuất phàm như các vị thần *Brahma,* thần *Indra*, thần *Hộ pháp*, bậc *Cakkravartin* (đại vương) và bậc *Bồ tát* (bồ tát là mục tiêu người tu hành hướng đến, để trở thành Phật).

Trong kinh cũng ghi rõ sự tích sau khi đức Phật chấp nhận cho nữ giới vào tăng đoàn, Ngài ân hận bảo là "nếu không có đàn bà, đạo Phật hưng thịnh được một nghìn năm; nay có ni đoàn, thời Mạt pháp sẽ đến sớm hơn năm trăm năm."

Ở trên là lời nói của đức Phật thường được dẫn ra. Hành động cũng chứng minh được quan niệm tiêu cực của đức Phật đối với giới nữ. Trong Luật Kinh *Vinaya Pitaka,* tập *Cullavagga* thuật lại sự tích thành lập ni đoàn. Bà dì của đức Phật tên là Mahapajati Gotami, người đã kết hôn với thân phụ đức Phật để thay thế mẹ đức Phật nuôi Ngài lúc nhỏ. Lúc vua Tịnh phạn mất, hoàng hậu Gotami đến gặp đức Phật lúc bấy giờ đang trú tại thành Ca-tì-la-vệ, xin cho bà và đoàn tùy tùng 500 người nữ theo bà được phát thệ làm nữ khất sĩ, "từ giã nhà cửa, sống cuộc đời nữ tu vô gia cư." Ba lần, đức Phật chối từ lời thỉnh nguyện. Phật giã từ Ca-tì-la-vệ sang thành Quảng nghiêm Vesali. Bà Gotama không nản lòng, xuống tóc, mặc nâu sồng, cùng với đệ tử đi chân đất theo đức Phật. Cùng với đệ tử, bà chắp tay đứng cầu nguyện ngoài cửa tịnh xá, chân sưng và lở loét vì đi bộ lấm bùn. Ông Anandà

thấy vậy, vào xin đức Phật, nhưng ba lần Ngài tiếp tục từ chối. Ông Anandà nghĩ ra một cách khác để xin đức Phật. Ông hỏi: "Bạch Thế tôn, nếu có người phái nữ sáng suốt tu luyện, dày công theo đúng phương pháp hành trì của Như Lai, người đó có đạt được chánh quả chăng?" Dĩ nhiên đức Phật trả lời được. Anandà dẫn chứng tác phong và hạnh nguyện của bà Gotami, và đức Phật không thể từ chối nữa. Tuy vậy, Ngài cũng đặt ra một bổn điều kiện riêng biệt gọi là *garudhamma* gồm có tám điểm người nữ tu phải tuân hành khi vào ni đoàn (Encyclopedia of Buddhism QIII, trang 43):

1. Người nữ tu, cho dù già trăm tuổi, khi gặp một nam tu sĩ, phải đứng dậy chào, thăm hỏi khiêm cung, dù cho người nam tu sĩ còn trẻ và mới được tấn phong.
2. Người nữ tu sĩ chỉ có thể trú ngụ nơi nào người nam tu sĩ đã ở qua;
3. Chỗ hội hằng nửa tháng của ni đoàn phải do một người nam tu sĩ chỉ định;
4. Sau kỳ kiết hạ (hết mùa gió nồm) nữ tu phải tự kiểm thảo trước hai tăng và ni đoàn;
5. Khi nữ tu phạm tội, phải sám hối trước hai tăng và ni đoàn;
6. Nữ tụng sinh (sikkhamana) sau hai năm học Luật kinh phải được tấn phong làm samaneri trước hai tăng và ni đoàn;
7. Nữ tu không bao giờ được tố cáo hay nặng lời với một nam tu sĩ;
8. Nữ tu không được phiền trách nam tu; trái lại nam tu có quyền trách mắng nữ tu.

Đọc bổn luật Garudhamma, khó lòng ta dấu được cảm tưởng là đức Phật trọng nam khinh nữ. Cảm tưởng này càng dứt khoát khi ta khảo sát một bổn kinh Đại thừa *Nagadatta Sutra* (Long thi nữ kinh, thư mục Taisho Đại chính số 558, do thầy Pháp hộ Dharmaraksa dịch vào cuối thế kỷ Ba). Nagadatta (Long thi) là một người nữ tu theo hạnh bồ tát, nguyện đắc đạo thành Phật. Mara (Ma Vương) đến cám dỗ, hỏi rằng: "Đức Phật đã dạy người đàn bà muốn làm đại vương *cakravartin* cũng không được, sao nàng lại mất công tu đòi làm Phật?" Long thi vẫn cương quyết không ngã lòng. Tâm nguyện của nàng làm cảm động Phật Thích Ca, Ngài phóng hào quang biến bà thành đàn ông, hầu đạt chánh quả. Câu chuyện biến xác trong kinh dẫn chứng tối hậu là giáo lý nhà Phật giữ ưu thế cho người nam trong việc tu hành đắc đạo, vì người nữ muốn đạt tới kết quả tối hậu, phải biến xác thành đàn ông.

Đi tìm lời dạy đích xác của đức Phật về nữ giới

Như trên, kinh sách dẫn bằng chứng qua lời và qua pháp của đức Phật về ưu thế tạo cho người đàn ông và đặt nữ giới vào thế yếu kém. Một mặt khác, cũng qua kinh ta nghe nói cả nghìn lần Phật Thích Ca khẳng định trong mỗi chúng sanh có mầm mống của một vị Phật sẽ thành, chúng sinh bình đẳng bao gồm muôn vật, từ loài khổng long đến li ti sinh vật. Nếu tin theo kinh đã dẫn, người đàn bà bị đức Phật loại ra ngoài, xem như một sinh vật không bình đẳng. Làm thế nào ta giải thích được mối mâu thuẫn giữa vế bên này, là cái nhìn bao la thâm hậu, cực kỳ cởi mở của đức Phật về chúng sanh, và vế bên kia là các dữ kiện thâu lượm từ trong kinh sách bao nhiêu đời trước đã gán cho đức Phật đã nói và đã làm đi trái với nữ quyền? Phương cách duy nhất là *phân tích lô-gíc từng điểm một về lời và về Pháp* để giải cởi mâu thuẫn, tiến tới ánh sáng sự thật.

Trước khi vào phần luận thảo, tưởng cần phải nêu lên vài điểm nhận xét đại cương hầu dễ thỏa thuận và tránh được những điều biện giải gượng ép. Người đời nay như chúng ta hiểu lời Phật và Pháp Phật (pháp ở đây dùng nghĩ nguyên thủy là hành động) qua kinh điển. Nhưng kinh là gì và ta phải hiểu kinh thế nào dưới ánh sáng khoa học hiện đại? Chữ Phạn gọi kinh Phật là *sutra,* chữ Pali viết là *sutta,* có nghĩa là giây dùng để buộc. Kinh là văn tự chép những lời liên tục Phật dạy để hành trì gọi là Pháp. Lúc sinh thời đức Phật, tại Ấn Độ tuy đã có văn tự, nhưng ở dưới hình thể phôi thai, không mấy ai dùng. Đức Phật truyền bá Pháp, giảng giải bằng lời nói. Đệ tử lắng tai nghe và lập lại cho người không được nghe trực tiếp. Sau khi đức Phật mất, đệ tử họp đại hội, ngồi đọc kinh để san định, gọi là Đại hội kiết tập (sangiti). Một thời gian sau, kinh đọc trong sangiti được ghi qua văn tự.

Cho đến nay chưa có một điều nghiên nào minh chứng hai yếu tố quan trọng là *thời điểm* kinh Phật xuất hiện qua chữ và *văn tự* nào ghi chép bài kinh Phật đầu tiên. Về thời điểm, trường Phật giáo Nguyên thủy Tích Lan và Miến Điện khẳng quyết là kinh Phật được chép vào văn tự trước thời đại đế Asoka (A-Dục, 273-232 trước TN) và các bổn kinh hiện có tại Tích Lan là tài liệu chính thống. Học giả thế hệ mới không mấy tin tưởng vào giả thuyết này, vì trường Pali không nêu được một bằng chứng gì để yểm trợ mệnh đề. Về điểm văn tự, trường Tích Lan và Miến Điện cũng khẳng định bổn kinh Phật đầu tiên viết bằng tiếng Pali, vì đức Phật nói tiếng Pali, thuyết giảng bằng Pali, và do đó, kinh Pali là kinh chính thống. Các cuộc điều nghiên mới nhất dùng phương pháp khoa học cho biết là Pali trở thành văn tự sau thời vua Asoka, vì văn tự khắc trên trụ đá Asoka không phải là Pali. Lại nữa, đức Phật cũng không nói tiếng Pali, vì một thổ ngữ nhỏ như Pali, muốn trở thành văn tự và ngôn ngữ lớn, chắc chắn phải dựa trên một thổ ngữ thật lớn trong vùng, như tiếng nói Maghadi (Ma-cật-đà, nơi đức Phật thường sinh sống); trái lại Pali lại giống một thổ ngữ ở vùng Sanchi, cách xa quê hương đức Phật cả nghìn dặm. Các lý do vừa dẫn khiến người học Phật thắc mắc là Pali (ví như chữ Nho) đã có bao giờ được dùng để "nói" chăng, và ít người còn dám đoan quyết kinh Pali, được truyền tụng và giữ gìn như quốc bảo tại Tích Lan phải diễn tả được rất gần lời dạy của đức Phật. Tuy vậy, từ niết bàn (năm Phật nhập diệt) cho đến khi đạo Phật vào Tích Lan thời gian tính ra dài ba trăm

năm; từ khi kinh Phật vào đến Tích Lan (chắc hẳn là truyền tụng bằng lời) cho đến khi chuyển qua văn tự Pali (vào đầu kỷ nguyên Tây lịch), phải dài hai trăm năm nữa. Trong một nửa thiên niên, kinh truyền tụng bằng lời, rồi biên chép bằng một văn tự mới phôi thai, tất cả chưa vào hệ thống, làm sao xác quyết được là kinh Pali mỗi khi ghi vào lá bối, hoặc khắc vào mặt đá đã không bị thêm, bớt, đổi, thay?

Số phận các bản kinh Đại thừa, chép bằng văn tự Sanskrit lại càng khó khăn hơn nữa. Vào sinh thời đức Phật, Sanskrit là ngôn ngữ và văn tự của giai cấp tôn giáo và quý tộc Bà-la-môn, đã tạo lên nền văn minh Sanskrit. Các đạo quân Hồi giáo tràn vào Ấn Độ, gây cuộc chiến tranh chinh phục dài bốn trăm năm, hủy diệt trọn vẹn nền văn minh Sanskrit, đi đến đâu cũng "đốt sạch kinh tà đạo" (tức là kinh Phật giáo), và "chôn lũ trọc đầu" (tức là tăng ni Phật giáo). Kinh Sanskrit sau đó không còn một bổn nào tại đất Ấn. May thay, một số đi thoát được lên phía Bắc sang Tây Tạng, rồi tiếp tục theo con Đường Lụa sang Trung Hoa. Nước Tây Tạng đến thế kỷ thứ Tám mới có văn tự để dịch kinh Sanskrit sang ngôn ngữ Tây Tạng. Nước Trung Hoa, một nghìn năm sau niết bàn mới có các vị đại sư Ấn Độ sang truyền giáo dịch kinh. Việc phiên dịch thực hiện trong những điều kiện đặc biệt về thời gian như vậy, lại dựa vào kỹ thuật thính, thị, ghi chép, và ấn loát rất yếu lược, làm sao ta dám xác quyết là kinh Sanskrit mỗi khi ghi vào lá bối, hoặc giấy lụa, hoặc khắc trên mặt gỗ mặt đá đã không bị thêm, bớt, đổi, thay?

Thêm một điểm cần ghi nhận nữa là người xưa trong hai nền văn minh Ấn Độ và Trung Hoa rất chuộng chữ nghĩa. Một mảnh giấy vụn có viết chữ ở trên cũng được cất giữ, không vứt bỏ. Kenneth Ch'en phụ trách chương trình nghiên cứu đạo Phật tại Đại học Princeton trong thập niên bảy mươi, ví người Tàu đi tìm kinh Phật như ngư phủ "quẳng lưới ra biển rồi vơ vét đủ hết cá lớn, cá bé, nghêu hào, sạn cát..." Thế cho nên ta cần ghi nhớ kinh Phật Pali hay Sanskrit là công trình tư duy, suy luận, tưởng tượng cao siêu nhất của loài người, nhưng đồng thời cũng cần ghi nhớ phải tìm học kinh Phật với trí óc suy luận để gạn lọc.

Gạn lọc cũng chưa đủ. Đến với kinh Phật, ta phải sẵn có tâm trí cởi mở và uyển chuyển. Bởi lẽ thời nguyên thủy, đức Phật đặt ra giường mối của giáo lý, Ngài ví như một nhà họa sĩ lớn, phóng lên khung lụa những nét chấm phá tài tình, sắp đặt đại cuộc và cố ý để cho người đến sau *"ngộ"* đạo lớn, noi theo giường mối căn bản mà khai triển và biện giải. Người đến sau như Asangha (Vô trước), Vasubandu (Thế thân) cách niết bàn năm trăm năm; như Nagarjuna (Long thọ) cách niết bàn bảy tám trăm năm; như Bodhidharma (Bồ-đề-đạt-ma), Trí Khải, Đỗ Thuận, cách niết bàn hơn nghìn năm. Lại chưa kể người ở bên Tàu, người ở bên Ấn, không phương tiện truyền thông, làm sao tránh được dị kiến hay mâu thuẫn trong lúc khai triển và biện giải?

Bây giờ sẵn có cái nhìn thông suốt và uyển chuyển về đại cương kinh Phật như vậy, ta trở lại cuộc đối thoại giữa đức Phật và ông Anandà là người đã thuật lại lời nói tiêu cực của Ngài đối với phụ nữ. Theo Alfred Foucher, người lãnh đạo chương trình nghiên cứu đạo Phật của giới khoa học Pháp tại Á Đông vào đầu thế kỷ hai mươi, cuộc đối thoại xảy ra "trên giường bệnh, lúc đức Phật sắp nhập diệt":

"Bạch Thế Tôn, con phải xử sự thế nào đối với người phụ nữ?"

"Đừng giao tiếp với họ."

"Nhưng mà, bạch Thế Tôn, làm sao tránh không gặp được?"

"Anandà ơi, nếu gặp thì tránh đừng chuyện trò."

"Thế họ nói với con thì sao?"

"Chỉ có cách là luôn luôn đề cao cảnh giác." (A. Foucher: *La vie du Bouddha, Payot Paris 1949, trang 266)*

Anandà là đệ tử thân tín, "chân tay" của đức Phật. Ông thuộc dòng họ Thích Ca, người thuần hậu và giống đức Phật, ông có nhân cách quyến rũ và thu hút quần chúng. Anandà lại trẻ đẹp, rất xinh trai nên được giới nữ lắm ái mộ. Kinh thuật nhiều lần vì tính tình dễ dãi, ông bị vài người đàn bà mất nết quyến rũ. Đức Phật biết được nên đã dùng phép thần thông tháo gỡ ông ra khỏi tội lỗi. Kinh còn bảo đức Phật nhìn được tiền kiếp của Anandà, biết là ông đã phạm tội bỏ vợ bỏ con. Bởi những lý do trên, tuy đức Phật rất yêu mến người đệ tử trung kiên, Ngài cũng đã chối từ không nâng ông lên cấp bậc la-hán, trước khi Ngài nhập diệt.

Từ đó, ta thấy được mạch lạc của vấn đề. Câu hỏi của ông Anandà đặt ra chỉ để hỏi riêng đức Phật về hành trì của ông, và đức Phật cũng chỉ trả lời riêng cho Anandà căn cứ trên điểm Ngài hiểu biết quá cặn kẽ tính tình của Anandà. Đức Phật chỉ lập lại lời dặn riêng của Ngài cho người đệ tử Ngài yêu mến. Lẽ ra, ông Anandà không nên đặt câu hỏi như vậy trong lúc đức Phật sắp lâm chung, lại càng không nên lặp lại lời nói này của Ngài cho đại chúng, xem như một lời Pháp của đức Phật, áp dụng cho mọi chúng sanh phái nam, cần phải né tránh đàn bà. Ông Anandà là người "thật như đếm;" nhờ ông mà kinh ghi được đúng lời Phật dạy, nhưng cũng vì ông mà lắm khi đức Phật bị hiểu lầm. Trường hợp này là điển hình.

Một lời nói khác trong kinh Phật, được xem là coi nhẹ người phái nữ, ghép người nữ vào bảy mô hình, từ gian ác trộm cắp đến thục hạnh hiền lương, và mô hình được đức Phật chuộng là người đàn bà an phận thủ thường. Học giả người Nhật Y. Iwamoto trong sách *Buddhism and Women* (Regulus, 1980) sưu khảo kinh và giải thích cặn kẽ điểm này. Theo ông, có sáu cuốn kinh ghi chép ý kiến của đức Phật chia nữ giới làm bảy loại:

1. Kinh *Anguttara-nikaya* (Tăng chi bộ kinh), mục Nữ giới *Sattabhariya* (Bảy loại phụ nữ), Pali tạng;

2. Kinh *Ekottaragama* (Tăng nhất a hàm), Hán tạng;

3. Kinh *Asokadattavyakarana,* Hán tạng là A-sou-ta-ching (A thuật đạt kinh);

4. Kinh *Phật thuyết Ngọc gia nữ,* Hán tạng;

5. Kinh *Ngọc gia nữ,* Hán tạng;

6. Kinh *Ngọc gia,* Hán tạng.

Kinh dẫn 1 thuật chuyện đức Phật lưu trú trong nhà ông Anathapindica (Cấp-cô-độc), răn dạy người con dâu của ông lão tên là Sujata (Tu-xà-đà), người học Phật rất quen thuộc. Đức Phật phân nữ giới làm bảy hạng: a) người gian ác; b) người tham lam trộm cắp; c) người lắm lời hiếu thắng; d) loại hiền lương làm bà mẹ tốt; e) loại hiếu thuận, làm chị em tốt; f) loại dịu dàng nhẫn nhịn làm người bạn tốt; và g) loại an phận thủ thường vui sống trong gia đình. Ba loại trên sẽ bị trừng phạt mãi trong cõi luân hồi; bốn loại dưới nếu khéo tu sẽ đạt chánh quả. Kinh lại còn ngụ ý là đức Phật chuộng loại người nữ sắp hạng cuối cùng, vì kinh dẫn là Sujata, sau khi nghe thuyết giảng ước nguyện được sống như loại đàn bà số bảy.

Kinh dẫn 2, "Ekottaragama," chia người nữ làm bốn loại đơn giản hơn: người có thiên chức làm mẹ; người tần tảo làm rường cột gia đình; người có tính tình ương ngạnh hung dữ; người biết an phận thủ thường.

Kinh dẫn 3, "Asokadattavyakarana", nhắc lại cái nhìn của đức Phật về bảy loại phụ nữ như trong kinh dẫn 1.

Kinh dẫn 4, "Phật thuyết Ngọc gia nữ kinh", đặc biệt nói về người đàn bà có chồng, phân giới nữ làm năm hạn: a) yêu và bảo trợ chồng như con; b) kính sợ chồng như vị chúa tể trong nhà; c) nể vì chồng có hạn, như người anh lớn; d) làm tôi đòi để hầu hạ chồng; và e) yêu thương xem chồng như một nửa linh hồn của mình đã được tách vào da thịt khác.

Kinh dẫn 5 và 6 tuy tên gọi nhắc lại rất gần cuốn kinh dẫn 4 trên, nhưng việc phân loại lại dựa vào kinh dẫn 1. Ba cuốn kinh dẫn 4, 5, 6 còn kể lại mười điều bất hạnh của người đàn bà trong xã hội Ấn Độ ngày xưa: 1) sinh con gái, cha mẹ không vui mừng, lấy làm điều bất hạnh; 2) có nuôi nấng cũng là điều bất đắc dĩ; 3) khôn lớn phải lo lắng việc gả chồng; 4) có chồng, đi khỏi nhà một bước cũng phải xin phép tắc; 5) khi lấy chồng, phải đoạn tuyệt với gia đình cha mẹ; 6) phải sống nhờ cậy nhà chồng; 7) mang thai rất nặng nhọc; 8) sanh nở rất hiểm nguy; 9) lúc nào cũng nơm nớp sợ chồng bỏ; 10) suốt đời làm vợ và làm mẹ không có chút tự do.

Kinh dẫn 4 còn nhắc lại ba điểm ràng buộc tam tòng đã nói ở trên.

Học giả Iwamoto giải thích chi tiết việc sắp hạng người nữ trong những cuốn kinh trên và diễn giảng điều kiện sinh hoạt kinh nói về mỗi loại. Iwamoto phân tích các điểm kinh nói về số phận bi đát của người đàn bà và chứng minh là chỉ có kinh Phật cho đến lúc bấy giờ mới nói lên những mối thương tâm chồng chất từ bao nhiêu đời trước, do cái quan niệm bất bình đẳng gây ra. Iwamoto kết luận là tựu chung, nếu đọc và hiểu được các đoạn kinh nói về người nữ, ta thấy rõ là đức Phật diễn giảng cho đệ tử cái quan niệm từ muôn đời trước và cái quan niệm đương thời về người đàn bà. Ngài không chấp nhận thực trạng đọa đày của nữ giới, mà trái lại, Ngài muốn cho người đương thời thấy rõ các điểm tốt đẹp, các điều thiện trong tư thế, nhân phẩm của người đàn bà, khác xa cái hình ảnh xấu xa và tác hại mà xã hội truyền thống Ấn Độ đã gán cho người nữ. Người đời sau đọc kinh, quên mất cái thế liên tục trình bày gắn bó một quan niệm của đức Phật, và chỉ dẫn những điều họ muốn dẫn là cái vị thế yếu kém của người đàn bà.

Trích dẫn từng đoạn như vậy mà không nhắc tới đại thể là vô tình hay cố ý làm sai lạc ý kiến của đức Phật, khiến cho đại chúng đến sau hiểu làm.

Tưởng ta có thể tạm gác điểm này, đi sang một điểm khác cũng rất quan trọng, đã gây nhiều thắc mắc và biện giải giữa những người học Phật, bảo rằng chính đức Phật đã nói người đàn bà không thể tự giải thoát khỏi luân hồi để trở thành Phật. Lời nói này được dẫn từ ba bộ sưu tập kinh: 1) các bộ kinh mô tả việc bà Dì của đức Phật thành lập ni đoàn; 2) kinh *Ekkottarayama* (Tăng nhất a-hàm, đã dẫn trên, thuật lại sự tích nàng công chúa Muni); và 3) kinh *Tứ phẩm Pháp môn,* thuộc Hán tạng.

Trong số học giả nghiên cứu vị thế của người đàn bà trong đạo Phật và chú trọng tới câu nói này của đức Phật, ta phải kể trước tiên hai nhà khảo cứu phái nữ, bà I.B. Horner tác giả cuốn *Women in Primitive Buddhism* ("Địa vị người Đàn Bà trong Đạo Phật Nguyên thủy", Routledge and Kegan, London), xuất bản từ năm 1930, và bà Diana Mary Paul, tác giả sách *Women in Buddhism* ("Địa vị người Đàn bà trong Đạo Phật", Lancaster Miller, Berkeley, 1980) nối nghiệp công trình nghiên cứu của tác giả trước, năm mươi năm sau. Trường Đại thừa Nhật bổn có học giả Kajiyama Yuichi xuất bản tập khảo luận *Women in Buddhism* ("Eastern Buddhism Review", Vol XV, #2) phân tích công trình nghiên cứu của Horner và Mary Paul đưa thêm một số nhận thức mới, dựa vào dữ kiện khoa học. Cả ba tác giả đều dùng phương pháp nhận định *thời điểm và xuất xứ* khi một cuốn kinh Phật xuất hiện và được đem vào Đại tạng, hầu có thể phân biệt mỗi chi tiết và sự kiện trong kinh phải được hiểu là chân hay giả.

Muốn hiểu rõ phương pháp các tác giả trên đã dùng, ta cần giản lược giải thích việc phân chia các trường phái trong đạo Phật là nguyên do gây ra số lượng khổng lồ kinh điển. Đại đế Asoka (A dục) đưa đạo Phật lên mức cực thịnh. Khi ông mất, tăng già chia làm hai phái, *Sthaviravada* (Thượng tọa bộ), thiểu số gồm những người bảo thủ, và *Mahasamghika* (Đại chúng bộ), gồm đa số tì kheo, tì ni và tín đồ. Trong các thế kỷ nối theo, từ mỗi phái sẽ phát sinh ra vô số trường phái mới. Mỗi trường phái sinh ra vô số trường phái mới. Mỗi trường phái dùng một số kinh điển họ cho là chính thống và áp dụng một số luật tu họ cho là thích hợp với hoàn cảnh

riêng, không còn thống nhất như cũ. Dưới thời đại đế Asoka, hoàng tử Mahinda đem đạo Phật sang Tích Lan đem theo kinh và luật thuần túy thuộc Thượng tọa bộ Sthaviravada, sau đổi tên là Theravada, tức là Phật giáo Nguyên thủy ngày nay. Trường Đại chúng bộ Mahasamghika còn lại ở Ấn Độ tràn lên hướng Bắc, qua miền Trung Hoa. Kinh điển nhà Phật sang Tàu được giữ trong bốn bộ sưu tập lớn, gọi là *a-hàm,* viết bằng chữ Phạn *Sanskrit,* dịch sang Hán văn, làm căn bản của giáo lý *Bắc tông.* Số kinh điển nhà Phật sang Tích Lan được chuyển vào văn tự Pali, gồm năm bộ sưu tập lớn, làm căn bản của giáo lý Nam tông.

Học giả kinh Phật nói chung đã thỏa thuận trên một điển căn bản để nhận định, là nếu có một đoạn kinh, cuốn kinh, bộ kinh, hay một chi tiết trong kinh mô tả một sự kiện gì, mà ta tìm được đủ trong hai hệ thống, thì đoạn hoặc cuốn, hoặc bộ kinh hay chi tiết sự kiện đó phải được xem là đã xảy ra được ghi chép vào kinh trước thời kỳ phân chia tông phái. Trái lại, chi tiết nào hay bộ kinh nào tìm được trong kinh Pali mà không thấy trong Hán tạng a-hàm, hoặc là có trong Hán tạng a-hàm mà tìm không thấy trong hệ thống Pali thì phải xem như đã được đem vào, ghép vào kinh điển sau thời phân chia tông phái. Nhờ chi tiết kỹ thuật này, mà học giả Phật giáo ấn định được tuổi và xuất xứ của một số kinh điển để phân biệt được giả chân.

Bây giờ hiểu rõ phương pháp phân tích trên, ta trở lại lời nói của đức Phật "đàn bà không thể đạt chánh quả vì bị *ngũ chướng*". Lời nói này được dẫn từ ba bộ sưu tập kinh. Sưu tập dẫn một gồm ba tập: tập Luật kinh *Ngũ phần Luật* (Mahisakasa), tập *Gotami Sutra,* và tập *Cổ đàm di ký quả kinh.* Sưu tập dẫn hai rút trong *Tăng nhất a hàm* (Ekottaragama) ghi chép sự tích nàng công chúa Muni. Sưu tập dẫn ba gồm tập *Bahudhatu Kasutta* và tập *Ngũ phẩm Pháp môn kinh.*

Tất cả ba bộ kinh trong sưu tập một đều thuật lại sự tích hoàng hậu Gotami (dì và mẹ kế của đức Phật) thành lập ni đoàn, và vào đoạn cuối của ba bộ kinh, thấy ghép vào lời nói của đức Phật, cho là người phái nữ bị ngũ chướng trói buộc. Phần ghép này vào cuối sách được chứng minh không phải ở trong kinh từ nguyên thủy. Các tác giả dẫn chứng là sự tích hoàng hậu Gotami thành lập ni đoàn cũng được ghi với mọi chi tiết phù hợp trong ba bộ kinh khác: kinh *Anguttara Nikaya* (Tăng chi bộ kinh), kinh *Cullavaga,* và bộ Luật kinh *Dharmaguptaka* (Hán tạng gọi là Tứ phần Luật), nhưng trong ba bộ kinh sau hoàn toàn không nói tới điều ngũ chướng của người đàn bà.

Sưu tập hai được dẫn để chứng minh câu nói "đàn bà bị ngũ chướng" rút trong Hán tạng *Tăng nhất a hàm* Ekottaragama. Đoạn kinh này thuật lại sự tích nàng công chúa Muni. Sự tích công chúa Muni cũng được thuật lại với mọi chi tiết không chút khác biệt trong bộ *Hiền ngu kinh* (bổn dịch của Max Muller: "Sutra of the Wise and Foolish"), và trong bộ kinh này hoàn toàn không nói tới điều ngũ chướng.

Sưu tập dẫn ba gồm kinh *Bahudhatuka Sutra* (hệ Pali) và kinh *Ngũ phẩm Pháp môn* (Hán tạng). Kinh Pali so sánh những điều thiện và bất thiện giữa hai giới nam và nữ; trong những điều bất thiện của nữ giới, có ngũ chướng. Bên Hán tạng, tương ứng với kinh Bahudhatuka có hai tập: *Madhyamagama* và tập *Tứ Phẩm Pháp môn,* do Thầy Pháp Hiển dịch 1500 năm sau niết bàn. Bổn dịch trên hoàn toàn không nói tới ngũ chướng; bổn dịch của Thầy Pháp Hiển ghi mục ngũ chướng. Các nhà học giả cân nhắc, kết luận đoạn ghép ngũ chướng do đời sau thêm thắt vào.

Ngoài ba bộ sưu tập trên, giáo sư Kajiyama Yuichi còn dẫn một cuốn kinh thuộc hệ Pali trong Anguttara Nikaya nói tới ngũ chướng. Kinh này không có bổn tương đương trong Hán tạng, nên không đủ yếu tố để so sánh.

Ngần đó, qua phương pháp phân tích so sánh, các tác giả trên kết luận là ý niệm ngũ chướng tìm được trong một số kinh sách, khi có trong tạng Pali lại thiếu trong Hán tạng, hoặc ngược lại, có trong Hán tạng lại thiếu trong Pali tạng, chứng minh được là ngũ chướng không phải là lời dạy của đức Phật vào thời nguyên thủy, mà chính là do đời sau đem vào kinh.

Bây giờ, ta khảo sát một câu nói khác trong kinh, gán cho đức Phật bi quan với thân thể người nữ, cho là nếu không có ni đoàn, đạo Phật hưng thịnh được một nghìn năm; vì có ni đoàn, thời mạt Pháp sẽ đến năm trăm năm sớm hơn. Câu nói này được thuật ở đoạn sau cuốn kinh nói về việc thành lập ni đoàn do Bà Gotami đảm trách (Kinh Cullavagga, trong đại tập Luật kinh Vinaya Pitaka). Đem áp dụng phương pháp định tuổi kinh sách Phật, học giả người Nhật Kajiyama Yuichi và giáo sư Nakamura (trong sách *Indo Kodaishi,* "Ấn Độ Cổ sự ký") dẫn chứng là các cuốn kinh nói về sự tích Bà Gotami thành lập ni đoàn đều viết vào khoảng 500 năm sau niết bàn. Đức Phật, đại sư Nakamura dẫn, giác ngộ dưới gốc cây bồ đề năm 423 trước Tây Nguyên. Năm năm sau, 418 trước TN, ni đoàn được thành lập. Các cuốn kinh thuật lại việc thành lập ni đoàn viết 500 năm sau, tức là vào khoảng cuối thế kỷ một TN, vào lúc trường phái nguyên thủy ở Ấn Độ nhường bước cho trường Đại thừa đang phát triển mạnh. Vì phát triển mạnh, trường Đại thừa phải dựa vào sở hiếu cổ truyền của quần chúng trong xã hội Ấn Độ lúc bấy giờ đề cao địa vị người nam trên tư thế người nữ được đem vào kinh. Các nhà học giả người Nhật đoan quyết đó là sự thật để giải thích câu nói trong kinh mà đức Phật không bao giờ nói.

Ở trên ta đã đề nghị phân tích quan niệm trọng nam khinh nữ của đức Phật qua hai mục: lời nói gán cho Ngài và hành trì lúc hoằng Pháp. Ta đã chứng minh rõ là lời nói khinh mạn nữ giới gán cho đức Phật hoàn toàn do người đời sau vô tình hay dụng ý đem vào kinh. Bây giờ ta nhìn vào hành động của đức Phật, được xem là khinh nhẹ người nữ.

Đức Phật chấp nhận cho Bà Gotami thành lập ni đoàn với điều kiện người tỉ kheo ni (bikkhuni)

phải tuân hành tám điều giới luật đặc biệt gọi là *garudhamma* (xem phần trên), ngoài những giới luật của người tỳ kheo trong tăng đoàn. Từ năm 1930, lúc tác phẩm của tì kheo ni I.B.Horner (về sau làm chủ tịch Hội The Pali Text Society ở Luân Đôn) ra đời, đi tiên phong trong vấn đề nữ quyền Phật giáo, cho đến cuối thập niên Tám mươi, rất nhiều công trình nghiên cứu yểm trợ lập trường của Bà Horner đã được thành hình, và kết quả được công bố. Ta có thể tóm lược công trình nghiên cứu này vào ba nhóm: nhóm Ấn Độ/ Tích Lan, nhóm Nhật Bổn, và nhóm Tây phương.

Tiêu biểu cho nhóm Ấn Độ/Tích lan có giáo sư Rama Prasad Chaudhuri trong sách *Position of Women as in Early Buddhism Monasticism* ("Vị thế của Phụ nữ trong Tăng đoàn Nguyên thủy"), viết trong khoảng cuối thập niên Ba mươi, và Bà L.S. Dewaraja, giáo sư Đại học Colombo trong tác phẩm *The Position of Women in Buddhism* ("Địa vị Người Đàn Bà trong Đạo Phật," BPS, Kandy, Ceylan) viết năm 1981. Lập luận của các tác giả Á Đông, được tóm lược trong hai tác phẩm trên, tuy cứng rắn, nhưng vẫn đượm màu bảo thủ. Các tác giả cho rằng vào thời đức Phật, xã hội Ấn Độ đang ở vào trạng thái bán khai, các nơi cư ngụ thiếu an ninh, đầy rẫy trộm cướp. Người xuất gia phải rời bỏ gia đình, sống vô gia cư trong rừng rú. Người nam tu sĩ có thể tự vệ chống bọn cướp, thú dữ, rắn rết..., nhưng người tu nữ hoàn toàn không. Vả chăng ngay trong tăng đoàn nam giới, kỷ luật rất lỏng lẻo, vì làm thế nào duy trì được kỷ luật trong hàng chục hàng trăm nghìn người tự động bỏ gia cư, sống với chén cơm bố thí, khi thiếu thốn ăn lá cây vỏ cây, và không có một mảnh vải che thân. Vì vậy, mà đức Phật đã phải lập quy luật garudhamma, là một điều bất đắc dĩ, xét ra chính để bảo vệ người tì kheo ni. Các tác giả kết luận rằng người nữ tu phải hiểu đó là điều ràng buộc có ích lợi cho chính họ và cho đại cuộc, và không nên xem đó là một điểm kỳ thị của đức Phật. Nhưng, trên thực tế, khách quan nhìn kỹ, lấy đạo đức buộc người nữ nhìn cao tránh chấp nê thì dễ, mà chối bỏ được sự kiện kỳ thị đã quá rành rọt thì thật quá khó.

Trường Phật Đại thừa Nhật Bổn, sung túc về phương tiện nhân sự và nhu dụng để khảo sát, đã đạt tới một lập luận dễ thuyết phục người học Phật hơn. Trước tiên có giáo sư E.Ocho, học giả đạo Phật lừng danh viết cuốn *Phật giáo xử nữ giới* "Đạo Phật đối với Phái Nữ" xuất bản trước Thế chiến Hai, giải thích lập trường của đức Phật xem nhẹ người nữ bằng hai điểm. Thứ nhất, vì tăng đoàn nam giới được thành lập trước, đã thành công và đang phát triển mạnh, bắt buộc phải làm gương mẫu cho ni đoàn đến sau. Do đó, vì nhu cầu tổ chức và điều hành, phải buộc người tì kheo ni chịu một số thiệt thòi. Thứ hai, lý do đức Phật lập bổn quy luật cho người nữ tu khắc nghiệt hơn, là vì người nữ bẩm sinh dễ gần tội lỗi.

Mặc dù uyên bác, giáo sư Ocho cũng đã dùng lập luận bảo thủ của nhóm Ấn Độ/Tích Lan đã nói ở trên. Cả hai điểm nêu lên đều bị người đồng môn nghi ngờ không đứng vững. Thứ nhất, đạo Phật ngày đó tại Ấn Độ, lớn mạnh cùng một lượt với đạo Jain; trong đạo Jain nam tu đoàn cùng với nữ tu đoàn vẫn lệ thuộc và bị đánh giá thấp hơn nam tu đoàn. Vậy, chắc chắn không phải vì nam tu đoàn thành lập trước mà người nam tu được giữ vị thế cao hơn người nữ tu. Thứ hai, người phụ nữ đi tu bẩm sinh không mang tội lỗi gì nhiều hơn người đàn ông. Nếu đọc kỹ kinh Đại thừa, ta sẽ tìm được bao nhiêu chứng cớ buộc tội người nam tu sĩ vô hạnh, phá hoại thanh danh tăng đoàn. Trái lại, về phía nữ tu, hầu như không thấy người nữ xuất gia phạm tội.

Quan điểm bảo thủ của giáo sư Ocho tức thời được một vị đại sư khác Dharmananda Kosambi phủ nhận. Ông đi vào chiều sâu của vấn đề, đưa ra nhận định dứt khoát là tập quy luật tám điểm garudhammara không phải do chính đức Phật ban bố, mà do các nhà tu sĩ nam giới đời sau, muốn bảo vệ quyền lợi của riêng mình hay của tập đoàn nam tì kheo, hay vì nhu cầu đặc biệt do hoàn cảnh tạo nên, đã đặt ra, ghép vào kinh, trình bày như lời dạy của đức Phật. Đại sư hỗ trợ lập luận của mình bằng nhiều bằng chứng. Ta thử nhìn một bằng chứng của đại sư để được thuyết phục. Trong kinh điển ghi rõ là đức Phật có sẵn một lề lối không di dịch để tạo ra các điều luật ghi vào Luật kinh Vinaya. Đó là Ngài để cho đời sống tăng đoàn tự nhiên diễn tiến; khi xảy ra một biến cố gì cần phải can thiệp, trong các buổi họp *uposatha* của tăng đoàn, vấn đề được đem ra thảo luận chung, lấy sự đồng ý tập thể, trình lên đức Phật quyết định tối hậu và ban bố thành luật. Trong kinh có kể chuyện ông Sariputta (Xá-lợi-phất), khi tăng đoàn mới thành lập, nhiều lần xin đức Phật ban bố dứt khoát một bổn Luật Kinh gồm đủ mọi điều cho việc điều hành đời sống tập thể được gọn gàng. Đức Phật trả lời: "Xá-lợi-phất, người nên nhẫn nại. Như lai biết rõ lúc nào nên ban bố điều luật. Ngày nào chúng tăng không ai phạm lỗi mới, ta không thể đặt luật để ngăn chận điều ác chưa xảy ra."

Trường hợp bổn quy luật garudhamma khác hoàn toàn quy lệ thông thường đức Phật làm luật. Nữ tăng đoàn mới thành lập, chưa ai phạm lỗi gì, sao đã phải có những điều luật hạn chế? Từ đó mà ta tin chắc là luật garudhamma không hề do đức Phật ban bố vào thời kỳ nguyên thủy. Đời sống tăng đoàn vì phát triển nên ngày ngày thêm phức tạp. Những người phụ trách tăng đoàn đến sau đức Phật thiếu hẳn uy tín của Ngài, lại không có cái nhìn bao dung thâm hậu như Ngài nên đã đem một số ràng buộc thiếu ý thức vào Luật kinh, mà bổn garudhamma là ví dụ điển hình.

Nhóm người nghiên cứu thứ ba phương Tây lại càng khe khắc hơn. Họ nhất quyết buộc tội các vị nam tu sĩ chính là tác giả mục điều luật hạn chế sinh hoạt hành trì của người nữ tu. Điển hình là hai vị học giả lừng danh trong đạo Phật, Bà C.A.F. Rhys Davids và nữ tu I.B.Horner. Bà Rhys Davids phán đoán như dao chém vào gỗ:

"Một trong những điều khó khăn nhất khi diễn dịch kinh Pali chính vì kinh có nhiều chỗ xuất xứ khác nhau, có nhiều chỗ sửa chữa, viết lại, nhìn qua thấy rõ ràng là đã bị thay đổi do các vị tì kheo đến sau. Ta phải nhận cho rõ những nơi thay đổi do người đời sau gây ra hầu có thể tìm cách điều chỉnh. Do đó, nhiều đoạn kinh thiên vị rõ ràng nam giới, thiên vị rõ ràng tăng đoàn (so với cư sĩ), thiên vị rõ ràng người đàn ông so sánh với người đàn bà, và ác đoạn kinh này được cố tình trình bày như chính là lời đức Phật." (Trích trong Bài tựa của Bà Rhys Davids viết đầu cuốn sách *Women under Primitive Buddhism,* đã dẫn ở trên).

Nữ học giả I.B.Horner chứng minh rằng phương pháp phân tích là trong khoảng sinh thời đức Phật, việc phân biệt giữa nam tì kheo và tì kheo ni không bao giờ đặt ra, đàn bà cũng như đàn ông đều có thể trở thành a-la-hán. Sau khi đức Phật nhập diệt, đạo chia thành nhiều trường phái, thời kỳ gọi là Hinayana bắt đầu, sinh ra mối tin tưởng là người nữ không thể tu thành chánh quả. Vào khoảng đầu Tây Nguyên, trường Đại Thừa Mahayana hưng thịnh, lại có niềm tin mới là người nam và nữ bình đẳng trong việc hành trì, vì tất cả yếu tố nam hay nữ đều là *"không"* (theo thuyết Bát nhã). Trường Đại Thừa lại làm phấn khởi niềm tin ở đức Phật A-di-đà, hết sức thông cảm sự hèn yếu của người đàn bà, và dạy là tất cả người nữ chỉ niệm danh A-di-đà là được tái sanh ở Tây phương cực lạc. Do đó, địa vị người đàn bà được tái tạo và vô cùng ưu đãi.

Lý luận đanh thép, dựa trên dữ kiện, buộc ta tin là các điều mục đặt ra các luật lệ khe khắc làm giảm giá trị người nữ tu *không phải do đức Phật quyết định vào thời nguyên thủy.*

Một điều khoản khác làm cho đời sau trách cứ đức Phật thiếu công bằng với người nữ là việc đổi xác: người đàn bà tu đắc đạo, muốn thành Phật, phải đổi xác thành người đàn ông. Ở trên, ta đã thuật chuyện nàng Long thi trong "Long thi nữ kinh." Theo giáo sư Naresh Mantri trong tập *On Women Attaining Buddhahood* ("Luận về Người Đàn Bà đắc Đạo", Young East Review, 1962), sự tích người nữ đắc đạo phải biến xác được thuật lại trong nhiều bổn kinh Phật, ngoài bổn "Long thi nữ kinh": Kinh *Saddharmapundarika Sutra* ("Diệu Pháp liên hoa") kể chuyện nàng công chúa Nara phải hóa thân thành người nam để đắc đạo; kinh *Astarahasrika Prajnaparamita* kể chuyện đức Phật biến xác cho nàng Gandadeva thành Phật; kinh *Shamadiraja Sutra* kể chuyện đức Phật hóa thân cho Suvarnapuspa thành Phật. Nhiều sự tích khác về việc hóa thân thành Phật cũng được ghi trong các bộ kinh Hán tạng. Giáo sư Mantri cũng tóm lược trong bài dẫn trên các điểm người học Phật giải thích từ trước đến nay bào chữa lập trường bình đẳng nam nữ trong kinh Phật, mà ta có thể dẫn vài trường hợp.

Vào khoảng đầu kỷ nguyên Tây lịch, trường phái Đại thừa phát triển mạnh, có vô số nữ tín đồ tình nguyện xuất gia. Ngày đó, tôn giáo sống dưới chế độ quân chủ, và triều đình vua chúa sống hoàn toàn trong không khí đạo giáo. Bởi lẽ đó, người lãnh đạo tôn giáo phải tìm một lối thoát cho mối mâu thuẫn trong giáo lý. Một bên, phải làm cho người đàn bà tin Phật hiểu là họ được giải thoát; một bên là không thay đổi được ý niệm ngũ chướng đã được đem vào kinh từ trước (người nữ không thể thành đại vương cadravartin, và thành bồ tát), và ý niệm này là căn bản của đời sống vua chúa trọng nam quyền. Vậy, chỉ còn cách tạo ra ý niệm đổi xác, làm cho người đàn bà hóa ra đàn ông trước khi đạt chánh quả.

Cũng vào thời kỳ này, năm trăm năm sau niết bàn, trong trường phái Đại thừa, dựng lên niềm tin mãnh liệt vào ý niệm tha lực của đức Phật A-di-đà, Bà Horner vừa nói ở trên. Cõi cực lạc phương Tây, nơi đức Phật A-di-đà đang giáo hóa, được Phật Thích Ca tả trong kinh A-di-đà chỉ có người đàn ông mà không có đàn bà. Vì sao? Nguyên do lớn nhất của đau khổ là dục vọng (lust, passion, sexual desire). Muốn thực hiện cực lạc trong thế giới phương Tây, phải tiêu diệt hoàn toàn dục vọng, không có đàn ông cũng như không có đàn bà. Cái ý niệm phân cách nam nữ bị đào thải hoàn toàn.

Cái ý niệm không dục vọng này được thể hiện rõ ràng trong kinh Bát nhã *(sắc, không).* Giáo sư Manti dẫn đoạn kinh *Vajracchekida Prajnaparamita* dạy là "dù con người có đủ ba mươi hai tướng tốt cũng không thành Phật. Đức Phật *vô tướng,* không nam, không nữ."

Hiểu thấu đáo đoạn kinh này tức là hiểu được *sự tái tạo địa vị người đàn bà trong đạo Phật, không bao giờ phải lệ thuộc vào một yếu tố phép lạ mầu nhiệm để đạt được giải thoát, mà tự mình thực hiện cái quyền làm người và thành Phật của chính mình.*

Trong một bổn kinh Hán tạng, *Vô cấu Thi bồ tát ứng biền hội,* ông Maudgalyayana (Mục-kiền-liên) hỏi nàng Vimadatta: "Qua bao nhiêu kiếp tu hành, sao nàng vẫn chưa hóa thân thành người nam để đạt chánh quả." Nàng trả lời: "Tôi nghe nói ông là vị đệ tử thần thông tuyệt đối của đức Phật, sao ông vẫn chưa hóa thân từ bỏ nam giới?" Mục-kiền-liên không trả lời được. Nàng nói tiếp: "Phật thân không nam, không nữ, bất sanh, bất diệt."

Ông Mục-kiền-liên còn nhầm, huống hồ chúng ta. Người đời sau đọc kinh mà không tìm hiểu kinh, nên gán cho đức Phật những lời nói Ngài không hề nói và những hành động Ngài không hề làm. ●

* "Này anh bồi bàn, sao anh lại để ngón tay cái của anh lên miếng bít-tết của tôi thế?"

"Tại tôi không muốn nó rơi xuống sàn một lần nữa."

* "Trong trận nào Tướng Wolf đã kêu lên: 'Tôi sung sướng được chết'?"

"Thưa trận cuối cùng của ông ta ạ."

THÁNG "NGƯỜI VIỆT"

LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Ảnh của Lê Tam Ca và Lý Kiến Trúc

Tháng Mười Một phải gọi là "tháng Người Việt," vì hầu hết khách đến thăm Thế Kỷ 21 là khách do báo *Người Việt* mời từ bốn phương về dự kỷ niệm số báo 4000 và năm thứ 18 của tờ báo.

Tuy nhiên, trước hết, TK 21 cũng giới thiệu các bạn văn nghệ sĩ đến thăm tòa báo và đài VNCR những ngày đầu tháng: **Nguyễn Cúc**, còn có bút hiệu **Nguyên Hương**, đến từ Dallas, Texas. Nguyễn Cúc chủ biên đặc san *Tiếng Sông Hương*, mỗi năm ra một số. Báo càng ngày càng dày và càng có nhiều bài hay.

Nguyễn Hùng Vũ, thoạt đầu chỉ là độc giả TK 21, ở Chino Hills, nhưng sau viết thư góp ý (gần đây có bài tiếng vọng bằng Anh ngữ nhân đọc bài về Stephen Hawking của Phạm Ngọc Khôi). Nguyễn Hùng Vũ đến thăm tòa báo và tình nguyện giúp tòa soạn sửa bài!

Nguyễn Thành Vân, được Lê Ngọc Chân giới thiệu với độc giả TK 21 cách đây ba năm khi ra CD đầu tiên; và trong số này được Philip Blackburn giới thiệu nhân dịp ra mắt CD thứ ba — *Dạ Khúc*. Nguyễn Thành Vân học hát ở đại học Mỹ, theo phong cách Tây phương, nhưng lại thích hát và thành công trong nhiều bài dân ca Việt Nam.

Băng Châu, đã từng đóng phim ở Việt Nam, đóng kịch (*Lôi Vũ*) ở quận Cam, hát và làm xướng ngôn viên đài phát thanh *Saigon Radio Hải Ngoại*. Cô đến VNCR thu thanh chương trình "Câu Chuyện Âm Nhạc" do Hoàng Trọng Thụy thực hiện, nhưng lại trở thành thân hữu và độc giả của TK 21 do Phan Mỹ Sương "dụ dỗ"!

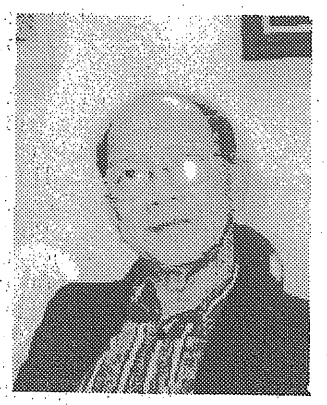

Nguyễn Cúc

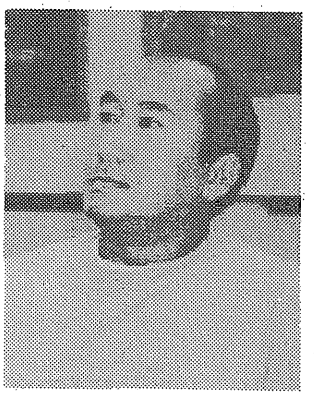

Nguyễn Hùng Vũ

Nguyễn Thành Vân

Băng Châu

*

Bây giờ đến khách về dự "Người Việt số 4000." Phần lớn những khách này cũng là cộng tác viên hoặc thân hữu của TK 21.

Đầu tiên, không phải là khách, mà là "người nhà," nhưng vì ở xa nên mỗi lần xuất hiện lại được coi như khách phương xa. Đó là **Trần Văn Ngô**, tức **Từ Nguyên**, ở Paris. Vốn là một thành viên trong Nhóm Chủ trương tờ báo này, ký giả họ Trần thỉnh thoảng gửi về những tin của cộng đồng Việt ở thủ đô ánh sáng (và Âu châu nói chung). Tháng qua, anh có bài phỏng vấn giáo sư Vũ Quốc Thúc về vấn đề kinh tế toàn cầu hóa.

Luật sư **Trần Thanh Hiệp**, cũng từ Paris, đang được Văn Bút Quốc Tế ủy nhiệm vai trò điều giải cuộc tranh chấp trong nội bộ Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (xin xem bài trong số này). Ông đang chuẩn bị, trước mắt ấn hành một tập

Trần Văn Ngô

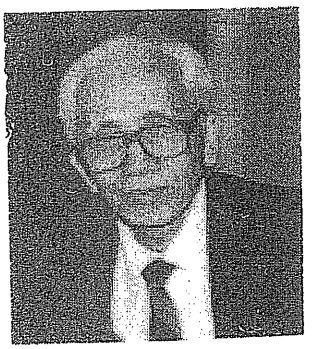

Trần Thanh Hiệp

Lê Tất Luyện

Thụy Khuê

Thành Xuân Hồng

Trần Như Hùng

Nguyễn Hữu Chung và Phan Thanh Tâm

tài liệu về các văn kiện quốc tế nhân quyền, và dài hạn, xuất bản một nghiên cứu về luật pháp Việt Nam thế kỷ 20.

Cũng từ Paris, còn có ông bà **Lê Tất Luyện** — đại diện phát hành của TK 21 từ sáu năm qua. Bà Lê Tất Luyện có bút hiệu **Thụy Khuê**, đang làm việc với đài RFI của chính phủ Pháp, phát thanh chương trình Việt ngữ hướng về Việt Nam. Thụy Khuê cũng thường viết bài cho *Người Việt* và TK 21 về các đề tài văn học.

Từ Luân Đôn, một thân hữu và độc giả của NV và TK 21, là ký giả **Thành Xuân Hồng** cựu phóng viên Việt Tấn Xã. Khi đọc tin trên đài BBC anh chỉ dùng hai chữ trong tên: **Xuân Hồng**.

Đến từ xa nhất có lẽ là **Trần Như Hùng**, còn có bút hiệu **Quốc Việt** hoặc **Nam Chi**. Trần Như Hùng đang làm biên tập viên và xướng ngôn viên cho đài SBS Úc châu (Melbourne). Hàng tháng anh đều có bài tường trình về một vấn đề nổi bật trong tháng ở úc, cho thính giả của VNCR ở Nam Cali.

Từ Canada, **Nguyễn Hữu Chung** viết rất đều cho NV và TK 21 trong những năm 1989-90. Gần đây, ông cho biết "không có gì để viết." Tuy nhiên, theo Phạm Phan Long (tác giả bài "Khai Thác Sông Mekong" trên TK 21 số 87, tháng Bảy 1996) thì Nguyễn Hữu Chung rất quan tâm đến những diễn biến về mọi mặt ở Việt nam; và ông không ký tên, nhưng đóng góp một phần quan trọng trong bài về sông Mekong.

Nguyễn Trọng Khôi, có bộ ria giống lãnh tụ Saddam Hussein của Irak, là một họa sĩ, nhưng hiện nay lại say mê âm nhạc. Ông chính là người đã trình bày bìa cho TK 21 những số đầu tiên. Ông đang chuẩn bị cho ra mắt một đĩa nhạc gồm 10 ca khúc do ông soạn, và ông hát cùng một số ca sĩ khác. Ông đã nhờ VAALA chuẩn bị tổ chức cho ông một cuộc triển lãm tranh và một buổi ra mắt CD ở quận Cam.

Từ Washington DC, có bốn người về dự kỷ niệm "Người Việt 18 năm." Đó là ba nhà báo **Lê Thiệp, Ngô Vương Toại** và **Nguyễn Văn Khanh**, với một nhà giáo là ông **Nguyễn Mạnh Hùng**.

Lê Thiệp không phải là người nhiều tuổi nhất trong số bốn người này, nhưng tóc anh bạc nhất (có

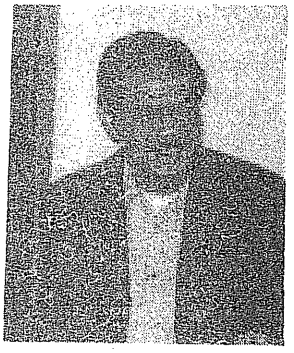

Nguyễn Trọng Khôi

Lê Thiệp

Nguyễn Văn Khanh

người bảo anh nhuộm tóc đen thành trắng cho có vẻ... đạo mạo!). Vốn là phóng viên nhật báo *Chính Luận* ở Saigon, Lê Thiệp ngưng làm báo chừng 10 năm nay để kinh doanh — và thành công. Anh cho biết vừa bị "cựu" chủ nhiệm TK 21 dụ dỗ làm báo trở lại. Trong tháng Mười vừa

quảng cáo và phát hành, kiêm đánh máy và trình bày báo, tờ *Diễn Đàn Thủ Đô*. Anh được mô tả là người "đã cầm micro rồi thì không buông." Bằng cớ là năm 1966 (?) anh đang điều khiển chương trình Khánh Ly hát trong trường Đại Học Văn Khoa Saigon, có hai cán bộ Mặt Trận Giải

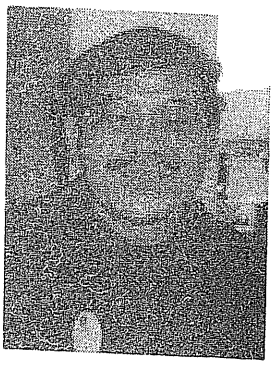

Ngô Vương Toại

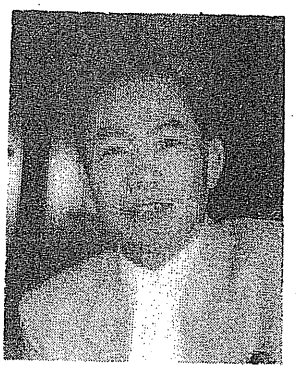

Nguyễn Mạnh Hùng

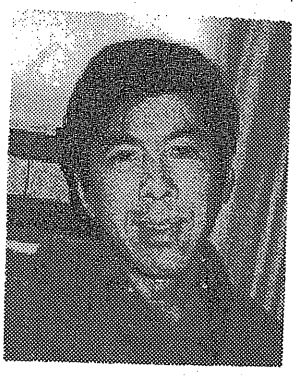

Trương Trọng Trác

qua anh đã có hai bài về họa sĩ Thái Tuấn, một đăng trên NV, và một trên TK.

Ngô Vương Toại hiện là chủ nhiệm kiêm chủ bút, kiêm tổng thư ký tòa soạn, kiêm trị sự,

Phóng Miền Nam xông lên cướp micro, anh không buông, bị chúng bắn vào bụng, micro ngã và anh nhất định ngã theo.

Nguyễn Ngọc Linh

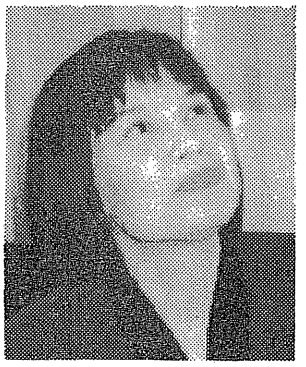

Trần Mộng Tú

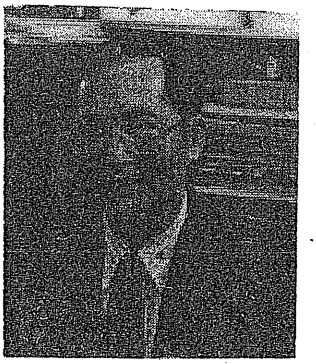

Bùi Duy Thuyết

Nguyễn Văn Khanh trước đây là thông tín viên của *Người Việt* tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nhưng vài năm gần đây đã làm phóng viên cho đài VOA, nên chỉ thỉnh thoảng gửi truyện ngắn, hay truyện dịch. Tuy nhiên, anh vẫn dành thì giờ giúp TK 21 làm đại diện phát hành ở miền Đông.

Nguyễn Mạnh Hùng hiện là giáo sư môn chính trị học và bang giao quốc tế ở đại học George Mason. Thỉnh thoảng ông lại dành cho NV hoặc TK một cuộc phỏng vấn về các diễn biến chính trị trên thế giới. Ông khởi xướng và vẫn đang theo đuổi chương trình nhìn lại cuộc chiến Việt Nam một cách trung thực, không thiên lệch — sửa lại cái nhìn một chiều của Mỹ cũng như của Việt Nam cộng sản.

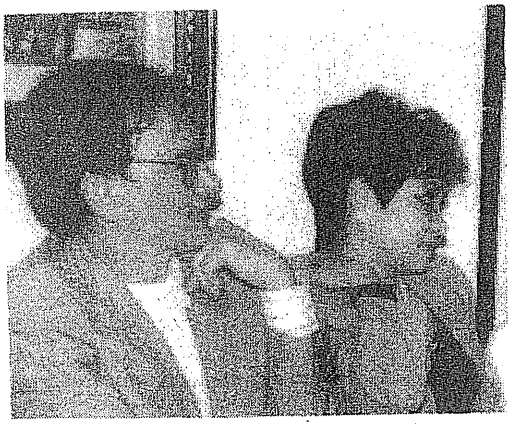

Phạm Ngọc Lân và Mỹ Lan

Từ Houston, hai nhà báo, một già một trẻ, là **Nguyễn Ngọc Linh** và **Trương Trọng Trác**, đương kim chủ nhiệm và tổng thư ký bán nguyệt báo *Ngày Nay*, đã đến Cali cùng một dự án làm lại tờ *Tin Sách* mà từ thập niên 60 ở Saigon nhà xuất bản Công Đàn đã thực hiện.

Từ vùng "vạn hồ," nhà báo **Phan Thanh Tâm** cho biết đúng hôm anh rời Minneapolis để đi Cali thì trời đổ tuyết đầu mùa. Đi trong nắng vàng mùa thu của Cali, Phan Thanh Tâm nói rằng anh chỉ quen viết ký sự, nhưng cũng cảm thấy muốn làm thơ.

Từ vùng Tây Bắc, nhà thơ **Trần Mộng Tú**, tức "Cô Rơm" — người không ưa máy điện toán, nhưng từ nay có lẽ sẽ viết bài cho NV và TK 21 bằng bộ chữ VNI Tân Kỳ — đến thăm TK và lên đài VNCR đọc thơ cho thính giả Nam Cali nghe.

Từ Bắc Cali, hai ông bà **Phạm Ngọc Lân** và **Mỹ Lan** mới từ Pháp "di cư" sang đã xuống Nam Cali cùng nhà báo **Bùi Duy Thuyết** và nhà thơ **Nguyễn Bá Trạc**. Quý vị này đều suýt soa khen... cảnh đẹp, khi đến thăm TK 21. Theo lời nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự (trả lời phỏng vấn của Đinh Quang Anh Thái), thì công an Dalat đã hỏi thăm Phạm Ngọc Lân rất kỹ, vì ông đã nhận chuyển ra ngoài tập truyện "Nửa Đời Nhìn Lại" của Bảo Cự, và giao cho nhà xuất bản Thế Kỷ in.•

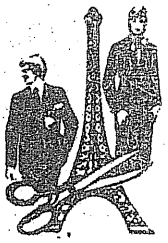

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor

Diplome d'Honneur L'Académie Internationale De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*

** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

• Nhận cắt may đồ Veste, sang trọng và nghệ thuật
• Huấn luyện từ A đến Z những ai muốn học nghề may hoặc muốn tu nghiệp nâng cao tay nghề.

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683

Điện thoại: **(714) 373-4085**

LÊ TAM CA

PARIS

Giáo sư Tạ Trọng Hiệp qua đời

Giáo sư Tạ Trọng Hiệp từ trần hồi 9 giờ tối thứ Sáu 25 tháng Mười 1996, tại bệnh viện Kremlin Bicêtre, ngoại ô Paris, hưởng thọ 63 tuổi.

Tạ Trọng Hiệp sinh ngày 18 tháng Mười năm 1933, tại làng Thụy Khuê, gần Hà Nội. Từ thuở nhỏ, ông đã tự học, với sách vở có sẵn của gia đình. Ông đi vào ngành nghiên cứu từ những năm còn rất trẻ. Ông sang Pháp du học năm 1951.

Đi theo bước chân của học giả Hoàng Xuân Hãn, Tạ Trọng Hiệp thấm nhuần sâu sắc học thuật đông tây, kim cổ. Ông học và nghiên cứu ở các trường như Sinh Ngữ Đông Phương (Ecole des Langues Orientales), đại học Sorbonne, và là hội viên của Hội Châu Á (Société Asiatique).

Ông là giáo sư đại học Paris VII, và cũng làm việc ở Trung Tâm Quốc Gia Nghiên Cứu Khoa Học Pháp Quốc (CNRS).

Từ nhiều năm gần đây, ông chuyên tâm nghiên cứu Hán Nôm. Ông cộng tác với Claudine Salmon trong nhiều chương trình nghiên cứu hợp tác Pháp Việt. Từ trước 1975, ông vẫn đóng góp những bài viết hoặc những công trình nghiên cứu của ông cho một số báo ở miền Nam Việt Nam. Sau 1975, thỉnh thoảng bài của ông cũng xuất hiện trên các báo văn học hoặc nghiên cứu của người Việt hải ngoại, như *Văn Lang, Văn Học...*

Giới văn học và giáo dục nói riêng và cộng đồng người Việt nói chung rất đau buồn trước sự ra đi đột ngột của học giả Tạ Trọng Hiệp.

QUẬN CAM

Đêm hát Hùng Sử Ca

Hùng sử ca là một thể loại bài hát đề cao lòng yêu nước và ca ngợi những tấm gương sáng của anh hùng liệt nữ trong lịch sử Việt Nam. Ra đời kể từ khi nền tân nhạc phôi thai cách đây khoảng sáu mươi năm, thể loại hùng sử ca đã có tác động giáo dục lòng yêu nước và yêu quý tiền nhân của nhiều thế hệ người Việt Nam. Các bài hát như Bóng Cờ Lau, Nước Non Lam Sơn, Bạch Đằng Giang... đã biến thành tình cảm trong sáng lành mạnh của biết bao lớp thiếu niên nhi đồng, góp phần xây dựng nhân cách và đào tạo nên những công dân yêu nước nhà suốt nhiều thập niên qua.

Các nhóm trẻ, gồm Câu Lạc Bộ Thanh Niên Bách Việt; Tổng Hội Sinh Viên, Thanh Niên Cho Nhân Quyền Việt Nam Năm 2000, Liên Đoàn Trẻ Về Nguồn, Nắng Mới, và Thanh Niên Quốc Gia Hải Ngoại, đang đồng ca bài "Nước Non Lam Sơn" của Hoàng Quý, trong buổi sinh hoạt "Hùng Sử Ca" do Ủy Ban Thanh Niên thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) tổ chức, tối thứ Sáu 25 tháng Mười 1996, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, ở Westminster, California.

Buổi hát hùng sử ca được Ủy Ban Thanh Niên thuộc Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ tổ chức tối ngày thứ Sáu, 25 tháng Mười 1996 tại phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt, thành phố Westminster, Nam California, đã làm sống lại nhiều tình cảm về lịch sử và đất nước quê hương Việt Nam. Hơn một trăm người tham dự, thuộc nhiều lứa tuổi khác nhau, có những bậc lão thành tóc trắng xóa bên cạnh rất nhiều đoàn sinh

Hướng đạo trong tuổi thanh thiếu niên, có những huynh trưởng thanh niên cách đây ba bốn chục năm cùng hát với những đại diện sinh viên các trường Đại học miền Nam California của ngày hôm nay.

Đây không phải là một buổi trình diễn ca nhạc mà là một buổi sinh hoạt ca hát chung. Một tập nhạc gồm 18 bài Hùng Sử ca đã được hội VAALA in và biếu cho người tham dự để mọi người có thể cùng hát với nhau. Sau khi anh Lê Nguyên Phương, trưởng Ủy ban Thanh Niên của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, trình bày mục đích của buổi sinh hoạt này như là một cố gắng gìn giữ tâm hồn gần gụi với quá khứ của người Việt Nam hải ngoại, nhất là đem lại cho tuổi trẻ lòng tự hào về lịch sử đất nước mình, chương trình ca hát bắt đầu với sự điều khiển chương trình có duyên và vui nhộn của anh Đinh Quang Anh Thái. Bài Nước Non Lam Sơn của Hoàng Quý đã được hát bởi một tập thể trẻ đến từ nhiều tổ chức khác nhau: đoàn Thanh Niên Bách Việt, Tổng Hội Sinh Viên, Thanh Niên Việt Nam Quốc Gia hải ngoại, Nhóm Nắng Mới, Tổ chức Nhân Quyền năm 2000. Vừa hết một phiên khúc đầu thì cử tọa không còn "nhịn" được, cả phòng hòa tiếng hát theo

Nước Non Lam Sơn
Nước Non Lam Sơn
Bóng cờ bay phất phới
Khắp nơi cờ vàng...

Tiếng hát chung làm rung động hội trường và rung động lòng người.

Các chị Nguyễn Thị Nhuận, Mỹ Thúy và Bích Ngọc hướng dẫn mọi người cùng hát bài Trưng Nữ Vương của Thẩm Oánh, một bài hát từ lâu mọi người có cảm tưởng chỉ dành cho các nữ sinh trường Trưng Vương, rồi bài Đại Phá Quân Thanh của Hoàng Thi Thơ với âm điệu dồn dập của những trận xáp chiến. Rồi lần lượt những khuôn mặt đã có thời từng ca hát bên ánh lửa trại bập bùng, Ngô Mạnh Thu, Lê Đình Điểu, Phạm Phú Minh, Mục sư Nguyễn Quang Minh, Đỗ Ngọc Yến, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thuỵ... lên mời mọi người hát với mình những *Nhà Việt Nam* của Thẩm Oánh, *Việt Nam Việt Nam* của Võ Đức Thu rồi Phạm Duy, *Việt Nam Minh Châu* của Hùng Lân, *Trên Sông Bạch Đằng* và *Bóng Cờ Lau* của Hoàng Quý, *Hội Nghị Diên Hồng* và *Bạch Đằng Giang* của Lưu Hữu Phước, *Truyền Kỳ Việt Sử* của Lê Thương... Những âm điệu xưa làm người lớn tuổi sống lại thời trẻ trung của mình và làm người trẻ tuổi ngạc nhiên không ngờ lịch sử của dân tộc mình có nhiều trang hùng tráng đến thế, và người đời sau biết ngợi ca tiền nhân một cách phong phú và trữ tình đến thế...

Âm hưởng của buổi hát Hùng Sử Ca chắc chắn theo mọi người ra về và còn "vang động trong lòng" lâu dài, vì các bài hát ấy đã đánh động một tình cảm có lẽ là thiết tha nhất trong tâm khảm mỗi người, là lòng yêu mến đất nước và dân tộc. Lòng yêu mến ấy có thể bị che mờ hay méo mó đi vì những phức tạp của cuộc sống, nhưng nghệ thuật, và ở đây là nghệ thuật âm nhạc, có khả năng làm nó sống dậy với tất cả sự chân thành và trong trắng. Giống như tiếng mẹ ru khi ta còn thơ, Hùng Sử Ca đưa ta về một cõi nguồn tưởng là rất xa xôi, nhưng thật ra rất gần: ấy là cõi lòng của chính chúng ta...

QUẬN CAM

Đêm Ca Vũ Nhạc Dân Tộc với Đào Duy Anh

Vào lúc 8 giờ tối thứ Bảy mùng 2 tháng Mười Một, tại rạp hát Phillips Hall thuộc trường đại học Rancho Santiago, thành phố Santa Ana, có đêm ca vũ nhạc dân tộc với sự góp mặt của nhiều ca nhạc sĩ nổi tiếng ở hải ngoại như: Diệu Hoàng, Thúy Lan, Thúy Hương, Hoài Nam, Khả Tú, Bảo Thiên... Chương trình được sự bảo trợ tinh thần của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, cũng là dịp để nhạc sĩ Đào Duy Anh đến từ Kentucky ra mắt CD mang những giai điệu quê hương qua phong cách trình diễn mới lạ, độc đáo.

Buổi trình diễn còn có những màn vũ và hoạt cảnh của các ban Quốc Dương và Thùy Vân, Ecole de Ballet.

Chương trình do Nghiêm Phú Phát điều hợp và Chí Tâm đạo diễn.

VOLTERRA (Ý)

Giới thiệu nhạc Việt và đồng song thanh

Từ Ý, nhạc sĩ Trần Quang Hải viết cho tòa báo: "Bạch Yến và tôi lần đầu được mời tham dự đại hội *Volterra Teatro* này. Quả thật tôi không bao giờ có ý nghĩ trong đầu là đến một làng nhỏ bé của xứ Ý để trình diễn nhạc cổ truyền Việt Nam."

Đại nhạc hội *Volterra Teatro* ở tỉnh Volterra, vùng La Toscana, thực ra là một sinh hoạt quan trọng vì vùng đất này vốn có lịch sử 3,000 năm, nơi phát sinh nền văn minh Etrusque vào thế kỷ thứ 8 trước Thiên chúa giáng sinh.

Đại nhạc hội có tên *I Poteri del Suono* (Uy thế của âm thanh), diễn ra từ mùng 2 tới mùng 5 tháng Mười 1996, quy tụ rất đông ca nhạc sĩ đến từ khắp nơi trên thế giới.

Bạch Yến và Trần Quang Hải đã biểu diễn, trong một chương trình dài 60 phút, nhiều điệu dân ca Việt Nam và các kỹ thuật đánh muỗng, hát đồng song thanh, được khán giả tán thưởng nồng nhiệt.

QUẬN CAM

Kịch đoàn Việt Nam trình diễn kịch "Yêu"

Kịch "Yêu" phỏng theo tiểu thuyết cùng tên của Chu Tử, sẽ do kịch đoàn Việt Nam với đạo diễn Nguyễn Minh Phương, trình diễn vào lúc 3 giờ chiều Chủ Nhật mùng 3 tháng Mười Một, tại hí viện Don Wash, thị xã Garden Grove.

Sau khi thành công rực rỡ với những buổi diễn vở "Lôi Vũ" trong năm 1995, kịch đoàn Việt Nam tung ra kịch "Yêu" với những diễn viên mới, rất nổi tiếng trong ngành ca nhạc, nhưng là những khám phá táo bạo của Nguyễn Minh Phương trong ngành sân khấu.

Những cái tên quen thuộc của giới trẻ như Thúy Vi, Nhật Hạ, Zaza Minh Thảo, Trizzie Phương Trinh, bên cạnh các tên tuổi gạo cội như Trần Quang, Anh Dũng, Bảo Ân, Vũ Khanh, Mai Khanh, Ngọc Đan Thanh, vân vân, cho thấy đây là một cố gắng lớn của kịch đoàn Việt Nam.

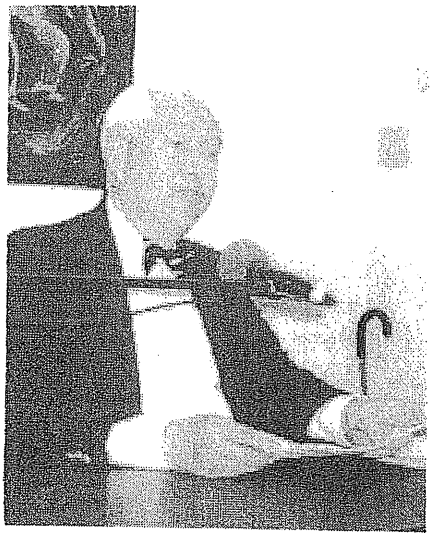

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa

QUẬN CAM

Nói chuyện về chữ và nghĩa

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, từ San Jose xuống Nam Cali, nói chuyện về "Những cái mới nhất trong ngữ pháp học Việt Nam."

Buổi nói chuyện được tổ chức tại Phòng Sinh Hoạt VAALA, số 11022 Acacia Parkway, Garden Grove, vào hồi 2 giờ chiều thứ Bảy mùng 9 tháng Mười Một 1996.

Buổi nói chuyện là sinh hoạt hàng tháng của tạp chí *Thế Kỷ 21*, với sự bảo trợ của Hội Ái Hữu Cựu Giáo Chức Việt Nam tại Hải Ngoại và Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ.

Tháng trước, tạp chí *Thế Kỷ 21* đã tổ chức buổi nói chuyện về sông Mekong, do kỹ sư Phạm Phan Long thuyết trình.

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa lược qua những công trình tiên phong về ngữ pháp học Việt Nam, từ Trương Vĩnh Ký năm 1883, qua Trần Trọng Kim, đến Bùi Đức Tịnh, trải dài gần 100 năm, bên cạnh các nghiên cứu của người ngoại quốc như Vallot 1897, Cadière 1958, v.v...

Ông cũng giới thiệu một số công trình nghiên cứu hoặc giảng dạy ngữ học của các nhà ngữ học Việt Nam ở nước ngoài như Huỳnh Sanh Thông, Nguyễn Đăng Liêm, Đào Thị Hợi, Phạm Văn Hải, và chính ông, v.v...

Vị giáo sư hồi hưu của đại học Nam Illinois (Southern Illinois University, Carbondale) tóc bạc trắng đầy vẻ tiên phong đạo cốt, cũng đã vạch ra một vài huyền thoại về ngữ học Việt, cho thấy hoặc cố ý hoặc vô tình nhiều nhà ngữ học quốc tế đã có sai lầm trong việc trình bày nguồn gốc tiếng Việt.

Phần thảo luận tiếp theo rất sôi nổi, với các câu hỏi của nhiều nhà văn, nhà giáo và nhà báo miền Nam Cali.

SEATTLE, WASHINGTON

Nhà văn Owen Butler ra mắt sách

Tác giả tập truyện tiếng Anh viết về người Việt có tựa đề "Hương Thơm Từ Núi Lạ," Owen Butler, tái ngộ độc giả vùng Tây Bắc trong buổi ra mắt cuốn sách mới của ông, nhan đề "Tabloid Dreams," hôm mùng 7 tháng Mười Một, tại Thư viện Trung Ương Seattle.

Tuyển tập này gồm 12 truyện ngắn, có văn phong hài hước, cốt truyện dựa theo những biến cố thời sự rất đại chúng (như cái tựa cho thấy: *tabloid* là tiếng chỉ loại báo bình dân của Mỹ), chẳng hạn "Người chồng ghen tuông trở lại trần thế dưới hình dáng của một con vẹt," "JFK âm thầm đi dự buổi bán đấu giá của Jackie," hay "Người đàn bà dùng đôi mắt thủy tinh để dò xét ông chồng lang chạ"...

Dịch giả Thiên Nhất Phương, người đã dịch cuốn sách đoạt giải Pulitzer Văn chương của Butler ("Hương Thơm Từ Núi Lạ") cho biết có thể ông sẽ dịch cuốn sách mới này của Butler.

MAITLAND, FLORIDA

Trần Trung Đạo ra mắt hai tập thơ

Nhà thơ Trần Trung Đạo từ Boston, tiểu bang Massachussetts, đã xuống miền Đông Nam để ra mắt hai tác phẩm cùng một lúc. Đó là hai tập thơ: "Thao Thức," và "Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười."

Buổi ra mắt sách được nhà văn Ái Khanh và nhóm bạn văn học vùng Đông Nam Hoa Kỳ tổ chức, vào lúc 6 giờ 30 chiều thứ Bảy 16 tháng Mười Một, tại nhà hàng China Jade.

Nhà văn Lôi Tam giới thiệu tác phẩm của Trần Trung Đạo đã nhấn mạnh: "Trần Trung Đạo không làm thơ để mua vui cho những kẻ vô tình, cho những 'cuộc vui đầy tháng, trận cười thâu canh.' Anh làm thơ để tự nhắc nhở mình về món nợ chưa trả. Và cũng để nói rằng nếu chúng ta cố tình quên đi món nợ đó thì rồi các thế hệ mai sau sẽ chẳng còn có cơ may được hát tình ca."

Trần Trung Đạo sinh tại Duy Xuyên, Quảng Nam, năm 1955. Học Luật, tham gia nhiều phong trào thanh niên sinh viên từ 1971-1975 ở Saigon và Đà Nẵng. Vượt biển sang Mỹ năm 1981, học điện toán ở Boston University, làm thơ và viết văn đăng trên nhiều báo hải ngoại.

PHILADELPHIA

Nguyễn Thị Ngọc Dung ra mắt sách

Sau một vòng chu du từ Washington DC, sang San Jose, rồi Quận Cam, Nguyễn Thị Ngọc Dung trở lại miền Đông, và ra mắt cuốn "Saigon Nắng Nhớ Mưa Thương" ở Philadelphia chiều ngày Chủ Nhật 17 tháng Mười Một.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Do nhóm Duyên Văn tổ chức, tại nhà hàng Vietnam Palace, buổi ra mắt sách quy tụ trên 100 thân hữu, văn nghệ sĩ trong vùng và từ cả các nơi xa đến. Trong khung cảnh ấm cúng tương phản với cái lạnh bên ngoài, người ta nhận thấy có nhà thơ lão thành Hà Bỉnh Trung, nhạc sĩ Nhật Bằng, các nhà thơ Thái Thụy Vi, Trần Quốc Bảo, Ánh Bích, Lê Thị Ý, các nhà văn, nhà báo Vũ Thất, Trần Mạnh Vũ, Lê Thị Nhị, nhiếp ảnh gia Phạm Bá Vinh, Nguyễn Tường Vân, nhóm bạn Trưng Vương của tác giả, các bạn văn từ xa đến như Trần Hoài Thư, Trung Nhân, Lê Thành Quang, Dạ Lữ, Xuân Thiên Vị, Phạm Cơ, Đỗ Lệnh Tuấn, v.v...

Các nhà văn Lê Văn Lân, Hà Kỳ Lam, Trần Quán Niệm đã lần lượt giới thiệu tác giả, tác phẩm, xen kẽ với nhiều tiết mục văn nghệ đặc sắc của thân hữu.

Phần trả lời phỏng vấn của tác giả Ngọc Dung, với nhiều câu hỏi "hóc búa" đã gây không khí hào hứng, sôi nổi cho buổi sinh hoạt đầy tính văn học này. *(Theo Trần Quán Niệm)*

QUẬN CAM

Tuần lễ phim Việt Nam

Khoảng 300 khách đã đến dự buổi chiếu khai mạc "Tuần Lễ Phim Việt Nam Hải Ngoại" tổ chức trong khuôn khổ Ngày Điện Ảnh Việt Nam lần thứ 10, tại rạp Thủ Đô, tối 25 tháng Mười.

Cuốn phim được chiếu trong đêm khai mạc là phim "Đất Khổ," thực hiện năm 1972 ở trong nước, với màn ảnh rộng, có phụ đề Anh và Pháp ngữ. Phim do Hà Thúc Cần thực hiện nhưng chưa bao giờ được chiếu cho công chúng vì tính cách phản chiến của nó.

Trong đêm khai mạc, người ta nhận thấy có các người làm phim trước 1975 ở trong nước và sau 1975 ở hải ngoại, như: Bùi Sơn Duân, Phạm Hàong Kim, Phan Ngọc Tiếu, Văn Giai, Ngọc Phu, Calvin Nguyễn (Chủ tịch Hội Điện Ảnh VNHN), Nguyễn Minh Hằng, Mai Phương, Đỗ Phúc Lộc, Đặng Hùng Sơn, Lan Ngọc, Tuấn Trần, Ngọc Tùng,...

Ngoài phim "Đất Khổ," tuần lễ phim Việt Nam kéo dài đến đầu tháng Mười Một còn chiếu các phim như "Tuổi Trẻ Thiếu Tình Thương," "Mùi Đu Đủ Xanh," "Bụi Bolsa," "Thời Hùng Vương 18," v.v... *(Theo Lê Thụy)*

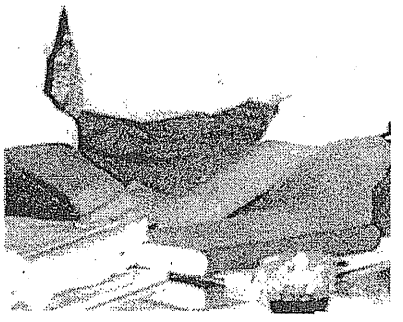

Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự

DALAT, VIỆT NAM

Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự bị công an "làm việc"

Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự (tác giả "Nửa đời Nhìn Lại" do Thế Kỷ xuất bản) bị công an Dalat bắt giữ hai ngày, 11 và 12 tháng Mười Một, sau đó được về nhà nhưng tiếp tục bị "làm việc" trong nhiều ngày.

Một người bạn của Bảo Cự, anh Mai Thái Lĩnh, đã thông báo tin Bảo Cự bị bắt cho đài VNCR ở California biết. Sau đó chính Mai Thái Lĩnh cũng đã bị công an bắt lên "làm việc." Theo lời kể của Mai Thái Lĩnh thì công an đã đến nhà Bảo Cự tịch thu tất cả tài liệu, sách vở, giấy tờ, và cả chiếc máy vi tính.

Vài ngày sau, đài VNCR lại liên lạc được với nhà văn Bảo Cự, thì được biết trong những cuộc thẩm vấn ông, có cả công an từ Hà Nội vào hỏi cung. Họ đã hỏi rất kỹ về những bài ông viết và những bài trả lời phỏng vấn của đài VNCR, cũng như về việc nhà xuất bản Thế Kỷ in cuốn "Nửa Đời Nhìn Lại" của ông.

QUẬN CAM

Chương trình hợp xướng "Đất Lành"

Ban hợp xướng Ngàn Khơi phối hợp cùng ca đoàn Mỹ The Madrigal Singers đã tổ chức thành công chương trình ca nhạc mang tên "Đất Lành," chiều Chủ Nhật 17 tháng Mười Một, tại thính đường nhà thờ United Methodist ở thị xã Garden Grove.

Hai ban hợp xướng, Ngàn Khơi và The Madrigal Singers, dưới quyền điều khiển của nhạc trưởng Raymond Woods, trình bày bài dân ca Việt Nam "Se Chỉ Luồn Kim" do Lê Văn Khoa soạn hòa âm, trong buổi trình diễn mang chủ đề "Đất Lành," chiều Chủ Nhật 17 tháng Mười Một 1996, tại thính đường nhà thơ United Methodist, ở Garden Grove, California. (Ảnh Lý Kiến Trúc)

Dưới quyền điều khiển của hai nhạc trưởng Trần Chúc và Raymond Woods, hai ban hợp xướng cùng một số ca nhạc sĩ Việt và Mỹ khác đã đem lại cho khán thính giả một chương trình nhạc thính phòng Mỹ và Việt đầy mầu sắc tươi vui và yêu đời.

Gần 700 người tham dự đã ngồi kín các dãy ghế trên lầu và dưới nhà, theo dõi hai phần của chương trình dài hai tiếng đồng hồ, với những màn hợp xướng riêng của từng ca đoàn hoặc chung cả hai, và những màn tứ ca, song ca, đơn ca...

Các giọng đơn ca độc đáo của Bích Liên, Quỳnh Giao, Nguyễn Thành Vân, Lê Quang, các tiếng đàn dương cầm phụ họa của Nguyễn Mỹ Lệ, Minh Chiêu, Norberto Guinaldo, đã làm người nghe say mê, cùng với hai tiết mục đặc biệt của các em bé Việt Nam là Ca đoàn Thiếu nhi Ngàn Khơi, và dàn nhạc dân tộc Thiếu nhi Lạc Hồng.

Phần lớn những bản hợp ca, kể cả các bài khai triển từ dân ca Việt Nam, đều do Lê Văn Khoa soạn hòa âm. Nhạc sĩ Lê Văn Khoa nói rằng hai nền nhạc Mỹ và Việt đã hơn một lần chứng tỏ có thể giao hòa cùng nhau. Năm qua, nhạc sĩ Lê Văn Khoa đã tổ chức được một buổi hội học thử nghiệm nhạc cụ và nhạc điệu Đông - Tây hòa tấu, mà báo chí Mỹ gọi là "cái bắt tay của hai nền âm nhạc."

QUẬN CAM

Báo "Người Việt" mừng số báo 4000, và tuổi 18

Để đánh dấu số báo thứ 4000, ra ngày 19 tháng Mười Một 1996, và cũng để kỷ niệm năm thứ 18 (1978-96) có mặt trong cộng đồng người Việt hải ngoại, nhật báo *Người Việt* đã tổ chức liên tiếp ba ngày sinh hoạt từ thứ Bảy 16 đến thứ Hai 18 tháng Mười Một.

Tối thứ Bảy tại nhà hàng Royal Seafood, có cuộc họp mặt của toàn thể nhân viên và gia đình, trong một chương trình vui tươi có giới

PHÂN ƯU

Được tin buồn Dưỡng phụ của Họa sĩ Bé Ký là

Họa Sĩ TRẦN ĐẮC

đã từ trần ngày 27 tháng Mười năm 1996 tại Sacramento, California, hưởng thọ 74 tuổi và Dưỡng phụ của Họa sĩ Hồ Thành Đức là

Cụ HỒ TÂN SINH
Tức THỪA SỬ QUÂN:
NGỌC SINH THANH

(Giáo sĩ Truyền Giáo Cao Đài Miền Trung) đã từ trần ngày 30 tháng Mười năm 1996 hưởng thọ 77 tuổi

Xin chân thành phân ưu cùng Anh Chị Hồ Thành Đức và Bé Ký và cầu nguyện hương hồn người quá cố sớm tiêu diêu miền cực lạc.

Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ
Tạp Chí Thế Kỷ 21

Tiệc mừng Người Việt số 4000, cũng là kỷ niệm năm thứ 18, tại nhà hàng Grand Garden, Westminster, California, tối thứ Hai 18 tháng Mười Một 1996. Từ trái qua, hàng ngồi: Thu Vân (bà Nguyễn Thiện Cơ), Hồng Nga, Mỹ Sương, Thụy Khuê (bà Lê Tất Luyện), Trần Mộng Tú, Lê Minh Phú, Phương Loan (bà Đỗ Ngọc Yến); hàng giữa: Nguyễn Thiện Cơ, Như Phong Lê Văn Tiến, Lê Thiệp, Lê Tất Luyện, Lê Đình Điểu, Phan Thanh Tâm, Hoàng Ngọc Tuệ, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Trần Văn Ngô, Trần Thanh Hiệp; hàng sau: Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Trọng Khôi, Tống Hoằng, Ngô Vương Toại, Minh Đức, Đỗ Quý Toàn, Nguyễn Ngọc Linh, Bùi Duy Thuyết, Trần Đại Lộc, Nguyễn Mạnh Hùng, Hà Tường Cát, Nguyễn Văn Khanh, Đỗ Ngọc Yến, và Phạm Ngọc Lân. (Ảnh St Tuan)

thiệu từng người, tặng quà lưu niệm, xổ số, và văn nghệ. Hơn 20 cộng tác viên của tòa báo từ các nơi xa (bên ngoài quận Cam) về dự.

Đây là lần đầu tiên, không những của báo *Người Việt* mà có lẽ của cả làng báo Việt ngữ hải ngoại, có sự họp mặt của đông đảo người viết từ nhiều nơi về đến như vậy.

Xa nhất phải kể đến Trần Như Hùng từ Úc, rồi đến nhóm nhà báo từ Âu châu với Thành Xuân Hồng (London, Anh quốc), Trần Thanh Hiệp, Lê Tất Luyện, Thụy Khuê và Trần Văn Ngô (Paris, Pháp). Nữ danh ca Bạch Yến, nhân dịp từ Paris sang Cali thu băng, cũng đến chung vui. Từ Canada có Nguyễn Hữu Chung, Bạch Văn Minh, đi dần xuống phía Nam có Nguyễn Trọng Khôi ở Boston, Lê Thiệp, Ngô Vương Toại, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyễn Văn Khanh và Nguyễn Kỳ Phong ở Washington DC. Xuống phía Nam nữa có Nguyễn Ngọc Linh và vợ chồng Trương Trọng Trác ở Houston, Texas. Ngược lên miền Bắc ở vùng giữa nước Mỹ, có Phan Thanh Tâm từ Minneapolis, tiểu bang Minnesota. Tạt qua phía Tây Bắc, có nhà thơ Trần Mộng Tú và nhà báo Phạm Kim ở Seattle, tiểu bang Washington. Đi dần xuống phía Nam dọc theo bờ biển miền Tây, có vợ chồng nhà báo Phạm Ngọc Lân và Mỹ Lan ở Fremont, nhà thơ Nguyễn Bá Trạc và nhà báo Bùi Duy Thuyết ở San Jose. Ở vùng cực Nam của tiểu bang Cali, có vợ chồng nhà văn Phan Lạc Tiếp, cặp nhà báo Nguyễn Khắc Nhân và Tường Vi. Xuống dưới nữa, sang tới Mexico, là nhà báo Đỗ Bảo Anh ở Mexico City.

Lần đầu tiên người ta thấy một Hội đồng Quản trị của báo *Người Việt*, bảy người (gồm Hoàng Ngọc Tuệ, Đỗ Ngọc Yến, Đỗ Quý Toàn, Lê Đình Điểu, Phan Huy Đạt, Nguyễn Thiện Cơ và Tống Hoằng) xuất hiện trên sân khấu, trong một màn... đồng ca bảy bè, hát bài "Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ" của Nguyễn Đức Quang. Nhạc sĩ họ Nguyễn cũng đã từng giữ chức vụ chủ bút báo *Người Việt* và có công định chế hóa Công ty Người Việt từ năm 1981. Lê Thiệp nhận xét rằng Hội đồng Quản trị của Công ty Người Việt trông "chẳng khác nào Ban chấp hành của Tổng Hội Sinh Viên Saigon những năm 1964-65."

Tối chủ Nhật, các khách phương xa đã được tân Chủ nhiệm tạp chí *Thế Kỷ 21* (Phạm Phú Minh) thù tiếp tại nhà, để trao đổi ý kiến về những dự án mà mỗi người định làm từ nay đến... thế kỷ 21.

Tối thứ Hai là cuộc tiếp tân tại nhà hàng Grand Garden, có văn nghệ và các màn trao tặng các bảng lưu niệm của *Người Việt* với các cơ quan chính quyền, văn hóa, giáo dục địa phương, như các thành phố Westminster, Garden Grove, các đại học University of California in Irvine, California State University in Fullerton. Hơn 400 khách tham dự đã cùng chung vui với *Người Việt* 18 tuổi vào đêm trước của số báo 4000.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Sống Và Viết

tùy bút của **Võ Phiến**, Văn Mới xuất bản, 169 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. la Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

Tập sách không dày, chia làm hai phần Sống (gồm những tùy bút về cuộc sống) và Viết (những tùy bút về việc viết lách). Trong tác phẩm mới nhất này, Võ Phiến vẫn tiếp tục quan sát quanh mình, quan sát chính mình, với cái nhìn tinh tế pha chút nghịch ngợm. Nhưng ẩn dưới cái đặc tính cố hữu ấy là một nỗi buồn nhớ thiết tha và bàng bạc mà trước đây người ta ít gặp trong văn của ông. Những mảnh quá khứ, nhiều khi rất nhỏ, chợt đến với ông với một nỗi buồn tiếc chơi vơi. Nhưng cuộc sống vui tươi trước mắt hình như cũng khiến ông có chút bùi ngùi kín đáo, giống như câu nói của một nhân vật trong sách: "Et bientôt c'est tout fini et nous ne jouons plus — Chẳng mấy chốc mọi chuyện sẽ qua đi và chúng ta sẽ chấm dứt cuộc chơi."

Dù trong lãnh vực Sống hay Viết, đọc ông vẫn luôn luôn là điều thú vị, vì ông nhìn ra nhiều cái rất mới, rất ngộ nghĩnh, và ông dẫn dắt câu chuyện một cách vui vẻ. Đúng đây là tùy bút chứ không phải là truyện, nhưng ông luôn luôn có chuyện để mà dẫn dắt người đọc, dù đôi khi bài viết của ông bây giờ trở nên rất ngắn, chỉ vài trăm chữ.

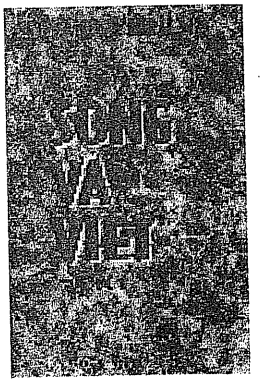

Văn Hiến Nền Tảng Của Minh Triết

biên khảo của **Nguyễn Đăng Trúc**, Định Hướng Tùng Thư xuất bản, 230 trang, giá US$15.00. Liên lạc: 13 G Rue de l'Ill, 67116 Reichstett, France.

Đây là một cuốn sách khảo sát một số truyện trong Lĩnh Nam Chích Quái, những truyện như Họ Hồng Bàng, Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, Trầu Cau, Đầm Nhất Dạ, Bánh Chưng, Dưa Hấu, Phù Đổng... Hầu hết những truyện này đã được truyền tụng từ lâu trong dân gian Việt Nam, và ý nghĩa của chúng cũng đã được khẳng định theo các lý giải thông thường về đạo đức cũng như về nhân quần xã hội. Nhưng trong quyển sách này, tác giả Nguyễn Đăng Trúc đã có một cái nhìn hoàn toàn khác, và rút từ đó ra những giá trị tinh thần vừa phổ quát của nhân loại, vừa đặc thù của dân tộc Việt Nam. Ở mỗi truyện, tác giả khảo sát kỹ về hình thức như bố cục, lời văn, vị trí của truyện trong tập Lĩnh Nam Trích Quái..., rồi đến phần giải thích ý nghĩa của hành vi, lời nói, nhân vật câu truyện, dựa trên các chiều kích Trời, Người và Đất.

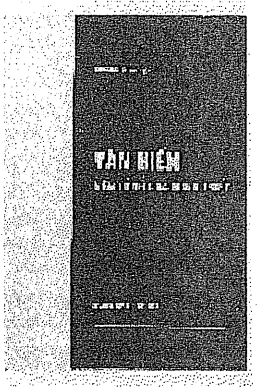

Ai cũng biết những truyện trong Lĩnh Nam Chích Quái không phải là lịch sử mà là huyền thoại hoặc sự tích dân gian, và tác giả Nguyễn Đăng Trúc muốn đi tìm ý hướng siêu lịch sử cũng như các yếu tố văn hóa trong những truyện ấy bằng một cái nhìn mới mẻ dựa trên các kiến thức tổng hợp về các huyền thoại và môn huyền thoại học trên thế giới. Nhờ thế những truyện tưởng như hoang đường bỗng nhiên như được mặc một tấm áo mới, đầy ý nghĩa nhân văn và tâm hồn dân tộc. Với *Văn Hiến, Nền Tảng Của Minh Triết*, Nguyễn Đăng Trúc đã nâng các truyện xưa của ta lên một tầm cao và đẹp, đúng với vai trò mà chúng đã đóng một cách âm thầm nhưng linh hoạt trong tâm thức, trong ký ức lớn của dân tộc qua suốt chiều dài của lịch sử.

Câu Chuyện Giữa Đường

tuyển tập truyện ngắn của **Nguyễn Hiền**, Cái Đình xuất bản, 157 trang, giá US$12.00. Liên lạc: Cái Đình, Den Uylstraat 36, 8015 DZ Zwolle, The Netherlands. Tel: +31 (0)384600989.

Nguyễn Hiền là tên thật cũng là bút hiệu của một dược sĩ hiện ở Hòa Lan, vẫn viết bài về văn học cho các báo ở Hòa Lan, ngoài ra cũng có sáng tác đăng trên các tạp chí Việt ngữ tại Hoa Kỳ như Văn Học, Thế Kỷ 21... *Câu Chuyện Giữa Đường* tập hợp 13 truyện ngắn của Nguyễn Hiền có bối cảnh phần nhiều là cuộc sống tị nạn tại Hòa Lan, hoặc Sài Gòn những ngày tháng chuẩn bị vượt biên vào cuối thập niên 70. Nhưng điều chú trọng của tác giả không phải là bối cảnh, bối cảnh chỉ là cái cớ, để ông nắm bắt lấy những điều mà ông gọi chung là những "chuyện giữa đường," *những chuyện tưởng như chỉ thoảng ngoài tai, nhưng không biết từ lúc nào chúng đã hằn vào trong ký ức thành những vệt sâu, suốt đời không mất dấu.* Ông viết lại những chuyện như thế, những chuyện không có chuyện, mà là những "vệt sâu trong ký ức," nhưng bản lãnh tài viết truyện ngắn của ông đã biến thành những

mảng sống động của cuộc đời đồng thời cũng thành những dấu hỏi để đấy giữa cuộc nhân sinh. Đọc xong mỗi truyện ngắn của ông, người đọc hình như nghe lòng vẫn chưa yên, vẫn phân vân một câu hỏi mơ hồ: tại sao vậy? Mà hình như đó cũng là câu hỏi của chính tác giả, vì "chuyện giữa đường nghe qua rồi bỏ" mà ông vẫn không bỏ được, vẫn biến chúng thành văn chương, thì hẳn phải có nợ nần gì. Thì ra đó là những điều ẩn dấu sâu kín phía bên dưới bề mặt của cuộc sống mà thường giới cầm bút hay tò mò khám phá ra, và đem đến cho người đời những khám phá về chính họ mà thường họ không ý thức được.

Sau **VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI**
của **NGUYỄN VĂN TRẤN**

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ mời bạn đọc

TỬ TÙ TỰ XỬ LÝ

Hồi ký của TRẦN THƯ

Năm 1967, là một Thiếu Tá QĐND, TRẦN THƯ ở trong số hàng trăm người bị phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ bắt giam, tù đày trong vụ **Xét lại - Chống đảng** cùng với **Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang.**

Phần Phụ Lục gồm nhiều văn thư, tài liệu do chính các nhân vật liên hệ trong vụ án và gia đình họ cung cấp. Đọc **Tử Tù Tự Xử Lý** để biết rõ chính sách tàn bạo kinh khiếp của các lãnh tụ Cộng Sản đối xử với chính các đồng chí của họ.

Sách dày 340 trang.
Giá 15 MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

"...Nói đúng ra thì bây giờ tôi cũng chẳng chống đảng. Tôi chỉ chán đảng thôi, chán phè."
"...Con X bảo em, nó định giới thiệu em vào đảng. Em bảo nó: - Xin lỗi chị, khi vào đảng béo bở, các chị chẳng nhớ đến em. Bây giờ người ta sắp lôi đảng viên ra hỏi tội, các chị mới bảo em vào, em chả dám."

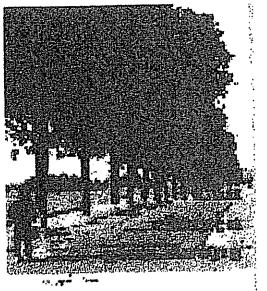

Vàng

thơ của **Cao Xuân Tứ**, Cái Đình xuất bản, 60 trang, giá US$8.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Cao Xuân Tứ cư ngụ tại Hòa Lan từ 1975, cộng tác với nhiều báo Việt ngữ hải ngoại như Văn Học, Thế Kỷ 21... và các báo ngoại văn như Edinburgh Review (Anh), Westerly (Úc), De Tweede Ronde (Hòa Lan), Deus Ex Machina (Bỉ)... cùng với chương trình "Short Story" của đài BBC World Service (Anh). Ông cũng đã đoạt giải thơ Dunya của Hà Lan năm 1995.

Tập thơ gồm những bài thơ đắc ý nhất của tác giả, viết bằng ba ngôn ngữ Việt, Anh và Pháp. Thơ ông giàu hình tượng, rất nhiều tứ và từ lạ, kết cấu chặt chịa. Các đặc điểm ấy chuyên chở nhiều nỗi niềm của tâm tình Việt Nam, nhưng khi đọc người ta khó "thả hồn theo thơ" vì ít gặp nhạc điệu bổng trầm quen thuộc, mà mắt phải mở lớn, ý thức căng thẳng để đối phó với cái mới sẵn sàng xuất hiện bất ngờ.

Thuyết Toàn Dụng Của John Maynard Keynes Có Áp Dụng Ở Việt Nam Không?

đúc kết Hội luận Kinh tế do Hội Ái Hữu Cựu Giáo sư và Sinh viên Đại học Đà Lạt tổ chức tại Antony (Pháp) ngày 30-6-1996, 80 trang, giá 40 quan Pháp. Liên lạc: Hội Cựu Giáo sư và Sinh viên Đại học Đà Lạt, 7, rue du Dessous des Berges, 75013 Paris, France.

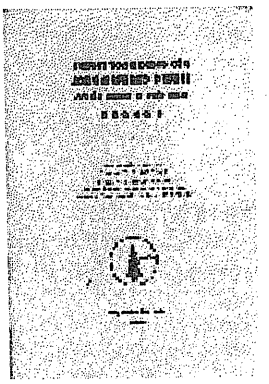

Tập sách gồm bài thuyết trình của Giáo sư Vũ Quốc Thúc, và sự đóng góp ý kiến của các ông Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Đức Long, Nguyễn Văn Thơm, Vương Văn Bắc, Nguyễn Phú Đức. Theo GS Thúc, thuyết toàn dụng được

kinh tế gia J.M. Keynes đưa ra trong cuốn sách "Tổng lý thuyết về nhân dụng, lãi tư bản và tiền tệ" xuất bản năm 1936, đã có ảnh hưởng lớn như là một cuộc cách mạng trong lịch trình tiến hóa của tư tưởng kinh tế. Lý thuyết của Keynes đã được nhiều nước không cộng sản áp dụng, đem lại nhiều kết quả đẹp đẽ trong ba thập kỷ liên tiếp (từ giữa thập kỷ 40 đến giữa thập kỷ 70). Lý thuyết ấy có thể rất hữu hiệu cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam trong hiện tại, nếu nhà cầm quyền dứt khoát từ bỏ tư tưởng Mác-Lê Nin. Phần thảo luận đem lại nhiều cách nhìn khác nhau, khiến nội dung vấn đề trở nên dồi dào phong phú. Phần cuối cuốn sách có bài "Keynes trong tiến trình thay thế kinh tế Mác Xít ở Việt Nam" của Lê Đình Thông, phân tích những khả năng áp dụng lý thuyết này cho nền kinh tế Việt Nam hiện tại.

Một tập sách mỏng nhưng có nội dung rất "dày," chứa đựng những kiến thức vừa kinh điển vừa thực tế của những người có thẩm quyền về lý thuyết và lại rất ưu tư về tương lai của Việt Nam.

Thao Thức

thơ của **Trần Trung Đạo**, Dân Quyền (Oklahoma) xuất bản, 128 trang, giá US$ 10.00, ngoài Hoa Kỳ $12.00. Liên lạc: Trần Trung Đạo, 6 Thornley Street, Dorchester, MA 02125, USA. Tel: (617) 256-5984.

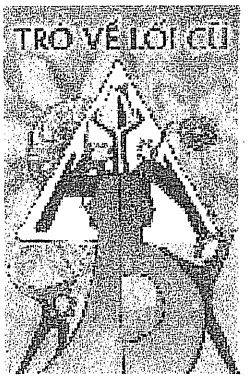

Trần Trung Đạo là một nhà thơ xứ Quảng (Nam), định cư tại Hoa Kỳ từ 1981, năm 1993 đã xuất bản tập thơ đầu tay *Đổi Cả Thiên Thu Tiếng Mẹ Cười* được độc giả rất ưa thích (được tái bản năm nay cùng một lúc với *Thao Thức*). Tác giả là người tham gia thường xuyên các sinh hoạt văn học trên Internet từ năm 1990, trong đó có việc đưa lên lưới những sáng tác thơ của mình. Do cái duyên "liên mạng" này mà nhiều người biết đến ông, cảm thơ ông và thúc đẩy ông xuất bản tập thơ đầu. Trường hợp *Thao Thức* cũng vậy, ông đã "phóng" từng phần lên không trung, và nay tập hợp thành sách.

Một người muốn đổi cả thiên thu để lấy tiếng cười của mẹ là một người thiết tha với nguồn gốc của mình đến thế nào. Cái tình trong thơ Trần Trung Đạo đằm thắm và trong sáng, toàn hướng về nơi gốc gác của mình, mơ làm viên sỏi dưới chân em bé gái học trò đang tới lớp, làm chút gió heo may thổi lên vai gầy của chị gánh hàng rong, làm tiếng sáo thổi vi vu để hòa điệu với tiếng hát nghêu nhao của chú bé mục đồng..., nói chung thơ ông là quê hương. Nhưng sự thương nhớ của ông không sướt mướt, ông tin tình yêu thương sẽ làm phục hoạt nhiều thứ đã mất. Chỉ một người có niềm tin như thế mới có thể viết:

Mẹ là thơ nên đất nước sẽ hồi sinh

Trở Về Lối Cũ

tuyển tập mừng 15 năm của nguyệt san **Hoa Niên**, "tờ báo của tuổi trẻ Việt Nam tại Úc châu," 173 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Hoa Niên, P.O. Box 1040, North Richmond VIC 3121, Australia.

Từ năm 1981, tờ Hoa Niên do các bạn trẻ Việt Nam chủ trương đã ra đời tại Úc châu, quy tụ những cây bút rất trẻ, dần dần thành một diễn đàn, một nơi gặp gỡ sinh hoạt của những người trẻ tuổi tại đó. Năm nay, 1996, nhân kỷ niệm 15 tuổi (đúng là tuổi Hoa!), nguyệt san Hoa Niên đã thực hiện một tuyển tập gồm những bài viết chọn lọc từ các số báo đã qua. Hãy nghe các bạn trẻ nói với nhau:

Bạn đang cầm trên tay một tuyển tập gồm tất cả những bài vở ưu tú nhất từ 15 năm nay ... Bạn sẽ tìm thấy "Chuyện cổ tích về Hoa Niên," những bài văn thơ có lẽ được chắt chiu từ tận đáy lòng bạn và những người đi trước chúng mình từ mười mấy năm qua ... Mong bạn sẽ tìm thấy những giây phút thoải mái khi bạn thả hồn đi với chúng mình vào những tâm tình thơ mộng Hoa Niên.

Presentation of Thai Tuan's book:
"Selected Essays and Recent Paintings"

3:00 PM Sunday, December 16, 1996, at 43 Rue de Boileau, Paris 16, France.

Organized by: Vietnamese Arts and Letters Association,
Buoi & Chu Van An Club in Paris,and Friends of Thai Tuan

FIREFLIES

by DINH T.D.

Without a single worry in our heads, we spent the days in the yards surrounding the barracks, lying on the grass, staring at the infinite sky. Behind closed doors, the adults sat in their little rooms, worriedly discussing things that they thought important but which we paid little attention to. At dusk, after a dinner of bland American food spiced only with pepper and salt, we jumped in the ditches behind where we lived, glass bottles in hand, to patiently wait for the first firefly to twinkle in the night. One small light would blink, then another, and soon we all ran about chasing the swarm of lights that flashed about our legs and swirled around our heads. Only when each boy and girl had caught at least one little glowing bug did we happily walk back to sit with Old Father on the wooden steps of the barrack where he roomed with his son's family, and where my family stayed as well. Bottles on our laps, we anxiously waited for another tale to be told. Everyone called h Father because he possessed a paternal quality with his neatly parted silver hair, his clean white shirt and knitted scarf, and the kind way he patted you on the shoulder. On breezy nights he'd put on a cardigan and smoke one cigarette after another, taking his time inhaling and exhaling the smoke that smelled like burnt rice. His voice engaged us and calmed our restless bodies—an authoritative but warm voice that could come only with age. People said he had once been a highly respected scholar who had fallen out of favor with the government and that he had been living alone for many years since his wife passed away.

On those quiet, cool nights as I sat beside Old Father, watching him smoke, listening to the songs he hummed, I would sometimes wonder about my aunt Nhung. She could always be found sitting on her bed, looking outside, her dark figure framed by the lighted window. What thoughts crossed her mind while she twisted her hair around her finger? Was she thinking about our home in Saigon with its rooftop, from where one could look down at the alley that cut through our neighborhood? The alley where children played in the dirt, where fighting cricket matches were held, where couples met for sunset strolls, where dust would settle after a refreshing sudden summer rain. I, too, sometimes wistfully thought about our neighborhood and our house with its rooftop, where I often hid at night among crates and old furnishings to catch the soft whisperings of my aunt and her boyfriend. Hand in hand, they'd stand against a backdrop of bright stars and a glowing moon. I never heard half the they said, but for some reason I liked to watch them, their quiet gestures of mutual acknowledgment. In our camp in Pennsylvania many nice young men often came to our barrack to ask Aunt Nhung to go for a walk or come join in a singing circle, and my parents eagerly persuaded her, but she never accepted. And why did she never join her gossiping girl friends for a nice stroll under a beautiful moon? These were the thoughts that sometimes wandered through my mind, but they quickly disappeared when Old Father made a coughing noise, his signal to all of us that he was about to begin his story.

"Do you children know the story of the coconut man?" Old Father asked.

We all shook our heads and then perked our ears, anxious to hear another wondrous tale.

Old Father looked up towards the sky, which was blanketed with an array of shimmering stars, and then took a deep breath.

"A long, long time ago there was an old man with a shiny bald head who lived in a coconut grove, high up in the canopy of its trees," he began. "His beard was long and white like the silk of corn, which he tied with a vine. His eyes were as bright and round as longan seeds, and a smile always adorned his face. He wore a loincloth weaved of palm fibers, and his skin was brown as the earth.

"The palm grove where he lived stood on the bank of a tributary of the Mekong River. Near the palm grove was a small village called Coconut village, which was surrounded verdant rice fields. No one in the village, not even the elders, could remember when and from where this

strange man came. For all they knew and cared, the coconut man, as they called him, was born in those trees ages and ages ago. Some even went so far as to say that he was one of the one-hundred ancestral children of the sea dragon and the mountain fairy. No matter how many myths surrounded this man, no one paid the least of attention to him, for he was to the coconut trees as the monkeys were to the mango trees, as the white cranes were to the rice fields.

"The village children often played hide-and-seek in the grove and would ask him for something to drink when they were tired from their games. He would pick the ripest coconuts and throw them down. The children, just like all of you, would scurry about, shoving each other to claim their share. They would sit with their backs against the trees and drink the cool refreshing juice, and when their thirsts were quenched, they'd break the shells and fill their bellies with the soft white flesh. The children would eat, laugh, sing songs, while the old man sat in his tree, swinging his legs...."

Old Father's story of the children drinking and eating made me think of the alley of my neighborhood, where cyclo drivers flirted with the food vendors, where the steam of tofu and the smell of ginger hung in the early morning coolness, where the scent of rice noodles and fried cakes mingled with the afternoon heat, and where at night corn buttered with onion oil would roast over glowing charcoal.

Old Father went on to tell about the superstitious women of the village who came to the coconut grove to make offerings. "They'd bring mangoes, bananas, durian or sweet rice wrapped in banana leaves and place them at the foot of the coconut man's tree. They prayed for the well being of their families, for a good rice harvest, for a healthy male child; and the young girls prayed that their loved ones return alive from the war, which had been waging for longer than anyone could remember. While the kneeling women pressed their palms together and said quiet prayers, the coconut man either slept or whistled to the birds. Only at dusk could his stick-like silhouette be seen climbing down the tree to pick up the offerings.

"No one bothered the old man and he bothered no one. He sang to the magpie birds and they sang to him; some even perched on his round head. He was only driven from his peaceful meditation when the monsoon season came. But even this didn't seem to bother him much. When the torrential rains poured, he sat within the canopy of the tree with a coconut shell over his head. The slapping winds swayed the palm trees this way and that, bending their trunks, but by the grace of Heaven the trees never fell down no matter how ruthless the storm. When the rains stopped, he'd swing his legs and look with a smile on his face at the endless expanse of bright green rice paddies, the mountains in the distance with mist encircling their peaks, the buffaloes on the bank of the river drying themselves, and the cranes flying back from some far off haven.

"Excuse me for momentarily stopping the story at this point, boys and girls," Old Father said. "Keep your thought on the coconut man as I smoke a cigarette to stoke my imagination." Old Father sat quiet, his arms resting on his knees. The tip of the cigarette burned bright in his hand. His eyes looked far into distance, where fireflies flashed in the darkness. My friends talked among themselves and the murmuring of our parents could be heard. The dark silhouettes of couples appeared and disappeared among the trees. Old Father took a last soothing drag and threw the butt on the ground. He then let out a short cough, capturing our attention once again.

"On a windy day that seemed to foreshadow the coming of the monsoon, a band of men came to Coconut village when the sun was about to set," Old Father began."The men carried pointed weapons in their hands as they confidently marched between the rice fields through the village gate. When they reached the center of the village, the commander of the band ordered his soldiers to round up the village men in one group and the women and children in another. Even though the band of men and the villagers spoke the same language, they had difficulty understanding each other. The villagers were taken aback by the rude way in which the men spoke to the village elders. They could not understand why these men used vocabulary that sounded so foreign, so harshly impersonal, so devoid of soul. All their lives they were familiar with the warm, lively language of the humorous stories and melodious poems which their forefathers had handed down to them through word of mouth.

"And when all the men and women of the village were separated into two groups, the commander demanded loudly to speak to the village leader. An old shriveled man wearing black clothes with a scarf wrapped around his head stepped forward, leaning on a cane. 'Do you know of any traitors to the motherland in your village?' the commander asked the old man. 'To the best of my knowledge, I know of no persons whom you have described, sir,' the old man replied. 'You people think you're so smart with your old men and innocent looking women. I'm not dumb, you're all bloody traitors!' the commander yelled.

"The children of the village began to cry and their mother's pressed them to their bosoms. The men of the village lowered their heads. The village leader bent his knees and sat down on the ground, for he knew his words were useless. The old man's many experiences had made him distrustful of grandiose speech by men like the commander, whose words always extolled humanity and love for one's country but whose actions were contrary to such ideals. His long life had also taught him that sometimes all one can

ĐOÀN THANH LIÊM

TO FRIENDS ON THEIR RETIREMENT

(Inspired by E. Evtushenco: "Don't die before death.")

How can you rest, the pilgrimage is not yet finished?
It is painful to find the country in tatters.
The patricians have already neglected their good manners
How can one reproach that the mass abandon themselves?

Saigon, 1987

NOSTALGIA: DALAT

(Inspired by Robert Frost: "But I have promises to keep
And miles to go before I sleep.")

Green pines attract us to Poetic enjoyment,
But I have a debt to pay
for the National Cause.

The long march is truly exhausting.
Still, I remain adamant and dedicated
to our earthly life.

Saigon, July 1990 in a dark cell

do is gather one's strength and patiently sit through the whirlwinds of history.

"While the old man and the villagers sat quiet on the ground, the soldiers ran in the houses weaved of palm leaves, and the sounds of broken pots and bowls screamed through the windows. Rice containers were emptied and pigs and chickens were tied-up and hung on shoulder poles. Not finding what they were told to look for, the soldiers went back to their commander, who stood tall and erect looking across the river. While his men were reporting to him, the commander saw a monkey-like figure quickly climb down a coconut tree and then up again. With a keen eye and a good sense of smell like all great leaders, he immediately yelled some orders, and the band of men in single file marched out of the village. They looked like wobbling bananas as they crossed the rice paddies—"

Old Father interrupted his storytelling to adjust the scarf around his neck. And then instead of taking out another cigarette, he just sat still, staring into the dark distance. We all remained quiet, looking at the fireflies in our glass bottles.

"The soldiers dispersed upon entering the thick coconut grove," Old Father suddenly began. "Some became so lost they walked in circles, while others tripped and hit their heads on coconut shells. The commander spotted the strange-looking figure with the long white beard in one of the trees and ordered his men to aim their weapons. As projectiles flew up into the tree, coconut juice squirted down into the soldiers' eyes and fruits fell on their heads. The commander, aggravated, ordered one of his men to chop down the tree. As the tree fell, the thin man with the white beard jumped to another tree. This tree was axed down, and the man jumped to the next tree, and after a while all the soldiers were sitting on the fallen trunks with sweat pouring from their bodies, drinking from the coconuts.

"Just one tree remained. The commander became so angry as he looked up and saw the little man with two shiny dots for eyes and a grin on his face. The commander's face flushed from white to red when he saw the man swinging his legs back and forth, whistling. He picked up the ax and began to chop. His face burned with angry determination as he swung the ax with a fierceness that made his soldiers shiver with fear. The commander didn't care anymore if the scrawny man was a traitor or another stupid peasant; it was the piercing, jeering child-like face that suddenly embodied everything he despised in life. When the tree finally came crashing down, the commander yelled in victory, his own little fleeting victory.

"The body of the coconut man with his stick-like arms and legs lay under the trunk of the coconut tree. The eyes were closed, the mouth was twisted to one side. From a crack in the back of his head, a clear liquid oozed out. The long white beard ruffled as the first monsoon winds blew over the yellow earth, and the wailing sound of a magpie could be heard.

"That's the end of the story, children," Old Father concluded. "Now it's time for you to go to sleep and for me to enjoy a smoke." We said goodnight to each other, and my friends walked back to their barracks. Crickets chirped in the grass bushes and frogs croaked in the nearby creek. I sat watching Old Father blowing out smoke in circles that grew bigger and bigger and

became so thin that they disappeared in the darkness. The tip of his cigarette lit brightly when he inhaled, the burning tobacco making crisp sounds. The scent reminded me of the burnt rice at the bottom of my mother's cooking pot.

"Go to bed, child," he said, "it's late, you wouldn't want to catch a cold and worry your parents, would you now?"

It was late, but I didn't want to leave because for some reason Old Father's story had evoked a strange discomfort within me; his story did not leave me in wonderment like his other tales of ancient kingdoms where lived beautiful princesses and brave young men with supernatural powers. My feelings of perplexity urged me to ask Old Father to explain, but then I hesitated because I didn't know what it was exactly that I wanted him to clarify. As I sat thinking about the story and the coconut man, I heard the door of our barrack creak open. It was my aunt. As she stood in the doorway, her oval face reminded me of the moon, pale and glowing, distantly beautiful.

"Tri, it's time to go to sleep," she said softly. "I have a present for you, Aunt Nhung. I caught six tonight," I boasted, holding out the glass bottle to her.

"I only see two," she said, looking at the bottle from a distance.

"The other four are sleeping on the bottom." She took the bottle and held it up to her eyes. She gazed at the two fireflies still flapping their wings, their tail lights faintly blinking. Then she looked down at the other four little bugs who lay motionless. She opened the lid of the glass bottle and, with a quick flick of her hand, threw the contents up into the darkness. The two fireflies quickly disappeared.

"You shouldn't try to possess what Heaven intended to be free," she said as she grabbed my hand. "It's hard to do but we have to let things go."

Though her voice betrayed a hint of sadness, her words were somehow comforting and possessed a timeless strength like the sound of a temple bell.

"Good-night, Old Father," I said before going through the barrack door.

"Sleep well, son," I heard him say. "Tomorrow I will tell you the story of the firefly whose light shined for thousands of years, a light kept alive through the darkest of nights by ardent love and unrelenting memory."●

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ (VAALA)

TRIỂN LÃM TRANH và BIỂU DIỄN VẼ TẠI CHỖ

Watercolor Painting Exhibition

by Phan Dân Sinh from Taiwan

HỌA SĨ THIẾU NIÊN PHAN DÂN SINH, 12 tuổi

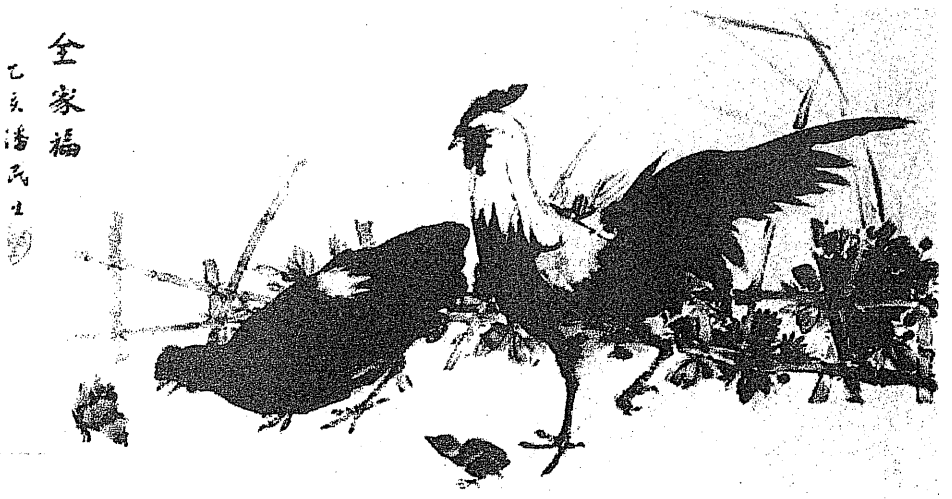

11:00 AM to 4:00 PM, Monday 9 and Tuesday 10, December 1996

VAALA Gallery, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, California.

The Long Saga of Hoang Sa-Truong Sa: Territorial Disputes Among Vietnam, China, and Other *Asean* Nations

By UYEN NICOLE

Uyen Nicole is the stage name of a woman international lawyer whose career responsibilities include major transactions in the Pacific Rim for a multinational corporation. This article was initially written in 1994 for international business or legal periodicals, and has been modified for publication here with the author's permission. Most footnotes have been deleted. The author is indebted to Mr. Frederick Burke, partner of the law firm of Baker & McKenzie, for his invaluable assistance in providing research material. This article represents the author's personal view, and does not reflect the views of any of her clients, employers, or colleagues.

I.

Historical Background: From Folklore to *Real Politik* and Legal Battles

It has been almost 10 years since the Socialist Republic of Vietnam first opened its doors for foreign investment under its policy of *Doi Moi* ("Renovation"). In the October 24, 1996 issue of the *Asian Wall Street Journal*, the country's trade history and policies were reviewed, and the Asian WSJ, quoting international economists, raised the question of whether Vietnam is on the right path to "tigerdom." See *Asian Wall Street Journal*, Oct. 14, 1996, page 1.

But this condensely populated country, once notorious for a devastating war, now faces a myriad of challenges, including those which go beyond the question of whether its government has taken the "right" or "wrong" path to economic development. Some of these challenges involve *real politik* among nations, or perhaps even legal battles in the international arena. One such challenge has been the territorial dispute in the South China Sea which, for decades, has contributed to the tension in diplomatic relations between China and Vietnam. The sensitivity surrounding this issue can perhaps be demonstrated by the fact that in Vietnam, the South China Sea has never been referred to by such an international, geographical name, but, instead, has consistently been called the "East Sea" ("Dong Hai"). In this article, the area of conflict is called the "South China Sea" only for the convenience of reference.

The South China Sea, or East Sea as it is called in Vietnam, would have remained merely as such — a geographical name, perhaps better known among tourists for its sapphire blue water than for its criss-crossing strategic shipping lanes having existed through centuries of ocean commerce. But now, the prospect of commercial oil discovery has elevated the area into a political, legal, or even potentially military conflict. The South China Sea has been said to contain rich natural resources, including sea products, oil and mineral reserves. For example, the Russians have long been producing oil from the lucrative, yet structurally complicated *White Tiger* field ("Bach Ho") off the coast of Vietnam, initially discovered in the 1970s by Mobil Corporation, shortly before its hasty exit from the now defunt Republic of South Vietnam. As another example, the Natuna field in the southern part of the area has long been, and continues to be, part of the economic backbone of oil-producing Indonesia.

Today, the South China Sea is the subject of overlapping territorial claims by seven Asian governments. Dozens of international oil companies and consortiums have been, and are exploring for petroleum resources in the area. These exploration activities heighten the international attention given to these heated territorial disputes, primarily because of the competing economic interests at stake, should these multi-national corporate giants again strike "oil" in the area. Many countries have made public their legal claims to defend their sovereignty in the area, based at times on a well-known legal document and body of international law called "*The United Nations Convention on the Law of the Sea*" (the "Convention" or "UNCLOS"). UNCLOS codifies many customary international law principles — it draws a sovereign State's coastal "baseline" and, simply stated, specifies a limit of 200 nautical miles (approximately 322 kilometers) from such baseline to form a sovereign State's Continental Shelf and Exclusive Economic Zone. UNCLOS codifies and establishes the sovereign rights of a state in its Continental Shelf and Exclusive Economic Zone. Legal problems occur where, in a narrow area or semi-enclosed sea, the 200-mile Continental Shelves and Exclusive Economic Zones of sev-

eral sovereign States overlap. This is primarily the essence of the disputes in the South China Sea (other than the expansive claim of China, which is not based on the 200-mile Continental Shelf limit).

While legal positions have been asserted, there has also been ample evidence, including press reports, showing that these countries are continuing their efforts to set aside their differences and concentrate on cooperative forms of economic development. This is in fact an indication that, despite the legal claims, these territorial disputes will ultimately be resolved, not by legal means but, instead, by *real politik*. For most foreign oil companies active in the area, these territorial disputes are but one more political risk hovering over their investment, one that is not substantial or imminent enough to discourage aggressive exploration activities. In fact, a number of these exploring investors are facing problems, not from the prospect of military attacks on oil vessels and rigs to defend sovereign rights, but instead, from the extremely complex geophysical characteristics of the area, which account for excessive exploration and development costs.

Description of the Areas Subject to Conflict

The area of conflicting claims covers the entire South China Sea. China's claims are the most extensive, running all the way from the Chinese coastal baselines to areas within a few miles away from the coasts of Brunei and Malaysia. Investors and scholars studying the area have often commented that China in fact claims the entire South China Sea as belonging to it. Supporters of the Chinese claims maintain this is the reason why the area got its international name — it is named after China. (If the name itself is sufficient to claim sovereignty, then one may argue as well that the Indian Ocean, therefore, must belong exclusively to India!)

Vietnam and other ASEAN countries: Malaysia, Brunei, Indonesia, and the Philippines also claim certain parts of the South China Sea. Taiwan's claims are essentially co-extensive with China, because Taiwan has always maintained that it is the legitimate government of continental China. All these governments have troops stationed intermittently on various islands in the South China Sea.

The competing sovereign claims have centered primarily around two main geographical points of conflict. The first is the Paracels (*Msha Qundao and Zhongsha Qundao* in Chinese, or *Quan Dao Hoang Sa* in Vietnamese). The Paracels is a group of approximately 120 small islands about 220 miles southeast of China's Hainan Island. These islands are essentially claimed by Vietnam, Taiwan and Beijing. Chinese marine force captured the Paracels in 1974, soon after the now defunct South Vietnamese government announced it was granting oil exploration rights there, and only months before the fall of Saigon. The Paracels has been occupied by China since.

The second point of conflict is the Spratly Archipelago, a group of approximately 100 islands, reefs, and shoals spread over about some 7000 square miles in the southern part of the South China Sea. They are called "*The Nansha Qundao*" in Chinese (meaning the Southern Sands Island Group), "*Quan Dao Truong Sa*" in Vietnamese (meaning the Elongated Sandbank), the "*Kayalaan*" in Tagalog, the dialect of the Phillippines (meaning Freedom), and by other various Malay names. The main group lies closest to the Philippines, about 150 miles west of the Palawan island. The Spartlys are either wholly or partly claimed by Vietnam, Taiwan, Beijing, Malaysia, the Philippines, and Brunei, and each of these countries has military forces arrayed somewhere in these islands. The Spratlys were temporarily occupied by Japan during the Second World War and was visited occasionally by French and Chinese warships. During the postwar period, however, the islands were unoccupied, except for periodic visits by Chinese fishermen from Hainan Island during the monsoon months of December and January.

Other isolated islands, reefs and sandbanks in the South China Sea are also subjects of contention. Of these, the only island of any significance that falls outside Beijing's claims is Natuna, now occupied by Indonesia. Natuna and adjacent areas are also claimed by Vietnam and Malaysia as within their respective "Exclusive Economic Zones." In summary, in today's political and economic climate, no islet or sand bar in the South China Sea, no matter how small, is really immune from territorial claims or military occupation.

Sensitivity regarding the China-Vietnam Dispute:

The competing territorial claims are particularly sensational as between China and Vietnam, perhaps due to the thousands of years of historical conflicts between the two countries over sovereignty rights, and the fact that today, both countries are still clinging on to Marxism. It is common for a Vietnamese to quote a well-known Vietnamese songwriter in describing his or her national heritage as, "*a thousand years of Chinese domination followed by a hundred years of French colonialism...*" The South China Sea dispute is especially sensitive for the Vietnamese psyche, because Vietnam has long based its national spirit and ethnocentrism on the seawater that borders the east side of the country's long-winding, S-shaped strip of land — by folklore, the Vietnamese are descendants of a "Blue Dragon" ("Lac Long Quan") belying the East Sea, who was married to a Fairy Bird, and that was how the Vietnamese race and culture all began. The Chinese, to the contrary, frequently claim that Vietnamese are migrating descendants of the Chinese.

Open territorial conflicts occasionally flared between China and Vietnam even during the Vietnam War. For example, China took the Parecels by force from the now defunct Republic of South Vietnam in 1974. After the fall of Saigon in 1975, Vietnamese Communist troops gained possession of the islands within the Spratlys previously occupied by South Vietnam — perhaps a contributing cause to the deteriorating relations between Hanoi and Beijing. The 1979 Chinese attack on Vietnam demonstrated Beijing's willingness to use military force against Vietnam. Since then, each time Vietnam declares sovereignty or grants exploration contracts to foreign oil companies in the area, its action would tend to provoke a threatening response from China, and vice versa.

On February 15, 1992, China enacted its "Territorial Sea and Contiguous Zone Law of the People's Republic of China." This Law officially claims Taiwan, the Spratlys, the Paracels, and Diaoyu Tai islands as part of China's "territorial land." The Law specifically declares China's right to use military force to protect these islands. The Law aggravated the South China Sea disputes, and provoked nagative reactions from various neighboring countries, including Japan. But China did not stop there. In May, 1992, China awarded an oil exploration deal to Crestone Energy Corporation, a U.S. independent oil company, on an area called *Bai Tu Chinh* Reef (known internationally as the "Vanguard Bank"), which has long been claimed by Vietnam as within its Exclusive Economic Zone and Continental Shelf (located allegedly only 18 nautical miles from Vietnam's coastal baseline). It has been claimed that at its most Western point, the Crestone concession is only 100 miles from the Vietnamese coast. Holding the contractual license under the name of China, Crestone, of course, takes the position that *Bai Tu Chinh* belongs to China. The Vietnamese Army newspaper called China's action a clear "violation of the Continental Shelf of Vietnam and of international maritime law." Vietnam has steadfastly refused to talk with Crestone ever since.

In April, 1994, only a couple of months after the U.S. embargo had been lifted (and coincidentally the anniversary month of the fall of Saigon), Mobil Corporation, via a 100% owned affiliate, officialized its return to Vietnam after a two-decade absence from the country. In the early evening hours of April 19, 1995, for the first time in Vietnam, Japanese, Vietnamese, Russian, and American flags were displayed together in Hanoi at the signing ceremony of the "*Blue Dragon*" offshore exploration contract. These flags represented the nationalities of the various commercial groups that hold working interests in an oil exploration prospect off the coast of Vietnam, named "*Blue Dragon*" by the Vietnamese. As another coincidence, this prospect has been given a name most akin to the image of Vietnam's fatherly ancestor, the dragon king"Lac Long Quan," who inhabited his East Sea. The American flag at the signing ceremony represented the nationality of Mobil, which holds the American interest in the prospect. Under contracts with the now defunct South Vietnamese government some twenty years ago, Mobil was credited with finding oil in the South China Sea within Vietnam's Continental Shelf, but did not have the chance to develop its discovery because of the fall of Saigon (and subsequently, the U.S. trade embargo against the new Vietnam.) Mobil's presence in the area through Blue Dragon undoubtedly intensified the Vietnam-China territorial dispute.

Approximately more than a year later, Vietnam made an unprecedented move in defense of its territorial claim — it obtained the services of a Washington, D.C.-based international law firm, *Coving & Burling*, to analyze the strength of Vietnam's legal position. *Coving & Burling* issued a substantial legal brief, concluding that the Vietnamese position has merit and should prevail under international law. The scope of the *Coving & Burling* report was limited to the Bai Tu Chinh Reef, the Spratlys Archipelago, and the *Blue Dragon* prospect, all of which have been claimed by both China and Vietnam. Meanwhile, expensive offshore exploration in *Blue Dragon*, operated by a Japanese consortium made up of Mobil and its Japanese partners, have been underway. Despite its scholarly, legalistic value, at times the *Covington & Burling* analysis has ben viewed as being prompted by *real politik* factors, such as Vietnam's desire to "ring a bell" and gain support in the international community, rather than by any genuine or imminent need to predict a legal resolution.

II.

Legal Basis for Competing Territorial Claims in the South China Sea

A legal position requires application of a legal test based on established principles of law. Principles of international law are derived from either (i) customary international law, observed by nations through centuries, and/or (ii) conventions or treaties — intergovernment contractual bodies which, when signed and/or ratified by nations, become superior to their domestic law. Each claimant has built ardent and detailed (yet often quite disingenuous) arguments based on customary international law and the United Nations Convention on the Law of the Sea ("UNCLOS").

Customary International Law

Customary international law recognizes five modes of territorial acquisition: **Occupation, Prescription, Conquest, Cession, Accretion and Avulsion**. (See Louis Henkin, et al., *International Law, Cases and Materials*, pp. 256-297). Simply stated, these concepts are loosely akin to

the "adverse possession" concept at English common-law, which creates ownership interests based on continual, un-objected possession of real property. These customary international law concepts are summarily explained below.

Occupation is a state's continual exercise of its sovereignty and control. Here, no state can provide unequivocal evidence that it has exercised such continual control in the South China Sea. Beijing claims sovereignty on the basis of discovery of a "*terra nullius*," an essentially unoccupied and unclaimed territory. At international law, discovery of a *terra nullius* alone is not sufficient to obtain an indisputable claim. All of the states, including Beijing, show only sporadic involvement in the area. Beijing's Bureau of Oceanography admitted quite candidly that China did not, in fact, have a permanent and effective presence on any of the islands. It is also inadequate to support sovereignty with the mere fact that seafarers have recorded and mapped a certain area, or that ships have anchored in harbors at certain times.

Prescription is the peaceful, unopposed, and continuous governance by one state while the territory actually belongs to another. Although occasionally Chinese and Vietnamese writers have argued this doctrine, others have avoided it, as this argument concedes that the islands at one time effectively belonged to another state.

Conquest is unacceptable today as a legal basis for acquiring territory, but pre-World War Two conquests have been used to provide recognized boundaries. ((One could criticized that China attempted to revitalize this theory with its takeover of the Paracels from the now defunct South Vietnam.) To be acceptable, this mode of acquisition requires both a peace treaty after the war and national legislation explicitly incorporating the annexed territory. Neither the San Francisco Peace Treaty nor the Japan-Taiwan Treaty of 1952 transferred sovereignty of any of the South China Sea territories to any specific states. Although some of the states, including China, later passed retroactive legislation, such legislation was passed well into the period when conquest was illegal.

Cession refers to the forced or voluntary transfer of territory from one state to another. This is usually done by a treaty that renunciates all rights and titles to the territory in question in favor of another country. The only applicable treaty was the Sino-French Treaty on the Gulf of Tonkin. This Treaty can arguably be extended to encompass the entire region, and can be construed as giving the area west of longitude 108 3' E to Vietnam and the area east of this line to China. Both countries have subsequently rejected this treaty.

Under the theory of ***Accretion and Avulsion***, title to territory occurs where a new area is added within the territorial limitations of a state through natural causes such as deposits at the mouths of rivers or volcanic action. While some countries have recently claimed that new territories in the South China Sea have been created by this method, most of the claimed additions are probably artificial. Some rocks and reefs have been flattened to make them "habitable," and some have been created with landfill brought from elsewhere.

None of these five principles is likely to be dispositive in resolving the various claims in the South China Sea.

United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS)

This Convention gives coastal states exclusive sovereignty for purposes of exploiting natural resources in an area within 200 nautical miles from its "baseline" (UNCLOS, Art.56(l)(a)). Sovereignty over an island means extending the state's territory and baseline to that island. Therefore, claims to the Paracels and Spratlys implied claims to huge areas of the South China Sea.

Simply stated, although all nations claiming a territorial right in the South China Sea are parties to UNCLOS, a nation must ratify UNCLOS in order to accord the treaty its supreme and binding status over that country's domestic law. Countries that have ratified UNCLOS such as Vietnam and Malaysia all argue ardently that UNCLOS supports their respective territorial claims. In reality, as illustrated below, UNCLOS may open the door to more cannons for legal debates, and is far from providing a dispositive answer.

First, UNCLOS does not yet have the status of customary international law. A treaty only has the same precedential effect as customary international law if it is so widely recognized as a codification of customary international law. Simply staed, to become effective and to receive its binding status as the authority on international maritime, UNCLOS must obtain a sufficient number of ratifications by countries. That "magic number" of ratifications has been accumulated, and may be attained in this decade. Until then, UNCLOS cannot displace various customary international law principles, such as those discussed above. Otherwise, a convention or treaty like UNCLOS is contractual in nature and does not prevail over a country's domestic law unless the lawmakers of such country take action to ratify the treaty. For example, the United States has neither signed nor ratified UNCLOS, perhaps due to the view that UNCLOS promotes shared sea resources in favor of developing countries to the detriment of the free enterprises.

Second, the 200-mile Continental Shelf/Exclusive Economic Zone cannot resolve the China claim, which extends well beyond the 200-mile limit from China's baseline to encompass almost all of the South China Sea. For example, to support its claim to the Spratlys, China must rely on a territorial acquisition principle rooted at cus-

tomary international law and support it with historial evidence. Thus, UNCLOS can only be the basis for resolution of sea-use rights after the territorial issues under the various customary international law principles have been resolved.

Third, in accordance with the definition of Article 122 of UNCLOS, the South China Sea is a semi-enclosed sea. For such type of geographical area, Article 123 provides little concrete guidance, requiring only that the competing states "cooperate with each other in the exercise of their rights and in the performance of their duties under this Convention."

Fourth, where the Continental Shelf limits overlap, UNCLOS allows for "delimitation" to be resolved by "equity, " a test based heavily on principles far from any degree of precision. In summary, it is the judges of the International Court of Justice who must apply UNCLOS' "delimitation" concept and determine what "equity" means. These judges will also weigh and decide the historical evidence supporting the application of any of the five territorial acquisition principles under customary international law. However, none of the competing countries has brought its claim before the International Court of Justice, presumably fearing the lack of control over the outcome.

Fifth, under UNCLOS, the Spratlys would qualify as an "archipelago," whereupon the 200-mile Continental Shelf can only be drawn from the coastal baseline of those islands capable of supporting life. Thus, under the criteria of UNCLOS, it may disingenuous to "circle a baseline" all around the Spratly Islands. Under UNCLOS Article 121, "rocks which cannot sustain human habitation or economic life of their own shall have no exclusive economic zone or continental shelf." Although the competing countries have not been shy to exhibit evidence showing that the Spratlys are "habitable" and occupied by their citizens, many of the fortified rocks in the South China Sea can hardly sustain the garrisons on them without constant supplies brought in from the continent.

III.

Some Interesting Historical Evidence

A legal position must be supported by factual evidence that fits into the legal test. Accordingly, each country claiming territorial ownership in the South China Sea has selectively interpreted factual evidence to benefit its territorial claim. Archaeological evidence shows that voyagers from many cultures have traversed the South China Sea and, hence, set foot on its various islands for thousands of years.

Historical Evidence — China vs. Vietnam

Beijing has selectively interpreted archaeological evidence to claim that the area has always been occupied by Chinese fishermen, supporting their position with historical chronicles that date back to the Han Dynasty (206 B.C. - 25 A.D.).

The Vietnamese, on the other hand, claim that by the early part of the 19th century, the Spratlys were directly governed by their Nguyen emperors, and that the French formally annexed the Spratlys when they colonized Indochina. When Vietnam gained independence from France, title inured to the Vietnamese. The French annexation, however, only covered certain parts of the archipelago.

The Treaty of San Francisco

Vietnam also seeks support in the Treaty of San Francisco of 1951. The Treaty, which formally ended the war with Japan, together with the subsequently signed Sino-Japanese Peace Treaty of 1952, may arguably serve to determine the post-war status of the Spratly Islands. Both of these documents, however, are quite ambiguous. During the conference on the San Francisco treaty, to which neither Beijing nor Taiwan was invited, Vietnam declared that the islands had "always belonged to Vietnam." Since this assertion was not challenged by the conferees, Vietnam claims this amounted to universal recognition of its sovereignty over the islands.

Beijing has argued consistently that the Vietnamese claim was invalid, since Vietnam was not yet an independent state when it signed the treaty. Therefore, according to Beijing, Vietnam lacked the requisite capacity to enter into a binding treaty resolving territorial matters under international law.

The New Filippino Claim

The Philippines' interest in the Spratlys began in 1956, when a Philippine businessman named Thomas Clova claimed to have discovered several of the islands, where he later settled. Clova declared this area to be an independent republic, calling it the "Free Republic of Freedomland," and he himself took the titles of Admiral and Chairman of the Supreme Council. These actions provoked a series of diplomatic protests to Manila and military patrols by neighbouring states.

During the Marcos era, Manila began to claim legal title to some of the islands occupied by Clova. The Philippines later announced that the islands formed part of the Philippine archipelago, and the 1973 Philippine Constitution declared the area around the islands to be part of the internal waters of the Philippines. Military clashes erupted during this period when Taiwanese artillery fired on Philippine boats.

Other military outbursts allegedly occurred in 1983 when Malaysia sent commandos to occupy certain islands only about 40 miles away from Vietnamese fortifications. In addition, Chinese ships allegedly harrassed French exploration vessels, and Chinese naval squadron reportedly conducted exercises near Vietnamese held is-

lands. Other battles between Vietnam and China in the Spratlys allegedly occurred as late as 1988, whereupon Chinese navy reportedly sank Vietnamese ships, and many lives were reportedly lost.

IV.

Evaluation of the current situation

The territorial disputes in the South China Sea have spanned over decades, and although intermittent military threats, displays, and actions have occurred, the conflict has not been elevated to major military outbursts that threaten world peace. Nonetheless, the situation in the South China Sea is sufficiently complicated to render the future uncertain. Any meaningful prediction of its impact or outcome should take into consideration the following factors.

The Economic Factor. Seismological surveys in the late 1960s and 1970s spurred interest in the region as they showed substantial oil and gas deposits in the South China Sea. Meanwhile, multi-national oil giants have embarked upon a "frontier" policy, seeking entrance into remote areas for new finds of petroleum resources. With the growing development of Southeast Asia in the 1980s, energy resources became of greater concern, and competition for these resources will likely become even more acute in the future. Petroleum exports are currently a major component of the economies of Indonesia, Malaysia, and Brunei, but rapid economic growth in the region leads to prediction that ASEAN countries may soon become a net petroleum importer. Power shortages in condensely populated countries like Vietnam and the Philippines mean that these countries will have an even greater incentive to urge their territorial claims. Based on these facts, one can easily see that the South China Sea disputes are not exactly a battle of principles, but rather a debate prompted by the fierce competition for limited oil and gas resources.

The Ideology Factor. Despite the overriding economic interests, emotional factors such as ideology should not be underestimated. The competing countries recognize that their self-interest would be served if they negotiate peacefully, as nothing would be gained from outright military aggression. Nonetheless, in China and Vietnam, national pride and a sense of "sacred territory" are implicated as well, especially when territorial disputes, ethnic tension, and border wars between China and Vietnam have continued intermittently for thousands of years. Leaders of both of these post-revolutionary societies remember violations of their territory in the past century by Western powers and Japan, and their sense of righteous indignation has been deeply inculcated in the mind of their populations. Anthropologists may legitimately question whether this indignation has even become part of a "national psyche." Political leaders may be reluctant to show too much flexibility or concession on emotional territorial issues, in deference for this national psyche and sense of ethnocentrism. Even in this era of world trade, nationalism is still an important part of the motives of the other ASEAN countries as well, given their experience with colonialism.

The Military and Political Factor. At present, Beijing seems to hold the strongest power because of its military and economic muscle. Beijing's military spending has been expanding rapidly, and its forces have become more modern. One recent study shows that Beijing, in any conflict in the South China Sea, could immediately call on 45 major surface warships, dozens of submarines, and an infantry brigade, and support them at sea for 30 days. Beijing has also built a new base in the Paracels that can help strengthen its airforce and navy capabilities. Apart from military threats, Beijing may also use economic pressure to retaliate against any potential investor who ignores Beijing's territorial claims. An oil company with extensive investments in China may receive hints that its success in China depends on its sensitivity to China's territorial claims. While other countries may try to exert similar forms of pressure, China's greater economic weight may mean that it is more likely to get its way.

At the same time, both Beijing and Hanoi have unilaterally offered or granted oil and gas concessions to companies in the disputed South China Sea. Vietnam has moved to occupy more of the larger Spratly Islands, and continues to list blocks that are deep inside disputed waters, although all blocks actually contracted have been in areas closer to Vietnam's mainland.

Beijing's various moves have aroused concern in the region. Perhaps partly in response to Beijing's continuous military display, Vietnam recently joined ASEAN as the first communist country admitted to an inter-government organization initially designed to counter the communist bloc. It has been speculated that Vietnam's joining ASEAN will facilitate settlement of the South China Sea claims among the ASEAN group, who will then assert a unified position against China. Further, although the process has been slow, full cooperative relations between Vietnam and the U.S. are being restored. Nonetheless, with the United States' withdrawal from its bases in Subic Bay and Clark Air Force Base in the Philippines, U.S. military influence in the region is perceived (rightly or wrongly) as diminishing. Since Japan has not projected naval power, many observers fear that Beijing will attempt to fill the power vacuum left by the U.S. Against this political backdrop, the South China Sea disputes may be used as a fuse for other conflicts in order to achieve the political agendas of the countries concerned.

The United States' Interest and Role. Obvious social, political, and economic factors may point to the conclusion that the United States has a

strategic interest in the South China Sea. For example, the South China Sea is a crucial international trade and oil supply route utilized by may major American corporations as well as their competitors, Japan. But the U.S.'s capability and willingness to be involved has substantially faded in recent years, thereby creating an even more unstable situation. In any event, official U.S. policy with respect to the South China Sea competing claims is rather vague, and there appears to be no incentive or interest for the U.S. to publicly take any position regarding these disputes, even if the competing countries are U.S. friends and allies. While the U.S. could be expected to encourage the peaceful settlement of disputes to support the interests of U.S.-based companies in the region, many analysts have concluded that the U.S. has neither the immediate concern nor the leverage to influence the outcome of the disputes. This conclusion may change, perhaps, if the volume of American investment in the region substantially increases.

Trend toward the Concept of a Joint Development Zone. Although the territorial disputes in the South China Sea have received quite sensational news coverage and has dominated the international political horizon of the region, disputes of this type are not unusual or unique to the South China Sea. Many of these disputes remain dormant and unresolved, because there is no immediate economic incentive for countries to spur them. Others have been resolved by inter-governmental agreements. These "Joint Development Agreements" typically create "Joint Development Zones" in which the competing countries hold shared interests. Examples of these agreements include the Indonesia-Australia "Timor Gap" treaty, the Japan-South Korea Agreement of 1974, and the Thailand-Malaysia Treaty on the Establishment of the Joint Authority of 1990. These "Joint Development Zones" have increasingly been recognized by the international community as a peaceful alternative to settle the economic and emotional battles of competing sovereignties. The difficulty, of course, lies in attempting to bypass or compromise national interests in order to reach a mutually accepted agreement.

In the early 1990s, UNCLOS status as the contemporary authority on international maritime law has been reverberated by concerned countries, including the U.S. The Convention provides ample support for the "Joint Development Zone" concept. UNCLOS obligates member states (including Vietnam and China) to resolve their Continental Shelf conflicts by agreement, taking into account not only their own interests but also those of the international community. (UNCLOS, Art. 59). UNCLOS is a post-Second World War convention, and has been characterized by international legal scholars as a "peace-making" treaty.

With the "peace-making" nature of UNCLOS in the background, part of the military and diplomatic activities exhibited by Asian governments can be viewed as necessary to set the stage for future arbitration on the competing claims in support of joint development. The present situation should be ripe for negotiations that ultimately should lead to resolution of these disputes. Formal diplomatic relations between China and Vietnam were fully restored in November, 1991. Both sides issued statements that the two nations would strive to resolve their territorial differences amicably. Since then, occasional press reports have recounted both sides' willingness to improve their diplomatic relations and to conduct talks on resolution of the South China Sea disputes. Other ASEAN countries, Vietnam, Indonesia, and Malaysia included, have also reportedly discussed regional cooperation on joint exploration and development.

The time is coming in this decade for UNCLOS to obtain the sufficient ratification/accession instruments from various nations in order to become effective. When the "fallout" period of UNCLOS is over, serious negotiations to resolve the South China Sea disputes can begin in this decade, at the dawn of the twenty first century. Until then, unless the parties submit their disputes to the International Court of Justice or irrevocably commit themselves to resolving the issue by a treaty, ***any resort to international law is purely an academic exercise.*** In reality, with all emotions set aside, it is still the underlying concern with economic needs, rather than the "peace process," that militates against any large-scaled military conflict. As one American oil executive has put it, "*dry holes* will quickly silence all of these territorial claims.*"•

CONCERT

by Vietnamese Arts & Letters Assoc.
and El Modena High

Christmas Around the World

7:00 PM Saturday, Dec. 21, 1996
at El Modena High, Westminster CA

*common colloquial expression referring to lack of commercial discovery in oil and gas exploration. To date, Mobil Corporation has made no public announcement regarding any oil commercial discovery in the controversial Blue Dragon prospect, in which it holds a percentage working interest. Blue Dragon was spudded in the last quarter of 1994.•

JM MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
2110 EAST FIRST STREET #104, SANTA ANA, CA 92705
PHONE: 714-245-2700 • FAX: 714-245-2704

HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:

Bạn có thể muợn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: * Giá trị nhà thấp hơn nợ cũ * Tiền trả hàng tháng cao quá * Bệnh nặng hoặc chết chóc * Không thể trả nỗi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA, VA**, Conv (trên toàn Hoa Kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down

"Lead" prvided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

Đấu giá (BID) nhà của chính phủ hoặc ngân hàng ở những vùng Irvine, Mission Viejo, Fountain Valley, Huntington Beach.

e-mail: jm-mtg-cor@apc.net

Kha John (Pager: 714-571-6885)

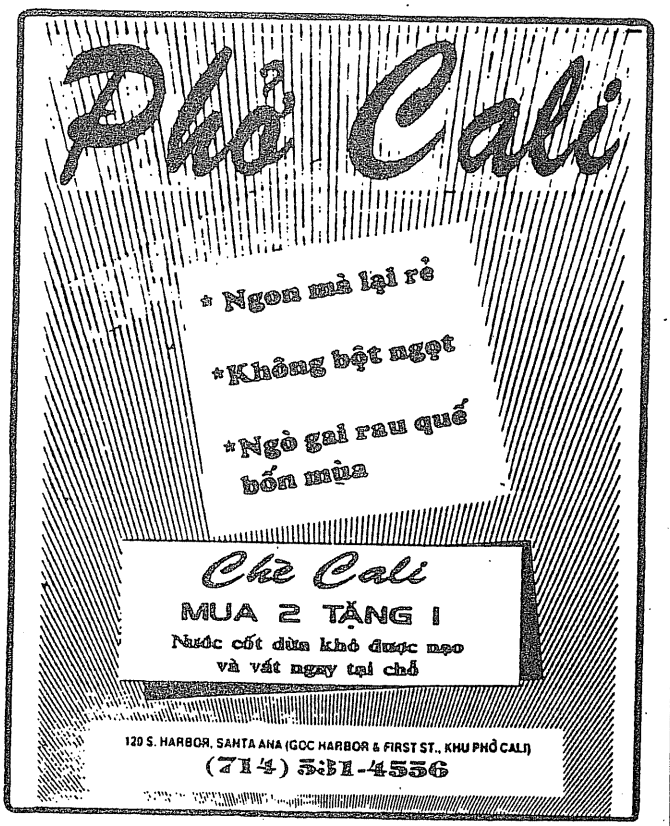

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

Mục đích — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

Ngân quỹ hoạt động — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

Bản tin Green Cross phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) 537-4877

Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX

LASER PRINTERS

TONER CATRIDGES

FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA

THUÊ & LEASE

HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ

NHẬN ĐẾN MỌI NƠI

ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY

ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP

REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ

15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo
vừa vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GẦN HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Quỹ Cứu trợ Bão Lụt cho Việt Nam
Flood Relief Fund for Vietnam (FRF/VN)

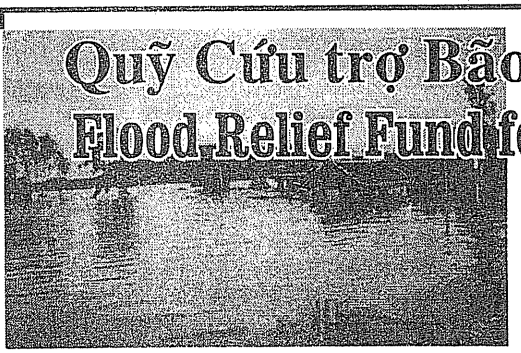

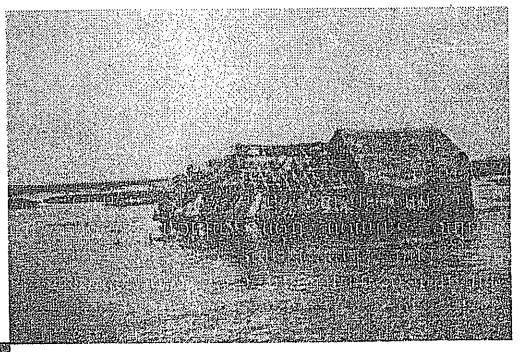

Với sự phối hợp của 4 đoàn thể trẻ:

- **Hội thiện nguyện SAP-VN** (Green Cross)
  Đại diện: Nguyễn Ngọc Thành
- **Hội Ái Hữu Sinh Viên Việt Nam**
  Đại diện: Đinh Ngọc Lệ Hồng
- **Liên đoàn Thanh Niên, Sinh Viên, Học Sinh Việt Nam**
  Đại diện: Vũ Quốc Phong
- **V.I.E.T. Foundation**
  Đại diện: Nguyễn Công Bằng

... và một số thân hữu.

Chủ trương:

TRỢ GIÚP TẬN TAY ĐỒNG BÀO NẠN NHÂN THIÊN TAI, BÃO LỤT.

Địa chỉ liên lạc:

Flood Relief Fund for Vietnam
622 So. Harbor Blvd.
Santa Ana, CA 92704-1340

Phone/Fax: (714) 775-9528
email: floodSOS@aol.com

Xin quí đồng hương vui lòng liên lạc với FRF/VN để biết thêm chi tiết.

Ảnh từ trên xuống:

- Một cảnh lụt ở Thanh Hóa ('96)
- Một buổi phân phối quà cứu trợ ở Kiên An (Kiên Giang, '94).
- Thăm viếng và cứu trợ đồng bào ở Sơn Hòa (Phú Yên, '93)
- Một cảnh lụt ở Châu Đốc ('95).

PHIẾU ỦNG HỘ

Họ và Tên: _____

Địa chỉ: _____

Thành phố: _____ Tiểu bang & Zip: _____

Điện thoại: _____

Số tiền ủng hộ: $_____

** Tax Deductible Receipt issued by SAP-VN*
CA Non-profit ⊙ Federal ID #33-0539755

Chi phiếu và ngân phiếu xin đề tên:
Flood Relief Fund for Vietnam -FRF/VN
622 So. Harbor Blvd., Santa Ana, CA 92704
Phone/Fax (714) 775-9528

Xin giúp FRF/VN bằng cách sao lại bản này và gửi đến các thân hữu hảo tâm. Rất cảm ơn.

NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

VANCO FOODS * LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843
TEL.: **(714) 530-2999**

SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE., WESTMISTER, CA 92683
TEL.: **(714) 531-7272**

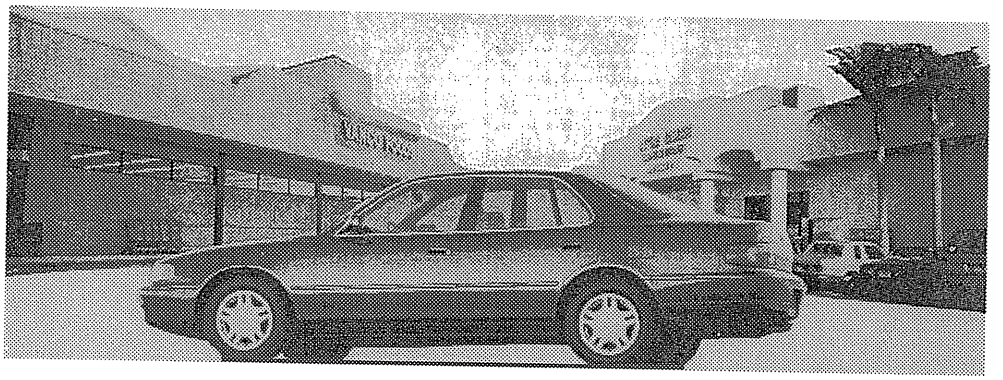

ĐÁP LẠI SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH, TỪ THÁNG 8/1996, SALE VÀ TẶNG THƯỞNG ĐẶC BIỆT NHIỀU LÔ TRÚNG $1000 - $500 - $100 - $50 V.V... VÀ 1 XE TOYOTA CAMRY 96

ĐẶC BIỆT: XỔ SỐ - TẶNG QUÀ ĐEM ĐẾN CHO QUÝ KHÁCH:

Chương trình sổ số đặc biệt của chúng tôi là một món quà để chân thành cám ơn quý vị đã chọn LITTLE SAIGON VÀ VANCO FOODS là ngôi chợ của gia đình.

- **Mọi vé số tặng đều bảo đảm được trúng thưởng và lãnh bằng tiền mặt tại chỗ TỪ $1 ĐẾN $1,000.**
- **Hoặc trúng quà và 1 xe hơi Toyota Camry 1996**

- Chúng tôi cũng thay lời cám ơn quý khách bằng những quà tặng thật giá trị cho mỗi lần đi chợ.
- Quý vị có thể nhận lời cám ơn của Công Ty bằng vé số, quà tặng kết hợp cả hai món quà trên.

Hàng Sale từ 08-08 đến 08-14, 1996

- Rau muống	39¢/Lb
- Sầu riêng trái	$1.49/Lb
- Nho xanh, đỏ	59¢/Lb
- Bún quế lâm	59¢/gói
- Mì tô Đại Hàn	$2.99/thùng
- Cá Bông Lau	$1.39/Lb
- Đùi gà vàng	55 /Lb
- Nạc đùi heo	$1.49/Lb

79¢/EA

và còn nhiều mặt hàng SALE khác tại chợ

ĐẶC BIỆT

Chiên Cá, Hấp Tôm Cua tại chợ.

Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng.

VISA | MasterCard | DISCOVER | ATM

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn **NHẤT**
- Hàng nhiều **NHẤT**
- Thịt, cá, rau tươi **NHẤT**
- Đủ loại hàng thực dụng **NHẤT**
- Giá cả các loại hàng hạ **NHẤT**
- Đã có tặng phẩm nhiều **NHẤT**
- Tiếp đãi ân cần **NHẤT**
- Địa điểm thuận lợi **NHẤT**
- Bãi đậu xe an toàn **NHẤT**
- Và đã được mọi người ưa thích **NHẤT**

MỞ CỬA
7 NGÀY TỪ
8:30AM-9:00PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim